

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ - LUẬT



**MIEN DONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY
UNIVERSITY**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ



Ngành đào tạo: Thương mại điện tử

Mã ngành: 7340122

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

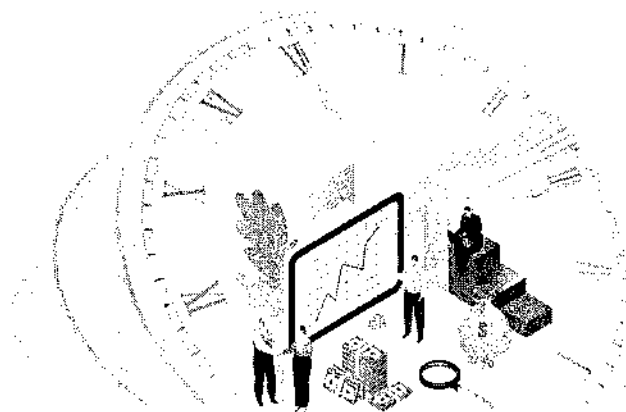
Đồng Nai, tháng 3 năm 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ - LUẬT



MIÊN ĐÔNG
INNOVATIVE TECHNOLOGY
UNIVERSITY

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ



Ngành đào tạo: Thương mại điện tử

Mã ngành: 7340122

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Đồng Nai, tháng 3 năm 2025

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo 04 ngành
trình độ đại học hệ chính quy năm học 2025 – 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

Căn cứ 2168/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc cho phép thành lập Trường Đại học Công nghệ Miền Đông;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Thông tư quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐT ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông;

Căn cứ Biên bản họp ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học Ngành Thiết kế đồ họa;

Căn cứ Biên bản họp ngày 16 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học Ngành Thương mại điện tử;

Căn cứ Biên bản họp ngày 16 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học Ngành Tài chính ngân hàng;

Căn cứ Biên bản họp ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học Ngành Truyền thông đa phương tiện;

Xét đề nghị của Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng Đào tạo đại học – Nghiên cứu khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy của 04 ngành thuộc Trường Đại học Công nghệ Miền Đông bao gồm:

1. Ngành Thương mại điện tử
2. Ngành Tài chính ngân hàng
3. Ngành Truyền thông đa phương tiện
4. Ngành Thiết kế đồ họa

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng từ năm học 2025 - 2026, áp dụng đối với sinh viên đại học hệ chính quy khóa tuyển sinh năm 2025.

Điều 3. Trưởng các Đơn vị liên quan, Trưởng khoa/Các Giám đốc Chương trình đào tạo, các cán bộ giảng dạy và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: HC-NS; ĐTĐH-NCKH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Văn Song

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định Số 66 /QĐ-ĐHCNMĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông)*

Tên chương trình: Cử nhân Thương mại điện tử

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Thương mại điện tử

Mã ngành: 7340122

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử trang bị cho sinh viên kiến thức vững chắc về kinh tế, quản trị kinh doanh và công nghệ số, giúp họ hiểu rõ cách xây dựng, quản lý và phát triển các mô hình kinh doanh trực tuyến. Sinh viên sẽ được học về marketing số, quản lý sản phẩm thương mại điện tử, phân tích dữ liệu lớn, thương mại di động và bảo mật giao dịch. Chương trình kết hợp lý thuyết với thực hành thông qua các dự án thực tế và thực tập tại doanh nghiệp, mở ra cơ hội nghề nghiệp đa dạng như chuyên viên thương mại điện tử, marketing số, phân tích dữ liệu hoặc khởi nghiệp kinh doanh online. Thông tin chung về chương trình đào tạo.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình(Programme): Cử nhân Thương mại điện tử (Bachelor of E - commerce)

Trình độ đào tạo (Level of education): Đại học (undergraduate)

Ngành đào tạo (Major):

+ Tiếng việt: Thương mại điện tử

+ Tiếng Anh: E - Commerce

Mã ngành (Code): 7340122

Loại hình đào tạo (Type of education): Chính quy (Full - time)

Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Công nghệ Miền Đông

Khoa phụ trách: Kinh tế - Quản trị - Luật

Tên văn bằng được cấp sau khi tốt nghiệp:

+ **Tiếng Việt:** Cử nhân Thương mại điện tử

+ **Tiếng Anh:** The Degree of Bachelor in E - Commerce

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1 Tầm nhìn - Sứ mạng – Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông

2.1.1. Tầm nhìn

Trường Đại học Công nghệ Miền Đông phát triển với tầm nhìn là một trường đại học quốc tế, đa ngành, đa lĩnh vực với định hướng mũi nhọn là các ngành kỹ thuật, công nghệ, nông nghiệp công nghệ cao và khoa học sức khỏe. Trường đặt mục tiêu đến năm 2030, trở thành trường đại học toàn cầu, dẫn đầu về kỹ thuật, công nghệ và đổi mới sáng tạo của nước ta, được các đối tác trong nước và quốc tế tín nhiệm, được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định giáo dục quốc tế uy tín.

2.1.2. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường là giáo dục và đào tạo những cá nhân trở thành công dân toàn cầu, có kiến thức, năng lực và đam mê đóng góp để cải thiện bản thân và điều kiện xã hội, truyền cảm hứng cho thế hệ hiện tại và tiếp theo, đồng thời tạo ra những tác động tích cực lâu dài đến sự phát triển nhân loại. Ngoài ra Trường Đại học Công nghệ Miền Đông cũng xác định là nơi đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, kỹ năng, tri thức và tư duy đổi mới, sáng tạo cho đất nước và đặc biệt cho khu vực miền Đông Nam Bộ và tỉnh Đồng Nai.

2.1.3. Mục tiêu chiến lược

Tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp:

Người học của Trường có tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. MIT Uni. là một tổ chức đổi mới trong thị trường giáo dục. Chúng tôi khuyến khích và hỗ trợ các giảng viên và người học nỗ lực và chấp nhận rủi ro khi đưa tư tưởng của họ ra thị trường.

Môi trường trải nghiệm tuyệt vời cho người học:

Môi trường trải nghiệm của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông sẽ giúp các bạn trẻ là người học thực sự trưởng thành ngay trong thời gian học tập tại Trường. Một môi trường với cơ sở vật chất hiện đại, đạt chuẩn quốc tế, khuôn viên rộng lớn, thanh bình. Môi

trường học tập với phương pháp giảng dạy và hướng dẫn trải nghiệm hiện đại với cách tiếp cận AI, làm trước, học sau, đi từ data đến thuật toán. Người học sẽ được truyền cảm hứng để khát khao trải nghiệm, chuyển từ “thầy hỏi trò” sang “trò hỏi thầy” là chính. Bên cạnh đó, việc gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, các công ty, các đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội nhằm tăng tính thực hành và trải nghiệm thực tiễn cho người học, kết nối nguồn lực, đổi mới sáng tạo giúp người học khởi nghiệp.

Môi trường thông minh:

MIT Uni. tạo ra một môi trường giảng dạy và học tập thông minh. Môi trường này giúp người học có một tinh thần đổi mới sáng tạo cao.

Tự do và liêm chính học thuật:

Trường tôn trọng tự do hàn lâm. Các giảng viên ứng xử theo nguyên tắc liêm chính học thuật và tuân thủ các quy tắc nghiên cứu khoa học chuẩn.

2.2. Tầm nhìn – Sứ mệnh của Khoa

2.2.1. Tầm nhìn

Khoa Kinh tế – Quản trị – Luật phấn đấu trở thành một trong số những đơn vị đào tạo và nghiên cứu hàng đầu về kinh tế, quản trị, luật ở Việt Nam đến năm 2030. Với các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

2.2.2. Sứ mệnh

Khoa Kinh tế – Quản trị – Luật là nơi đào tạo nguồn nhân lực bậc cao có chất lượng. Bồi dưỡng người học có kỹ năng, tri thức và tư duy đổi mới, sáng tạo để làm chủ, quản lý, và giải quyết các vấn đề kỹ thuật, công nghệ đáp ứng được yêu cầu của xã hội hiện đại.

2.3. Mục tiêu của chương trình

PG1: Sinh viên tốt nghiệp Cử nhân Thương mại điện tử có kiến thức chuyên sâu về kinh tế, quản trị kinh doanh và công nghệ thông tin, cùng với kiến thức chuyên sâu về thương mại điện tử như marketing số, quản lý sàn thương mại điện tử, phân tích dữ liệu lớn, thương mại di động và an ninh trong giao dịch trực tuyến.

PG2: Sinh viên tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Thương mại điện tử có khả năng xây dựng và vận hành hệ thống thương mại điện tử, tối ưu hóa trải nghiệm người dùng (UX/UI), lập kế hoạch và triển khai chiến lược marketing số, phân tích và xử lý dữ liệu, tư duy phân tích và giải quyết vấn đề trong môi trường kinh doanh số. Thành thạo về tiếng Anh, tin học, kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình.

PG3: Sinh viên tốt nghiệp Cử nhân Thương mại điện tử có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trách nhiệm xã hội, có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự nghiên cứu,

phát triển khả năng bản thân bằng cách tiếp nhận những kiến thức mới qua việc học tập trọn đời.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên tốt nghiệp chương trình Cử nhân Thương mại điện tử phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn đầu ra như sau:

3.1 Về kiến thức và lập luận ngành

Áp dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào phân tích, giải quyết các vấn đề của ngành Thương mại điện tử và kinh tế - xã hội trong thực tiễn. Hoàn thành các kiến thức an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất để tự rèn luyện về tinh thần và thể chất.

Vận dụng các kiến thức cơ bản về toán kinh tế, pháp luật, kinh tế học, kế toán, quản trị, thống kê, marketing để khám phá, giải thích và dự đoán hoạt động của lĩnh vực Thương mại điện tử và hoạt động kinh doanh.

Phân tích được các nguồn lực trong thương mại điện tử nhằm đưa ra các chiến lược kinh doanh hiệu quả.

Đánh giá được những thay đổi, biến động của môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế trong lĩnh vực thương mại điện tử để hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện chiến lược hiệu quả.

3.2 Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân

Sinh viên có năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và khả năng học tập trọn đời. hiểu biết về trách nhiệm xã hội, các vấn đề đạo đức và quyền công dân, từ đó tự chịu trách nhiệm và áp dụng trong các hoạt động kinh doanh trực tuyến.

3.3 Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

Có khả năng kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình. Có tư duy phản biện và toàn diện trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế.

3.4 Năng lực thực hành nghề nghiệp

Truyền đạt ý tưởng bản thân thông qua ngôn ngữ, hình ảnh và văn bản: Có kỹ năng thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu và thông tin kinh doanh trong giải quyết các vấn đề về Thương mại điện tử.

Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với mục tiêu của chương trình như *Bảng 1*

Bảng 1. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Ngành Thương mại điện tử									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
PG1	X	X	X	X	X	X	X			
PG2								X	X	
PG3										X

Chuẩn đầu ra đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển và đánh giá chương trình đào tạo. Các chỉ báo đánh giá của từng chuẩn đầu ra được dùng làm tham chiếu để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình (xem Bảng 2).

Bảng 2. Bảng các chỉ báo của chuẩn đầu ra

Mã hóa CDR (PLO)	Chuẩn đầu ra chương trình	TĐNL (MIT)
A. Chuẩn về kiến thức		
PLO1	<i>Vận dụng được</i> các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội trong thực tiễn	3
PLO2	<i>Áp dụng được</i> các kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học xã hội vào ngành thương mại điện tử.	3
PLO3	<i>Giải thích được</i> các kiến thức về quản trị để áp dụng vào ngành Thương mại điện tử.	3
PLO4	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên sâu về thương mại điện tử, bao gồm: quản lý sản phẩm dịch vụ trực tuyến, marketing kỹ thuật số, quản trị chuỗi cung ứng, thương mại di động và phân tích dữ liệu lớn (Big Data).	4
PLO5	<i>Phân biệt được</i> các nguồn lực trong quản lý để có thể sắp xếp, bố trí hiệu quả hoạt động kinh doanh trực tuyến.	4
PLO6	<i>Phân tích được</i> các nguồn lực trong thương mại điện tử nhằm đưa ra các chiến lược kinh doanh hiệu quả.	4
PLO7	<i>Đánh giá được</i> những thay đổi, biến động của môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế trong lĩnh vực thương mại điện tử để hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện tốt chiến lược kinh doanh.	4
B. Chuẩn về kỹ năng		
PLO8	<i>Thể hiện</i> thành thạo các kỹ năng giao tiếp bằng lời nói và bằng văn bản, hình ảnh.	4

Mã hóa CĐR (PLO)	Chuẩn đầu ra chương trình	TĐNL (MIT)
PLO9	<i>Vận dụng</i> được khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, trong việc giải quyết các vấn đề quản lý thương mại điện tử.	4
C. Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO10	<i>Tích cực</i> tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và khả năng học tập trọn đời.	3

4. VỊ TRÍ VÀ KHẢ NĂNG LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

Với chuẩn đầu ra được xây dựng khoa học phục vụ cho tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật sinh viên tốt nghiệp Chuyên ngành Thương mại điện tử thể hiện đầy đủ phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng và sức khỏe để đảm nhiệm công việc và phát triển nghề nghiệp với tư cách là chuyên gia toàn diện trong ngành Thương mại điện tử, kinh tế và quản trị trong mọi tổ chức.

Sau khi tốt nghiệp ngành Thương mại điện tử, sinh viên có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc đa dạng trong các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước, đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế số phát triển mạnh mẽ. Vị trí công việc có thể trở thành:

Chuyên viên Thương mại điện tử: Quản lý và vận hành các sàn giao dịch thương mại điện tử như Shopee, Lazada, Tiki, Amazon, v.v.

Chuyên viên Marketing số (Digital Marketing): Lên kế hoạch và triển khai các chiến dịch quảng cáo trực tuyến, SEO/SEM, quản lý mạng xã hội và tối ưu hóa nội dung số.

Chuyên viên Quản lý Dự án TMDT: Điều phối và giám sát các dự án phát triển hệ thống thương mại điện tử cho doanh nghiệp.

Chuyên viên Phân tích Dữ liệu (Data Analyst): Thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu lớn để hỗ trợ ra quyết định chiến lược trong kinh doanh.

Chuyên viên Quản lý Chuỗi Cung ứng Số: Điều phối hoạt động logistics và chuỗi cung ứng trong môi trường thương mại điện tử.

Chuyên viên Chăm sóc khách hàng trực tuyến: Quản lý các kênh giao tiếp với khách hàng, đảm bảo chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người dùng.

Nhân viên Kinh doanh Online: Phát triển thị trường và xây dựng hệ thống phân phối sản phẩm trên các nền tảng trực tuyến.

Khởi nghiệp (Start-up): Tự xây dựng và phát triển các mô hình kinh doanh trực tuyến hoặc ứng dụng công nghệ số vào hoạt động thương mại.

Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước về ngành Thương mại điện tử; quản trị kinh doanh để đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

Có thể trở thành cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về Thương mại điện tử, quản trị kinh doanh tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo.

Khối lượng kiến thức toàn Khóa:

Chương trình gồm 124 tín chỉ, trong đó có 116 tín chỉ bắt buộc, 8 tín chỉ tự chọn (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng). Cụ thể:

KHỐI KIẾN THỨC	KIẾN THỨC BẮT BUỘC	KIẾN THỨC TỰ CHỌN	TỔNG
Kiến thức giáo dục đại cương	25	2	27
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	79	6	87
- Kiến thức cơ sở ngành	34	2	36
- Kiến thức ngành	47	4	51
Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	-	10
TỔNG KHỐI LƯỢNG	116	8	124

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1 Thông tin tuyển sinh

Tại website của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông <https://mit.vn/>

5.2 Quy trình đào tạo

Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

Chương trình đào tạo được thiết kế gồm 07 học kỳ tương ứng với 3,5 năm học, gồm 124 tín chỉ.

Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết, điều kiện môn học trước và môn học sau của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

Tất cả sinh viên đều phải tham gia thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, báo cáo kết quả khóa luận trước Hội đồng Khoa học của Khoa.

5.3 Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp:

Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Có trình độ Ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường ĐH Công nghệ Miền Đông.
- Có chứng chỉ Tin học theo quy định hiện hành của Trường ĐH Công nghệ Miền Đông.
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật hiện có tổng số 32 cán bộ, giảng viên: trong đó có 15 Tiến sĩ, 25 Thạc sĩ (xem Bảng 3).

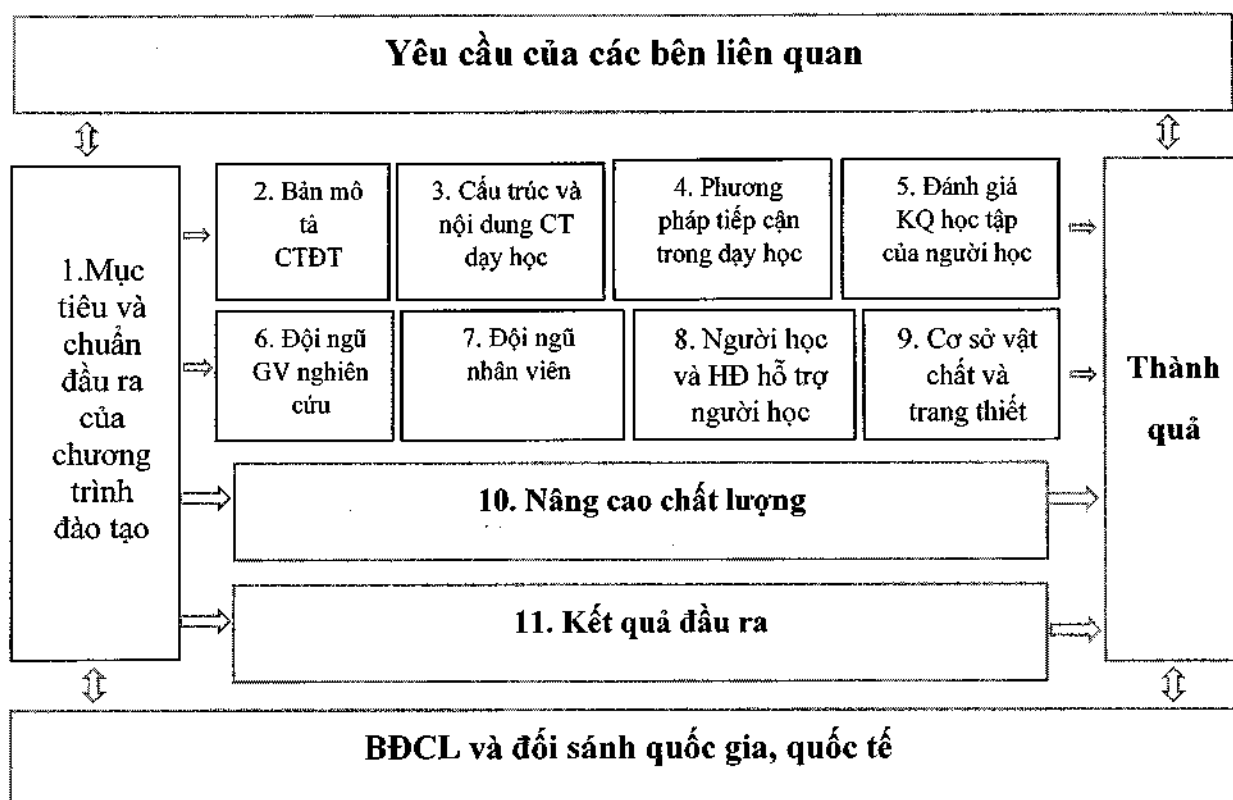
Bảng 3. Thống kê đội ngũ giảng viên của khoa năm 2025

Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Giáo sư	0	0	0
Phó Giáo sư	01	0	0
Tiến sĩ	8	7	15
Thạc sĩ	14	11	25
Đại học	01	0	01
Tổng	24	18	32

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra môn học. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến hành giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình (xem Hình 1)

Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật



Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 4.

Bảng 4. Chiến lược và phương pháp giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt. Đồng thời sinh viên cũng trình bày quan điểm của bản thân hoặc đại diện cho nhóm để đưa ra các nội dung cần thảo luận trước tập thể.	Thuyết giảng/ thuyết trình
	Bằng phương pháp này giáo viên sẽ giải thích và hướng dẫn chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, hoặc các vấn đề trong thực tế xã hội giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu về cả kiến thức và kỹ năng	Giải thích cụ thể
	Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên làm rõ các khái niệm, ý tưởng và các thông tin xoay quanh chủ đề đặc biệt là các vấn đề thực tế; thông qua trao đổi bằng lời nói với bạn học và giảng viên để kết nối các ý tưởng, kinh nghiệm để phản ánh nhiều ý nghĩa của khái niệm hay vấn đề.	Thảo luận

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy gián tiếp	Giáo viên và sinh viên sử dụng các công cụ trực tuyến để hỗ trợ quá trình dạy và học (E learning, M. Teams, Zoom; Trans, Facebook, Zalo ...)	Quản lý sinh viên học tập bằng công nghệ
Học tập trải nghiệm	Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các vấn đề nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc giảng bài hoặc có thể tiến hành theo cá nhân. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản qua các bài thực hành từ đơn giản cho đến phức tạp.	Thực hành
	Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các buổi báo cáo theo chủ đề, trong đó người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những chuyên gia đến từ các doanh nghiệp, tổ chức bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giả, giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chương trình đào tạo.	Báo cáo
	Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các chủ đề được giảng viên giao nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc trình bày bằng slide. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản trong công việc nhóm kể từ năm đầu tiên. Sau đó, họ sẽ được thực hành phương pháp này trong rất nhiều khóa học ở các cấp độ khác nhau.	Làm việc nhóm
Giảng dạy tương tác	Phương pháp này là một quá trình trong đó người ta khám phá suy nghĩ và cảm xúc của người khác bằng cách phản ứng và hành xử như người đó trong tình huống giả lập. Nó có thể liên quan đến các cặp, nhóm hoặc cả lớp. Phương pháp này được sử dụng để kiểm tra quan điểm của người khác và truyền đạt sự hiểu biết. Nó cho phép sinh viên áp dụng các kỹ năng cá nhân và nhóm để đánh giá kiến thức.	Đóng kịch/ nhập vai
	Khi sử dụng phương pháp này, giáo viên sẽ để sinh viên thực hành, diễn thử một số cách ứng xử liên quan đến một tình huống nào đó. Sau đó Giảng viên đưa ra kết luận, định hướng cho sinh viên đâu là cách ứng xử tích cực với tình huống đã đưa ra.	Mô hình ứng xử
Học tập độc lập	Phương pháp này phát triển khả năng tự học của sinh viên để chuẩn bị bài trước buổi học và ôn tập bài sau buổi học.	Đọc và nghiên cứu tài liệu
	Phương pháp này rèn luyện khả năng tư duy độc lập để giải quyết vấn đề/tình huống/bài thực hành được đưa ra trên cơ sở vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học tập, thảo luận với thái độ cầu thị	Thực hiện bài kiểm tra cá nhân
	Phương pháp này phát triển khả năng của sinh viên trong việc lên kế hoạch, tìm hiểu, tổ chức và đánh giá đối với một chủ đề một cách độc lập và chi tiết, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nó còn tăng cường động lực học tập và tích cực tham gia học tập bởi vì sinh viên được cho phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày.	Khóa luận tốt nghiệp

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

8.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần..

8.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi hội thảo, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành ngôn ngữ, và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

8.3. Kiểm tra, đánh giá:

8.3.1. Các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành

* Các học phần chỉ có lý thuyết

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần-ĐHP) bao gồm: Điểm chuyên cần (ĐCC) chiếm trọng số 10%; điểm kiểm tra quá trình (ĐKT) chiếm trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP) chiếm trọng số 60%. Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{ĐHP} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐKT} \times 0.3) + (\text{ĐTHP} \times 0.6)$$

- Điểm chuyên cần của các học phần chỉ có lý thuyết (ĐCC), điểm chuyên cần đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ tham gia học tập của sinh viên. Cách đánh giá điểm chuyên cần và thái độ tham gia học tập (ĐCC):

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Bậc	Số tiết nghỉ học so với số tiết quy định của học phần	Mức cho điểm
1	Không vắng	10 điểm
2	Vắng học $\leq 10\%$	8-9 điểm
3	Vắng học $> 10\% - 15\%$	Từ 6-7 điểm
4	Vắng học $> 15\% - 20\%$	Từ 3-5 điểm
5	Vắng học $> 20\%$	0 điểm chuyên cần và không đủ điều kiện thi KTHP

Chú thích:

- Nghỉ học có lý do thì lấy điểm cận trên.
- Nghỉ học không có lý do thì lấy điểm cận dưới.
- Thái độ học tập của sinh viên được trừ và cộng tối đa 50% số điểm của mỗi bậc.
- Điểm kiểm tra quá trình của các học phần chỉ có lý thuyết (ĐKT). Điểm kiểm tra quá trình là điểm kiểm tra quá trình học tập của sinh viên.
- Điểm kiểm tra quá trình học tập là điểm kiểm tra thường xuyên hoặc giữa kỳ do giảng viên giảng dạy trực tiếp sinh viên đánh giá. Điểm kiểm tra quá trình học tập được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Hình thức kiểm tra quá trình học tập do giảng viên trực tiếp giảng dạy và Khoa, Bộ môn quy định và có sự phê duyệt của Ban giám hiệu và Phòng Đào tạo đại học - Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế.
- Điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP): Điểm thi kết thúc học phần chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, tuân thủ các quy định về tổ chức kỳ thi, ra đề, chấm thi của quy chế này.

8.3.2. Các học phần có cả lý thuyết và thực hành

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần-ĐHP) bao gồm: Điểm chuyên cần (ĐCC) chiếm trọng số 10%, điểm kiểm tra (ĐKT) chiếm trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP) chiếm trọng số 60%. Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{ĐHP} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐKT} \times 0.3) + (\text{ĐTHP} \times 0.6)$$

- Điểm chuyên cần của các học phần có cả lý thuyết và thực hành: Điểm chuyên cần của các học phần có cả lý thuyết và thực hành (ĐCC) bằng trung bình cộng của điểm chuyên cần lý thuyết (ĐCCLT) và điểm chuyên cần thực hành (ĐCCTH) được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐCC} = \frac{(\text{ĐCCLT} + \text{ĐCCTH})}{2}$$

Cách đánh giá điểm chuyên cần và thái độ tham gia học tập (ĐCC)

Bậc	Số tiết nghỉ học so với số tiết quy định của học phần	Mức cho điểm
1	Không vắng	10 điểm
2	Vắng học $\leq 10\%$	8-9 điểm
3	Vắng học $> 10\% - 15\%$	Từ 6-7 điểm
4	Vắng học $> 15\% - 20\%$	Từ 3-5 điểm
5	Vắng học $> 20\%$	0 điểm chuyên cần và không đủ điều kiện thi KTHP

Chú thích:

- Nghỉ học có lý do thì lấy điểm cận trên.
- Nghỉ học không có lý do thì lấy điểm cận dưới.
- Thái độ học tập của sinh viên được trừ và cộng tối đa 50% số điểm của mỗi bậc.
- Điểm kiểm tra quá trình của các học phần có cả lý thuyết và thực hành

Điểm kiểm tra quá trình (ĐKT) bao gồm: điểm kiểm tra quá trình lý thuyết (ĐKTLT), điểm kiểm tra thực hành (ĐKTTH). Điểm quá trình được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{ĐKT} = \frac{\text{ĐKTLT} + \text{ĐKTTH}}{2}$$

Chú thích:

- + Phần lý thuyết: điểm kiểm tra quá trình học tập được đánh giá như (mục 1.1.2).
- + Phần thực hành: Sinh viên dự ít nhất 50% số lần kiểm tra theo quy định. Trung bình cộng điểm của các bài thực hành trong học phần, được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm phần thực hành. Điểm phần thực hành được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10).
- Điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP): Điểm thi kết thúc học phần chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, tuân thủ các quy định về tổ chức kỳ thi, ra đề, chấm thi của quy chế này.

8.3.3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

8.4. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

8.5 Một số Rubric đánh giá trong chương trình

Mẫu Rubric đánh giá bài trình bày luận văn

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ - LUẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐỀ TÀI KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP SINH VIÊN (GVHD)

Họ và tên GVHD:

Họ tên sinh viên:

Mã sinh viên:

Đề tài:

Tiêu chí đánh giá	Điểm	1 – Yếu	2 – Trung bình	3 – Khá	4 – Giỏi
Mục tiêu (Tính thực tiễn hoặc chuyên môn) của đề tài		- Không có mục tiêu cụ thể. - Không xác định rõ các vấn đề cần giải quyết. - Không có ý tưởng mới.	- Mục tiêu không rõ ràng, không thực tế. - Chưa xác định rõ các vấn đề cần giải quyết. - Không có ý tưởng mới.	- Mục tiêu rõ ràng. - Xác định rõ các vấn đề cần giải quyết. - Không có ý tưởng mới.	- Mục tiêu rõ ràng. - Xác định rõ các vấn đề cần giải quyết. - Có ý tưởng mới cấp đơn vị trở lên.
Phương pháp nghiên cứu		- Không tìm hiểu tổng quan trong và ngoài nước. - Không phân tích, lập luận để chọn phương pháp.	- Tìm hiểu tổng quan trong và ngoài nước. - Không phân tích lý do chọn phương pháp thực hiện.	- Tìm hiểu tổng quan trong và ngoài nước. - Phân tích, lập luận có cơ sở rõ ràng, tin cậy để chọn phương pháp tối ưu.	- Tìm hiểu tổng quan trong và ngoài nước. - Phân tích, lập luận sắc sảo, có cơ sở rõ ràng, tin cậy để chọn phương pháp tối ưu; Có cải tiến mới.
Kết quả		- Hoàn thành dưới 50% mục tiêu, nội dung đề ra. - Không đánh giá kết quả. - Không có số liệu.	- Hoàn thành 50% - 75% mục tiêu, nội dung đề ra. - Có đánh giá nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng. - Số liệu chưa thuyết phục.	- Hoàn thành 75% - 95% mục tiêu, nội dung đề ra. - Có đánh giá kết quả, đáp ứng mục tiêu. - Minh chứng số liệu rõ ràng, tin cậy.	- Hoàn thành 95% - 100% mục tiêu, nội dung đề ra. - Có đánh giá kết quả, đáp ứng mục tiêu. - Minh chứng số liệu rõ ràng, tin cậy.

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Tiêu chí đánh giá	Điểm	1 – Yếu	2 – Trung bình	3 – Khá	4 – Giỏi
Tác phong thái độ làm việc		- Sinh viên không gặp gỡ GVHD. - Không trao đổi các vấn đề về đề tài. - Chấp hành không tốt các yêu cầu của giảng viên.	- Sinh viên ít gặp gỡ GVHD (khoảng 2 tuần 1 lần). - Ít trao đổi các vấn đề về đề tài. - Chấp hành các yêu cầu của giảng viên.	- Sinh viên gặp gỡ trao đổi với GVHD (khoảng 1 tuần 1 lần). - Có trao đổi các vấn đề về đề tài. - Chấp hành các yêu cầu của giảng viên.	- Sinh viên thường xuyên trao đổi với GVHD. - Tích cực trao đổi các vấn đề về đề tài. - Chấp hành tốt các yêu cầu của giảng viên
Kỹ năng viết báo cáo		- Sai nhiều lỗi chính tả (trên 15 lỗi). - Văn phong không mạch lạc rõ ràng, gây khó khăn cho người đọc hiểu vấn đề. - Trình bày chưa đúng theo yêu cầu trình bày của khoa.	- Sai nhiều lỗi chính tả (khoảng 10-15 lỗi). - Văn phong không mạch lạc, rõ ràng. - Trình bày đúng các yêu cầu về bố cục, định dạng của khoa.	- Sai ít lỗi chính tả (khoảng 4-9 lỗi). - Văn phong mạch lạc, rõ ràng. - Trình bày đúng các yêu cầu về bố cục, định dạng của khoa.	- Không sai lỗi chính tả (hoặc rất ít dưới 3 lỗi). - Văn phong mạch lạc, rõ ràng, dễ hiểu. - Trình bày đúng tất cả các yêu cầu về bố cục, định dạng của khoa.
- Tổng điểm: - Điểm quy đổi: (Tổng điểm) / 2 =					

Đồng Nai, ngày tháng năm 20.....

Người đánh giá

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cấu trúc của chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

9.1 Khối lượng kiến thức toàn khoá

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	27
1.1	<i>A.1 Lý luận chính trị</i>	11
1.2	<i>A.2 Khoa học xã hội</i>	6
1.3	<i>A.3 Khoa học tự nhiên</i>	6
1.4	<i>A.4 Ngoại ngữ</i>	4
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	97
2.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	36
2.2	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	51
2.3	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	10
Tổng		124

9.2 Danh mục học phần

Stt	Mã MH	Học phần	Học phần (Tên tiếng Anh)	Bắt buộc	Số TC
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG					27
	<i>A.1 Lý luận chính trị</i>				11
1	06CQ0001	Triết học Mác – Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	x	3
2	06CQ0002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	x	2
3	06CQ0003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	x	2
4	06CQ0004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	x	2
5	06CQ0005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hochiminh Ideology	x	2
	<i>A.2 Khoa học xã hội</i>				6
1	06CQ0006	Pháp luật đại cương	Fundamentals of Laws	x	2
2	06CQ0009	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Research Methodology	x	2
		Tự chọn 1/2		x	2
3	06CQ0020	Văn hoá doanh nghiệp	Business culture		2
4	06CQ0535	Giao tiếp trong kinh doanh	Business communication		2
	<i>A.3 Khoa học tự nhiên</i>				6
1	06CQ0536	Toán giải tích	Advanced Mathematics	x	2
2	06CQ0035	Toán kinh tế	Mathematics for Economics	x	2
3	06CQ1114	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	Statistics for Economics and Business	x	2
	<i>A.4 Ngoại ngữ</i>				4
1	06CQ1110	Tiếng Anh 1	English 1	x	4
2	06CQ1100	Tiếng Anh 2 (*)	English 2 (*)	x	4
3	06CQ1101	Tiếng Anh 3 (*)	English 3 (*)	x	4
4	06CQ1102	Tiếng Anh 4 (*)	English 4 (*)	x	4
5	06CQ1103	Tiếng Anh 5 (*)	English 5 (*)	x	4
6	06CQ1104	Tiếng Anh 6 (*)	English 6 (*)	x	4

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Stt	Mã MH	Học phần	Học phần (Tên tiếng Anh)	Bắt buộc	Số TC
	A.5 Kỹ năng hỗ trợ (*)				6
1	06CQ1105	Kỹ năng tư duy học tập và làm việc	<i>Skills for learning and working</i>	x	2
2	06CQ1106	Truyền đạt, giao tiếp, ứng xử	<i>Communication, presentation, and interpersonal skills</i>	x	2
3	06CQ1107	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	<i>Innovation and entrepreneurship</i>	x	2
	A.6 Giáo dục thể chất (*)				4
1	06CQ0053	Quần vợt	<i>Tennis</i>		2
2	06CQ0055	Bóng đá	<i>Football</i>		2
3	06CQ0056	Bóng chuyền	<i>Volleyball</i>		2
4	06CQ0057	Cầu lông	<i>Badminton</i>		2
5	06CQ0058	Bóng rổ	<i>Basketball</i>		2
6	06CQ0714	Đá cầu	<i>Shuttlecock Kicking</i>		2
7	06CQ0715	Điền kinh	<i>Athletics</i>		2
8	06CQ0716	Cờ vua	<i>Chess</i>		2
9	06CQ0717	Bơi	<i>Swimming</i>		2
10	06CQ0936	Boxing - Kickboxing	<i>Boxing - Kickboxing</i>		2
	A.7 Giáo dục quốc phòng (*)				(165T)
1	06CQ0061	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam		x	
2	06CQ0062	Công tác quốc phòng và an ninh		x	
3	06CQ0063	Quản sự chung		x	
4	06CQ0064	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		x	
	A.8 Tin học (*)				6
1	06CQ1108	Tin học ứng dụng	<i>Introduction to artificial intelligence and its applications</i>	x	2
2	06CQ1112	Tin học ứng dụng – Thực hành	<i>Introduction to artificial intelligence and its applications - Practice</i>	x	3
3	06CQ1109	Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng	<i>Applied informatics</i>	x	2
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP					95
	B.1 Kiến thức cơ sở ngành				36
1	06CQ0130	Kinh tế vi mô	Macro Economics	x	3
2	06CQ0132	Kinh tế vĩ mô	Macro Economics	x	3
3	06CQ0956	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	x	3
4	06CQ0233	Quản trị học	Management	x	3
5	06CQ0229	Tài chính tiền tệ	Monetary Finance	x	3
6	06CQ0230	Marketing căn bản	Basic Marketing	x	3
7	06CQ0537	Pháp luật về Chủ thể kinh doanh	Business Laws	x	3
8	06CQ1194	Cơ sở công nghệ thông tin	Fundamentals of Information Technology	x	2
9	06CQ0221	Pháp luật trong TMDT	Legal issues in E - Commerce	x	2
10	06CQ0555	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Enterprise Financial management	x	2
11	06CQ0574	Nghệ thuật lãnh đạo	Leadership	x	2
12	06CQ0572	Quản trị vận hành	Operations management	x	2
13	06CQ0575	Quản trị marketing	Marketing management	x	3

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Stt	Mã MH	Học phần	Học phần (Tên tiếng Anh)	Bắt buộc	Số TC
		Tự chọn 1/2		x	2
14	06CQ0581	Khởi nghiệp và ứng dụng	Startup and entrepreneurship		2
15	06CQ0543	Thanh toán quốc tế	International Payment		2
16	06CQ0980	Quản trị vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông	Problem management and media crisis handling		2
	B.2 Kiến thức chuyên ngành				51
1	06CQ1195	Marketing kỹ thuật số	Digital Marketing	x	3
2	06CQ1067	Thương mại điện tử cơ bản	Basic E-commerce	x	3
3	06CQ0726	Tiền số và công nghệ Blockchain	Cryptocurrencies and Blockchain technology	x	3
5	06CQ0546	Thuế	Taxation	x	2
6	06CQ1196	Thương mại quốc tế	International Trade	x	3
7	06CQ1197	Quản trị tác nghiệp TMĐT	E-Commerce Operation Management	x	2
8	06CQ1198	Tiếng Anh CN E-Commerce	English for E-Commerce	x	3
9	06CQ0730	Phát triển hệ thống TMĐT	Developing Electronic Commerce System	x	2
10	06CQ0731	An toàn bảo mật thông tin	Information security	x	2
11	06CQ0736	Kế toán tài chính	Financial Accounting	x	3
12	06CQ1199	Chiến lược kinh doanh trong TMĐT	Strategy for E – Commerce	x	2
13	06CQ0578	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	Ex-Import Operation	x	2
14	06CQ1200	E - Logistics	E - Logistics	x	3
15	06CQ1201	Thanh toán trong TMĐT	Payment for E – Commerce	x	3
16	06CQ1202	Mạng xã hội	Social Networks	x	2
17	06CQ1203	Giao dịch thương mại điện tử: Lý thuyết và thực hành	E - Commerce Transaction: Theory and Practice	x	3
18	06CQ0737	Phát triển ứng dụng trên di động	Mobile app development	x	3
		Chọn 2/4		x	4
19	06CQ0587	Thị trường chứng khoán	Stock Market		2
20	06CQ0585	Quản trị bán hàng	Sales management		2
21	06CQ1205	Chính phủ điện tử	E – government		2
22	06CQ1206	Nghiệp vụ Hải quan	Customs practice		2
	B.3 Tốt nghiệp			x	10
1	06CQ1128	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	Final Thesis and Graduation Project		10
Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp học thay thế 05 học phần thuộc Kiến thức chuyên sâu:					
2	06CQ0742	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính	Financial Big Data Analytics		2
3	06CQ0743	Quản trị dự án khởi nghiệp	Start-up project management		2
4	06CQ1207	Quản trị doanh nghiệp thương mại	Commercial Enterprise Management		2
5	06CQ0745	Quản lý dữ liệu tài chính & UD	Financial Data Management and Application		2
6	06CQ1208	Hội nhập kinh tế quốc tế	International Economic Integration		2
Tổng cộng					124

Chú ý: Những học phần đánh dấu () không tính vào số tín chỉ trong chương trình*

9.3 Kế hoạch đào tạo

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Học kỳ						
				I	II	III	IV	V	VI	VII
1	06CQ0001	Triết học Mác – Lênin	x	⊙						
2	06CQ0002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x		⊙					
3	06CQ0003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x		⊙					
4	06CQ0004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x			⊙				
5	06CQ0005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x			⊙				
6	06CQ0006	Pháp luật đại cương	x	⊙						
7	06CQ0009	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x				⊙			
8	06CQ0020	Văn hoá doanh nghiệp		⊙						
9	06CQ0535	Giao tiếp trong kinh doanh		⊙						
10	06CQ0536	Toán giải tích	x	⊙						
11	06CQ0035	Toán kinh tế	x		⊙					
12	06CQ1114	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	x			⊙				
13	06CQ1110	Tiếng Anh 1	x	⊙						
14	06CQ1100	Tiếng Anh 2 (*)	x		⊙					
15	06CQ1101	Tiếng Anh 3 (*)	x			⊙				
16	06CQ1102	Tiếng Anh 4 (*)	x				⊙			
17	06CQ1103	Tiếng Anh 5 (*)	x					⊙		
18	06CQ1104	Tiếng Anh 6 (*)	x						⊙	
19	06CQ1105	Kỹ năng tư duy học tập và làm việc	x		⊙					
20	06CQ1106	Truyền đạt, giao tiếp, ứng xử	x			⊙				
21	06CQ1107	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	x				⊙			
22	06CQ0053	Quần vợt								
23	06CQ0055	Bóng đá								
24	06CQ0056	Bóng chuyền								
25	06CQ0057	Cầu lông								
26	06CQ0058	Bóng rổ								
27	06CQ0714	Đá cầu								
28	06CQ0715	Điền kinh								
29	06CQ0716	Cờ vua								
30	06CQ0717	Bơi								
31	06CQ0936	Boxing - Kickboxing								
32	06CQ0061	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	x							
33	06CQ0062	Công tác quốc phòng và an ninh	x							
34	06CQ0063	Quân sự chung	x							
35	06CQ0064	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	x							
36	06CQ1108	Tin học ứng dụng	x		⊙					
37	06CQ1112	Tin học ứng dụng – Thực hành	x		⊙					
38	06CQ1109	Giới thiệu Tri tuệ nhân tạo và các ứng dụng	x			⊙				

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Học kỳ						
				I	II	III	IV	V	VI	VII
39	06CQ0130	Kinh tế vi mô	x	⊙						
40	06CQ0132	Kinh tế vĩ mô	x		⊙					
41	06CQ0956	Nguyên lý kế toán	x			⊙				
42	06CQ0233	Quản trị học	x			⊙				
43	06CQ0229	Tài chính tiền tệ	x					⊙		
44	06CQ0230	Marketing căn bản	x		⊙					
45	06CQ0537	Pháp luật về Chủ thể kinh doanh	x			⊙				
46	06CQ1194	Cơ sở công nghệ thông tin	x		⊙					
47	06CQ0221	Pháp luật trong Thương mại điện tử	x					⊙		
48	06CQ0555	Quản trị tài chính doanh nghiệp	x					⊙		
49	06CQ0574	Nghệ thuật lãnh đạo	x						⊙	
50	06CQ0572	Quản trị vận hành	x						⊙	
51	06CQ0575	Quản trị marketing	x				⊙			
52	06CQ0581	Khởi nghiệp và ứng dụng						⊙		
53	06CQ0543	Thanh toán quốc tế						⊙		
54	06CQ1195	Marketing kỹ thuật số	x						⊙	
55	06CQ1067	Thương mại điện tử cơ bản	x				⊙			
56	06CQ0726	Tiền số và công nghệ Blockchain	x				⊙			
57	06CQ0546	Thuế	x				⊙			
58	06CQ1196	Thương mại quốc tế	x					⊙		
59	06CQ1197	Quản trị tác nghiệp Thương mại điện tử	x						⊙	
60	06CQ1198	Tiếng Anh chuyên ngành E-Commerce	x						⊙	
61	06CQ0730	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	x						⊙	
62	06CQ0731	An toàn bảo mật thông tin	x					⊙		
63	06CQ0736	Kế toán tài chính	x				⊙			
64	06CQ1199	Chiến lược kinh doanh trong TMĐT	x						⊙	
65	06CQ0578	Nghị vụ xuất nhập khẩu	x					⊙		
66	06CQ1200	E - Logistics	x					⊙		
67	06CQ1201	Thanh toán trong thương mại điện tử	x						⊙	
68	06CQ1202	Mạng xã hội	x						⊙	
69	06CQ1203	Giao dịch thương mại điện tử: Lý thuyết và thực hành	x					⊙		
70	06CQ0980	Quản trị vấn đề và xử lý khủng hoảng TT						⊙		
71	06CQ1204	Phát triển ứng dụng Thương mại điện tử	x							⊙
72	06CQ0587	Thị trường chứng khoán								⊙
73	06CQ0585	Quản trị bán hàng								⊙
74	06CQ1205	Chính phủ điện tử								⊙
75	06CQ1206	Nghị vụ Hải quan								⊙
76	06CQ1240	Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp	x							⊙

9.4 Kế hoạch học tập**Học kỳ 1: Năm học thứ nhất**

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0001	Triết học Mác – Lênin	x	3
2	06CQ0006	Pháp luật đại cương	x	2
3	06CQ0536	Toán giải tích	x	2
4	06CQ0130	Kinh tế vi mô	x	3
5	06CQ1110	Tiếng Anh 1	x	4
6	06CQ0020	Văn hoá doanh nghiệp	Tự chọn 1/2	2
7	06CQ0535	Giao tiếp trong kinh doanh		2
8	06CQ0061	<i>Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN</i>	x	
9	06CQ0062	<i>Công tác quốc phòng và an ninh</i>	x	
10	06CQ0063	<i>Quân sự chung</i>	x	
11	06CQ0064	<i>Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật</i>	x	
TỔNG CỘNG			16 TC Tích lũy	

Học kỳ 2: Năm học thứ nhất

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x	2
2	06CQ0003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	2
3	06CQ0035	Toán kinh tế	x	2
4	06CQ0132	Kinh tế vĩ mô	x	3
5	06CQ0230	Marketing căn bản	x	3
6	06CQ1194	Cơ sở công nghệ thông tin	x	2
7	06CQ1108	<i>Tin học ứng dụng</i>	x	2
8	06CQ1112	<i>Tin học ứng dụng – Thực hành</i>	x	2
9	06CQ1100	<i>Tiếng Anh 2 (*)</i>	x	4
10	06CQ1105	<i>Kỹ năng tư duy học tập và làm việc</i>	x	2
11	06CQ0053	<i>Quần vợt</i>		2
12	06CQ0055	<i>Bóng đá</i>		2
13	06CQ0056	<i>Bóng chuyền</i>		2
14	06CQ0057	<i>Cầu lông</i>		2
15	06CQ0058	<i>Bóng rổ</i>		2
TỔNG CỘNG			14 TC Tích lũy	

Học kỳ 3: Năm học thứ hai

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	2
2	06CQ0005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	2
3	06CQ1114	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	x	2
4	06CQ0956	Nguyên lý kế toán	x	3
5	06CQ0233	Quản trị học	x	3
6	06CQ0537	Pháp luật về Chủ thể kinh doanh	x	3
7	06CQ1109	<i>Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng</i>	x	2
8	06CQ1101	<i>Tiếng Anh 3 (*)</i>	x	4
9	06CQ1106	<i>Truyền đạt, giao tiếp, ứng xử</i>	x	2
10	06CQ0714	<i>Đá cầu</i>		2
11	06CQ0715	<i>Điền kinh</i>		2
12	06CQ0716	<i>Cờ vua</i>		2
13	06CQ0717	<i>Bơi</i>		2
14	06CQ0936	<i>Boxing - Kickboxing</i>		2
TỔNG CỘNG			15 TC Tích lũy	

Học kỳ 4: Năm học thứ hai

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0009	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x	2
2	06CQ0575	Quản trị marketing	x	3
3	06CQ1067	Thương mại điện tử cơ bản	x	3
4	06CQ0726	Tiền số và công nghệ Blockchain	x	3
5	06CQ0546	Thuế	x	2
6	06CQ1196	Thương mại quốc tế	x	3
7	06CQ0736	Kế toán tài chính	x	3
8	06CQ1102	Tiếng Anh 4 (*)	x	4
TỔNG CỘNG			19 TC Tích lũy	

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Học kỳ 5: Năm học thứ ba

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0229	Tài chính tiền tệ	x	3
2	06CQ0221	Pháp luật trong Thương mại điện tử	x	2
3	06CQ0555	Quản trị tài chính doanh nghiệp	x	2
4	06CQ0731	An toàn bảo mật thông tin	x	2
5	06CQ0578	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	x	2
6	06CQ1200	E - Logistics	x	3
7	06CQ1203	Giao dịch TMĐT: Lý thuyết và thực hành	x	3
8	06CQ0543	Thanh toán quốc tế	Tự chọn 1/2	2
9	06CQ0581	Khởi nghiệp và ứng dụng		2
10	06CQ1103	Tiếng Anh 5 (*)	x	4
11	06CQ1107	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	x	2
TỔNG CỘNG			19 TC Tích lũy	

Học kỳ 6: Năm học thứ ba

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0574	Nghệ thuật lãnh đạo	x	2
2	06CQ0572	Quản trị vận hành	x	2
3	06CQ1195	Marketing kỹ thuật số	x	3
4	06CQ1197	Quản trị tác nghiệp Thương mại điện tử	x	2
5	06CQ1198	Tiếng Anh chuyên ngành E-Commerce	x	3
6	06CQ0730	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	x	3
7	06CQ1199	Chiến lược kinh doanh trong TMĐT	x	2
8	06CQ1202	Mạng xã hội	x	2
9	06CQ1104	Tiếng Anh 6 (*)	x	4
TỔNG CỘNG			19 TC Tích lũy	

Học kỳ 7: Năm học thứ tư

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ1201	Thanh toán trong thương mại điện tử	x	3
2	06CQ0587	Thị trường chứng khoán	Tự chọn 2/4	2
3	06CQ0585	Quản trị bán hàng		2
4	06CQ1205	Chính phủ điện tử		2
5	06CQ1206	Nghiệp vụ Hải quan		2
6	06CQ1240	Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp TMĐT		10
Sinh viên không làm khoá luận tốt nghiệp học thay thế				
1	06CQ0742	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính		2
2	06CQ0743	Quản trị dự án khởi nghiệp		2
3	06CQ1207	Quản trị doanh nghiệp thương mại		2
4	06CQ0745	Quản lý dữ liệu tài chính & Ứng dụng		2
5	06CQ1208	Hội nhập kinh tế quốc tế		2
TỔNG CỘNG			17 TC Tích lũy	

9.5 Ma trận tích hợp môn học – chuẩn đầu ra chương trình

Stt	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra PLO									
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
1	06CQ0001	Triết học Mác – Lênin	X							X		X
2	06CQ0002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	X							X		X
3	06CQ0003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X							X		X
4	06CQ0004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X							X		X
5	06CQ0005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X							X		X
6	06CQ0006	Pháp luật đại cương		X						X		X
7	06CQ0009	Phương pháp nghiên cứu khoa học		X						X		X
8	06CQ0020	Văn hoá doanh nghiệp		X						X		X
9	06CQ0535	Giao tiếp trong kinh doanh		X						X		X
10	06CQ0536	Toán giải tích		X						X		X
11	06CQ0035	Toán kinh tế		X						X		X

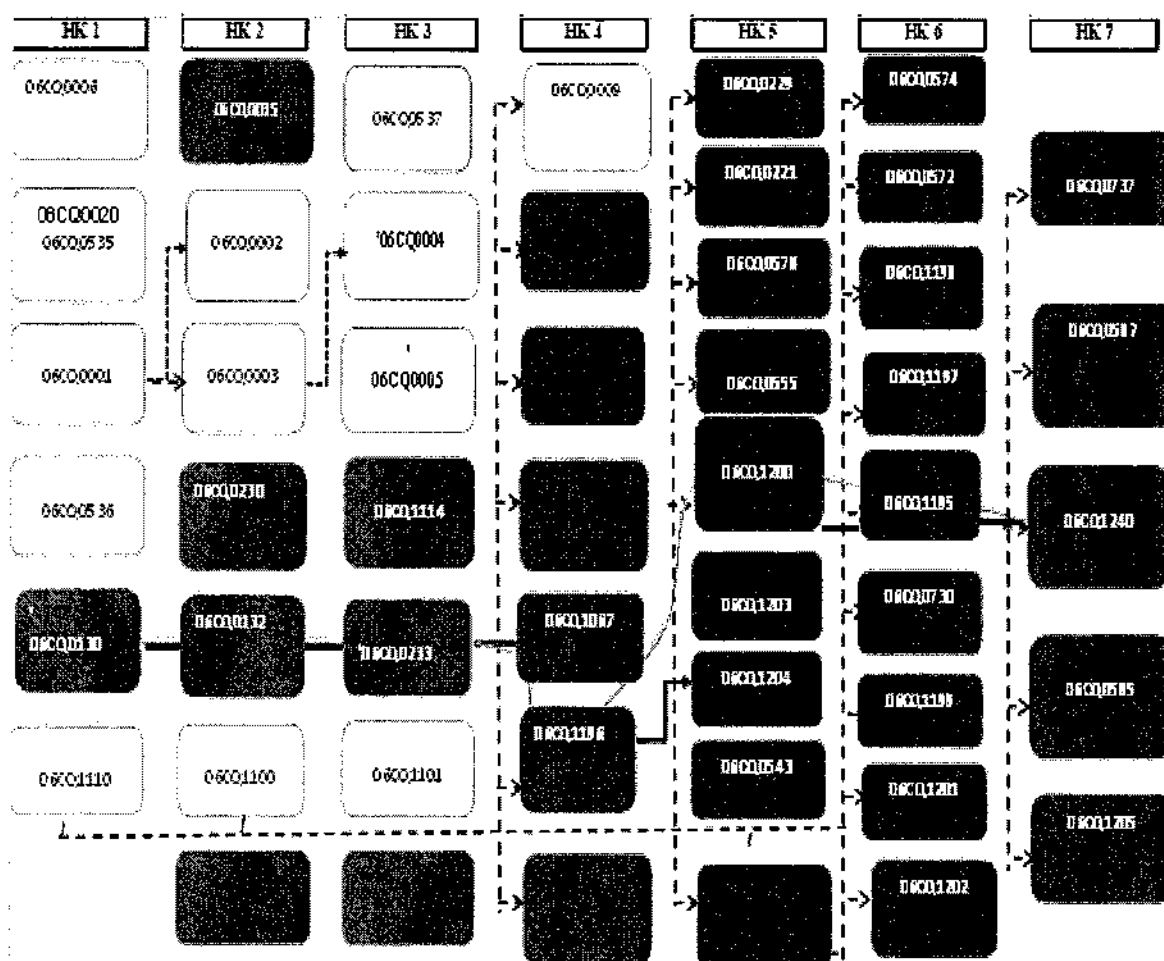
BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Stt	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra PLO									
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
12	06CQ1114	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh		X						X		X
13	06CQ1110	Tiếng Anh 1								X		X
14	06CQ1100	Tiếng Anh 2 (*)								X		X
15	06CQ1101	Tiếng Anh 3 (*)								X		X
16	06CQ1102	Tiếng Anh 4 (*)								X		X
17	06CQ1103	Tiếng Anh 5 (*)								X		X
18	06CQ1104	Tiếng Anh 6 (*)								X		X
19	06CQ1105	Kỹ năng tư duy học tập và làm việc								X		X
20	06CQ1106	Truyền đạt, giao tiếp, ứng xử								X		X
21	06CQ1107	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp								X		X
22	06CQ0053	Quần vợt								X		X
23	06CQ0055	Bóng đá								X		X
24	06CQ0056	Bóng chuyền								X		X
25	06CQ0057	Cầu lông								X		X
26	06CQ0058	Bóng rổ								X		X
27	06CQ0714	Đá cầu								X		X
28	06CQ0715	Điền kinh								X		X
29	06CQ0716	Cờ vua								X		X
30	06CQ0717	Bơi								X		X
31	06CQ0936	Boxing - Kickboxing								X		X
32	06CQ0061	Đường lối QP&AN của ĐCSVN								X		X
33	06CQ0062	Công tác quốc phòng và an ninh								X		X
34	06CQ0063	Quân sự chung								X		X
35	06CQ0064	Kỹ thuật chiến đấu BB&CT								X		X
36	06CQ1108	Tin học ứng dụng								X		X
37	06CQ1112	Tin học ứng dụng – Thực hành								X		X
38	06CQ1109	Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các UD										
39	06CQ0130	Kinh tế vi mô			X					X		X
40	06CQ0132	Kinh tế vĩ mô			X					X		X
41	06CQ0956	Nguyên lý kế toán			X	X				X		X
42	06CQ0233	Quản trị học			X					X		X
43	06CQ0229	Tài chính tiền tệ			X	X				X		X

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Stt	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra PLO									
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
44	06CQ0230	Marketing căn bản			X	X				X		X
45	06CQ0537	Pháp luật về Chủ thể kinh doanh			X	X				X		X
46	06CQ1194	Cơ sở công nghệ thông tin			X	X						X
47	06CQ0221	Pháp luật trong Thương mại điện tử		X		X						X
48	06CQ0555	Quản trị tài chính doanh nghiệp		X			X					X
49	06CQ0574	Nghệ thuật lãnh đạo			X	X		X				X
50	06CQ0572	Quản trị vận hành			X	X		X				X
51	06CQ0575	Quản trị marketing						X		X		X
52	06CQ0581	Khởi nghiệp và ứng dụng			X	X		X		X	X	X
53	06CQ0543	Thanh toán quốc tế		X						X		X
54	06CQ1195	Marketing kỹ thuật số						X	X			X
55	06CQ1067	Thương mại điện tử		X					X		X	X
56	06CQ0726	Tiền số và công nghệ Blockchain			X	X				X	X	X
57	06CQ0546	Thuế		X						X		X
58	06CQ1196	Thương mại quốc tế					X	X				X
59	06CQ1197	Quản trị tác nghiệp Thương mại điện tử					X	X				X
60	06CQ1198	Tiếng Anh chuyên ngành E-Commerce									X	X
61	06CQ0730	Phát triển hệ thống thương mại điện tử		X		X	X	X				X
62	06CQ0731	An toàn bảo mật thông tin		X				X		X		X
63	06CQ0736	Kế toán tài chính		X				X		X		X
64	06CQ1199	Chiến lược kinh doanh trong TMĐT					X	X				X
65	06CQ0578	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu			X	X	X					X
66	06CQ1200	E - Logistics			X	X		X		X	X	X
67	06CQ1201	Thanh toán trong thương mại điện tử						X	X			X
68	06CQ1202	Mạng xã hội			X	X						X
69	06CQ1203	Giao dịch TMĐT: Lý thuyết và thực hành						X	X			X
70	06CQ0980	Quản trị vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông							X	X		X
71	06CQ1204	Phát triển ứng dụng TMĐT						X	X			X
72	06CQ0587	Thị trường chứng khoán					X	X	X	X		X
73	06CQ0585	Quản trị bán hàng		X		X		X	X			X
74	06CQ1205	Chính phủ điện tử				X	X					X
75	06CQ1206	Nghiệp vụ Hải quan					X	X				X

9.6 Sơ đồ Chương trình đào tạo



Ghi chú:

Môn học đại cương

Môn học cơ sở ngành

Môn học chuyên ngành

-----> Môn học trước

————> Môn học tiên quyết

————> Đường xương sống Ngành

9.7 Tóm tắt Chương trình đào tạo

Chương trình đại học ngành Thương mại điện tử là ngành học chủ đạo của Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao có đầy đủ kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như có phẩm chất chính trị và đạo đức kinh doanh tốt để tham gia vào thế giới kinh doanh quốc tế hiện đại, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay. Bằng Cử nhân Thương mại điện tử sẽ tạo ra một nền tảng vững chắc để sinh viên có thể đón đầu thách thức và nắm bắt cơ hội khi làm việc trong môi trường kinh doanh đa dạng, luôn thay đổi, vận động theo nhiều hướng khác nhau.

Chương trình đồng thời chú trọng rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về tin học, ngoại ngữ cũng như ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh. Chương trình được thiết kế theo hệ tín chỉ với 124 tín chỉ chia ra 7 học kỳ tương ứng với 3,5 năm học. Chi tiết tại mục đề cương chi tiết học phần.

10. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Phụ lục 1

11. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo Ngành Thương mại điện tử đã được đối sánh với Chương trình đào tạo của các Trường Đại học có uy tín tại Việt Nam có đào tạo cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như:

- Đại học Kinh tế Quốc dân
- Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM
- Trường đại học Kinh tế Tài chính

Bảng so sánh chương trình của các trường đại học đào tạo cùng ngành

Chương trình Thương mại điện tử	Kiến thức GD Đại cương	Kiến thức GD Cơ sở ngành	Kiến thức GD Chuyên ngành	Thực tập tốt nghiệp hoặc Khóa luận	TỔNG
Đại học Kinh tế Quốc dân	44	15	60	10	129
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	27	24	64	10	125
Trường Đại học Kinh tế Tài chính	47	18	60	9	132

Dựa trên nội dung Chương trình đào tạo của các Trường Đại học có đào tạo cùng ngành hàng đầu tại Việt Nam. Đây là được xem là một cơ sở tin cậy để Chương trình đào tạo Ngành Thương mại điện tử của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông tham khảo và kế thừa cách phân bổ các học phần. Nội dung các học phần chuyên ngành nhằm đi sâu vào chuyên ngành Thương mại điện tử mà các chương trình trên đã áp dụng.

Với kết cấu chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Nội dung chương trình bao gồm 124 tín chỉ theo hệ đào tạo cử nhân, gần tương đồng với Đại học Kinh tế Quốc dân (129 TC); Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM (125 TC); Trường Đại học Kinh tế Tài chính (132 TC). Được chia ra các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời tích hợp thêm các học phần về các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ. Các học phần được tham khảo từ 03 chương trình nêu trên nhằm đảm bảo kiến thức các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Bên cạnh đó, chương trình đã đảm các quy định của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là Quyết định số 1982/QĐ-TTg năm 2016 về Khung trình độ quốc gia và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 quy định về chuẩn CTĐT.

12. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông./.

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Phạm Văn Song

TS. Nguyễn Văn Dũng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ - LUẬT



MIÊN ĐÔNG
INNOVATIVE TECHNOLOGY
UNIVERSITY

PHỤ LỤC 1
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CTĐT NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ



MỤC LỤC

Stt	Mã HP	Số TC	Học phần	Trang
		27	A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	
		11	A.1 Lý luận chính trị	
1	06CQ0001	3	Triết học Mác – Lênin.....	1
2	06CQ0002	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin.....	5
3	06CQ0003	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học.....	11
4	06CQ0004	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	17
5	06CQ0005	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh.....	23
		6	A.2 Khoa học xã hội	
6	06CQ0006	2	Pháp luật đại cương.....	29
7	06CQ0009	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học.....	33
		2	Tự chọn 1/2	
8	06CQ0020	2	Văn hoá doanh nghiệp.....	39
9	06CQ0535	2	Giao tiếp trong kinh doanh.....	45
		6	A.3 Khoa học tự nhiên	
10	06CQ0536	2	Toán giải tích.....	51
11	06CQ0035	2	Toán kinh tế.....	55
12	06CQ1114	2	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh.....	61
		4	A.4 Ngoại ngữ	
13	06CQ1110	4	Tiếng Anh 1.....	65
		97	B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	
		36	B.1 Kiến thức cơ sở ngành	
14	06CQ0130	3	Kinh tế vi mô.....	81
15	06CQ0132	3	Kinh tế vĩ mô.....	87

Stt	Mã HP	Số TC	Học phần	Trang
16	06CQ0956	3	Nguyên lý kế toán.....	93
17	06CQ0233	3	Quản trị học.....	99
18	06CQ0229	3	Tài chính tiền tệ.....	105
19	06CQ0230	3	Marketing căn bản.....	111
20	06CQ0537	3	Pháp luật về Chủ thể kinh doanh.....	117
21	06CQ1194	2	Cơ sở công nghệ thông tin.....	123
22	06CQ0221	2	Pháp luật trong Thương mại điện tử.....	129
23	06CQ0555	2	Quản trị tài chính doanh nghiệp.....	135
24	06CQ0574	2	Nghệ thuật lãnh đạo.....	143
25	06CQ0572	2	Quản trị vận hành.....	147
26	06CQ0575	3	Quản trị marketing.....	153
		2	Tự chọn 1/3	
27	06CQ0581	2	Khởi nghiệp và ứng dụng.....	159
28	06CQ0543	2	Thanh toán quốc tế.....	163
29	06CQ0980	2	Quản trị vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông.....	169
		51	B.2 Kiến thức chuyên ngành	
30	06CQ1195	3	Marketing kỹ thuật số.....	173
31	06CQ1067	3	Thương mại điện tử cơ bản.....	179
32	06CQ0726	3	Tiền số và công nghệ Blockchain.....	185
33	06CQ0546	2	Thuế.....	189
34	06CQ1196	3	Thương mại quốc tế.....	195
35	06CQ1197	3	Quản trị tác nghiệp Thương mại điện tử.....	201
36	06CQ1198	3	Tiếng Anh chuyên ngành E-Commerce.....	207
37	06CQ0730	3	Phát triển hệ thống thương mại điện tử.....	213

Stt	Mã HP	Số TC	Học phần	Trang
38	06CQ0731	2	An toàn bảo mật thông tin	219
39	06CQ0736	3	Kế toán tài chính.....	223
40	06CQ1199	3	Chiến lược kinh doanh trong thương mại điện tử.....	227
41	06CQ0578	2	Nghịệp vụ xuất nhập khẩu.....	233
42	06CQ1200	3	E - Logistics.....	241
43	06CQ1201	3	Thanh toán trong thương mại điện tử.....	249
44	06CQ1202	2	Mạng xã hội.....	255
45	06CQ1203	3	Giao dịch thương mại điện tử: Lý thuyết và thực hành	261
46	06CQ1204	3	Phát triển ứng dụng Thương mại điện tử.....	267
		4	Chọn 2/4	
47	06CQ0587	2	Thị trường chứng khoán.....	273
48	06CQ0585	2	Quản trị bán hàng.....	279
49	06CQ1205	2	Chính phủ điện tử.....	285
50	06CQ1206	2	Nghịệp vụ Hải quan.....	291
		10	B.3 Tốt nghiệp	
51	06CQ1240	10	Thực tập và khoá luận tốt nghiệp.....	297
Sinh viên không làm khoá luận tốt nghiệp học thay thế 05 học phần thuộc Kiến thức chuyên sâu:				
52	06CQ0742	2	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính.....	301
53	06CQ0743	2	Quản trị dự án khởi nghiệp.....	305
54	06CQ1207	2	Quản trị doanh nghiệp thương mại.....	309
55	06CQ0745	2	Quản lý dữ liệu tài chính & Ứng dụng	313
56	06CQ1208	2	Hội nhập kinh tế quốc tế.....	317

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Triết học Mác – Lênin
Tên học phần Tiếng Anh:	Marxist - Leninist Philosophy
Mã học phần:	06CQ0001
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Triết học Mác- Lênin là học phần bắt buộc trong Chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành.

Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong hệ thống các môn học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về triết học Mác – Lênin.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học Triết học Mác - Lênin (khái niệm, vấn đề cơ bản của triết học, những tiền đề của sự ra đời triết học Mác – Lênin, thực chất, ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác và Ph. Ăngghen thực hiện, Lênin bổ sung và phát triển triết học Mác; đối tượng, chức năng, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong thời đại ngày nay).	1.0	PLO1
CLO1	Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức, mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức.	1.0	PLO1
CLO2	Nắm được những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật, ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức và thực tiễn.	1.0	PLO1
CLO2	Trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận nhận thức duy vật biện chứng, về học thuyết kinh tế - xã hội; vận dụng ý nghĩa phương pháp luận vào thực tiễn cuộc sống.	1.0	PLO1
CLO2	Nắm được những quan điểm cơ bản của triết học Mác – Lênin về giai cấp, đấu tranh giai cấp; về nhà nước và cách mạng xã hội; về dân tộc, quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại; vận dụng vào nhận thức những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.	2.0	PLO1
CLO3	Trang bị những quan điểm cơ bản của triết học Mác – Lênin về con người, về ý thức xã hội; vận dụng vào nhận thức những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.	2.0	PLO1
CLO3	Biết vận dụng nguyên tắc phương pháp luận từ nội dung lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, vào nhận thức và hoạt động thực tiễn. Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Triết học Mác – Lênin.	1.0	PLO1
CLO3	Khẳng định những nền tảng khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng; đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình.	3.0	PLO10
CLO3	Biết vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích thực tiễn cuộc sống trong giai đoạn hiện nay. Rèn luyện kỹ năng suy luận, thuyết trình, làm việc nhóm hiệu quả.	3.0	PLO1 PLO8
CLO4	Củng cố niềm tin vào bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin nói chung, triết học Mác – Lênin nói riêng.	3.0	PLO1
CLO4	Bồi dưỡng lập trường mácxít, củng cố niềm tin vào bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa duy vật lịch sử; tin tưởng vào đường lối quan điểm của Đảng; đấu tranh với các quan điểm thù địch, sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.	3.0	PLO1 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác- Lênin		15				35	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
1	Triết học và vấn đề cơ bản của triết học. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Bài tập								A3
Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		15				35			A1
2	2.1. Vật chất và ý thức. 2.2. Phép biện chứng duy vật. 2.3. Lý luận nhận thức. Bài tập								A2
Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		15				35			A3
3	3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội. 3.2. Giai cấp và dân tộc. 3.3. Nhà nước và cách mạng XH 3.4. Ý thức xã hội. 3.5. Triết học về con người. Bài tập								A1
	Tổng	45				105		A3	

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 <i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	CDR				
	Số câu: 1	Số câu: 2	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 <i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	CDR				
	Số câu: 1	Số câu: 2	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Tổng cộng 10 câu (Tỷ lệ 100%)	Số câu: 3 Tỷ lệ: 30%	Số câu: 5 Tỷ lệ: 50%	Số câu: 2 Tỷ lệ: 20%	Số câu: 0	Số câu: 0

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình chính

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

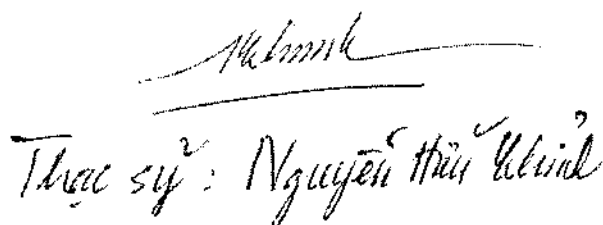
- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [4] Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc sĩ: Nguyễn Thái Vĩnh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
Tên học phần Tiếng Anh:	Political Economics of Marxism and Leninism
Mã học phần:	06CQ0002
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	06CQ0001
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong Chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau khi sinh viên học xong học phần Triết học Mác – Lênin. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Giúp sinh viên có những hiểu biết có tính hệ thống về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư và những vấn đề cơ bản về kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học tư tưởng Kinh tế chính trị Mác - Lênin (khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học)	1.0	PLO1
CLO1	Hiểu rõ được hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	2.0	PLO2
CLO1	Nắm và phân tích được những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin: giá trị thặng dư, bản chất, nguồn gốc của giá trị thặng dư, tích lũy tư bản, các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	3.0	PLO1
CLO1	Trình bày được nguyên nhân hình thành và đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản. Nhưng biểu hiện mới về kinh tế của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản ngày nay.	2.0	PLO2
CLO1	Phân tích được nguyên nhân hình thành và đặc điểm của độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường thị tư bản chủ nghĩa. Vai trò lịch sử và hạn chế phát triển của chủ nghĩa tư bản ngày nay.	3.0	PLO2 PLO9
CLO2	Phân tích, giải thích được tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;	3.0	PLO9
CLO2	Phân tích được nội dung cơ bản, quan điểm giải pháp để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	3.0	PLO9
CLO3	Phân tích được tính tất yếu, những tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển ở Việt Nam.	3.0	PLO9
CLO3	Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin Rèn luyện kỹ năng tuyệt trình, làm việc nhóm hiệu quả.	2.0	PLO10
CLO3	Biết vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích thực tiễn các hoạt động kinh tế - xã hội trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.	3.0	PLO10 PLO13
CLO4	Thấy rõ vai trò, trách nhiệm của mình để góp phần hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đóng góp vào sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	3.0	PLO14

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	 A1 A3
1	Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin Bài tập								
Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia Thị trường		4				10			
2	2.1 Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa 2.2 Thị trường và nền kinh tế thị trường 2.3 Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường Bài tập								
Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường		4				10			
3	3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư 3.2. Tích lũy tư bản 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
4	Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2. Lý luận của V.I Lênin về các đặc điểm kinh tế độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản. Bài tập								
Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam		7				15			
5+6	5.1 Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN. 5.2 Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. 5.3 Các quan hệ lợi ích kinh tế ở VN. Bài tập								
Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của VN		7				15			
7+8	6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam Bài tập								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 5</i> <i>Tỷ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

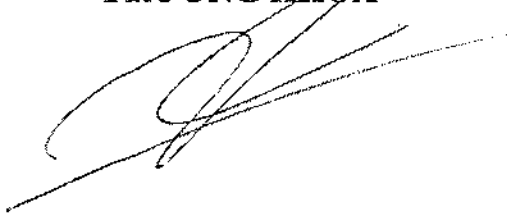
Giáo trình

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

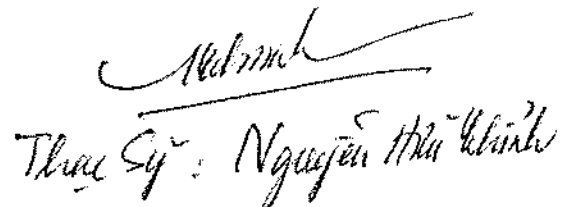
- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc Sĩ: Nguyễn Hữu Khánh

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Chủ nghĩa xã hội khoa học
Tên học phần Tiếng Anh:	Scientific Socialism
Mã học phần:	06CQ0003
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0002
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau khi sinh viên học xong môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội; những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học (sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu)	1.0	PLO1
CLO1	Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay	2.0	PLO1
CLO1	Kiến thức cơ bản những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể Việt Nam.	2.0	PLO1
CLO1	Nắm được bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung và ở Việt Nam nói riêng.	2.0	PLO1
CLO1	Nắm được những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH	2.0	PLO1
CLO1	Nắm được quan điểm cơ bản CN Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo; mối quan hệ dân tộc – tôn giáo và quan điểm, nội dung, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước VN hiện nay.	2.0	PLO1
CLO1	Nắm được quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay.	3.0	PLO1
CLO2	Phân tích được các điều kiện kinh tế - xã hội và vai trò của C. Mác và Ph.Ăngghen trong việc hình thành CNXHKKH vai trò của Lênin trong vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu của CNXHKKH; những đóng góp về lý luận chính trị - xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam qua 35 năm đổi mới.	4.0	PLO1
CLO2	Trình bày và phân tích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay theo quan điểm của ĐCSVN.	2.0	PLO1
CLO2	Phân tích được điều kiện ra đời, đặc trưng của CNXH; tính tất yếu, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH; luận điểm của ĐCSVN về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư TBCN.	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích được cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; vị trí, vai trò, nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay.	4.0	PLO1

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO2	Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc và giải quyết dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa;	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích được cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp, tầng lớp cơ bản trong cơ cấu xã hội – giai cấp Việt Nam; nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay.	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc và giải quyết dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa;	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích, làm rõ được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN; quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; Phân tích được mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo ở Việt Nam, ảnh hưởng của mối quan hệ đó đến sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước, đến độc lập, chủ quyền của Tổ quốc.	4.0	PLO1
CLO2	Trình bày và phân tích được vị trí, chức năng của gia đình, cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; những biến đổi cơ bản của gia đình Việt Nam và phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	4.0	PLO1
CLO3	Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn CNXHKH	2.0	PLO1
CLO3	Rèn luyện kỹ năng tuyệt trình, làm việc nhóm hiệu quả.	3.0	PLO1 PLO8
CLO3	Vận dụng những nội dung đã học để phân tích, giải thích những vấn đề trong thực tiễn liên quan một cách khoa học.	4.0	PLO1
CLO4	Có thái độ tích cực đối với việc học tập các môn lý luận chính trị; có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do ĐCS khởi xướng và lãnh đạo.	3.0	PLO1 PLO10
CLO4	Củng cố niềm tin khoa học, lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH trên thế giới cũng như Việt Nam.	3.0	PLO1 PLO10
CLO4	Có niềm tin vào chế độ XHCN, luôn tin tưởng và ủng hộ đường lối đổi mới theo định hướng CNXH dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN	3.0	PLO1 PLO10
CLO4	Củng cố niềm tin vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Có phương pháp tư duy mới trong học tập. Tự mình biết đào sâu lý luận gắn với thực tiễn với tinh thần độc lập, sáng tạo	4.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY – COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa XHKH		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A2 A3
1	Sự ra đời của chủ nghĩa XHKH Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKH Bài tập								
Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của G/c công nhân		4				10			
2	1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân VN Bài tập								
Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		5				10			
3	1. Chủ nghĩa xã hội 2. Thời kỳ quá độ lên CNXH 3. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam Bài tập								
Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa		5				10			
4	1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu ND bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
5	Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam Bài tập								
Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		4				10			
6	Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam Bài tập								
Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		4				10			
7	Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội . Xây dựng gia đình việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bài tập								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống		30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 6</i> <i>Tỉ lệ 60%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Tài liệu/giáo trình chính

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo/bổ sung

- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc Sĩ Nguyễn Hữu Khánh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
Tên học phần Tiếng Anh:	History of Vietnamese Communist Party
Mã học phần:	06CQ0004
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	06CQ0003
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau khi sinh viên học xong môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình ra đời và lãnh đạo đấu tranh qua các thời kỳ lịch sử (1930-1975); quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội từ 1975 đến nay.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học).	2.0	PLO1
CLO1	Những tri thức có tính hệ thống quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945).	2.0	PLO1
CLO1	Kiến thức về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ (1945-1975);	2.0	PLO1
CLO1	Kiến thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay.	2.0	PLO1
CLO2	Phân tích được những điều kiện cần thiết dẫn tới sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	2.0	PLO1
CLO2	Phân tích được những nội dung cơ bản, ý nghĩa lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc gđ 1930 -1945.	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích được đường lối và sự chỉ đạo, ý nghĩa lịch sử, kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ giai đoạn 1945 – 1975; cách mạng xã hội chủ nghĩa và những thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc 1954- 1975.	4.0	PLO1
CLO2	Khái quát được quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước và quá trình tìm con đường đổi mới đất nước; nội dung đường lối đổi mới toàn diện Đại hội VI của Đảng (12/1986) và quá trình thực hiện.	2.0	PLO1
CLO2	Phân tích được nội dung Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991 và bổ sung, phát triển năm 2011); vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập	4.0	PLO1

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
	quốc tế; thành tựu, ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới.		
CLO3	Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Rèn luyện kỹ năng tuyệt trình, làm việc nhóm hiệu quả.	3.0	PLO1 PLO8
CLO3	Có khả năng nhận thức và phân bác được những luận điểm xuyên tạc đường lối lãnh đạo của Đảng. Biết vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích thực tiễn cuộc sống trong giai đoạn hiện nay.	3.0	PLO1 PLO8
CLO4	Củng cố niềm tin vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Có phương pháp tư duy mới trong học tập. Tự mình biết đào sâu lý luận gắn với thực tiễn với tinh thần độc lập, sáng tạo.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử ĐCSVN.		6				15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV. giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	Đối tượng nghiên cứu Chức năng, nhiệm vụ PP nghiên cứu, học tập Mục đích, yêu cầu								
Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)		8				20			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2+3	1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930) 2. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)								
Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975)		8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A3
4+5	1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930) Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)								
Chương 3: Lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)		8				25			
6+7	1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) Lãnh đạo công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ 1986 đến nay)								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 4 (Tỉ lệ: 40%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 4 (Tỉ lệ: 40%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 5</i> <i>Tỉ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Tài liệu/giáo trình chính

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2012), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo/bổ sung

- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [3] Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc sĩ: Nguyễn Hữu Khánh

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Tư tưởng Hồ Chí Minh
Tên học phần Tiếng Anh:	Hochiminh Ideology
Mã học phần:	06CQ0005
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0003
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau khi sinh viên học xong các môn học thuộc Chủ nghĩa Mác – Lênin bao gồm: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ cơ sở thực tiễn, cơ sở lý luận, nhân tố chủ quan hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh; hiểu rõ các giai đoạn trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng và những sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập và cách mạng giải phóng dân tộc; nắm được tính quy luật của cách mạng Việt Nam: độc lập

dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh (khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học)	2.0	PLO1
CLO1	Hiểu rõ cơ sở thực tiễn, cơ sở lý luận, nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	2.0	PLO1
CLO2	Nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng và những sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; nắm được tính quy luật của cách mạng Việt Nam; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.	3.0	PLO1
CLO2	Nắm được những kiến thức cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐCSVN, về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Phân tích, vận dụng vào giải thích các vấn đề phòng, chống các tiêu cực trong Đảng, trong Nhà nước ta hiện nay.	3.0	PLO1
CLO2	Nắm và phân tích được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về văn hóa, đạo đức, con người. Vận dụng vào thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.	3.0	PLO1
CLO3	Phân tích, giải thích được tính đúng đắn và sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, những yếu tố tác động đến việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	3.0	PLO1 PLO8
CLO3	Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Rèn luyện kỹ năng tuyệt trình, làm việc nhóm hiệu quả.	2.0	PLO1 PLO8
CLO3	Có khả năng nhận thức và phân bác được những luận điểm xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh. Biết vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích thực tiễn cuộc sống trong giai đoạn hiện nay.	3.0	PLO1 PLO8
CLO4	Thấy rõ vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của dân tộc Việt Nam; tin tưởng vào chế độ chính trị xã hội, vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của cách mạng.	2.0	PLO1 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh Đối tượng nghiên cứu								
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HCM		4				10			
2	2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh								
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và CNXH		4				10			
3	3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4 : Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
4	4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước.								
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế		7				15			
5+6	5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết toàn dân tộc 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay.								
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người		7				15			
7+8	6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng HCM								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 5</i> <i>Tỷ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

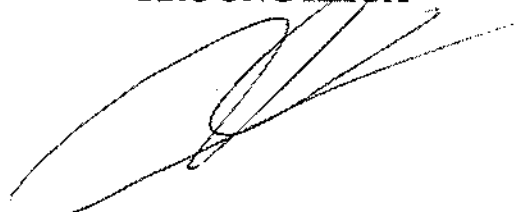
Tài liệu/giáo trình chính

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo/bổ sung

- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2005), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [4] Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh – Khoa Lý luận Chính trị - Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh (2020), *Tài liệu hướng dẫn ôn tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc sĩ: Nguyễn Hữu Khánh

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Pháp luật đại cương
Tên học phần Tiếng Anh:	Fundamentals of Laws
Mã học phần:	06CQ0006
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, một số quy định pháp luật chuyên ngành phổ biến trong đời sống; Xây dựng tinh thần thượng tôn pháp luật đối với người học.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Phân biệt một số khái niệm liên quan đến Nhà nước và Pháp luật	3.0	PLO2

CLO2	Hiểu và áp dụng kiến thức vào đời sống, công việc.	3.0	PLO8
CLO3	Vận dụng kiến thức giải quyết một số tình huống thực tế.	4.0	PLO8 PLO9
CLO4	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Tham dự lớp học đầy đủ.	5.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
CHƯƠNG I. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước 2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật								
CHƯƠNG II. Hệ thống pháp luật		4				10			
2	1. Khái niệm và đặc điểm hệ thống pháp luật 2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật 3. Hệ thống pháp luật Việt Nam								
CHƯƠNG III. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật		6				10			
3+4	1. Thực hiện pháp luật 2. Vi phạm pháp luật 3. Trách nhiệm pháp lý								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
CHƯƠNG IV. Luật Hình sự và tố tụng hình sự		8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
5+6	1. Hình phạt 2. Tội phạm 3. Tố tụng hình sự								
CHƯƠNG V. Luật dân sự và tố tụng dân sự		8				20			
7+8	1. Chế định sở hữu 2. Chế định thừa kế 3. Chế định hợp đồng 4. Tố tụng dân sự								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

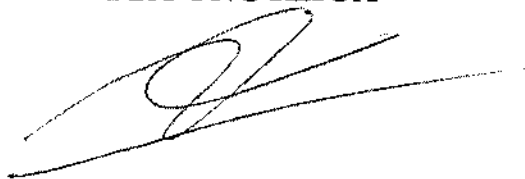
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 33.36%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 33.36%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 33.36%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng cộng: 6 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 33.36%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

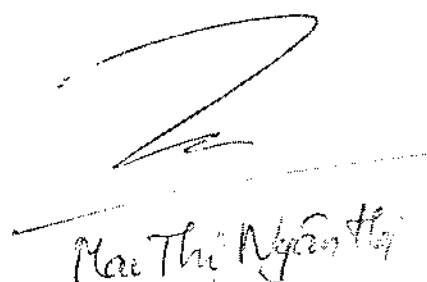
- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Đại học sư phạm.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Phương pháp nghiên cứu khoa học
Tên học phần Tiếng Anh:	Scientific Research Methodology
Mã học phần:	06CQ0009
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế - xã hội. Với thời lượng 2 đơn vị tín chỉ, học phần được thiết kế thành 7 chương và được sắp xếp theo quy trình trình nghiên cứu được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu kinh tế - xã hội: từ xác định vấn đề, tổng quan và thiết kế nghiên cứu; thu thập và phân tích dữ liệu và trình bày báo cáo nghiên cứu. Học phần được thiết kế theo cách tiếp cận phát triển kỹ năng giúp cho người học có thể thực hiện các nghiên cứu khoa học đơn giản trong kinh tế - xã hội, thông qua việc kết hợp giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành nghiên cứu.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Bày tỏ quan điểm cá nhân thông qua vận dụng các nguyên tắc trong nghiên cứu khoa học: xác định đề tài nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu.	3.0	PLO2 PLO8
CLO2	Biện luận cách xử lý các tình huống thu thập, xử lý dữ liệu và đánh giá kết quả nghiên cứu.	5.0	PLO5 PLO8
CLO3	Vận dụng được phần mềm SPSS, Excel trong xử lý số liệu. thành thạo các kỹ năng trình bày, diễn giải kết quả nghiên cứu của một công trình khoa học.	4.0	PLO8 PLO9
CLO4	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Tham dự lớp học đầy đủ.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	1.1 Khoa học 1.2 Nghiên cứu khoa học và Phương pháp nghiên cứu khoa học. Quy trình nghiên cứu khoa học								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 2: Xác định đề tài nghiên cứu khoa học	4				10			
2	2.1. Các khái niệm liên quan 2.2. Phương pháp phát hiện vấn đề khoa học 2.3. Lựa chọn và đặt tên đề tài nghiên cứu. 2.4. Đặt giả thuyết khoa học để định hướng nghiên cứu 2.5. Cơ sở lý thuyết trong nghiên cứu 2.6 Xây dựng đề cương nghiên cứu								
	Chương 3: Lập kế hoạch nghiên cứu	4				10			
3	3.1. Lựa chọn mô hình nghiên cứu 3.2 Lựa chọn phương pháp nghiên cứu. 3.3 Xác định đối tượng và đặc tính nghiên cứu 3.4 Lập kế hoạch nghiên cứu						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	Chương 4: Thu thập dữ liệu	4				10			
4	4.1 Giới thiệu chung về dữ liệu 4.2 Thu thập dữ liệu thông qua nghiên cứu tài liệu 4.3 Thu thập dữ liệu thông qua phương pháp thực nghiệm 4.4 Thu thập dữ liệu thông qua phương pháp phi thực nghiệm 4.4.1 Phương pháp quan sát 4.4.2 Phương pháp phỏng vấn 4.4.3 Phương pháp điều tra bằng bảng câu hỏi 4.4.4 Phương pháp hội nghị								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 5: Xử lý dữ liệu	4				10			
5	5.1 Xử lý dữ liệu định tính 5.2 Xử lý dữ liệu định lượng 5.3 Sai số quan sát 5.4 Phương pháp trình bày độ chính xác của dữ liệu 5.4.1 Giới thiệu phần mềm xử lý số liệu (SPSS, Eviews) 5.4.2 Vận dụng phần mềm SPSS, Eviews xử lý dữ liệu								
	Chương 6: Viết và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học	4				10			
6	6.1. Các bước triển khai viết bản thảo báo cáo 6.2. Quy cách trình bày luận văn 6.3. Cấu trúc của một luận văn 6.4. Chi tiết trình bày phần dẫn nhập 6.5. Chi tiết trình bày phần nội dung chính 6.6. Chi tiết trình bày phần tài liệu tham khảo 6.7. Công bố và bảo vệ báo cáo nghiên cứu khoa học						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	Chương 7: Đánh giá công trình nghiên cứu khoa học	4				10			
7	7.1 Các tiêu chí đánh giá kết quả nghiên cứu 7.2 Chủ thể đánh giá kết quả nghiên cứu 7.3 Phương pháp đánh giá 7.4 Nhận xét phản biện khoa học 7.5 Đảm bảo pháp lý cho công trình khoa học								
8	Ôn tập: Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	2							
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

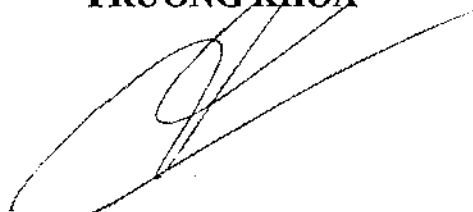
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 33.36%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 6 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

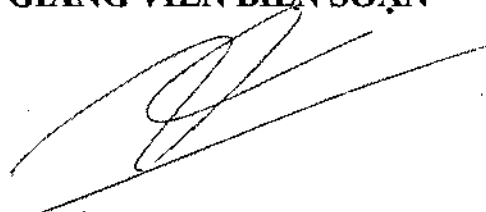
1. Vũ Cao Đàm, (2018), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục.
2. Hà Nam Khánh Giao, Bùi Nhất Vương (2019), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - cập nhật SmartPLS: giáo trình cao học*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Nguyễn Đình Thọ (2014), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Tài chính (Tài liệu không tái bản).
4. Nguyễn Đình Thọ (2016), *Phương pháp tập mở fsQCA và nghiên cứu khoa học kinh doanh tại Việt Nam: sách chuyên khảo dành cho nghiên cứu sinh và các nhà nghiên cứu về khoa học kinh doanh*, Tp. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ (Tài liệu không tái bản).
5. Đinh Phi Hổ - Võ Văn Nhị - Trần Phước (2018), *Nghiên cứu định lượng trong kế toán kiểm toán*, NXB Tài chính.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
VĂN HÓA DOANH NGHIỆP**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Văn hóa Doanh nghiệp
Tên học phần Tiếng Anh:	Business culture
Mã học phần:	06CQ0020
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Văn hóa Doanh nghiệp được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa và cách thức xây dựng văn hóa trong tổ chức, người học có được những kỹ năng cần thiết khi hội nhập vào môi trường làm việc của tổ chức; xây dựng và thiết lập các chuẩn mực văn hóa tổ chức trong các hoạt động của các tổ chức.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nhận biết và ghi nhớ khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò, triết lý của văn hóa doanh nghiệp, các giá trị cốt lõi và hình ảnh của doanh nghiệp.	1.0	PLO2
CLO2	Đánh giá giá trị của doanh nghiệp thông qua xây dựng và thực thi các chuẩn mực văn hóa.	4.0	PLO2
CLO3	Thiết lập các giá trị văn hóa doanh nghiệp dựa trên các nền tảng hiện có và các chuẩn mực của xã hội.	3.0	PLO2
CLO4	Lồng ghép trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với văn hóa doanh nghiệp giúp người học thích ứng và phát huy các kỹ năng để hội nhập vào môi trường làm việc của tổ chức.	3.0	PLO8 PLO9
CLO5	Thể hiện tinh thần thái độ học tập nghiêm túc.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan văn hóa DN		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A3
1	1.1. Khái niệm về VHDN 1.2. Mục đích, ý nghĩa và vai trò của VHDN 1.3. Các yếu tố cấu thành và tiêu chí xây dựng VHDN								
Chương 2: Các chức năng và nội dung cơ bản của VHDN		4				10			
2	2.1. Chức năng của VHDN 2.1.1. Chức năng chỉ đạo 2.1.2. Chức năng ràng buộc 2.1.3. Chức năng khuyến khích 2.1.4. Chức năng lan truyền 2.2. Nội dung cơ bản của VHDN 2.2.1. Quan niệm giá trị của DN 2.2.2. Xây dựng phương thức và chế độ quản lý 2.2.3. Sự thể hiện trong hành động của nhân viên 2.2.4. Tạo lập giá trị VH vật chất của DN 2.2.5. Những thách thức trong thực thi VHDN								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tỷ học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 3: Cấu trúc cơ bản hình thành VHDN	8				15			
3+4	3.1. Hình thành VHDN từ các yếu tố giá trị 3.1.1. Các giá trị 3.1.2. Quản lý bằng giá trị 3.2. Hình thành VHDN từ các yếu tố chuẩn mực 3.2.1 Tính nhân văn 3.2.2. Sự thật và lẽ phải 3.2.3. Bản chất con người 3.2.4. Hành vi con người 3.2.5. Mối quan hệ với con người 3.3. Hình thành VHDN từ các yếu tố phong cách quản lý 3.3.1. Phong cách quản lý 3.3.2. Phân loại phong cách quản lý 3.3.3. Các biểu trưng phong cách QL Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	Chương 4: Xây dựng VHDN	8				20			
5+6	4.1. Các giai đoạn hình thành VHDN 4.1.1. Giai đoạn đầu 4.1.2. Giai đoạn giữa 4.1.3. G/đ chín mùi và nguy cơ suy thoái 4.2. Các dạng VHDN 4.2.1. Theo phân cấp quyền lực 4.2.2. Theo cơ cấu định hướng về con người và nhiệm vụ 4.2.3. Theo mối quan tâm đến nhân tố con người và mối quan tâm đến thành tích 4.2.4. Theo vai trò lãnh đạo 4.3. Xây dựng VHDN ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay 4.3.1. Ảnh hưởng của VH dân tộc và môi trường KD đến sự hình thành và phát triển VHDN VN. 4.3.2. Xây dựng và phát triển VHDN VN								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 5: Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh	6				15			
7+8	5.1. Văn hóa ứng xử trong nội bộ DN 5.1.1. Vai trò và biểu hiện của VH ứng xử trong nội bộ DN 5.1.2. Tác động của VH ứng xử trong nội bộ DN 5.1.3. Những điều cần tránh trong VH ứng xử nội bộ DN 5.2. Văn hóa trong xây dựng và phát triển thương hiệu 5.2.1. VH – Chiều sâu của thương hiệu 5.2.2. VH công ty và thương hiệu 5.2.3. Một số khía cạnh VH cần lưu ý trong xây dựng thương hiệu 5.3. Văn hóa trong hoạt động Marketing 5.3.1. VH trong lựa chọn TT mục tiêu 5.3.2. VH trong các quyết định về SP 5.3.3. VH trong các hoạt động truyền thông Marketing 5.4. Văn hóa ứng xử trong đàm phán và thương lượng 5.4.1. Quan niệm về đàm phán và thương lượng trong HĐKD 5.4.2. Biểu hiện của VH ứng xử trong đàm phán và thương lượng 5.4.3. Tác động của VH ứng xử đến đàm phán và thương lượng 5.4.4. Những điều cần tránh trong đàm phán và thương lượng 5.5. Văn hóa trong định hướng với KH 5.5.1. Ảnh hưởng của VH đến quyết định của khách hàng 5.5.2. Xây dựng phong cách VHDN định hướng vào khách hàng 5.5.3. Phát triển môi trường VH đặt khách hàng lên trên hết. Ôn tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 14.2%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 14.2%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 28.5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 28.5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 14.2%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 7 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 28.5%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ 42.7%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 14.2%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 14.2%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

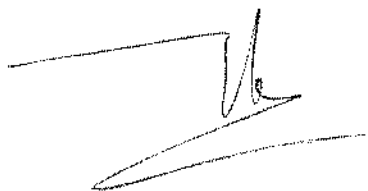
1. Đỗ Thị Phi Hoài (2011). *Giáo trình Văn hóa doanh nghiệp*. NXB Tài chính.
2. Tập bài giảng Văn hóa doanh nghiệp (2021), Khoa Digital Marketing, Đại học Công Nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh.
3. Lê Văn Cẩm (2022). *Giáo trình Văn hóa doanh nghiệp và Đạo đức kinh doanh*. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
4. Johnathan Raymond (2019). *Xây dựng văn hóa doanh nghiệp*. NXB Lao động.
5. Edgar H Schein, Perer Schein (2020). *Lãnh đạo & Văn hóa doanh nghiệp*. NXB Thế Giới.
6. Larry Percy (2018). *Strategic integrated marketing communications*. Routledge Ltd Publisher.
7. Paul R. Smith, Ze Zook (2014). *Marketing Communications: Integrating Offline and Online with Social Media*. Kogan Page.
8. Hirochika Nakamaki, Koichiro Hioki, Noriya Sumihara, Izumi Mitsui (2019). *Enterprise as a Carrier of Culture: An Anthropological Approach to Business Administration*. Springer Ltd Publishers.
9. Hirochika Nakamaki, Koichiro Hioki, Noriya Sumihara, Izumi Mitsui (2019). *Enterprise as a Carrier of Culture: An Anthropological Approach to Business Administration*. Springer Ltd Publishers.
10. Don Lavoie, Emily Chamlee-Wright (2001). *Culture and Enterprise: The Development, Representation and Morality of Business*. Routledge Ltd Publishers.
11. Lewis, Justin (2014). *Art, culture, and enterprise : the politics of art and the cultural industries*. Routledge Ltd Publishers.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Lê Thị Thanh Thanh Tâm

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Giao tiếp trong Kinh doanh
Tên học phần Tiếng Anh:	Business communication
Mã học phần:	06CQ0535
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Giao tiếp trong kinh doanh được thiết kế nhằm giúp cho sinh viên biết cách sử dụng các phương tiện giao tiếp bằng lời, giao tiếp không lời qua ánh mắt cử chỉ, và qua các văn bản trên giấy cũng như trên Internet là rất cần thiết với nhà quản trị. Trong thực tế, sự thành công của nhà quản trị tùy thuộc rất nhiều vào khả năng truyền đạt tư tưởng bằng lời nói cũng như bằng văn bản sao cho có bài bản, súc tích, hợp lý để có thể thuyết phục được cấp trên, cấp dưới, đồng nghiệp, hoặc các đối tác kinh doanh hiểu và chấp nhận những đề xuất hoặc những đề nghị của mình.

Học phần Giao tiếp trong kinh doanh giúp cho sinh viên nhận biết các đặc thù công việc và đưa ra các chọn lựa về cách thức giao tiếp phù hợp, chuẩn mực nhưng vẫn giữ được vai trò quản trị của

minh ở trong tổ chức. Ngoài ra, các hoạt động ngày nay thường gắn trách nhiệm với mọi hoạt động của tổ chức nên các yếu tố giao tiếp hàng ngày có thể cho nhà quản trị nhận ra được đạo đức, thái độ và tinh thần làm việc của nhân viên.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CĐR CTĐT tương ứng
CLO1	<i>Giải thích được</i> những kiến thức căn bản về giao tiếp trong KD	2.0	PLO4
CLO2	<i>Xác định</i> các rào cản trong giao tiếp và ứng dụng các kỹ năng giao tiếp vào thực tế.	3.0	PLO5
CLO3	<i>Vận dụng</i> các kiến thức cơ bản giao tiếp trong kinh doanh để khám phá, giải thích và đánh giá hoạt động kinh doanh trong các tổ chức.	4.0	PLO7 PLO8
CLO4	Thể hiện tinh thần trách nhiệm, tinh thần kỷ luật và tự giác đối với công việc và phát triển bản thân. Tham dự lớp học đầy đủ.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về kỹ năng giao tiếp		3				7		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp:	A1 A3
1	1.1. Khái niệm và tầm quan trọng của GTTKD 1.2. Chức năng của giao tiếp 1.3. Các hình thức GTTKD 1.4. Các rào cản trong giao tiếp						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 2: Kỹ năng sơ giao		3				7	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	 A1 A2 A3
1	2.1. Kỹ năng chào hỏi, giới thiệu 2.2. Kỹ năng bắt tay 2.3. Kỹ năng trao, nhận danh thiếp 2.4. Kỹ năng gây thiện cảm								
Chương 3: Kỹ năng thuyết trình		3				7			
2	3.1. Quá trình chuẩn bị bài thuyết trình 3.2. Trong quá trình thuyết trình 3.3. Sau khi thuyết trình								
Chương 4: Kỹ năng nghe hiểu và đặt câu hỏi		3				7			
3	4.1. Tầm quan trọng của việc nghe hiểu có hiệu quả 4.2. Những rào cản đối với việc nghe hiểu có hiệu quả 4.3. Các phương pháp nghe hiểu và đặt câu hỏi có hiệu quả Bài tập								
Chương 5: Kỹ năng viết thư trong KD		3				7			
4	5.1. Tầm quan trọng và các nguyên tắc thư tín trong KD 5.2. Cách viết các loại thư tín trong KD 5.3. Cách viết các báo cáo 5.4. Cách viết các tài liệu hướng dẫn 5.5. Cách chọn từ ngữ và văn phong phù hợp Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 6: Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ		3				7	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
5	6.1. Đôi mắt biết nói 6.2. Ý nghĩa của nét mặt 6.3. Ngôn ngữ của đôi tay 6.4. Tư thế đôi chân 6.5. Sức mạnh của sự tiếp xúc cơ thể Bài tập								
Chương 7: Kỹ năng giao tiếp đa văn hóa		4				8			
6	7.1. Tầm quan trọng của giao tiếp đa văn hóa trong KD 7.2. Tìm hiểu về VH và dị biệt về VH 7.3. Phát triển các kỹ năng giao tiếp đa VH 7.4. Giao tiếp ở một số nước trên TG Bài tập								
Chương 8: Tổng quan về đàm phán trong KD		4				10			
7	8.1. Nội dung đàm phán trong KD 8.2. Đặc điểm của đàm phán Bài tập								
Chương 9: Khái niệm và tiến trình đàm phán		4				10			
8	9.1.Các khái niệm về đàm phán 9.2. Đặc điểm của đàm phán 9.3. Tiến trình đàm phán Ôn tập Tổng hợp nội dung đã giảng dạy								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống		30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

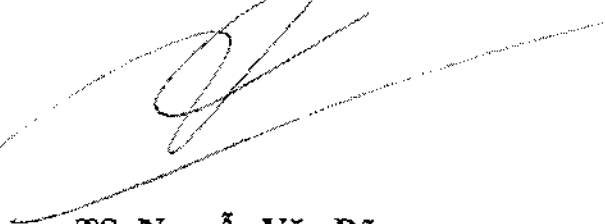
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 9 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 10%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 10%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Hùng (2018). *Kỹ năng Giao tiếp Kinh doanh*. NXB Kinh tế TP.HCM.
2. Phạm Thùy Giang (2021). *Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình trong kinh doanh*. NXB Dân Trí.
3. Hoàng Văn Hoa, Trần Thị Vân Hoa (2012). *Giáo trình giao tiếp trong kinh doanh*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
4. Trịnh Quốc Trung (2012). *Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh*. NXB Lao Động – Xã Hội.
5. O'Rourke, J. S., (Walisiewicz, Marek, editor) (2015). *Effective Communication*. London: Dorling Kindersley Ltd Publisher.
6. Chris Fill, Sarah Rurnbull (2016). *Marketing Communications: discovery, creation and conversations*. Pearson Ltd Publisher.
7. Larry Percy (2018). *Strategic integrated marketing communications*. Routledge Ltd Publisher.
8. Paul R. Smith, Ze Zook (2014). *Marketing Communications: Integrating Offline and Online with Social Media*. Kogan Page.
9. Hirochika Nakamaki, Koichiro Hioki, Noriya Sumihara, Izumi Mitsui (2019). *Enterprise as a Carrier of Culture: An Anthropological Approach to Business Administration*. Springer Ltd Publishers.
10. Benoliel, M., & Hua, W. (2015). *DK Essential Managers: Negotiating*. Dorling Kindersley Ltd Publisher.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Khải Khanh Khanh Trâm

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TOÁN GIẢI TÍCH**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Toán giải tích
Tên học phần Tiếng Anh:	Advanced Mathematics
Mã học phần:	06CQ0536
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản cũng như ý nghĩa vận dụng phép tính vi tích phân hàm một biến, hàm nhiều biến trong tính gần đúng bằng đạo hàm cấp cao, tối ưu hóa, khảo sát sự biến thiên và các mô hình phương trình vi phân trong thực tế. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản cũng như ý nghĩa vận dụng quát của ma trận và định thức vào việc giải hệ phương trình tuyến tính tổng quát cũng như các mô hình tổng quát trong thực tế.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm vững kiến thức cơ bản về ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính.	2.0	PLO2
CLO2	Nắm vững kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân hàm một biến.	2.0	PLO2
CLO3	Nắm vững kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân hàm nhiều biến.	2.0	PLO2
CLO4	Nắm vững kiến thức cơ bản về phương trình vi phân	2.0	PLO2
CLO5	Có khả năng nhận dạng, phân tích và giải quyết các vấn đề.	2.0	PLO2
CLO6	Biết áp dụng các phương pháp tính gần đúng vào ứng dụng.	3.0	PLO2
CLO7	Có khả năng sử dụng công cụ máy tính.	2.0	PLO2
CLO8	Kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá kiến thức có liên quan thông qua các trang mạng internet, thư viện và các phương tiện khác.	3.0	PLO8
CLO9	Kỹ năng làm việc nhóm cũng như khả năng làm việc độc lập; Kỹ năng thuyết trình.	3.0	PLO8
CLO10	Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tìm tòi, vận dụng các kiến thức môn học vào các bài toán tính toán khoa học trong các môn học chuyên ngành.	2.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1. Ma trận, Định thức & Hệ phương trình tuyến tính	7				15		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề.	A1
1+2	1.1. Ma Trận 1.2. Định thức 1.3. Hệ phương trình tuyến tính 1.4. Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 2: Phép tính vi tích phân hàm một biến		8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
3+4	2.1. Hàm số và giới hạn hàm số 2.2. Đạo hàm và ứng dụng 2.3. Tích phân và ứng dụng 2.4. Bài tập								
Chương 3: Phép tính vi phân hàm nhiều biến		8				20			
5+6	3.1. Hàm nhiều biến 3.2. Đạo hàm của hàm nhiều biến 3.3. Cực trị hàm nhiều biến và UD 3.4. Bài tập								
Chương 4: Phương trình vi phân		7				15			
7+8	4.1. Phương trình vi phân cấp một 4.2. Phương trình vi phân cấp 2 hệ số không đổi 4.3. Bài tập								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 3 (Tỉ lệ: 30%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 3 (Tỉ lệ: 30%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Tài liệu/giáo trình chính:

- [1] Nguyễn Đình Huy (Chủ biên) Giáo trình giải tích 1. NXB Đại Học Quốc Gia TP. HCM 2018
- [2] Giáo trình Vi Tích Phân C/Biên soạn Lê Phương Quân.
- [3] Bài giảng Toán cao cấp, phần 1 Đại Số Tuyến Tính, 2009, Lê Thanh Tùng.

Tài liệu tham khảo/bổ sung

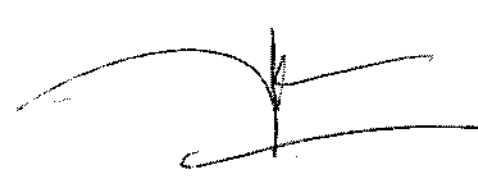
- [4] Calculus for Biology and Medicine / Claudia Neuhauser. - Upper Saddle River, NJ : Pearson Education, 2004, 570.15 195/ N48s
- [5] Applied Calculus : For business, economics, and the social and life sciences / Laurence D. Hoffmann, Gerard L. Bradley. - Boston : McGraw Hill, 2007, 515l H69g

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Phan Trần Uyên Phương

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TOÁN KINH TẾ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Toán kinh tế
Tên học phần Tiếng Anh:	Mathematics for Economics
Mã học phần:	06CQ0035
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Toán kinh tế là học phần cơ bản đề cập đến việc ứng dụng các công cụ toán học nhằm mô hình hóa và phân tích định lượng các hiện tượng và quá trình diễn ra trong các hoạt động kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về một số bài toán kinh tế: Bài toán lập kế hoạch sản xuất tối ưu; Bài toán khẩu phần thức ăn tối ưu, Bài toán vận tải... Cách lập mô hình và tìm phương án tối ưu bằng thuật toán đơn hình, thuật toán thế vị.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu được nội dung mô hình toán học của một bài toán quy hoạch tuyến tính.	2.0	PLO2
CLO2	Nắm vững các dạng của bài toán quy hoạch tuyến tính và cách đưa một bài toán quy hoạch tuyến tính dạng tổng quát về dạng chuẩn.	2.0	PLO2
CLO3	Hiểu khái niệm bài toán đối ngẫu và biết cách thành lập bài toán đối ngẫu. Nắm vững các định lý đối ngẫu. Trong hai bài toán đối ngẫu nhau, biết cách tìm nghiệm bài toán này khi đã biết nghiệm bài toán kia	3.0	PLO2 PLO5
CLO4	Nhận dạng, phân tích, lập mô hình toán học của bài toán thực tế. Biến đổi được một bài toán quy hoạch tuyến tính bất kỳ về bài toán quy hoạch tuyến tính dạng chuẩn.	3.0	PLO2 PLO5
CLO5	Thuần thục các bước thực hiện thuật toán đơn hình giải bài toán chuẩn, bài toán mở rộng. Thực hiện được phương pháp hình học giải bài toán quy hoạch tuyến tính hai biến.	3.0	PLO2 PLO5
CLO6	Biết cách lập bài toán đối ngẫu và cách tìm nghiệm của bài toán gốc khi biết nghiệm bài toán đối ngẫu và ngược lại.	3.0	PLO2 PLO5
CLO7	Thuần thục các thuật toán quy không cước phí, thuật toán thế vị.	3.0	PLO2 PLO5
CLO8	Sử dụng được ít nhất một trong các phần mềm Excel, maple, matlab,... để giải bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán vận tải,...	3.0	PLO2 PLO5
CLO9	Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng ứng dụng các công cụ toán học vào giải quyết các bài toán ứng dụng trong nghề nghiệp.	2.0	PLO10
CLO10	Có kỹ năng thuyết trình và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.	3.0	PLO8

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU MÔ HÌNH TOÁN KINH TẾ	8				20			
1-2	1.1. Khái niệm mô hình toán kinh tế 1.1.1. Mô hình là gì? 1.1.2. Mô hình kinh tế 1.1.3. Mô hình toán kinh tế 1.2. Cấu trúc của mô hình toán kinh tế 1.2.1. Các biến số của mô hình 1.2.2. Mối liên hệ giữa các biến số 1.3. Phân loại mô hình toán kinh tế 1.3.1. Phân loại theo đặc điểm cấu trúc và công cụ toán học sử dụng 1.3.2. Phân loại theo quy mô, phạm vi, thời hạn 1.4. Nội dung của phương pháp mô hình trong nghiên cứu và phân tích kinh tế 1.5. Phương pháp phân tích mô hình- Phân tích so sánh tĩnh 1.5.1. Đo lường sự thay đổi của biến nội sinh theo biến ngoại sinh 1.5.2. Tính hệ số tăng trưởng 1.5.3. Phân tích sự thay thế giữa các biến số 1.6. Áp dụng phân tích một số mô hình kinh tế phổ biến 1.6.1. Mô hình tối ưu 1.6.2. Mô hình cân bằng Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 3 (Tỷ lệ: 30%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 4 (Tỷ lệ: 40%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 3 (Tỷ lệ: 30%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

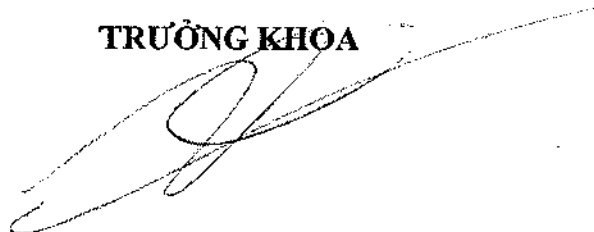
Tài liệu/giáo trình chính:

- [1] Nguyễn Quang Dong - Ngô Văn Thứ- Hoàng Đình Tuấn, Giáo trình Mô hình toán kinh tế, Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội, 2006.

Tài liệu tham khảo/bổ sung

- [2] Hoàng Đình Tuấn, Giáo trình Lý thuyết mô hình toán kinh tế, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, 2007.
- [3] Đặng Hãn, Giáo trình Quy hoạch tuyến tính, Trường Đại Học Kinh Tế TP.Hồ Chí Minh, 1995.
- [4] Phạm Trí Cao, Tối ưu hóa ứng dụng, Nhà xuất bản Thống kê TP.Hồ Chí Minh, 2009.
- [5] Alpha C Chiang: Fundamental Methods of Mathematical economics. McGraw - Hill, Inc, 1984 (Third Edition).

TRƯỜNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Phan Trần Uyên Phương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THỐNG KÊ TRONG KINH TẾ VÀ KINH DOANH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh
Tên học phần Tiếng Anh:	Statistics for Economics and Business
Mã học phần:	06CQ1114
Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Vũ Thị Bích Quỳnh
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Vũ Thị Bích Quỳnh ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng ThS. Trần Nguyễn Anh Minh
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần **Thống kê trong kinh tế và kinh doanh** cung cấp các nguyên lý cơ bản về thống kê, các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về các chỉ tiêu thống kê, phương pháp tính toán và ứng dụng thống kê trong việc hỗ trợ ra quyết định quản lý, dự báo và phân tích thị trường.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về thống kê trong KT và KD	3.0	PLO3
CLO2	Ứng dụng các phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu thống kê.	3.0	PLO3
CLO3	Phân tích và đánh giá số liệu thống kê để hỗ trợ ra quyết định.	4.0	PLO4
CLO4	Vận dụng thống kê trong các vấn đề thực tiễn về KT và KD	4.0	PLO4
CLO5	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	CDR	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về thống kê kinh tế	3				6			
	1.1 Khái niệm và vai trò của thống kê trong kinh tế và kinh doanh 1.2 Các phương pháp thu thập dữ liệu 1.3 Xử lý và trình bày dữ liệu thống kê								
2	Chương 2: Các chỉ tiêu thống kê mô tả	3				6			
	2.1 Số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân 2.2 Mốt, trung vị, phương sai và độ lệch chuẩn 2.3 Ứng dụng trong phân tích kinh tế Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	Đay: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
3	Chương 3: Phân phối xác suất và biến ngẫu nhiên	3				10			
	3.1 Khái niệm về xác suất và biến ngẫu nhiên 3.2 Các phân phối xác suất thông dụng 3.3 Ứng dụng xác suất trong phân tích dữ liệu kinh tế Bài tập								
4	Chương 4: Kiểm định giả thuyết thống kê	3				10			
	4.1 Khái niệm, cấu trúc và vai trò của thị trường chứng khoán 4.2 Hoạt động giao dịch chứng khoán 4.3 Các chỉ số chứng khoán quan trọng						CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	CĐR	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
5	Chương 5: Hồi quy và tương quan	3				6			
	5.1 Khái niệm hồi quy và tương quan 5.2 Mô hình hồi quy tuyến tính đơn giản 5.3 Ứng dụng hồi quy trong dự báo kinh tế						CLO1 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.	
6	Chương 6: Dự báo trong KT và KD	3				6			
	6.1 Các phương pháp dự báo 6.2 Phân tích xu hướng 6.3 Ứng dụng dự báo trong kinh doanh Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5	Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	
7	Chương 7: Chỉ số thống kê và phân tích chuỗi thời gian	4				6			
	7.1 Khái niệm- tính chất của chỉ số thống kê 7.2 Phương pháp phân tích chuỗi thời gian 7.3 Ứng dụng chỉ số thống kê trong kinh tế Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5	Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
8	Chương 8: Ứng dụng thống kê trong phân tích kinh tế	8				20			
	8.1 Phân tích thị trường và hành vi tiêu dùng 8.2 Ứng dụng thống kê trong QT tài chính 8.3 Phân tích rủi ro và quản lý dữ liệu KD Ôn tập - Bài tập ứng dụng						CLO3 CLO4 CLO5		
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1; CLO3 CLO4; CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2; CLO3 CLO4; CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1; CLO2 CLO3; CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 & 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 & 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 & 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 & 7 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình chính

1. Bộ môn Thống kê (2024), *Thống kê trong kinh tế và kinh doanh*, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

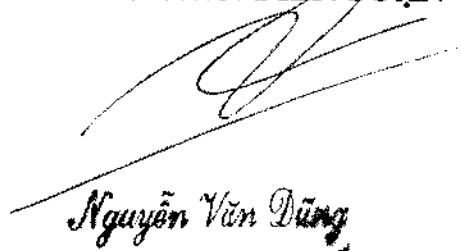
1. Keller, G. (2022), *Statistics for Business and Economics*, Cengage Learning.
2. Anderson, D.R., Sweeney, D.J., Williams, T.A. (2021), *Modern Business Statistics*, Pearson.
3. Nguyễn Văn Tiến (2020), *Thống kê ứng dụng trong kinh tế*, NXB Tài chính.
4. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2019), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Thống kê.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Tiếng Anh 1
- Mã học phần: 06CQ1099
- Số tín chỉ: 04
- Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ nhất
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

☐ Đại cương		☒ Chuyên nghiệp	
		☒ Cơ sở ngành	☐ Chuyên ngành
☐ Bắt buộc	☐ Tự chọn	☒ Bắt buộc	☐ Tự chọn
		☐ Bắt buộc	☐ Tự chọn
		☐ Bắt buộc	
		☐ Tự chọn	☐ Tự chọn

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	60	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	140	tiết
Lý thuyết:	60	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:		tiết
Thực hành:	0	tiết	Làm bài tập ở nhà:		tiết
Thảo luận / Thuyết trình:	0	tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:	0	tiết			

1.

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

- Học phần Tiếng anh tổng quát sử dụng giáo trình cấp độ sơ cấp và tiền trung cấp (level A2) theo khung CEFR (Common European Framework of Reference for Languages). Giáo trình này gồm 14 bài, mỗi đơn vị bài học bao quát 5 nội dung chính bao gồm: (A) Kỹ năng nghe, (B) Kỹ năng ngữ pháp, (C) Củng cố vốn từ vựng, (D) Kỹ năng nói, (E) Kỹ năng viết.

- Học phần Tiếng anh 1, người học tập trung 14 nội dung chính từ bài 1 đến bài 14, bao gồm các chủ đề sau:

- | | |
|-------------------------|----------------------------------|
| 1. Daily life | 8. Technology |
| 2. House and home | 9. Entertainment and Media |
| 3. Food and drinks | 10. The natural world |
| 4. Clothes | 11. Health and Fitness |
| 5. Sports | 12. Travel and Holidays |
| 6. School and study | 13. She might be a vet |
| 7. Places and Buildings | 14. Can you repeat that, please? |

Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ chức năng dùng trong một cuộc hội thoại như hỏi lặp lại, trao đổi các thông tin về sở thích, việc học tập, thể thao, miêu tả hình dáng, tính cách, hỏi đáp và đưa ra ý kiến, nói về hoạt động và nơi tham quan ưa thích.

- Học phần này cung cấp những kiến thức bắt buộc phải nắm được và vận dụng kiến thức trong giao tiếp và hành văn. Môn học trang bị kỹ năng và thói quen để sinh viên chủ động tự đọc thêm tài liệu, tập trung vào kỹ năng giao tiếp và nguồn tài liệu tham khảo để nâng cao hiểu biết tiếng Anh.
- Học phần có chuẩn đầu ra tương đương trình độ tiền trung cấp cấp độ A2 (Bậc 2 – Khung NLNN 6 bậc của BGDĐT).

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] David Mc Keegan (2017), *Complete Key for School*, Cambridge University Press.

- Tài liệu tham khảo/bổ sung:

[2] Jack C. Richards, David Bohlke (2012), *Four Corners 2B*, Cambridge University Press.

[3] Azar, B.S (2005), *Basic English Grammar*, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh.

[4] Jim Lee, Sandy Cho (2010), *TOEIC Academy*, NXB Tổng hợp TP. HCM.

- Trang Web/CDs tham khảo:

<https://www.cambridgeenglish.org/learning-english/>

<https://www.cambridge.org/us/>

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CĐR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Kiến thức về từ vựng, văn phạm, và cấu trúc ở mức độ sơ cấp cơ bản về một số chủ đề liên quan đến bản thân, gia đình, con người, nơi chốn, và hoạt động thường ngày thông dụng. Kiến thức về các ngôn ngữ chức năng để đạt mục đích giao tiếp chào hỏi; hỏi thông tin cá nhân, thời gian, ngoại hình, quần áo thông tin về bạn bè, đồ vật yêu thích, và các khả năng, sở thích của bản thân. Kiến thức về các yếu tố của phát âm liên quan âm nhấn, các đuôi số nhiều, các âm yếu, cụm từ giao tiếp thường ngày, các chủ đề hội thoại quen thuộc về sở thích, thông tin cá nhân, thời tiết và địa điểm du lịch. Kiến thức về thi hiện tại đơn; hiện tại tiếp diễn, các cấu trúc ngữ pháp <i>too</i>, <i>enough</i>, <i>have to</i>, danh từ đếm được và không đếm được cách đặt câu hỏi về tính cách, hình dáng; hỏi ý kiến, hỏi số lượng để miêu tả; trình bày và thảo luận, đặt câu hỏi và trả lời.	PLO 1 PLO 2	3.0
G ₂	Khả năng sử dụng từ vựng thuộc chủ đề cá nhân và sở thích; sử dụng văn phạm theo đúng cấu trúc cụ thể để thực hiện việc giao tiếp ở mức độ cơ bản với các chủ đề quen thuộc. Khả năng đọc và nghe: lấy ý chính, thông tin cụ thể, thông tin chi tiết trong các chủ đề về sở thích, thông tin cá nhân, thời tiết và địa điểm du lịch. Khả năng trả lời phỏng vấn giới thiệu bản thân, sở thích, miêu tả tính cách các thành viên gia đình, các hoạt động thường ngày và hoạt động giải trí, tham gia đóng vai trong giao tiếp. Khả năng phát âm với nguyên âm và phụ âm phù hợp, dùng dấu nhấn trong từ và câu một cách phù hợp. Khả năng viết miêu tả sở thích, bản thân, viết email cho người bạn, và miêu tả ngôi nhà.	PLO 4 PLO 5 PLO 6	2.0
G ₃	Kỹ năng hoàn thành việc nối từ vựng với hình ảnh, điền từ vào đoạn văn theo đúng văn cảnh; Kỹ năng nhận diện chủ điểm văn phạm từ một đoạn văn hoặc đoạn hội thoại, hoàn thành các câu với chủ điểm văn phạm phù hợp, đặt câu. Sinh viên giao tiếp tốt với chủ đề đơn giản hằng ngày, mặc dù chưa thể nói dài hơn qua việc sử dụng những mẫu câu được giới thiệu trong từng chủ đề. Kỹ năng tìm kiếm, phân tích văn bản bài đọc để hoàn thành các bài tập chọn tiêu đề, chọn thông tin chi tiết, chọn hình ảnh phù hợp. Kỹ năng nghe chọn hình ảnh được đề cập, chọn đáp án true/ false, chọn câu hỏi trắc nghiệm nhiều đáp án, điền từ còn thiếu. Kỹ năng phân tích lên ý tưởng, lập danh sách câu hỏi; viết câu, đoạn văn ngắn; kiểm tra lại bài viết theo cặp. Kỹ năng thảo luận, trình bày ý tưởng, đưa ra nhận xét theo cặp và nhóm.	PLO7 PLO8	2.0
G ₄	Thái độ tự tin, có tinh thần vận dụng các kiến thức đã học trong giao tiếp khi sử dụng tiếng Anh	PLO9	2.0

5. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI DẠY VÀ NGƯỜI HỌC

5.1. Yêu cầu đối với người dạy

Nội dung, lịch trình giảng dạy, và các quy định của học phần và của giảng viên phải được công khai cho sinh viên vào buổi học đầu tiên. Mọi thắc mắc hay đề xuất của sinh viên về quy định của học phần phải được giải đáp thỏa đáng. Sau khi đã công bố nội dung và thống nhất các quy định của học phần, giảng viên phải áp dụng nhất quán, không được thay đổi trong suốt quá trình giảng dạy học phần.

Trong trường hợp bất khả kháng phải thay đổi lịch trình giảng dạy, giảng viên phải thông báo trước cho sinh viên một khoảng thời gian hợp lý và sắp xếp lịch dạy bù đầy đủ. Các thay đổi về học vụ, nội dung, các yêu cầu của học phần (đặc biệt là các nội dung có liên quan đến quyền lợi của sinh viên) đều phải báo cáo và được ban chủ nhiệm Khoa thông qua trước khi bắt đầu giảng dạy.

Phương pháp giảng dạy : Triển khai phương pháp lấy người học làm trung tâm, tổ chức nhiều hoạt động đa dạng, phát huy tối đa sự sáng tạo chủ động và khả năng tư duy của người học. Phối kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại, với kiến thức cập nhật thú vị để thu hút và tạo động lực cho người học. Sử dụng các phương pháp hoạt động nhóm, đôi, hoán đổi vai trò nhằm giảm thiểu hạn chế của lớp lớn, mà vẫn mang lại hiệu quả cho người học

5.2. Yêu cầu đối với người học

Tham gia tích cực, nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động trên lớp cũng như các bài tập trước và sau giờ lên lớp. Tăng cường khả năng sử dụng các phương tiện học tập hiện đại như internet, truyền hình kỹ thuật số, báo, đài để tiếp thu nguồn kiến thức đa dạng, nhiều chiều, tạo tính chủ động và tư duy rõ ràng. Phát triển năng lực làm việc đôi, làm việc nhóm, tư vấn chuyên gia, giáo viên và bạn bè.

Các thắc mắc và đề xuất của sinh viên về các yêu cầu của môn học phải được đưa ra vào buổi học đầu tiên. Sau khi các yêu cầu của môn học và của giảng viên đã được công khai và đã được thống nhất, sinh viên phải tuyệt đối tuân thủ các quy định của môn học và của giảng viên đề ra trong suốt quá trình học tập.

Nếu sinh viên nào vì lý do bất khả kháng hoặc hoàn cảnh đặc biệt (ví dụ bị bệnh) mà không thể tuân thủ các yêu cầu của môn học và của giảng viên đề ra thì phải có đơn xin phép và minh chứng để giảng viên xem xét các hình thức hỗ trợ.

Sinh viên phải chuẩn bị kỹ bài trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên.

Sinh viên phải đi học đúng giờ. Sinh viên đi trễ 30 phút sau khi bài giảng đã bắt đầu sẽ không được vào lớp.

Sinh viên vắng học không có lý do từ 80% trở lên đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Tiếng anh 1 với CĐR Chương trình đào tạo.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo các ngành ngoài Ngôn Ngữ Anh cho học phần Tiếng anh 1 .

Học phần Tiếng Anh 1	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo ngành phân nhiệm cho học phần Tiếng Anh 1								
	PLO1	PLO 2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	2.0	2.0	2.0	2.0
Mức độ giảng dạy ITU	TU3	TU3	TU3	TU3	TU3	TU2	TU2	TU2	TU2

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Tiếng anh 1 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Tiếng anh 1 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	TDNL	CĐR CTĐT tương ứng
G1.1	Hiểu từ vựng ở các chủ đề giao tiếp cơ bản về số đếm, thời gian, giá cả, con người, nơi chốn, đồ vật, sinh hoạt hằng ngày, sở thích, ở trình độ sơ cấp cơ bản; hiểu các chủ điểm văn phạm bao gồm thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, các cấu trúc so sánh bằng, kém hơn, so sánh hơn, cấu trúc <i>too, enough</i> ...	3.0	PLO 1 PLO 2
G1.2	Phân biệt các thể loại nội dung bài đọc khác nhau gồm khảo sát, trang blog, trang web, brochure, bài báo.	3.0	PLO 4
G1.3	Phân biệt các thể loại bài nghe khác nhau như hỏi thông tin cá nhân, điền mẫu đơn, bài hội thoại, bài độc thoại, cuộc gọi điện thoại.	3.0	PLO 5
G1.4	Phân biệt được bài viết miêu tả sở thích, miêu tả bản thân, email, miêu tả về ngôi nhà mơ ước; phân biệt được các giai đoạn gồm lên ý tưởng, khảo sát, lấy ý tưởng, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, viết bài, thảo luận về bài viết với người cùng học, chỉnh sửa	2.0	PLO 6

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	TĐNL	CDR CTĐT tương ứng
	bài viết.		
G1.5	Nhận diện các loại câu hỏi, thì sử dụng trong giao tiếp như cách đặt câu hỏi với yes/ no questions, wh-questions để hỏi về tên, tuổi, thông tin cá nhân và cách trả lời; các câu hỏi về đồ vật, sở hữu và cách trả lời; các câu hỏi về phương tiện đi lại, thời gian, hoạt động thường ngày, giá cả, trang web, công việc, kỹ năng của bản thân và cách trả lời; cách phát âm rút gọn của động từ to be và can't, dấu nhấn, và hình thức số nhiều.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 7
G2.1	Vận dụng từ vựng thuộc các chủ đề thường ngày để đọc hiểu các bài đọc ngắn, nghe hiểu các đoạn hội thoại ngắn trong văn cảnh thường nhật, viết các câu và đoạn văn ngắn. Vận dụng cấu trúc văn phạm phù hợp để viết câu, đoạn văn ngắn và giao tiếp cơ bản.	3.0	PLO 1 PLO 2
G2.2	Phát triển các kỹ năng dự đoán nội dung bài đọc, đọc lấy ý chính, thông tin chi tiết, thông tin cụ thể.	3.0	PLO 4
G2.3	Phát triển kỹ năng dự đoán thông tin bài nghe, nghe lấy ý chính và thông tin chi tiết.	3.0	PLO 5
G2.4	Vận dụng viết câu hoặc đoạn văn ngắn, phân tích, tổng hợp, lên ý tưởng, bố cục để lấy ý kiến cho bài viết; viết và sửa lỗi với bạn học theo cặp, nhóm.	3.0 2.0	PLO 4 PLO 6
G2.5	Vận dụng kỹ năng nói để giới thiệu bản thân và một ai đó, đề cập đến số, giá cả, thời gian; lên ý tưởng, chuẩn bị đặt câu hỏi và trả lời với cấu trúc hiện tại đơn; tự mở đầu hoặc đối đáp với những câu khẳng định hiện tại đơn về chủ đề bạn bè, nơi chốn, đồ vật, hoạt động thường ngày, công việc và kỹ năng cá nhân. Vận dụng phát âm với nguyên âm và phụ âm phù hợp, sử dụng dấu nhấn trong từ và câu phù hợp.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 7
G3.1	Vận dụng từ vựng, cụm từ để nối nghĩa, điền từ; trả lời câu hỏi trắc nghiệm, điền từ. Vận dụng cấu trúc văn phạm thì hiện tại đơn, sở hữu, đặt câu hỏi, câu đơn, và câu ghép để hoàn thành các bài tập hoàn thành các bài trắc nghiệm, đúng sai, hỏi đáp, lựa chọn nhiều đáp án...	3.0 2.0	PLO 1 PLO 2 PLO 8
G3.2	Vận dụng kỹ năng đọc để hoàn thành dạng bài chọn tiêu đề phù hợp, chọn hình ảnh hoặc thông tin liên hệ được đề cập trong bài, điền từ trong bài đọc, trả lời câu hỏi.	3.0 2.0	PLO 4 PLO 8

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	TĐNL	CDR CTĐT tương ứng
G3.3	Vận dụng kỹ năng nghe để hiểu nội dung và trả lời các loại câu hỏi các bài luyện tập nghe điền từ, tô tròn, chọn hình ảnh, chọn nhiều đáp án, tìm từ sai.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 5 PLO 8
G3.4	Phát triển kỹ năng viết các câu ngắn, đoạn văn ngắn được thực hiện qua các bước gồm việc thu thập thông tin, khảo sát, viết bài, tự đánh giá, kiểm tra lại bài theo cặp và nhóm với các chủ đề về sở thích cá nhân, miêu tả bản thân, người thân trong gia đình, bạn bè, một ngôi nhà mơ ước.	2.0	PLO 6 PLO 8
G3.5	Phát triển kỹ năng giao tiếp qua việc đóng vai, tương tác bằng tiếng Anh theo cặp và theo nhóm, trình bày trước tập thể. Sử dụng các kỹ thuật phát âm để phát âm nguyên âm, phụ âm và các dấu nhấn phù hợp.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 7 PLO 8
G4.1	Có thái độ khách quan, trung thực, tinh thần hợp tác. Có ý thức chủ động tìm kiếm thông tin, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.	2.0	PLO 9

7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHI TIẾT

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Unit 1: What's your name? Listening: numbers Grammar: present simple – things always true or happen regularly Vocabulary: family tree Speaking: personal information/ daily life/people Writing: an email (35 words) about yourself	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm	
2	Unit 2: Are you coming to the party? Listening: identify numbers, words or time Grammar: present continuous – things happening now – have got Vocabulary: parts of a house, furniture Reading: main ideas Speaking: A house party Writing: Describe your house/ favorite room (2 minutes or 100 words)	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
3	Unit 3: I'm hungry. Reading: multiple-choice questions	4	0	0	0	8	G 1 G2	GV trình bày lý thuyết, phân tích,	

Tuần	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự	Chuẩn	Hoạt động	Đánh
	Vocabulary: food, food phrases Grammar: countable & uncountable How much/many; a few, a little, a lot Listening: fill missing words, numbers, dates, times, names or prices Writing: a letter or email to invite your friends to have dinner at your home Speaking: make a conversation with a partner like an interview to get information about something						G3	đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi SV làm bài tập theo nhóm	
4	Unit 4: You look great! Listening: hear a conversation then matching Grammar: present continuous & present simple Vocabulary: Adjectives, shops Grammar: too and enough Reading: multiplied choices Speaking: Clothes and Fashion Writing: a message about a shopping trip	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1 G1 G2 G3 G4	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
5	Unit 5: She's the winner. Reading: for details Grammar: comparatives & superlatives, prepositions of time Vocabulary: do/play/go – Nationalities Listening: for prices, time Speaking: talk about hobbies Writing: a note of notice	4	0	0	0	8	G1 G2 G3	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
6	Unit 6: I have to do my homework Grammar: have to, object pronouns Vocabulary: school subjects Reading: Multiple choice Writing: make a poster of a event Speaking: Talk about your trip	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
7	Unit 7: Let's go to the mountain. Reading Grammar: Simple past, imperative Vocabulary: buildings, directions Listening: words, number Speaking: holidays Writing: a message about a holiday Mini test 1	4	0	0	0	8	G1 G2 G3	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập theo nhóm. SV làm bài kiểm tra kĩ năng văn phạm, từ vựng, nghe, đọc trong th.gian 45 phút.	
8	Unit 8: You have one new message. Listening: Listen to detail Vocabulary: technology verbs Grammar: Past continuous, can/can't, could, couldn't. Reading: Writing: a email about your last trip Speaking: talk about a popular place	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	

Tuần	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự	Chuẩn	Hoạt động	Đánh
9	Unit 9: Let's have some fun. Reading: Film fan Grammar: verbs with -ing or to infinitive Vocabulary: suggesing, accepting, refusing Listening: Great prizes Grammar: Will Writing: an advertisement about entertainment/ media Speaking: converstion about hanging out.	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm	
10	Unit 10: What a sunny day! Listening: words, numbers Vocabulary: weather Grammar: Going to Reading: Vocabulary: places Writing: an email about your terrible trip Speaking: talk about your future plans	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
11	Unit 11: I've got a cold Reading: a new timetable at school Grammar: First conditional Vocabulary: parts of body Listening: short conversations Grammar: something, anything, nothing, ect.	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
12	Unit 12: Has he been on holiday. Reading: a conversation about a holiday in Greece Grammar: the present perfect; should/ shouldn't Vocabulary: travel, holidays	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
13	Unit 12: Has he been on holiday. Listening: a conversation about a Speaking: Means of transport Writing: a short description about your favorite trip Mini test 2	4	0	0	0	12	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm. Write an email and a short paragraph about a topic (30 minutes)	

Tuần	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự	Chuẩn	Hoạt động	Đánh
14	Unit 13: You might be a vet Reading: notices about clubs, exhibitions and courses Grammar: present perfect tense; may/might Vocabulary: hobbies/jobs Listening: conversations about learning to sail Speaking: parkour Writing: notes	4	0	0	0	12	G1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
15	Unit 14: Can you repeat that, please? Reading: a conversation about a language course Grammar: passive voice in present perfect Vocabulary: communication verbs Listening: a conversation about people at a party Speaking: personal details Writing: an email REVISION FOR THE FINAL TEST <i>Introduce yourself (2-3 minutes)</i> DESCRIBE PICTURES SPEAKING TOPICS ✓ Your favorite trip ✓ A popular place/site ✓ Hanging out ✓ Your good and bad habits ✓ Your future plans ✓ How to keep body fit and healthy ✓ A current entertainment event ✓ The weather in your place/ your country	4	0	0	0	20	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1 G1 G2 G3	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV hướng dẫn SV chuẩn bị nội dung ôn thi các chủ đề. GV giải đáp các thắc mắc và các câu hỏi của SV về nội dung ôn tập. SV thi thử demo. GV nhận xét và phản hồi về kết quả, nhắc nhở các lỗi SV hay mắc phải trong quá trình thi demo.	
	Tổng	60	0	0	0	140			

8. MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA BẬC 2 (A2)

8.1 Mô tả tổng quát

Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản. Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

8.2 Mô tả các kỹ năng

Đặc tả kỹ năng nghe	
Đặc tả tổng quát kỹ năng nghe	- Có thể hiểu những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày (về gia đình, bản thân, mua sắm, nơi ở, học tập và làm việc...) khi được diễn đạt chậm và rõ ràng. - Có thể hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.
Nghe hội thoại	- Có thể xác định được chủ đề của các hội thoại diễn ra tương đối và rõ ràng.
Nghe thông báo, hướng dẫn chỉ dẫn	- Có thể hiểu được ý chính trong các thông báo hay tin nhắn thoại ngắn. - Có thể hiểu những hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng.
Đặc tả kỹ năng nói	
Nói độc thoại	- Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến công việc và thời gian rảnh rỗi. - Có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao ngắn và tương đối dài.
Mô tả kinh nghiệm	- Có thể mô tả về gia đình, điều kiện sống, trình độ học vấn, công việc hiện tại và công việc gần nhất trước đó. - Có thể mô tả những hoạt động trong cuộc sống thường ngày như tả người, địa điểm, công việc và kinh nghiệm học tập. - Có thể mô tả các kế hoạch, thói quen hằng ngày, các hoạt động trong quá khứ và kinh nghiệm cá nhân. - Có thể diễn đạt đơn giản về điều mình thích hay không thích.
Trình bày trước người nghe	- Có thể trình bày ngắn gọn thông tin đã được chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc thường ngày, trình bày được lý do và lý giải một cách ngắn gọn cho những quan điểm, kế hoạch và hành động. - Có thể trả lời những câu hỏi trực tiếp với điều kiện có thể được hỏi lại và người nghe hỗ trợ giúp diễn đạt cách trả lời.
Nói tương tác	- Có thể giao tiếp về những vấn đề đơn giản, trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc liên quan tới công việc và cuộc sống hằng ngày nhưng chưa thể duy trì hội thoại theo cách riêng của mình. - Có thể giao tiếp một cách dễ dàng bằng những hội thoại ngắn trong những tình huống giao tiếp xác định mà không cần nỗ lực quá mức.
Nói tương tác hội thoại	- Có thể xử lý các giao tiếp xã hội ngắn nhưng chưa duy trì được hội thoại theo cách riêng của mình. - Có thể sử dụng cách chào hỏi lịch sự, đơn giản thường ngày. - Có thể mời, đề nghị, xin lỗi, cảm ơn và trả lời lời mời, đề nghị và xin lỗi. - Có thể nói điều mình thích và không thích. - Có thể tham gia những hội thoại ngắn trong những ngữ cảnh quen thuộc và về những chủ đề quan tâm.

Giao dịch hàng hóa và dịch vụ	- Có thể yêu cầu và cung cấp hàng hóa và dịch vụ hằng ngày như gọi món ăn trong nhà hàng. - Có thể lấy những thông tin cơ bản về hàng hóa và dịch vụ tại các cửa hàng, bưu điện hoặc ngân hàng. - Có thể cung cấp và hiểu các thông tin liên quan tới số lượng, con số, giá cả cho các hàng hóa, dịch vụ.
Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn	- Có thể trả lời và khẳng định quan điểm của mình bằng diễn ngôn tương đối khi trả lời phỏng vấn. - Có thể làm cho người phỏng vấn hiểu được và trao đổi ý kiến, thông tin về những chủ đề quen thuộc, đôi khi vẫn cần nhắc lại câu hỏi hoặc tìm cách diễn đạt dễ hiểu hơn.
Phát âm và độ lưu loát	- Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác nhóm từ, cách diễn đạt và câu ngắn tuy người đối thoại đôi khi vẫn phải yêu cầu nhắc lại. - Có thể làm người đối thoại hiểu ý mình bằng cách bổ sung các chi tiết nhỏ, mặc dù còn ngập ngừng, cắt ngắn ý và khó khăn tìm cách diễn đạt lại.
Độ chuẩn xác và phù hợp về mặt ngôn ngữ xã hội	- Có thể sử dụng một số cách diễn đạt phù hợp liên quan đến các chủ đề hằng ngày. - Có thể giao tiếp phù hợp với vai và hoàn cảnh giao tiếp trong gia đình, lớp học, công việc thông thường.
Mức độ hoàn thành nhiệm vụ bài thi	- Có thể hoàn thành phần của nhiệm vụ bài thi (trả lời các gợi ý từ mức độ đơn giản đến phức tạp) ở mức tương đối; phần lớn các câu trả lời cần phù hợp, có thể suy đoán ý của người nói hoặc văn bản ở mức tương đối.
Đặc tả kỹ năng đọc	
Đặc tả tổng quát kỹ năng đọc	- Có thể hiểu các đoạn văn bản ngắn về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có thể sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày.
Đọc lấy thông tin và lập luận	- Có thể xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản như thư từ, tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.
Đọc tìm thông tin	- Có thể tìm được các thông tin cụ thể, có thể suy đoán ở mức không quá phức tạp trong các văn bản thường gặp hằng ngày như quảng cáo, thực đơn, danh mục tham khảo và thời gian biểu. - Có thể định vị thông tin cụ thể trong các danh sách và tìm được thông tin mong muốn (ví dụ: sử dụng danh bạ điện thoại để tìm ra số điện thoại một loại hình dịch vụ nào đó).
Đọc văn bản giao dịch	- Có thể hiểu các loại thư từ và văn bản điện tử cơ bản (thư hỏi đáp, đơn đặt hàng, thư xác nhận, v.v...) về các chủ đề quen thuộc. - Có thể hiểu các loại thư từ cá nhân ngắn gọn, đơn giản. - Có thể hiểu các quy định, ví dụ quy định về an toàn, khi được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản. - Có thể hiểu các hướng dẫn sử dụng đơn giản cho các thiết bị trong đời sống hằng ngày như điện thoại công cộng.
Đọc xử lý văn bản	- Có thể nhận ra và tái hiện các từ và cụm từ hoặc các câu ngắn hoặc dài tương đối từ một văn bản. - Có thể sao chép các văn bản có độ dài tương đối được trình bày dạng in hoặc viết tay.

Đặc tả kỹ năng viết	
Đặc tả tổng quát kỹ năng viết sản sinh	- Có thể viết các mệnh đề, câu đơn giản hoặc câu phức nối với nhau bằng các liên từ như: và, nhưng, vì.
Viết sáng tạo	- Có thể viết những cụm từ hay những câu đơn giản về gia đình, điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại. - Có thể viết tiểu sử giả tưởng một cách ngắn gọn.
Đặc tả tổng quát kỹ năng viết tương tác	- Có thể viết những ghi chú ngắn, sử dụng biểu mẫu về những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.
Thư từ giao dịch	- Có thể viết thư cá nhân mô tả chi tiết kinh nghiệm, cảm xúc, sự kiện. - Có thể viết thư từ giao dịch nhằm cung cấp thông tin cá nhân, trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan đến công việc, học tập và các chủ đề về văn hóa, âm nhạc, phim ảnh.
Ghi chép, tin nhắn, diễn biểu mẫu	- Có thể hiểu được những tin nhắn ngắn. - Có thể viết các tin nhắn ngắn liên quan tới những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.
Xử lý văn bản	- Có thể lựa chọn và tái tạo những từ, cụm từ quan trọng, hay những câu ngắn từ một đoạn văn ngắn trong khả năng và kinh nghiệm giới hạn của bản thân. Có thể chép lại những đoạn văn bản ngắn.
Tiêu chí ngôn ngữ chung	- Có vốn ngôn ngữ cơ bản để xử lý các tình huống hằng ngày với nội dung có thể đoán trước, mặc dù người viết vẫn phải điều chỉnh nội dung thông điệp và tìm từ. Có thể diễn đạt ngắn gọn những nhu cầu đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày cụ thể như thông tin cá nhân, thói quen hằng ngày, mong muốn, nhu cầu, hỏi thông tin. Có thể sử dụng những kiểu câu đơn giản, những đoạn ngữ, cụm từ ngắn được ghi nhớ, những mô thức giao tiếp để diễn đạt về bản thân, về người khác, công việc, địa danh, vật sở hữu v.v... Có vốn từ hạn chế gồm những cụm từ ngắn được ghi nhớ về những tình huống cấp thiết có thể đoán trước; trong những tình huống không quen thuộc, vẫn thường xảy ra những hiểu nhầm và gián đoạn giao tiếp.
Phạm vi từ vựng	- Có đủ vốn từ để thực hiện các giao dịch thường nhật liên quan đến các tình huống và chủ đề quen thuộc. Có đủ vốn từ để diễn đạt những nhu cầu giao tiếp cơ bản và để xử lý những nhu cầu tối giản.
Kiểm soát từ vựng	- Có khả năng kiểm soát được vốn từ hẹp thuộc các nhu cầu cụ thể hằng ngày.
Độ chính xác về ngữ pháp	- Sử dụng chính xác một số cấu trúc đơn giản nhưng vẫn mắc các lỗi cơ bản một cách hệ thống như có thiên hướng nhầm lẫn giữa các thì, không sử dụng dạng thích hợp của động từ với chủ ngữ. Tuy nhiên, người sử dụng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.
Độ chính xác về chính tả	- Có thể chép các câu ngắn về các chủ đề hằng ngày, ví dụ các câu chỉ đường. Có thể viết chính xác âm tiết của các từ ngắn (không nhất thiết chuẩn mực tuyệt đối) sẵn có trong vốn từ khẩu ngữ của người học.

9. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMD

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá chuyên cần	A1. Đánh giá chuyên cần	G3 G4	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2, G4.1	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề thuyết trình nhóm <u>Kỹ năng</u> : nói và phát âm rõ, trôi chảy <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài (ý tưởng) Sử dụng ngữ pháp chuẩn, hạn chế tối đa các lỗi. Phát âm và sử dụng các đặc điểm của phát âm đúng chuẩn. Sử dụng ngữ điệu. Thông tin trình bày rõ ràng, tự tin.	10%
	A2.2. Bài kiểm tra tích hợp các kỹ năng dạng trắc nghiệm & tự luận (văn phạm, từ vựng, nghe + đọc + viết)		<u>Kiến thức</u> : từ vựng, văn phạm, ngữ âm, âm nhân và nội dung các bài 1-3 <u>Kỹ năng</u> : từ vựng, ngữ pháp, đọc, nghe, viết <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài Trung thực, cẩn thận, hạn chế các lỗi.	30 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Thi kết thúc học phần (vấn đáp)	G1 G2 G3 G4	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề bám theo các đơn vị bài học và nội dung ôn tập <u>Kỹ năng</u> : nói và phát âm rõ, trôi chảy, nối từ, câu, sử dụng những đặc điểm trong phát âm tiếng Anh <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài (ý tưởng) Đảm bảo cách sử dụng vốn từ linh hoạt, tránh lặp từ quá nhiều. Sử dụng ngữ pháp chuẩn, hạn chế tối đa các lỗi. Phát âm và sử dụng các đặc điểm của phát âm đúng chuẩn. Sử dụng ngữ điệu. Thông tin trình bày rõ ràng. Lời nói trôi chảy.	50%

10. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Mục đánh giá A2.

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Phần thi Văn phạm, Từ vựng (Trắc nghiệm)					
Từ vựng	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR
<i>Số câu: 5 Tỉ lệ: 50%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Văn phạm	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR
<i>Số câu: 5 Tỉ lệ: 50%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 10 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 6 Tỉ lệ: 60%</i>	<i>Số câu: 3 Tỉ lệ: 30%</i>	<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%</i>
Phần thi Đọc					
Phần 1 Trắc nghiệm. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi.	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)
<i>Số câu: 15 Tỉ lệ: 75 %</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 2</i>
Phần 2 Cloze test	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)
<i>Số câu: 5 Tỉ lệ: 25 %</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng số câu: 20 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 7 Tỉ lệ: 35%</i>	<i>Số câu: 6 Tỉ lệ: 30%</i>	<i>Số câu: 4 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 3 Tỉ lệ: 15%</i>
Phần thi Viết (30 minutes)					
Phần 3 (Viết 1 đoạn văn ngắn và email)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)
Email	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	
Đoạn văn ngắn	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng số câu: 2 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 50%</i>	<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 50%</i>
Phần thi Nghe					
Phần 1 (Chọn hình ảnh)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 4 Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Phần 2 (Trắc nghiệm)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 3 Tỉ lệ: 30%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>

Phần 3 (Chọn True/ False)	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 10 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 5 Tỉ lệ: 50%	Số câu: 3 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0 %

Mục đánh giá A3.

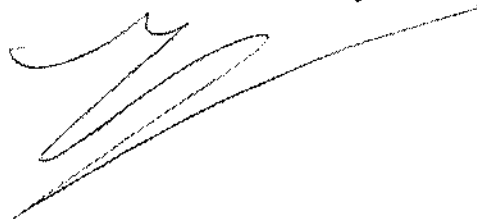
Phần thi vấn đáp Các thí sinh dự thi theo cá nhân.					
Phần 1 (2,5 điểm)	Giới thiệu bản thân <i>(Thí sinh trả lời các câu hỏi về các thông tin cơ bản: tên, tuổi, nơi ở, quê hương, gia đình, công việc...)</i>				
<i>Số câu: 5</i> <i>Tỉ lệ: 25%</i>	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Phần 2 (2,5 điểm)	Phần thi bốc thăm chủ đề <i>(có 5 chủ đề liên quan đến nội dung học phần. Thí sinh dựa vào 5 câu hỏi gợi ý để trình bày một bài nói ngắn về chủ đề đã bốc thăm. Thí sinh có thể được yêu cầu trả lời một đến 2 câu hỏi phụ liên quan đến chủ đề từ giám khảo sau khi kết thúc phần trình bày.)</i>				
<i>Số câu: 5</i> <i>Tỉ lệ: 25%</i>	CDR	CDR	CDR (L)	CDR (L)	CDR (L)
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>
Phần 3 (5,0 điểm)	Miêu tả tranh <i>(thí sinh bốc thăm phần miêu tả bức tranh, có 5 chủ đề theo hình ảnh, mỗi bức tranh cần miêu tả 5 ý chính: what-when-where-how- your feelings)</i>				
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 50%</i>	CDR	CDR	CDR (L)	CDR (L)	CDR (L)
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng số câu: 11 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 5 Tỉ lệ: 25%	Số câu: 3 Tỉ lệ: 15%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 50%

P.TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Trần Nữ Diễm My

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
KINH TẾ VI MÔ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Kinh tế vi mô
Tên học phần Tiếng Anh:	Micro Economics
Mã học phần:	06CQ0130
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quyết định của người tiêu dùng và doanh nghiệp sử dụng tài nguyên khan hiếm, luật cầu và cung và hoạt động của thị trường trong việc cân bằng cung cầu, tính co giãn của tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ, đặc điểm của phí sản xuất của doanh nghiệp, và quyết định của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh và thị trường độc quyền.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và ứng dụng khái niệm kinh tế vi mô trong tiêu dùng, sản xuất, cầu, cung và hoạt động của thị trường hàng hóa và dịch vụ.	2	PLO2
CLO2	Phân tích được hoạt động tiêu dùng, sản xuất, cầu, cung, thị trường hàng hóa và dịch vụ, các điều kiện kinh tế vi mô trong kinh doanh	3	PLO2 PLO8
CLO3	Đánh giá được các cách doanh nghiệp, hộ tiêu dùng ra quyết định chọn lựa.	4	PLO2 PLO8
CLO4	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc. Tham dự tích cực và đầy đủ các buổi học.	3	PLO8 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Khái niệm về kinh tế học và phương pháp học kinh tế	4	0	0	0	8		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	
	Mười nguyên lý của Kinh tế học Con người ra quyết định và tương tác với nhau như thế nào? Nền kinh tế vận hành như thế nào? Sự phụ thuộc lẫn nhau, lợi ích từ thương mại						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4		A1 A2
2	Lý thuyết cầu và cung	4	0	0	0	8			A3
	-Các thị trường và sự cạnh tranh -Luật cầu. Luật cung. Sự kết hợp của cung và cầu. Cân bằng của thị trường -Giá cả phân bổ nguồn lực như thế nào								
3-4	Độ co giãn và ứng dụng	8	0	0	0	16			
	Các thị trường và sự cạnh tranh - Luật cầu. Luật cung. Sự kết hợp của cung và cầu. Cân bằng của thị trường								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tỷ học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Giá cả phân bổ nguồn lực như thế nào.								
4	Cung, cầu và chính sách chính phủ	4	0	0	0	8	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	- Can thiệp vào thị trường: giá sàn và giá trần, quota, Thuế - Độ co giãn giá của cầu và phạm vi ảnh hưởng của thuế								
5	Người tiêu dùng, nhà sản xuất và hiệu quả của thị trường	4	0	0	0	8			
	- Thặng dư tiêu dùng. Thặng dư sản xuất Hiệu quả thị trường. Ứng dụng: chi phí của thuế. Thương mại quốc tế								
6	Hành vi của doanh nghiệp: Chi phí sản xuất	4	0	0	0	8			
	Chi phí là gì. Các loại chi phí. Sản xuất và chi phí. Các đo lường khác nhau về chi phí								
7	Hành vi của doanh nghiệp: Chi phí sản xuất	4	0	0	0	8			
	- Chi phí là gì. Các loại chi phí. Sản xuất và chi phí. Các đo lường khác nhau về chi phí; - Chi phí trong ngắn hạn và trong dài hạn								
8	Hành vi của doanh nghiệp trên thị trường cạnh tranh	5	0	0	0	10			
	- Thị trường cạnh tranh là gì? - Tối đa hóa lợi nhuận và đường cung của doanh nghiệp cạnh tranh Đường cung trên thị trường cạnh tranh Bài tập 2. Áp dụng lý thuyết chi phí sản xuất và quyết định tối đa hóa lợi nhuận								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
9	Hành vi của doanh nghiệp: doanh nghiệp độc quyền	4	0	0	0	8			
	- Nguyên nhân của độc quyền - Doanh nghiệp độc quyền đưa ra quyết định về sản xuất và giá cả như thế nào? - Tồn thất phúc lợi do độc quyền gây ra - Phân biệt giá của doanh nghiệp độc quyền: phân tích tình huống. Chính sách chính phủ đối với các doanh nghiệp độc quyền						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
10	Hành vi của doanh nghiệp: cạnh tranh độc quyền	4	0	0	0	8			
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống		30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

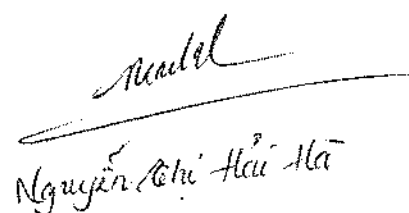
- [1] Trần Trung chuyển, Nguyễn Tri Khiêm. Kinh tế học vi mô. Giáo trình. 2018. Thư viện ĐH Nam Cần Thơ.
- [2] Nguyễn Đại Thắng. 2011. Giáo trình kinh tế học vi mô. NXB Giáo Dục.
- [3] Goodwin, Neva.J.Harris, J.A.Nelson, B.Roach và M.Torras. 2017. Microeconomics. M.E.Sharpe. New York.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
KINH TẾ VĨ MÔ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Kinh tế vĩ mô
Tên học phần Tiếng Anh:	Macro Economics
Mã học phần:	06CQ0132
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	Kinh tế vi mô
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm, công thức và cách thức sử dụng các công thức tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng của nền kinh tế. Học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phương trình kinh tế, các mô hình kinh tế cách phân tích sự vận động và tương tác của chúng trong nền kinh tế trong dài hạn. Sau cùng, sinh viên được tiếp cận các mô hình kinh tế cơ bản để phân tích nguyên nhân biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Biết tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng, và lựa chọn mô hình phân tích kinh tế trong ngắn hạn	4.0	PLO2 PLO8
CLO2	Phân tích được sự biến động của nền kinh tế đóng, mở trong dài hạn	4.0	PLO2 PLO8
CLO3	Biết vận dụng kinh tế học vĩ mô làm nền tảng kiến thức hỗ trợ cho các học phần chuyên môn khác	3.0	PLO2 PLO8
CLO4	Giải thích sự biến động của các chỉ tiêu vĩ mô của nền kinh tế và tác động của chính sách kinh tế vĩ mô đối với nền kinh tế	3.0	PLO2 PLO8
CLO5	Có thái độ phân tích khách quan, nghiêm túc đối với các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về kinh tế học vĩ mô	5	0	0	0	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	- Kinh tế học vĩ mô. Lạm phát và giảm phát. Chu kỳ kinh tế - Ưu nhược điểm của cơ chế thị trường. Công cụ điều tiết vĩ mô								
2	Chương 2: Đo lường tổng sản lượng quốc gia	5	0	0	0	10			
	- Cơ sở xây dựng và chỉnh sửa công thức tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. - Hệ thống tài khoản quốc gia và hệ thống sản xuất vật chất - Thu nhập quốc nội (GDP) và thu nhập quốc dân (GNP) - GDP danh nghĩa, GDP thực và chỉ số điều								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	chỉnh GDP - Sự khác biệt giữa chỉ số điều chỉnh GDP và CPI								
3-4	Chương 3: Cân bằng nền kinh tế trong dài hạn	8	2	0	0	20			
	- Tổng cung hàng hóa và cung vốn - Tổng cầu hàng hóa và cầu vốn - Cân bằng thị trường hàng hóa của nền kinh tế - Cân bằng thị trường vốn của nền kinh tế - Phân tích tác động của lãi suất đối với trạng thái cân bằng. Bài tập 1. Phân tích so sánh các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô giữa các nước.								
5	4. Thất nghiệp	5	0	0	0	10			
	- Các loại thất nghiệp - Toàn dụng lao động và mô hình tỉ lệ thất nghiệp tự nhiên Các nguyên nhân thất nghiệp								
6-7	5. Tiền, lạm phát và cầu tiền của nền kinh tế	8	2	0	0	20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
	- Phương trình định lượng tiền - Đẳng thức Fisher - Hàm cầu tiền thực Bài tập 2. Áp dụng phương trình định lượng tiền và công thức Fisher để suy ra hàm cầu tiền								
8	6. Mô hình nền kinh tế mở	5	0	0	0	10			
	- Lưu chuyển vốn và hàng hóa quốc tế. - Mô hình phân tích sự vận động của dòng lưu chuyển vốn quốc tế. - Mô hình phân tích sự vận động của dòng lưu chuyển hàng hóa quốc tế. - Tác động của chính sách đến dòng lưu chuyển vốn và hàng hóa quốc tế.								

Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.
Học ở lớp:
- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;
- Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.
Học ở nhà:
- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.

A1

A2

A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
9-10	7. Mô hình tổng cung – tổng cầu trong ngắn hạn	5	0	0	0	10			
	- Mô hình tổng cầu, tổng cung trong ngắn hạn. - Mô hình phân tích biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn Bài tập 3. Áp dụng mô hình tổng cung và tổng cầu để ước tính mức định lượng tổng sản lượng								
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

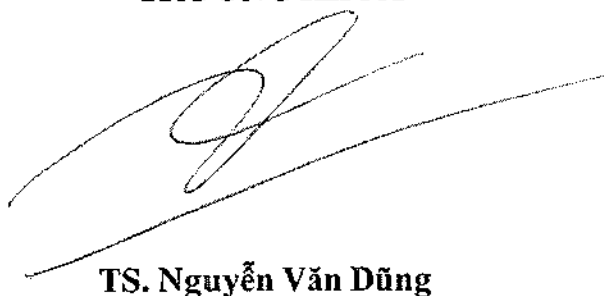
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

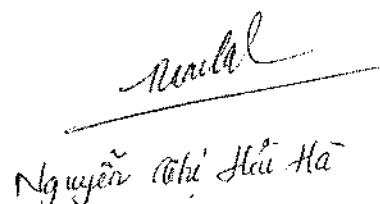
- Trần Trung chuyển, Nguyễn Tri Khiêm. Kinh tế học vĩ mô. Giáo trình. 2018. Thư viện Đại học Nam Cần Thơ.
- Goodwin, Neva. J. Harris, J. A. Nelson, B. Roach, và M. Torras. 2017. Macroeconomics. M.E.Sharpe. New York. [339. G657].

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Thị Hải Hà

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Nguyên lý kế toán
Tên học phần Tiếng Anh:	Principles of Accounting
Mã học phần:	06CQ0956
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Dũng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp kiến thức nền tảng về kế toán, giúp sinh viên hiểu rõ bản chất và vai trò của kế toán trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Học phần này khái quát các lý thuyết cơ bản về kế toán, bao gồm trình bày và giải thích các khái niệm, nguyên tắc kế toán theo chuẩn mực hiện hành; phân loại và nhận diện các đối tượng kế toán như tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh; giới thiệu các phương pháp tính giá, phương pháp hạch toán và hệ thống tài khoản kế toán trong doanh nghiệp. Đồng thời, học phần cũng phân tích các hình thức kế toán, xác định các loại sổ sách kế toán phù hợp với từng mô hình doanh nghiệp và hướng dẫn vận dụng các nguyên tắc, phương pháp kế toán để tính toán, ghi chép và lập báo cáo tài chính theo quy định. Qua đó,

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	<i>Trình bày</i> được các khái niệm, nguyên tắc cơ bản và vai trò của kế toán trong doanh nghiệp.	3.0	PLO3
CLO2	<i>Trình bày</i> được một số chỉ tiêu cơ bản trên báo cáo tài chính.	3.0	PLO3
CLO3	<i>Vận dụng</i> nguyên tắc và các PP kế toán để thực hiện ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo khoản mục kế toán.	3.0	PLO4
CLO4	<i>Tính toán</i> giá các đối tượng kế toán và lãi/lỗ trong KD	4.0	PLO4
CLO5	<i>Lập và phân loại</i> được chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán.	4.0	PLO5
CLO6	<i>Tích cực</i> tham gia học học tập.	3.0	PLO10

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

94

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	1.4 Các phương pháp kế toán 1.4.1 Phương pháp chứng từ KT 1.4.2 PP đối ứng TK và ghi sổ kép 1.4.3 Phương pháp kiểm kê tài sản 1.4.4 Phương pháp tính giá tài sản 1.4.5 Phương pháp tính giá thành 1.4.6 PP tổng hợp – cân đối 1.5 Các căn cứ pháp lý dùng để thực hành kế toán tại VN, chế độ Kế toán. Bài tập								A1
	Chương 2: Báo cáo kế toán	4				10	CLO1 CLO2 CLO6		
3	2.1 Khái niệm về báo cáo kế toán. 2.2 Bảng cân đối kế toán 2.2.1 Khái niệm bảng cân đối KT 2.2.2 Nội dung và kết cấu bảng CĐKT 2.2.3 Sự thay đổi các khoản mục trên bảng cân đối kế toán 2.3 Bảng báo cáo KQKD 2.3.1 Khái niệm 2.3.2 Kết cấu của bảng kết quả HĐKD 2.4 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 2.5 Thuyết minh báo cáo tài chính Bài tập							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A3
	Chương 3: Tài khoản và ghi sổ kép	4				10			
4	3.1 Tài khoản 3.1.1 Khái niệm về tài khoản 3.1.2 Nội dung kết cấu phân loại TK 3.1.3 Nguyên tắc ghi chép TK 3.1.4 Hệ thống tài khoản kế toán DN VN Bài tập								
	Chương 3: Tài khoản và ghi sổ kép	4				10			
5	3.2 Ghi sổ kép 3.2.1 Khái niệm ghi sổ kép. 3.2.2 Các loại định khoản – chuyển khoản - lên sơ đồ chữ T 3.3 Kế toán tổng hợp và KT chi tiết. 3.3.1 Kế toán tổng hợp 3.3.2 Kế toán chi tiết 3.3 Kế toán tổng hợp và KT chi tiết. 3.3.1 Kế toán tổng hợp 3.3.2 Kế toán chi tiết 3.4 Mối quan hệ giữa TK với bảng CĐKT 3.4.1 Sự giống nhau giữa TK với bảng CĐKT 3.4.2 Sự khác nhau giữa TK với BCĐKT 3.4.3 Quan hệ giữa TK và BCĐKT 3.5 Đối chiếu kiểm tra việc ghi chép trên TK Bài tập chương 3						CLO1 CLO4 CLO6		A1 A2 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4: Tính giá các đối tượng KT		4				10	CLO1 CLO4 CLO6		
6	4.1. Khái niệm và ý nghĩa tính giá 4.1.1 Khái niệm 4.1.2 Ý nghĩa tính giá 4.2 Các nhân tố a/h tới việc tính giá 4.2.1 Mức giá chung thay đổi 4.2.2 Yêu cầu quản lý nội bộ và đơn giản hóa công tác kế toán 4.2.3 Các nguyên tắc căn bản liên quan đến việc tính giá Bài tập								
Chương 4: Tính giá các đối tượng kế toán		4				10			
7	4.3 Tính giá một số đối tượng chủ yếu theo nguyên tắc giá gốc. 4.3.1 Tài sản cố định 4.3.2 Khấu hao TSCĐ 4.3.3 Nguyên vật liệu 4.3.4 Công cụ dụng cụ 4.3.5 Lương và các khoản trích theo lương Bài tập						Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1	
Chương 5: Kế toán quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp		8				20		CLO3 CLO4 CLO6	A2
8+9	5.1 Kế toán quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp sản xuất 5.1.1 Kế toán các yếu tố cơ bản của SX 5.1.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất 5.1.3 Tính giá thành sản phẩm 5.1.4 TK sử dụng và PP kế toán chủ yếu 5.1.5 Kế toán xác định kết quả KD DNSX 5.2 Kế toán quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp thương mại. 5.2.1 Khái niệm DN thương mại. 5.2.2 Tài khoản sử dụng 5.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại. Bài tập								A3
Chương 6: Chứng từ kế toán và kiểm kê		4				10	CLO1 CLO5 CLO6		
10	6.1 Chứng từ kế toán. 6.1.1 Khái niệm 6.1.2 Ý nghĩa và tác dụng của chứng từ KT 6.1.3 Tính chất pháp lý của chứng từ KT 6.1.4 Phân loại chứng từ kế toán. 6.2.4 Tổ chức kiểm kê. 6.2.5 Trình tự các công việc cần làm khi tiến hành kiểm kê. Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 7: Sổ kế toán và hình thức sổ kế toán		4				5	CLO1 CLO5 CLO6		A1 A3
11	7.1 Sổ kế toán. 7.1.1 Khái niệm. 7.1.2 Các loại sổ kế toán 7.1.3 Phương pháp ghi sổ và sửa sổ 7.2 Hình thức sổ kế toán. 7.2.1 Khái niệm. 7.2.2 Hình thức sổ kế toán. 7.2.3 Giới thiệu mẫu sổ Nhật ký chung ÔN TẬP								
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO6	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0

Chương 4 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

[1]. Bộ môn kế toán tài chính (2020), Giáo trình Nguyên Lý Kế Toán, Khoa KTQTL trường Đại học CN Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Hữu Ánh, Phạm Đức Cường, Giáo trình Nguyên lý kế toán, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2020.
- [2]. Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn, Trần Thị Thanh Hải, ... [và những người khác], Nguyên lý kế toán, NXB Tài chính, 2018.
- [3]. Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn, Trần Thị Thanh Hải, ... [và những người khác], Nguyên lý kế toán: hệ thống bài tập & câu hỏi trắc nghiệm, NXB Tài chính, 2018.
- [4]. Jerry J. Weygandt, Paul D. Kimmel, Donald E. Kieso, Nguyễn Thị Thu , ... [và những người khác], Nguyên lý kế toán, NXB Kinh tế TP. HCM, 2020.
- [5]. Chế độ kế toán doanh nghiệp: theo thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 (06/2015), NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị học
Tên học phần Tiếng Anh:	Management
Mã học phần:	06CQ0233
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Quản trị học bao gồm các kiến thức cơ bản về quá trình tổ chức và phối hợp hoạt động có hiệu quả của các cá nhân trong tổ chức nhằm đạt đến mục tiêu chung của cả tổ chức trong điều kiện biến động của môi trường kinh tế xã hội. Nội dung môn học gồm các vấn đề: Giới thiệu các khái niệm và vai trò của quản trị cũng như lịch sử hình thành của quản trị. Phân biệt hiệu quả và kết quả của quản trị, đồng thời nêu ra những phương pháp tiếp cận quản trị học trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn của quản trị.

Cơ sở khoa học của quản trị: các lý thuyết quản trị, các nguyên tắc và phương pháp quản trị, thông tin và quyết định quản trị. Các chức năng quản trị: hoạch định, tổ chức, phối hợp, kiểm tra,

điều chỉnh và một số vấn đề về quản trị học hiện đại trong thế kỷ 21, chân dung các nhà quản trị & các kinh nghiệm quản trị của các công ty, doanh nghiệp trong nước và trên thế giới.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	<i>Trình bày</i> được các khái niệm cơ bản về quản trị	3.0	PLO2
CLO2	<i>Phân biệt</i> được các trường phái quản trị	3.0	PLO2
CLO3	<i>Phân tích</i> được các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến doanh nghiệp	3.0	PLO2 PLO5
CLO4	<i>Áp dụng</i> được 4 chức năng quản trị vào hoạt động quản trị doanh nghiệp	4.0	PLO2 PLO5 PLO8
CLO5	Tham gia học đầy đủ, tích cực thảo luận nhóm trên lớp. Có đạo đức tốt, trung thực.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về quản trị		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	1.1 Khái niệm và chức năng quản trị 1.2 Nhà quản trị								
Chương 2: Sự phát triển của khoa học quản trị		4				10			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	2.1 Bối cảnh lịch sử 2.2 Trường phái cổ điển 2.3 Trường phái tâm lý học XH 2.4 Trường phái định lượng trong quản trị 2.5 Trường phái hội nhập trong quản trị 2.6 Trường phái quản trị hiện đại								
Chương 3: Môi trường của tổ chức		4				10			
3	3.1 Khái niệm và phân loại 3.2 Vai trò và đặc điểm các loại môi trường 3.3 Kỹ thuật phân tích SWOT								
Chương 4: Thông tin và quyết định quản trị		4				10			
4	4.1 Thông tin 4.2 Quyết định quản trị 4.3 Phân loại quyết định quản trị 4.4 Quy trình ra quyết định 4.5 Mô hình ra quyết định						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
Chương 5: Chức năng hoạch định		4				10			
5	5.1 Khái niệm và tác dụng của hoạch định 5.2 Mục tiêu nền tảng của hoạch định 5.3 Quá trình cơ bản của hoạch định 5.4 Hoạch định chiến lược 5.5 Hoạch định tác nghiệp Bài tập								
Chương 6: Chức năng tổ chức		4				10			
6	6.1 Khái niệm, vai trò và chức năng của tổ chức 6.2 Xây dựng cơ cấu tổ chức 6.3 Các mô hình cơ cấu tổ chức Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 7: Chức năng điều khiển		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
7	7.1 Khái niệm và nội dung của chức năng điều khiển 7.2 Tuyển dụng và đào tạo nhân viên 7.3 Lãnh đạo 7.4 Động viên Bài tập								
Chương 8: Chức năng kiểm tra		8				20			
8-9	8.1 Khái niệm và các nguyên tắc xây dựng cơ chế kiểm tra 8.2 Các bước của quá trình kiểm tra 8.3 Các loại hình kiểm tra 8.4 Công cụ kiểm tra Bài tập								
10-11	Ôn tập (Bài tập, thuyết trình)	9				15			
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung \ Cấp độ	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 0.5 (Tỷ lệ: 5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 0.5 (Tỷ lệ: 5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 0.5 (Tỷ lệ: 5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 0.5 (Tỷ lệ: 5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 10%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

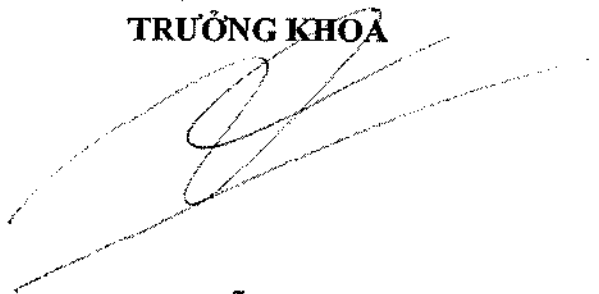
[1] Phan Thị Minh Châu, “Giáo trình quản trị học”, NXB Phương Đông, 2011

[2] Nguyễn Thị Liên Diệp, “*Quản trị học*”, NXB Lao động xã hội, 2010

[3] James H. Donnelly, Vũ Trọng Hùng, Phan Thăng, “*Quản trị học*”, NXB Lao động xã hội, 2008

[4] Lưu Đan Thọ, “*Quản trị học trong xu thế hội nhập: những vấn đề cốt yếu của quản lý*” NXB Bộ Tài Chính, 2014

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Bùi Thanh Thanh Liêm

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÀI CHÍNH TIỀN TỆ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Tài chính tiền tệ
Tên học phần Tiếng Anh:	Monetary Finance
Mã học phần:	06CQ0229
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản, toàn diện về Tài chính - Tiền tệ, những hoạt động Tài chính - Tiền tệ chủ yếu trong các lĩnh vực khác nhau của nền KTQD như: Thị trường tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp; Tài chính hộ gia đình; Tài chính quốc tế và những kiến thức lý luận tổng quan về tiền tệ từ cơ bản đến hiện đại, vấn đề tiền tệ, tín dụng, lãi suất, các hoạt động của ngân hàng và các trung gian tài chính khác.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và trình bày lại được các khái niệm cơ bản liên quan đến tiền tệ và lưu thông tiền tệ; tín dụng và lãi suất tín dụng; ngân sách nhà nước về thị trường tài chính, tài chính quốc tế	3.0	PLO2
CLO2	Giải thích được các khái niệm, bản chất và vai trò, nguyên tắc, loại hình bảo hiểm.	3.0	PLO2
CLO3	Phân loại các loại hình ngân hàng thương mại và vận dụng được các nghiệp vụ chủ yếu của NHTM, Bảo hiểm.	3.0	PLO2
CLO4	So sánh được các khái niệm cơ bản liên quan đến tài chính, các loại lạm phát và lãi suất.	4.0	PLO2
CLO5	Phân tích được bản chất của tài chính và chính sách tiền tệ quốc gia theo từng thời kì.	4.0	PLO2
CLO6	<i>Tham gia</i> học đầy đủ, tập trung và nhiệt tình trong quá trình học; thảo luận nhóm trên lớp. Có đạo đức tốt, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; Tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu.	3.0	PLO08 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Hệ thống tài chính		4				10		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	1.1 Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ 1.2 Các hình thái tiền tệ 1.3 Các chức năng của tiền tệ 1.4 Chế độ lưu thông tiền tệ 1.5 Cung – Cầu tiền tệ 1.6 Vai trò của tiền tệ Bài tập: Cung & Cầu tiền tệ						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 2: Tổng quan về tài chính		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A3
2	2.1 Sự ra đời và phát triển của tài chính, bản chất của tài chính 2.2 Chức năng của tài chính 2.3 Hệ thống tài chính ở nước ta 2.4 Vai trò của tài chính trong nền kinh tế thị trường Chính sách tài chính quốc gia								
Chương 3: Tín dụng và lãi suất		4				10			
3	3.1 Những vấn đề chung về tín dụng 3.2 Các hình thức tín dụng trong nền kinh tế thị trường 3.3 Lãi suất tín dụng Bài tập: xác định lãi suất								
Chương 4: Ngân sách nhà nước		4				10			
4	4.1 Bản chất và vai trò của ngân sách Nhà nước 4.2 Thu ngân sách 4.3 Chi ngân sách 4.4 Cân đối ngân sách Nhà nước 4.5 Hệ thống ngân sách NN. 4.6 Chu trình quản lý ngân sách nhà nước Thuyết trình nhóm								
Chương 5: Tài chính doanh nghiệp		4				10			
5	5.1 Tổng quan về tài chính doanh nghiệp 5.2 Nguyên tắc hoạt động tài chính doanh nghiệp 5.3 Chi phí và giá thành SP 5.4 Doanh thu, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận trong DN Bài tập: Xác định DT, CP, LN								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 6: Bảo Hiểm		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
6	6.1 Sự cần thiết của bảo hiểm 6.2 Bảo hiểm thương mại 6.3 Bảo hiểm xã hội Thuyết trình nhóm								
Chương 7: Ngân hàng		4				10			
7	7.1 Sự ra đời và phát triển hệ thống ngân hàng 7.2 Ngân hàng trung ương 7.3 Ngân hàng trung gian Bài tập: Nghiệp vụ của NHTM								
Chương 8: Lạm phát và chính sách tiền tệ quốc gia		4				10			
8	8.1 Lạm phát 8.2 Chính sách tiền tệ quốc gia								
Chương 9: Thị trường tài chính		4				10			
9	9.1 Tổng quan thị trường tài chính 9.2 Thị trường tiền tệ 9.3 Các định chế tài chính trung gian								
Chương 10: Tài chính quốc tế		9				15			
10+11	10.1 Các khái niệm 10.2 Các hình thức quan hệ tài chính quốc tế 10.3 Cán cân thanh toán quốc tế Các tổ chức tài chính tín dụng quốc tế Ôn tập								
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
	CDR				

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 9 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 10 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

- [1] Lý thuyết tài chính tiền tệ, Dương Thị Bình Minh, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2001.
- [2] Sử Đình Thành, Dương Thị Bình Minh,... Nhập môn tài chính tiền tệ, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2006.
- [3] Nguyễn Hữu Tài. 2007. Lý thuyết tài chính tiền tệ, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà nội.
- [4] Trần Ngọc Hoàng 2015. Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ. Nhà Xuất bản kinh tế tài chính.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
MARKETING CĂN BẢN**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Marketing căn bản
Tên học phần Tiếng Anh:	Basic Marketing
Mã học phần:	06CQ0230
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về marketing, môi trường marketing và hành vi người tiêu dùng. Các kiến thức và kỹ năng đặc thù của marketing để tiếp cận với khách hàng và thị trường, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa; các công cụ marketing điển hình trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm vật chất để triển khai chiến lược, kế hoạch marketing, tổ chức và đánh giá marketing.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Bày tỏ quan điểm cá nhân thông qua vận dụng các lý thuyết liên quan marketing căn bản để giải thích được thị trường, chiến lược thị trường, chương trình và các chính sách marketing của marketing mix	3.0	PLO2
CLO2	Biện luận được hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên thông tin marketing phục vụ ra quyết định của các bên liên quan	4.0	PLO8
CLO3	Vận dụng được phương pháp và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề marketing, quản trị của tổ chức trong đời sống, kinh tế và xã hội.	4.0	PLO8
CLO4	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Thể hiện kỹ năng thu thập thông tin và phân tích khái quát các hoạt động marketing tại một doanh nghiệp cụ thể Tham dự lớp học đầy đủ.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Bản chất của Marketing		5				10			
1	1.1. Những vấn đề cơ bản về marketing								A1
	1.1.1. Khái niệm marketing								
	1.1.2. Vai trò của Marketing trong DN								
	1.1.3. Quá trình phát triển marketing								
	1.1.4. Mục tiêu, nhiệm vụ của marketing						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4		A2
	1.2. Quản trị marketing								
	1.2.1. Khái niệm, ý nghĩa của quản trị marketing								
	1.2.2. Các quan điểm quản trị marketing								A3
Chương 2: Môi trường marketing		5				10			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	2.1 Hệ thống hoạt động 2.1.1 Môi trường marketing 2.1.2. Phân loại môi trường 2.2. Những yếu tố CB của MT vi mô 2.2.1. Doanh nghiệp 2.2.2. Người cung ứng 2.2.3. Các trung gian 2.2.4. Khách hàng 2.2.5. Đối thủ cạnh tranh 2.2.6. Công chúng trực tiếp 2.3. Môi trường vĩ mô 2.3.1. Môi trường nhân khẩu học 2.3.2. Môi trường kinh tế 2.3.3. Môi trường tự nhiên 2.3.4. Môi trường khoa học kỹ thuật 2.3.5. Môi trường chính trị 2.3.6 Môi trường văn hóa							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	
Chương 3: Thị trường và hành vi khách hàng		5				10			
3	3.1 Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua của người tiêu dùng 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Mô hình hành vi của người tiêu dùng 3.1.3. Những đặc tính của người mua 3.1.4. Quy trình thông qua quyết định mua 3.1.5. Hệ thống thông tin marketing 3.2. Thị trường các doanh nghiệp và hành vi của tổ chức 3.2.1. Thị trường hàng tư liệu sản xuất 3.2.2. Thị trường các tổ chức thương mại 3.2.3. Thị trường các cơ quan nhà nước Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4		A1 A2 A3
Chương 4: Chiến lược thị trường		5				10			
4	4.1 Phân đoạn thị trường 4.1.1 Khái niệm, vai trò của phân đoạn TT 4.2.2. Yêu cầu khi phân đoạn TT 4.3.3. Tiêu thức phân đoạn thị trường 4.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu 4.2.1. Khái niệm, vai trò của TT mục tiêu 4.2.2. Yêu cầu đối với TT mục tiêu 4.2.3. Các phương án lựa chọn TT MT 4.2.4. Các chiến lược đáp ứng TT mục tiêu 4.3. Định vị thị trường Khái niệm, chiến lược, các bước tiến hành định vị TT Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 5: Chính sách sản phẩm		5				10			
5	5.1. Sản phẩm trong marketing 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Thuộc tính và kết cấu sản phẩm 5.2. Quyết định sản phẩm 5.2.1. Quyết định về nhãn hiệu và bao gói sản phẩm 5.2.2. Quyết định về chủng loại và danh mục sản phẩm 5.2.3. Quyết định marketing SP mới 5.2.4. Marketing với chu kỳ sống của SP Bài tập								
Chương 6: Chính sách giá		5				15			
6	6.1. Các vấn đề chung về giá 6.2. Các y/t cơ bản ảnh hưởng tới quyết định chung về giá 6.2.1. Các nhân tố bên trong 6.2.2. Các nhân tố bên ngoài 6.3. Xác định mức giá cơ bản 6.3.1. Sự cần thiết 6.3.2. Tiến trình xác định mức giá CB 6.4. Các chiến lược giá 6.4.1. Xác định giá cho sản phẩm mới 6.4.2. Chiến lược giá dành cho danh mục hàng hóa 6.4.3. Các chiến lược điều chỉnh giá CB 6.5. Thay đổi giá 6.6. Lựa chọn các phản ứng về giá cạnh tranh Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
Chương 7: Chính sách phân phối		5				15			
7	7.1. Bản chất và tầm quan trọng của kênh phân phối (PP) 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Vai trò trung gian TM 7.1.3. Chức năng các thành viên thuộc kênh PP 7.2. Cấu trúc và tổ chức hoạt động của kênh PP 7.2.1. Cấu trúc kênh 7.2.2. Các hình thức tổ chức kênh PP 7.3. Lựa chọn và quản lý kênh PP 7.3.1. Lựa chọn và xây dựng kênh PP 7.3.2. Tuyển chọn thành viên kênh								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	7.3.3. Xác lập kênh 7.3.4. Quản lý kênh phân phối 7.3.5. Đ.giá và lựa chọn kênh PP Bài tập								
Chương 8: Chính sách xúc tiến hỗn hợp		5				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
8	8.1. Khái quát về truyền thông trong marketing 8.2. Quy trình truyền thông 8.3. Các công cụ truyền thông 8.3.1. Quảng cáo 8.3.2. Quan hệ công chúng (Public Relation) 8.3.3. Khuyến mãi 8.3.4. Marketing trực tiếp Bài tập								
Chương 9: Tổ chức và đánh giá marketing		5				15			
9	9.1. Tổ chức bộ máy quản trị marketing trong doanh nghiệp 9.2. Kế hoạch thực hiện marketing trong doanh nghiệp 9.3. Kiểm tra và đánh giá chiến lược, chính sách marketing Ôn tập								
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống		30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

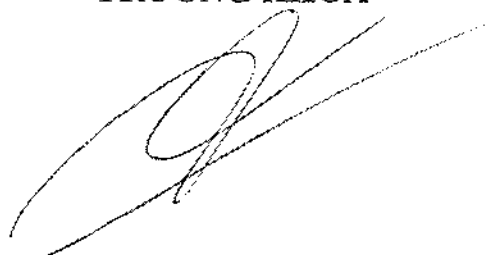
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung \ Cấp độ	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 6 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

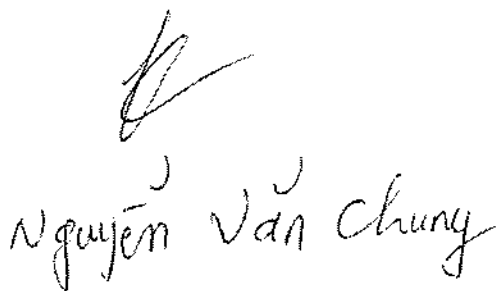
- [1]. Trần Minh Đạo (2009), *Giáo trình Marketing căn bản*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.
- [2]. Nguyễn Văn Phương và cộng sự (2021), *Giáo trình marketing căn bản*, NXB Đại học Nông nghiệp.
- [3]. Philip Kotler (2007), *Marketing căn bản*, NXB Lao Động Xã Hội.
- [4]. Kotler, P., & Armstrong, G. (2016), *Principles of Marketing 16th Edition*, NXB Prentice Hall
- [5]. Philip Kotler and Gary Armstrong (2014), *Principles of marketing*, 15th edition, Pearson Education.
- [6]. Philip Kotler (2008), *Những phương thức sáng tạo, chiến thắng và khống chế thị trường*, NXB Trẻ.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ CHỦ THỂ KINH DOANH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Pháp luật về Chủ thể Kinh doanh
Tên học phần Tiếng Anh:	Business Laws
Mã học phần:	06CQ0537
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0006
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần đề cập tới những quy định pháp luật trong hoạt động thương mại bao gồm: quy chế pháp lý của hộ kinh doanh, hợp tác xã, các loại hình doanh nghiệp; quy chế pháp lý về việc hình thành, tổ chức lại, giải thể, phá sản của thương nhân.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được khái niệm, đối tượng điều chỉnh, nguồn của luật thương mại; đặc điểm, các loại hoạt động thương mại	2.0	PLO2
CLO2	Nắm được định nghĩa, đặc điểm, các loại thương nhân, Thông qua việc tìm hiểu về các loại hình thương nhân: hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân công ty hợp danh, công ty TNHH1TV, công ty TNHH2TV trở lên, công ty cổ phần	3.0	PLO2
CLO3	Dựa vào những nội dung những quy định pháp luật, giải quyết được những bài tập, tình huống thực tế liên quan đến các nội dung đã trình bày ở trên	3.0	PLO9 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về Luật thương mại		2				5	CLO1 CLO2 CLO3	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
1	I. Quá trình hình thành và phát triển của Luật thương mại 1. Trên thế giới 2. Ở Việt Nam II. Khái quát về Luật thương mại 1. Khái niệm Luật thương mại 2. Đối tượng điều chỉnh và Phương pháp điều chỉnh của Luật thương mại 3. Nguồn của Luật thương mại								
Chương 2. Hoạt động thương mại và thương nhân		2				5			
1	I. Khái quát về hoạt động thương mại 1. Khái niệm hoạt động thương mại 2. Phân loại hoạt động thương mại II. Khái quát về thương nhân 1. Khái niệm 2. Phân loại thương nhân - Theo hình thức pháp lý - Theo cơ cấu sở hữu Theo mục tiêu hoạt động								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 3. Tạo lập thương nhân	2				5			
2	I. Đăng ký hộ kinh doanh 1. Quyền thành lập hộ kinh doanh và nghĩa vụ đăng ký hộ kinh doanh 2. Trình tự, thủ tục đăng ký hộ KD II. Thành lập doanh nghiệp 1. Chủ thể có quyền thành lập DN 2. Trình tự, thủ tục thành lập DN III. Thành lập hợp tác xã 1. Chủ thể có quyền thành lập HTX 2. Trình tự, thủ tục thành lập HTX								
	Chương 4. Quy chế pháp lý về hộ KD	2				5			
2	I. Khái niệm II. Tổ chức và hoạt động III. Chấm dứt hoạt động								
	Chương 5. Quy chế pháp lý về DN tư nhân	4				10			
3	I. Khái niệm II. Vấn đề vốn III. Cơ cấu tổ chức quản lý Bài tập								A1
	Chương 6. QC pháp lý về công ty hợp danh	4				10			
4	I. Khái niệm II. Quyền và nghĩa vụ của TV công ty III. Vấn đề vốn IV. Cơ cấu tổ chức quản lý Bài tập								A2
	Chương 7. Quy chế pháp lý về công ty TNHH hai TV trở lên	4				10			
5	I. Khái niệm II. Quyền và nghĩa vụ của TV công ty III. Vấn đề vốn IV. Cơ cấu tổ chức quản lý Bài tập								A3
	Chương 8. Quy chế pháp lý về công ty TNHH một thành viên	4				10			
6	I. Khái niệm II. Quyền và nghĩa vụ của CSH công ty III. Vấn đề vốn IV. Cơ cấu tổ chức quản lý V. Những nội dung cơ bản về Doanh nghiệp Nhà nước Bài tập								

Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.

Học ở lớp:
- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;
- Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.

Học ở nhà:
- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 9. QC pháp lý về công ty cổ phần		4				10	CLO1 CLO2 CLO3	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
7	I. Khái niệm, định nghĩa, đặc điểm II. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty III. Vấn đề vốn IV. Cơ cấu tổ chức quản lý Bài tập								
Chương 10. QC pháp lý về nhóm công ty		4				10			
8	I. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty II. Công ty mẹ, công ty con Bài tập								
Chương 11. Quy chế pháp lý về HTX		4				10			
9	I. Khái niệm II. Quyền và nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã III. Vấn đề vốn IV. Cơ cấu tổ chức quản lý								
Chương 12. Tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã		4				8			
10	I. Tổ chức lại doanh nghiệp, HTX 1. Khái niệm 2. Các biện pháp tổ chức lại doanh nghiệp, hợp tác xã II. Giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã 1. Khái niệm 2. Điều kiện giải thể 3. Thủ tục giải thể Bài tập								
Chương 13. Pháp luật về Phá sản (PS)		5				7			
11	I. Khái quát về PS 1. Khái niệm PS 2. Phân loại PS II. Trình tự, thủ tục giải quyết y/c PS 1. Nộp và thụ lý đơn yêu cầu và mở thủ tục PS 2. Những việc cần làm sau khi có quyết định mở thủ tục PS 3. Phục hồi hoạt động kinh doanh 4. Tuyên bố PS 5. Thi hành quyết định tuyên bố PS ÔN TẬP								
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 9 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 10 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 11 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 12 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 13 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình, tài liệu học tập chính

1. *Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam (tập 1)*, Trường ĐH Luật Hà Nội, NXB Tư pháp, 2018.

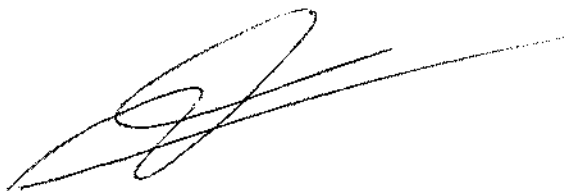
Các tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Luật kinh tế*, Phạm Duy Nghĩa, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010
2. *Giáo trình Luật Thương mại – Phần chung và thương nhân*, Ngô Huy Cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013.

Văn bản pháp luật

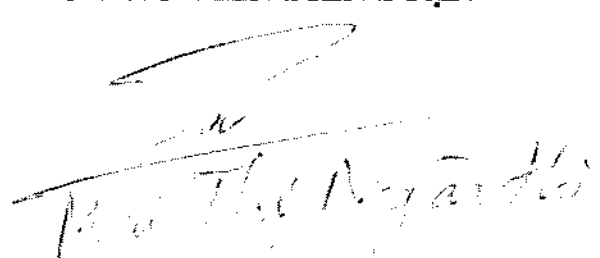
1. Luật doanh nghiệp 2014
2. Luật Hợp tác xã 2012
3. Luật Thương mại 2005
4. Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Doanh nghiệp 2014
5. Văn bản hợp nhất 902/VBHN-BKHĐT hợp nhất Nghị định về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định 78/2018/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp và Nghị định 108/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung Nghị định 78/2015/NĐ-CP)
6. Văn bản hợp nhất 906/VBHN-BKHĐT hợp nhất Nghị định hướng dẫn Luật Hợp tác xã 2012 (Nghị định 193/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hợp tác xã 2012 và Nghị định 107/2017/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 193/2013/NĐ-CP)
7. Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp
8. Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT sửa đổi Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT.
9. Và một số văn bản hướng dẫn khác.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CƠ SỞ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Cơ sở công nghệ thông tin
Tên học phần Tiếng Anh:	Fundamentals of Information Technology
Mã học phần:	06CQ1194
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	Ths. Huỳnh Văn Huy
Giảng viên tham gia giảng dạy:	Ths. Đặng Thành Hào Ths. Huỳnh Văn Huy ThS. Trịnh Đình Thắng
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Cơ sở công nghệ thông tin trong Thương mại điện tử" cung cấp kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin và ứng dụng trong lĩnh vực thương mại điện tử. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về các hệ thống thông tin quản lý, cơ sở dữ liệu, mạng máy tính, bảo mật thông tin và các nền tảng công nghệ hỗ trợ giao dịch trực tuyến. Môn học giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về cách công nghệ thông tin hỗ trợ các hoạt động thương mại điện tử, đồng thời nâng cao kỹ năng thực hành trên các hệ thống thương mại điện tử phổ biến.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin và ứng dụng trong thương mại điện tử.	2.0	PLO3
CLO2	Nắm vững cấu trúc và nguyên lý hoạt động của các hệ thống thương mại điện tử.	2.0	PLO3
CLO3	Ứng dụng các công cụ công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành doanh nghiệp thương mại điện tử.	3.0	PLO4
CLO4	Đánh giá các yếu tố bảo mật và an toàn thông tin trong thương mại điện tử.	4.0	PLO4
CLO5	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về công nghệ thông tin trong thương mại điện tử	6				10			
	1.1. Khái niệm công nghệ thông tin và thương mại điện tử 1.2. Vai trò của công nghệ thông tin trong phát triển thương mại điện tử 1.3. Các nền tảng công nghệ chính trong thương mại điện tử 1.4. Xu hướng phát triển công nghệ trong thương mại điện tử Bài tập: Phân tích vai trò của công nghệ thông tin trong doanh nghiệp thương mại điện tử.						CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	Chương 2: Hệ thống thông tin trong thương mại điện tử	6				14			
	2.1. Tổng quan về hệ thống thông tin quản lý 2.2. Cơ sở dữ liệu và quản trị dữ liệu trong thương mại điện tử 2.3. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn (Big Data) trong thương mại điện tử 2.4. Tích hợp hệ thống thông tin trong thương mại điện tử Bài tập: Xây dựng mô hình hệ thống thông tin cho một doanh nghiệp thương mại điện tử.						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
3	Chương 3: Mạng và nền tảng công nghệ thương mại điện tử	6				15			
	3.1. Kiến trúc mạng và giao thức Internet trong thương mại điện tử 3.2. Các nền tảng công nghệ phổ biến: Cloud Computing, Blockchain, IoT 3.3. Hạ tầng thanh toán trực tuyến và ví điện tử 3.4. Tối ưu hóa hiệu suất hệ thống thương mại điện tử Bài tập: Phân tích ưu và nhược điểm của các nền tảng thương mại điện tử hiện nay.								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
4	Chương 4: Bảo mật và an toàn thông tin trong thương mại điện tử	6				15			
	4.1. Các mối đe dọa an ninh mạng trong thương mại điện tử 4.2. Kỹ thuật mã hóa và xác thực giao dịch trực tuyến 4.3. Bảo vệ dữ liệu khách hàng và chính sách bảo mật 4.4. Phòng chống gian lận và tấn công mạng Bài tập: Đánh giá hệ thống bảo mật của một trang web thương mại điện tử.						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1
5	Chương 5: Công nghệ và xu hướng phát triển thương mại điện tử	6				15		Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2
	5.1. Tác động của trí tuệ nhân tạo trong thương mại điện tử 5.2. Ứng dụng thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) trong mua sắm trực tuyến 5.3. Tự động hóa quy trình kinh doanh bằng công nghệ AI 5.4. Dự báo xu hướng công nghệ trong thương mại điện tử Bài tập: Nghiên cứu một công nghệ mới và đánh giá tiềm năng ứng dụng trong thương mại điện tử..								A3
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

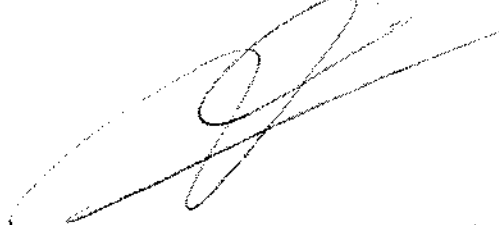
Giáo trình chính

1. Bộ môn Thương mại điện tử - Ngân hàng (2025), *Giáo trình* Giáo trình công nghệ thông tin trong thương mại điện tử, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

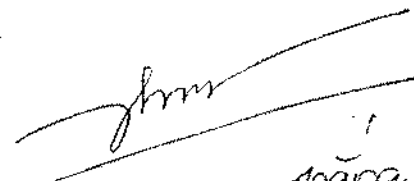
2. Nguyễn Đình Thuận (2015), *Giáo trình công nghệ thông tin trong thương mại điện tử*. NXB ĐH QG TP HCM.
3. Nguyễn Văn Sinh (2020) *Giáo trình xây dựng ứng dụng Web cho thương mại điện tử trên Netbeans*, NXB Xây Dựng.

TRƯỜNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN


Thịnh Đình Thắng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Pháp luật trong Thương mại điện tử
Tên học phần Tiếng Anh:	Legal issues in E - Commerce
Mã học phần:	06CQ0221
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	Pháp luật về Chủ thể kinh doanh
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Pháp luật về thương mại điện tử bao gồm những nội dung cơ bản: Những vấn đề chung về thương mại điện tử; những nội dung cơ bản của pháp luật thương mại điện tử; quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại điện tử.

Nội dung học phần được chia thành 4 chương sau: Khái quát về Thương mại điện tử và Luật Thương mại điện tử; Hợp đồng Thương mại điện tử; Thanh toán trong Thương mại điện tử và Giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được kiến thức kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, các kỹ thuật ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử, hiểu được sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống.	4.0	PLO1
CLO2	Hiểu được những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, các quy định khi giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại điện tử.	4.0	PLO1
CLO3	Nắm được quy định về chữ ký số, chứng cứ trong giao dịch thương mại điện tử Nắm được một số quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử. Nắm được vấn đề bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong thương mại điện tử.	4.0	PLO4
CLO4	Thành thạo kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống pháp luật cơ bản, điển hình trong lĩnh vực thương mại điện tử. Phát triển kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề pháp luật thương mại điện tử trong hoạt động thương mại. Phát triển kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề pháp luật về thương mại điện tử trong hoạt động thương mại.	4.0	PLO6
CLO5	Rèn luyện kỹ năng lập luận, phản biện; Có khả năng thuyết trình, làm việc nhóm; Đảm bảo cho sinh viên tự tin trước những vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động thương mại điện tử.	4.0	PLO6
CLO6	Bước đầu mong muốn tiếp tục theo đuổi nghiên cứu, tìm hiểu những kiến thức pháp lý sâu hơn hoạt động thương mại điện tử. Có ý thức tuân thủ pháp luật; chủ động và nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học.	3.0	PLO13

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Khái quát về thương mại điện tử và pháp luật điều chỉnh thương mại điện tử	5				10			
	1. Khái niệm, đặc điểm của thương mại điện tử 2. Các hình thức thương mại điện tử 3. Lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật điều chỉnh thương mại điện tử 4. Điều chỉnh pháp luật đối với thương mại điện tử							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp:	
	Chương 2: Giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại điện tử và chữ ký số	5				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
	1. Giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại điện tử 1.1. Khái niệm hợp đồng thương mại điện tử 1.2. Đặc điểm hợp đồng thương mại điện tử 1.3. Nguyên tắc giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại điện tử 1.4. Các vấn đề pháp lý trong giao kết hợp đồng thương mại điện tử 1.5. Các vấn đề pháp lý trong thực hiện hợp đồng thương mại điện tử 2. Chữ ký số và vấn đề chứng thực chữ ký số 2.1 Khái niệm và đặc điểm của chữ ký số 2.2 Vấn đề chứng thực chữ ký số								A2 A3
	Chương 3: Chứng cứ trong giao dịch điện tử	5				10			
	1. Khái quát về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh trong giao dịch thương mại điện tử 1.1 Khái niệm chứng cứ 1.2 Nghĩa vụ chứng minh						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp:	A1 A2

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	1.3 Nguồn chứng cứ và vấn đề xác định chứng cứ 2. Thông điệp dữ liệu và giá trị chứng minh của thông điệp dữ liệu 2.1 Khái niệm và đặc điểm của thông điệp dữ liệu 2.2 Giá trị chứng minh của thông điệp dữ liệu: Quy định của pháp luật và thực tiễn xét xử						CLO6	- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A3
	Chương 4: Khái quát về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử	5				20			
	1. Tên miền (domain name) 1.1 Giá trị của tên miền trong thương mại điện tử 1.2 Đăng ký tên miền 1.3 Sử dụng và vấn đề bảo vệ tên miền 2. Vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm số hóa 2.1 Đặc điểm của các sản phẩm số hóa 2.2 Pháp luật hiện hành điều chỉnh quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm số hóa						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	Chương 5: Vấn đề bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong thương mại điện tử	10				20			
	1. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người tiêu dùng trong giao dịch bằng các phương tiện điện tử 2. Hướng dẫn của OECD về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong thương mại điện tử 3. Điều chỉnh của pháp luật Việt Nam đối với vấn đề bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng ÔN TẬP								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

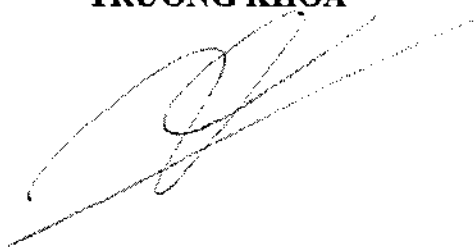
- Giáo trình chính:

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình luật thương mại tập 1*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Trường đại học luật Tp HCM (2014), *Pháp luật về hoàng hóa thương mại và dịch vụ*, Nxb Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam, Hà Nội

- Tài liệu tham khảo:

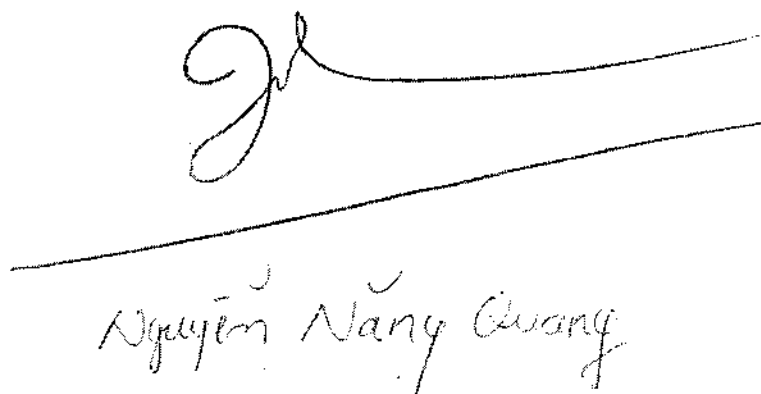
3. Nguyễn Thị Cúc (2015), “Giải pháp quản lý thuế đối với thương mại điện tử”, Tạp chí Tài chính, kỳ 1 – tháng 7/2015 (612), tr. 24-26.
4. Cục Thương mại điện tử & Công nghệ thông tin (Bộ Công thương), Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam (các năm 2004-2015) truy cập: <http://www.vecita.gov.vn/AnPham.aspx>.
5. Phan Huy Hồng (2020), “Bảo đảm sở hữu trong luật Đức – Kinh nghiệm cho Việt Nam”, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 49(134)/2020, tr. 17-33
6. Nguyễn Đình Luận (2015), “Tong quan về thương mại điện tử ở Việt Nam”, Tạp chí Tài chính, kỳ 1 – tháng 7/2015 (612), tr. 8-11.
7. Nguyễn Thị Mơ (chủ biên), Cẩm nang pháp luật về giao kết hợp đồng điện tử, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội 2006
8. Nguyễn Văn Phụng (2015), “Một số vấn đề đặt ra trong công tác quản lý thuế đối với thương mại điện tử”, Tạp chí Tài chính, kỳ 1 – tháng 7/2015 (612), tr. 16-19
9. Nguyễn Quang Tiến (2015), “Hiện trạng thu thuế thương mại điện tử tại Việt Nam”, Tạp chí Tài chính, kỳ 1 – tháng 7/2015 (612), tr. 12-15

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Nany Quang

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị tài chính doanh nghiệp
Tên học phần Tiếng Anh:	Enterprise Financial management
Mã học phần:	06CQ0555
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	Quản trị học
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp, phát triển kỹ năng lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, đưa ra được các quyết định tài chính trong từng trường hợp cụ thể, kỹ năng về phân tích, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư.

Học phần đề cập những kiến thức tổng quan về tài chính doanh nghiệp; cách xác định giá trị thời gian của tiền; Tìm hiểu nội dung và phương pháp lập các kế hoạch tài chính như: kế hoạch chi phí, giá thành, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Nội dung và phương pháp quản trị tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp. Đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những vấn đề tổng quan chung của tài chính doanh nghiệp. Hiểu được nội dung chi phí, giá thành, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Đồng thời, đưa ra các biện pháp quản lý thích hợp.	2.0	PLO2 PLO5
CLO2	Hiểu và có thể lập được kế hoạch khấu hao tài sản cố định. Hiểu và có khả năng đưa ra các biện pháp và mô hình phù hợp trong quản lý tài sản cố định của doanh nghiệp	3.0	PLO5
CLO3	Biết cách xác định nhu cầu vốn lưu động. Hiểu và ứng dụng được các biện pháp quản trị tài sản lưu động trong doanh nghiệp	3.0	PLO2 PLO5
CLO4	Hiểu về giá trị thời gian của tiền và các ứng dụng về giá trị thời gian của tiền. Vận dụng được các phương pháp đánh giá, lựa chọn dự án đầu tư	2.0	PLO2 PLO5
CLO5	Có khả năng phân tích được những điểm lợi và bất lợi của từng nguồn tài trợ, từ đó làm cơ sở cho việc ra quyết định tài trợ của doanh nghiệp.	4.0	PLO2 PLO5
CLO6	Có đạo đức tốt, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; Tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu. Tham gia học đầy đủ, tập trung và nhiệt tình trong quá trình học, thảo luận nhóm trên lớp. Có trách nhiệm đối với công việc, tổ chức và xã hội. Tuân thủ chuẩn mực đạo đức chung về nghề nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tính kỷ luật cao.	4.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP VÀ KỸ THUẬT CHIẾT KHẤU DÒNG TIỀN	4	0	0	0	10			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L.T	B.T	T.H	T.L				
	1.1. Khái niệm và chức năng, vai trò, nhiệm vụ của quản trị tài chính doanh nghiệp 1.1.1. Khái niệm quản trị tài chính doanh nghiệp 1.1.2 Các quyết định của nhà quản trị tài chính. 1.1.3 Vai trò của quản trị tài chính doanh nghiệp 1.1.4 Nhiệm vụ của quản trị tài chính 1.1.5. Tổ chức hoạt động quản trị tài chính CÂU HỎI HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN CHƯƠNG							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.	A1
2	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP VÀ KỸ THUẬT CHIẾT KHẤU DÒNG TIỀN	4	0	0	0	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. Làm bài tập về nhà	A3
	Giá trị tiền tệ theo thời gian 1.2.1 Tiền lãi, lãi đơn và lãi kép 1.2.2. Giá trị thời gian của tiền tệ 1.2.3. Các ứng dụng CÂU HỎI HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN CHƯƠNG								
3	CHƯƠNG 2: QUẢN TRỊ VỐN KINH DOANH	4	0	0	0	10			
	2.1 Quản trị vốn cố định 2.1.1. Tài sản cố định và vốn cố định của doanh nghiệp. 2.1.2. Khấu hao tài sản cố định và các khía cạnh kinh tế của quản lý khấu hao. 2.1.3 Tác động tài chính của khấu hao đối với doanh nghiệp 2.1.4. Quản trị vốn cố định và hiệu quả sử dụng vốn cố định CÂU HỎI HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN CHƯƠNG								A1 A2 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
4	CHƯƠNG 2: QUẢN TRỊ VỐN KINH DOANH	4	0	0	0	10			
	2.2. Quản trị vốn lưu động 2.2.1. Khái niệm và thành phần, kết cấu vốn lưu động 2.2.2. Quản trị tiền mặt 2.2.3. Quản trị khoản phải thu 2.2.4. Quản trị hàng tồn kho 2.2.5. Quản trị vốn lưu động và hiệu quả sử dụng vốn lưu động 2.2.6. Phương hướng và biện pháp tăng tốc độ luân chuyển vốn lưu động CÂU HỎI HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN CHƯƠNG						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1 A2 A3
5	CHƯƠNG 3: QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP	4	0	0	0	10			
	3.1. Chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp 3.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất kinh doanh 3.1.2. Phân loại chi phí, kết cấu chi phí. 3.2. Giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp 3.2.1. Khái niệm, phân loại giá thành 3.2.2. Lập kế hoạch giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp CÂU HỎI HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN CHƯƠNG							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. Làm bài tập về nhà	A1 A2 A3
6	CHƯƠNG 3: QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP	4	0	0	0	10			
	3.3. Quản trị chi phí sử dụng vốn trong doanh nghiệp 3.3.1. Khái niệm chi phí sử dụng vốn 3.3.2. Ước lượng chi phí sử dụng vốn của từng nguồn 3.4. Các biện pháp tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1 A2 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	3.4.1. Các nhân tố ảnh hưởng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm 3.4.2. Các chỉ tiêu phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành sản phẩm 3.4.3. Các biện pháp để tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm CÂU HỎI HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN CHƯƠNG							Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. Làm bài tập về nhà	
7	CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN	4	0	0	0	10			
	4.1. Quản trị doanh thu của doanh nghiệp 4.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của doanh thu 4.1.2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. 4.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính 4.1.4 Thu nhập khác của doanh nghiệp CÂU HỎI HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN CHƯƠNG						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. Làm bài tập về nhà	A1 A2 A3
8	CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN	4	0	0	0	10			
	4.2. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của Doanh nghiệp. 4.2.1. Các loại thuế chủ yếu đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. 4.2.2. Lợi nhuận của doanh nghiệp 4.2.3. Phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp 4.2.4. Biện pháp tăng lợi nhuận CÂU HỎI HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN CHƯƠNG								
9	CHƯƠNG 5: HOẠCH ĐỊNH TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP	4	0	0	0	10			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	5.1. Nội dung, quy trình hoạch định tài chính 5.1.1. Nội dung hoạch định tài chính 5.1.2. Quy trình hoạch định tài chính 5.2. Lập và dự toán báo cáo tài chính theo phương pháp diễn giải 5.2.1 Lập dự toán báo cáo tài chính theo phương pháp phần trăm doanh thu 5.2.2. Xác định nhu cầu tài trợ từ bên ngoài và các yếu tố ảnh hưởng CÂU HỎI HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN CHƯƠNG							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;	A1 A2 A3
10	CHƯƠNG 5: HOẠCH ĐỊNH TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP	4	0	0	0	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. Làm bài tập về nhà	
	5.3. Lập kế hoạch tài chính theo phương pháp quy nạp 5.3.1. Tiến trình lập kế hoạch 5.3.2. Thu thập thông tin lập ngân sách 5.3.3. Xây dựng các ngân sách hoạt động 5.3.4. Xây dựng các ngân sách tài chính 5.3.5. Dự toán báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 5.3.6. Dự toán báo cáo nguồn và sử dụng 5.3.7. Lập dự toán bảng cân đối kế toán CÂU HỎI HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN CHƯƠNG								
11	Ôn tập	5	0	0	0	5			
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO6	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO5 CLO6	60

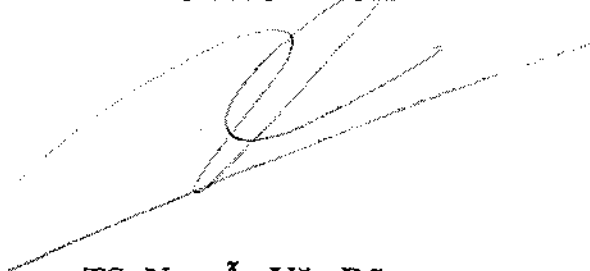
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

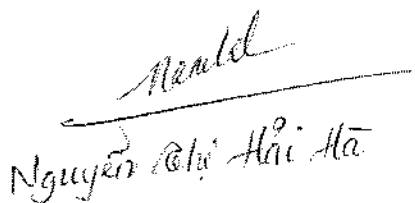
1. PGS.TS. Nguyễn Đình Kiệm, TS. Bạch Đức Hiền, Tài chính doanh nghiệp, NXB tài chính 2008
2. PGS.TS. Nguyễn Quang Thu, Quản trị tài chính, Khoa Quản trị kinh doanh, trường Đại học Kinh tế TP.HCM
3. PGS.TS. Phạm Quang Trung, Quản Trị Tài Chính doanh nghiệp, NXB Đại học kinh tế quốc dân
4. PGS.TS. Nguyễn Văn Công, Giáo trình Phân tích kinh doanh, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2009
5. Nguyễn Tấn Bình, Nguyễn trần Huy, Phân tích quản trị tài chính, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2002
6. PGS. TS. Ngô Kim Thanh, Giáo trình Quản trị doanh nghiệp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2013
7. TS Vũ Văn Ninh, Tài chính doanh nghiệp, NXB Học viện tài chính 2013. 8. TS. Nguyễn Thu Thủy, Quản trị tài chính doanh nghiệp, Trường Đại học Ngoại thương.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Thị Hải Hà

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Nghệ thuật Lãnh đạo
Tên học phần Tiếng Anh:	Leadership
Mã học phần:	06CQ0574
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản có liên quan đến hoạt động lãnh đạo. Trên cơ sở đó đi vào phân tích: Bản chất của lãnh đạo; Phẩm chất & Kỹ năng của nhà lãnh đạo; Việc sử dụng quyền lực của nhà lãnh đạo sao cho có hiệu quả nhất; Sự phù hợp giữa phong cách của nhà lãnh đạo với từng hoàn cảnh cụ thể; Phát huy năng lực của tập thể; Khảo sát đánh giá hiệu quả lãnh đạo theo phương pháp khoa học nhằm đánh giá năng lực lãnh đạo, phân biệt được mặt mạnh, mặt yếu của người lãnh đạo và phân rõ trách nhiệm lãnh đạo.

Học phần này rất cần thiết đối với sinh viên khi tiếp cận các vấn đề thực tế trong quá trình ra quyết định.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	- Thích nghi với kiến thức căn bản về khái niệm, ý nghĩa; bản chất công việc và vai trò của lãnh đạo, các cách tiếp cận nghiên cứu về lãnh đạo và phân tích được các phẩm chất và kỹ năng lãnh đạo. - Thích nghi với kiến thức về quyền lực và sự ảnh hưởng, vận dụng các chiến lược ảnh hưởng trong thực tế, các phong cách lãnh đạo, sự giống và khác nhau giữa các mô hình lãnh đạo.	2.0	PLO3
CLO2	- Vận dụng được các lý thuyết của môn học để lựa chọn cách lãnh đạo trong sự thay đổi của tổ chức. - Ứng dụng kiến thức trong môn học vào giải quyết các tình huống lãnh đạo trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.	2.0	PLO3
CLO3	- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu đánh giá hiệu quả lãnh đạo của một cá nhân/ doanh nghiệp. - Hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề trong quá trình lãnh đạo. - Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.	3.0	PLO4
CLO4	- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận cách thức tổ chức, thực hiện và đo lường hiệu quả nghệ thuật lãnh đạo của một cá nhân/ doanh nghiệp. - Đi học đúng giờ, tuân thủ nội quy nhà trường, làm bài tập về nhà đầy đủ.	4.0	PL10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO		7				15			
1-2	1.1. Khái quát về lãnh đạo 1.2 Phân biệt lãnh đạo và quản trị 1.3 Hiệu quả lãnh đạo 1.4 Các tiếp cận chủ yếu về LD Bài tập thảo luận nhóm								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
CHƯƠNG 2: QUYỀN LỰC VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG		7				15			
3-4	2.1 Khái niệm sự ảnh hưởng và quyền lực 2.2 Phân biệt lãnh đạo và quyền lực 2.3 Phân biệt quyền lực và quyền hạn 2.4 Mối quan hệ giữa quyền lực và lãnh đạo 2.5 Một số vấn đề cần lưu ý khi phân quyền 2.6 Mô hình quyền lực và sự ảnh hưởng 2.7 Các chiến lược ảnh hưởng Bài tập tình huống								
CHƯƠNG 3: PHẨM CHẤT VÀ KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO		8				20			
5-6	3.1 Tổng kết về các nghiên cứu theo phẩm chất cá nhân 3.2 Các nghiên cứu khác về phẩm chất 3.3 Nghiên cứu về động cơ quản lý 3.4 Các kỹ năng quản trị Bài tập tình huống						15		
CHƯƠNG 4: BẢN CHẤT CỦA CÔNG VIỆC VÀ PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO		8				20			
7-8	4.1 Bản chất CV của người LD 4.2 Vai trò của người lãnh đạo 4.3 Phong cách lãnh đạo 4.3.1 Khái niệm về phong cách LD 4.3.2 Nghiên cứu của Kurt Lewin 4.4 Các mô hình nghiên cứu về phong cách lãnh đạo 4.4.1 Nghiên cứu hệ thống quản lý của R.Likert 4.4.2 Lãnh đạo theo tình huống 4.4.3 Mô hình lãnh đạo của P.Hersey -K.Blanchard, Thuyết chu kỳ trưởng thành 4.5 Lãnh đạo mới về chất 4.5.1 Lãnh đạo hấp dẫn 4.5.2 Các thuyết lãnh đạo mới về chất Ôn tập								
Tổng		30				70			

Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.

Học ở lớp:

- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;
- Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.

Học ở nhà:

- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.

A1
A2
A3

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

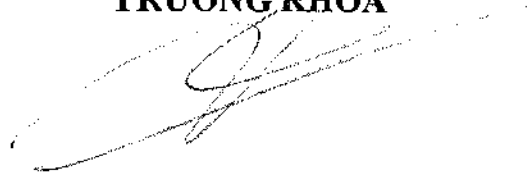
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)	CDR				
	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 Số câu: 3 (Tỷ lệ: 30%)	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 3 (Tỷ lệ: 30%)	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 0
Chương 4 Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	Số câu: 1 Tỷ lệ 10%	Số câu: 4 Tỷ lệ 40%	Số câu: 3 Tỷ lệ 30%	Số câu: 2 Tỷ lệ 20%	Số câu: 0

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

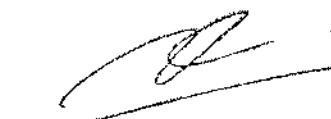
1. Nguyễn Hữu Lam (2009), “Nghệ thuật lãnh đạo”, NXB Thống kê
2. Nguyễn Hữu Lam (1997), “Đổi mới và phát triển tổ chức”, NXB giáo dục.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ VẬN HÀNH**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị vận hành
Tên học phần Tiếng Anh:	Operations management
Mã học phần:	06CQ0572
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Quản trị vận hành được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất về quản trị vận hành một hệ thống sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trên cơ sở những quan điểm hiện đại. Ngoài ra môn học còn trang bị cho sinh viên những nhận thức cơ bản phối hợp với các công cụ và kỹ thuật để đảm bảo được năng suất cũng như hiệu quả sản phẩm trong quá trình vận hành. Nội dung Môn học đề cập đến những kỹ năng, thiết kế, dự báo, kiểm soát và các quyết định liên quan đến quá trình sản xuất để nhà quản trị điều hành tốt trong môi trường sản xuất và cung cấp dịch vụ tại doanh nghiệp trong tương lai.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu biết được bản chất năng suất, tính hữu hiệu, tính hiệu quả, quản trị vận hành	4	PLO3
CLO2	Giải thích, phân tích được tầm quan trọng của kế hoạch sản xuất, phương pháp xây dựng kế hoạch sản xuất, bố trí kế hoạch sản xuất hiệu quả, dự báo sản xuất	4	PLO4
CLO3	Giải thích vai trò công tác quản trị vận hành, quá trình vận hành và những yếu tố ảnh hưởng đến năng suất của quá trình sản xuất, quản trị và bảo trì các thiết bị	4	PLO6 PLO7
CLO4	Hiểu các mô hình hàng tồn kho, vận dụng các phương pháp đặt hàng tồn kho, quy trình cải tiến chất lượng, ra quyết định đặt hàng phục vụ cho hoạt động sản xuất	4	PLO6 PLO7
CLO5	Thảo luận các cách thức để lựa chọn địa điểm sản xuất, công nghệ sản xuất, các cách thức bố trí mặt bằng sản xuất trong điều kiện nhất định, điều phối sản xuất, quản trị hàng tồn kho, phương pháp dự báo sản lượng	4	PLO8
CLO6	Biết lắng nghe, suy xét và điều chỉnh trước các ý kiến phản biện về cách thức giải quyết các tình huống quản trị vận hành được các nhóm chuyên môn hoặc cá nhân trình bày	4	PLO9
CLO7	Chủ động nghiên cứu kiến thức cung cấp qua môn học làm nền tảng nghiên cứu khoa học cho các học phần có liên quan.	3	PLO10
CLO8	Tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học, theo quá trình.	3	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Giới thiệu về môn học QT VH		4				8			
1	1.1 Khái niệm, bản chất của QT vận hành						CLO1		A1
	1.2. Mục tiêu quản trị vận hành						CLO6		
	1.3 Các loại hình sản xuất						CLO7		A3
	1.4 Từ hoạch định đến kiểm soát						CLO8		
	1.5. Các cấp quản lý								
	1.6. Sự cạnh tranh								
	1.7. Chiến lược trong sản xuất								
	1.8. Đặc điểm hệ thống sản xuất hiện nay								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 2: Quy trình và công nghệ của hệ thống sản xuất	4				8			
2	2.1. Khái niệm, vai trò 2.2. Chức năng 2.3. Phân tích sản phẩm 2.4. Quyết định sản xuất hay mua 2.5. Các loại quy trình sản xuất 2.6. Quyết định về công nghệ trong sản xuất 2.7. Quyết định về thiết bị phục vụ sản xuất						CLO1 CLO6 CLO7 CLO8		A1 A3
	Chương 3: Dự báo trong sản xuất	4				8		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	
3	3.1. Khái niệm 3.2. Phân loại dự báo 3.3. Tầm quan trọng chiến lược dự báo 3.4. Các bước trong hệ thống dự báo 3.5. Các phương pháp dự báo trong sản xuất. 3.6. Giám sát và kiểm soát dự báo 3.7. Dự báo trong lĩnh vực dịch vụ								
	Chương 4: Bố trí mặt bằng	4				8			
4	4.1. Tổng quan về bố trí mặt bằng 4.2. Các loại hình bố trí mặt. bằng 4.3. Tầm ảnh hưởng của bố trí mặt bằng 4.3 Các bước bố trí mặt bằng trong DN 4.5. Quy trình sản xuất						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4		A1
	Chương 5: Lập kế hoạch và lịch trình sản xuất	2				4	CLO5 CLO6 CLO7		A2
5	5.1. Tổng quan về hoạch định 5.2. Bản chất của hoạch định 5.3. Quá trình hoạch định 5.4. Các phương pháp hoạch định								A3
	Chương 5: Lập kế hoạch và lịch trình sản xuất	2				4			
6	5.5. Khái quát về lịch trình sản xuất 5.6. Sắp xếp công việc trên một quy trình sản xuất 5.7. Sắp xếp công việc trên hai quy trình sản xuất 5.8. Sắp xếp công việc trên nhiều quy trình sản xuất								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 6: Quản trị các yếu tố đảm bảo sản xuất	3				8			
7	6.1. Quản trị hàng tồn kho - Các loại hàng tồn kho - Chức năng hàng tồn kho - Hệ thống tồn kho - Mô hình lượng đặt hàng kinh tế							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
	Chương 6: Quản trị các yếu tố đảm bảo sản xuất	3				8			A2
8	6.2. Hoạch định nhu cầu sản xuất. Theo JIT - Hoạch định nhu cầu vật tư Sử dụng bảng điều độ sản xuất chính trong lịch trình MRP - Hoạch định nhu cầu công sức - Hệ thống JIT 6.3. Quản trị chất lượng sản xuất - Khái niệm - Các phương pháp quản trị chất lượng sản xuất - Hệ thống đảm bảo chất lượng ISO						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		A3
	Chương 7: Kỹ thuật an toàn lao động và bảo trì công nghiệp	4				14			
9	7.1. Kỹ thuật an toàn lao động 7.2. Quản trị bảo trì công nghiệp ÔN TẬP								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO6 CLO7 CLO8	10

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 & 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 & 7 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Sách, giáo trình

[1] Đặng Minh Trang, Lưu Đan Thọ (2016), Quản trị vận hành hiện đại, Nhà xuất bản Tài chính.

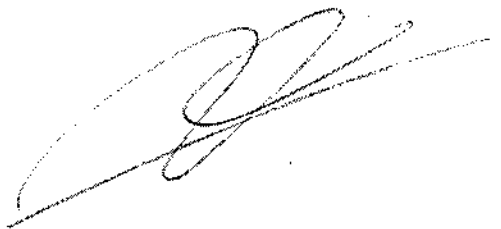
Tài liệu tham khảo

[2] F.ROBERT JACOBS - RICHARD B. CHASE (2015), Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng, Nhà xuất bản Kinh tế TpHCM.

[3] Trần Đức Lộc, Trần Văn Phùng (2013), Giáo trình Quản trị sản xuất và tác nghiệp, Nhà xuất bản Tài chính.

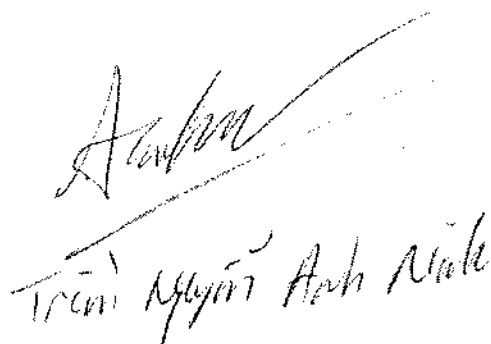
[4] Hồ Tiến Dũng (2008), Quản trị sản xuất và điều hành, Nhà xuất bản Lao Động Hà nội.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Trần Nguyễn Anh Ninh

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ MARKETING**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị marketing
Tên học phần Tiếng Anh:	Marketing management
Mã học phần:	06CQ0575
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	Marketing căn bản
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Quản trị marketing được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về Quản trị marketing, giới thiệu các khái niệm và quan điểm về quản trị marketing, phân tích các cơ hội thị trường và tiên đoán nhu cầu thị trường, hoạch định chiến lược marketing, lập kế hoạch marketing, quản trị chiến lược marketing mix, tổ chức thực hiện các chương trình marketing. Với thời lượng 2 đơn vị tín chỉ, học phần được thiết kế thành 7 chương. Học phần được thiết kế theo cách tiếp cận phát triển kỹ năng giúp cho người học có thể thực hiện Quản trị marketing đơn giản trong kinh tế-xã hội, thông qua việc kết hợp giảng dạy giữa lý thuyết và xử lý những tình huống cụ thể trong quản trị marketing tại doanh nghiệp

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Bày tỏ quan điểm cá nhân thông qua vận dụng các nguyên tắc trong Quản trị marketing: xác định mô hình và các giai đoạn Quản trị marketing của DN, môi trường bên trong và bên ngoài của DN, thực thi Quản trị marketing của doanh nghiệp.v.v	3.0	PLO8
CLO2	Biện luận cách xử lý các tình huống cụ thể của DN và đánh giá kết quả quá trình thực hiện Quản trị marketing.	5.0	PLO9
CLO3	Vận dụng được nguyên lý Quản trị marketing, thành thạo các kỹ năng phân tích và thực thi Quản trị marketing, kỹ năng trình bày, diễn giải kết quả thực thi Quản trị marketing cụ thể.	4.0	PLO10
CLO4	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Tham dự lớp học đầy đủ.	3.0	PLO13 PLO14

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về Quản trị marketing	5				6	CLO1 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
	1.1. Khái niệm, chức năng Quản trị marketing 1.2. Các quan điểm quản trị marketing 1.3. Các mục tiêu của hệ thống marketing.								
2	Chương 2: Hoạch định chiến lược và lập kế hoạch marketing	5				9			
	2.1. Khái niệm hoạch định chiến lược 2.2. Hoạch định chiến lược toàn doanh nghiệp 2.3. Lập kế hoạch marketing chiến lược 2.4. Lập kế hoạch marketing hàng năm 2.5. Một số công cụ lập kế hoạch chiến lược								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	Chương 3: Phân tích cạnh tranh	5				9			
	3.1. Các lực lượng cạnh tranh 3.2. Nhận dạng đối thủ cạnh tranh 3.3. Phân tích đối thủ cạnh tranh 3.4. Thiết kế hệ thống tình báo về đối thủ cạnh tranh 3.5. Thiết kế các chiến lược marketing cạnh tranh								
4+5	Chương 4: Quản trị chiến lược sản phẩm	8				9			
	4.1. Khái niệm sản phẩm 4.2. Phân loại sản phẩm 4.3. Các quyết định về tập hợp sản phẩm 4.4. Các quyết định về dòng sản phẩm 4.5. Quyết định về thương hiệu 4.6. Quyết định về bao bì và nhãn hiệu 4.7. Quyết định về các dịch vụ hỗ trợ 4.8. Phát triển sản phẩm mới 4.9. Quá trình chấp nhận và truyền bá sản phẩm mới 4.10. Cơ cấu tổ chức trong phát triển sản phẩm mới 4.11. Quản trị chiến lược chu kỳ sống sản phẩm						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
6+7	Chương 5: Quản trị chiến lược giá	7				9			
	5.1. Khái niệm và vai trò của chiến lược giá trong hoạt động kinh doanh 5.2. Tầm quan trọng của giá 5.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược và các quyết định về giá của doanh nghiệp 5.4. Các phương pháp định giá sản phẩm 5.5. Các chiến lược giá thường được các doanh nghiệp áp dụng 5.6. Quy trình định giá sản phẩm 5.7. Chủ động tạo ra và phản ứng với những thay đổi về giá								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
8	Chương 6: Quản trị chiến lược phân phối	5				9	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	6.1. Bản chất của kênh phân phối 6.2. Thiết kế kênh phân phối 6.3. Các loại kênh phân phối 6.4. Xác định mật độ trong kênh phân phối 6.5. Kiểm soát xung đột trong kênh PP 6.6. Tổ chức hệ thống bán lẻ 6.7. Tổ chức hệ thống bán sỉ 6.8. Phân phối vật chất								
9	Chương 7: Quản trị chiến lược xúc tiến hỗn hợp	5				9			
	7.1. Khái niệm và bản chất của xúc tiến HH 7.2. Xác định nội dung xúc tiến hỗn hợp 7.3. Xác định ngân sách xúc tiến hỗn hợp 7.4. Thiết kế chương trình quảng cáo hiệu quả 7.5. Bán hàng trực tiếp 7.6. Khuyến mãi 7.7. Quan hệ công chúng								
10	Thảo luận - Ôn tập Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên về Quản trị marketing	5							
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO4	10

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

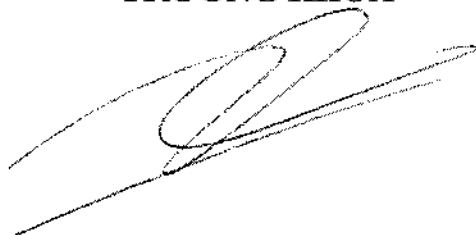
Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

- [1]. Trương Đình Chiến, *Quản trị marketing* (2011), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân
- [2]. Philip Kotler (2020), *Marketing căn bản*, Nhà xuất bản Thống kê
- [3]. Philip Kotler (2020), *Quản trị marketing*, Nhà xuất bản Hồng Đức
- [4]. Hội Marketing Việt Nam, *Tình huống Marketing Việt Nam* (2004), Nhà xuất bản Lao Động
- [5]. Lưu Đan Thọ (2020), *Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức*, Nhà Xuất bản Tài chính

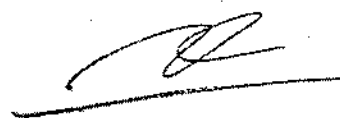
-
- [6]. Nhóm tác giả Lê Thế Giới (2020), *Quản Trị Marketing - Định hướng khách hàng*, Nhà Xuất bản Tài chính
- [7]. Nhóm tác giả Nguyễn Văn Trãi (2020), *Quản trị marketing*, Nhà Xuất bản Lao Động
- [8]. Nhóm tác giả Phạm Thị Huyền (2020), *Quản trị marketing*, Nhà Xuất bản Giáo Dục Việt Nam
- [9]. David Hunger & Thomas L. Wheelen (2002), *Strategic Management and Business policy, 8th edition*, NXB Prentice Hall, London.
- [10]. G. Johnson, K. Scholes (2008), *Exploring Corporate Strategy*, NXB Pearson Education, USA.
- [11]. Richard Lynch (2006). *Corporate Strategy*, NXB Prentice Hall, USA.
- [12]. Hill, Charles W. L., and Gareth Jones (2008), *Strategic Management: An integrated approach*, NXB Boston Houghton Mifflin, USA.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
KHỞI NGHIỆP VÀ ỨNG DỤNG**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Khởi nghiệp và ứng dụng
Tên học phần Tiếng Anh:	Startup and entrepreneurship
Mã học phần:	06CQ0581
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Khởi nghiệp và ứng dụng là môn cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình khởi tạo doanh nghiệp mới trong nền kinh tế thị trường. Môn học trình bày những nội dung cốt lõi như: Tổng quan về khởi nghiệp, quá trình sáng tạo và phát sinh ý tưởng kinh doanh, đánh giá cơ hội của đề án kinh doanh trên thị trường, vấn đề pháp luật trong khởi nghiệp, kế hoạch khởi nghiệp và chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành và phát triển.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Tổng hợp được những kiến thức căn bản về khởi nghiệp và cơ hội kinh doanh.	3.0 4.0	PLO3 PLO4
CLO2	Trình bày được các yếu tố tác động đến cơ hội kinh doanh và hình thành ý tưởng kinh doanh.	3.0 4.0	PLO3 PLO4
CLO3	Nhận biết cơ hội và thực hiện hoá ý tưởng kinh doanh	3.0 4.0	PLO3 PLO4
CLO4	Thực hành các kỹ năng phân tích, xử lý thông tin, kỹ năng viết báo cáo	4.0 4.0	PLO6 PLO8
CLO5	Thực hành các kỹ năng khởi nghiệp hiệu quả, bao gồm kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề; kỹ năng tư duy sáng tạo	4.0 4.0	PLO6 PLO8
CLO6	Rèn luyện tính nhạy bén và khả năng nắm bắt, khai thác các cơ hội trên thị trường của một doanh nhân	4.0 4.0	PLO9 PLO10
CLO7	Trách nhiệm, cam kết thực hiện mục tiêu xây dựng chung với chất lượng cao nhất có thể, có tinh thần kỷ luật và tự giác đối với công việc và phát triển bản thân	4.0 4.0	PLO9 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp		6				12	CLO7		A1
1	- Khởi nghiệp là gì? - Quá trình khởi nghiệp. - Đặc điểm tư duy của người khởi nghiệp.								
Chương 2: Sáng tạo và ý tưởng kinh doanh		6				12	CLO6 CLO7		A3
2	- Đánh giá các xu hướng kinh doanh. - Các nguồn ý tưởng kinh doanh Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 3: Đánh giá và phân tích cơ hội TT		6				12	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
3	- Nhận diện và đánh giá cơ hội thị trường. - Tác động của môi trường đến cơ hội KN Bài tập								
Chương 4: Kế hoạch khởi nghiệp		6				12			
4	- Tổng quan về kế hoạch khởi nghiệp. - Tầm quan trọng của kế hoạch KN - Kết cấu của kế hoạch khởi nghiệp. - Kế hoạch marketing - Kế hoạch tài chính - Đánh giá rủi ro Bài tập								
Chương 5: Chiến lược phát triển của doanh nghiệp mới		6				12	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7		
5	- Chiến lược tăng trưởng trong g/đ KN - Chiến lược dựa trên SP & TT - Chiến lược đa dạng hóa - Các thách thức đối với tăng trưởng của doanh nghiệp mới - Nguồn tài chính - Nguồn nhân lực Bài tập								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO6 CLO7	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

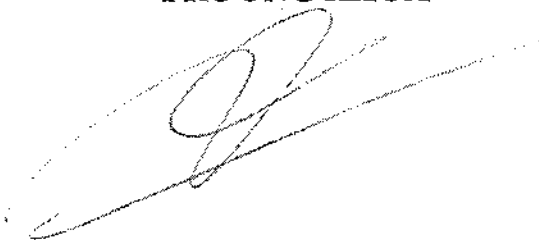
3.1. Sách/ Giáo trình:

- [1] Nguyễn Ngọc Huyền và Ngô Thị Việt Nga (2020). *Giáo trình khởi sự kinh doanh*. Nxb. Đại học Kinh tế Quốc Dân.

3.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Donald F. Kuratko (2021). *Khởi nghiệp kinh doanh: Lý thuyết, quá trình, thực tiễn*. Nxb. Hồng Đức.
- [2] Nguyễn Ngọc Tuấn và Nguyễn Nam Hải (2018). *Chiến lược làm chủ doanh nghiệp*. Nxb. Đồng Nai.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THANH TOÁN QUỐC TẾ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thanh toán quốc tế
Tên học phần Tiếng Anh:	International Payment
Mã học phần:	06CQ0543
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học trình bày chi tiết về những kiến thức về thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh hối đoái và vận dụng nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro tỉ giá; các phương tiện thanh toán được sử dụng trong thanh toán quốc tế; nắm vững cách thức lựa chọn và sử dụng các phương thức thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương, đặc biệt là phương thức thanh toán L/C.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 2: Tỷ giá hối đoái và Thị trường ngoại hối		3				6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
3	Bài tập + Tìm hiểu về ký hiệu tiền tệ của một số quốc gia + Xác định tỷ giá theo phương pháp tính chéo								
Chương 3: Nghiệp vụ KD hối đoái		3				10			
4	3.1. Cơ sở pháp lý 3.2. Nghiệp vụ giao ngay (Spot Operation). 3.3. Nghiệp vụ kỳ hạn (Forward Operation). 3.4. Nghiệp vụ hoán đổi tiền tệ (Currency Swaps). 3.5. Nghiệp vụ giao sau (Currency Futures Market). 3.6. Nghiệp vụ quyền chọn (Currency Options). Bài tập: Thực hành bài tập tình huống của nghiệp vụ hối đoái giao ngay, nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch tỷ giá và nghiệp vụ hối đoái kỳ hạn								
Chương 3: Nghiệp vụ KD hối đoái		3				8			
5	3.4. Nghiệp vụ hoán đổi tiền tệ (Currency Swaps). 3.5. Nghiệp vụ giao sau (Currency Futures Market). 3.6. Nghiệp vụ quyền chọn (Currency Options). Bài tập + Thực hành bài tập tình huống của nghiệp vụ hối đoái giao ngay, nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch tỷ giá và nghiệp vụ hối đoái kỳ hạn + Thực hành bài tập tình huống của nghiệp vụ quyền chọn + Thực hành bài tập tình huống của nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4: Phòng ngừa rủi ro Tỷ giá hối đoái		3				6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
6	4.1. Khái niệm rủi ro tỉ giá 4.2. Rủi ro tỉ giá hối đoái đối với doanh nghiệp 4.3. Rủi ro tỉ giá đối với ngân hàng thương mại								
Chương 5: Các phương tiện TTQT		3				6			
7	5.1. Hối phiếu (BILL OF EXCHANGE) 5.1.1 Khái Niệm 5.1.2 Các nghiệp vụ liên quan đến lưu thông hối phiếu Bài tập + Thiết lập hối phiếu dựa trên các chứng từ liên quan								
Chương 5: Các phương tiện TTQT		3				6			
8	5.2. Lệnh phiếu (PROMISSORY NOTE) 5.3. Séc (CHECK) 5.4. Thẻ thanh toán (PLASTIC CARD) Bài tập tình huống + Thảo luận về các nghiệp vụ phát hành và lưu thông Lệnh phiếu, Séc và thẻ								
Chương 6: Các phương thức TTQT		3				8			
9	6.1 Khái niệm về Phương thức thanh toán 6.2 Phương thức ghi sổ (OPEN ACCOUNT) 6.3 Phương thức thanh toán CAD 6.4 Phương thức chuyển tiền (REMITTANCE) Bài tập : Thảo luận về quy trình thực hiện nghiệp vụ, trường hợp áp dụng và phân tích ưu nhược điểm của phương thức ghi sổ và phương thức CAD								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 6: Các phương thức TTQT		2				4	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
10	6.5 Phương thức nhờ thu (COLLECTION) 6.5.1 Phương thức nhờ thu trơn 6.5.2 Phương thức nhờ thu kèm chứng từ 6.6 Phương thức tín dụng chứng từ (DOCUMENT CREDIT) Bài tập								
Chương 7: Bộ chứng từ trong TTQT		2				4			
11	7.1 Hóa đơn 7.2 Phiếu đóng gói (Parking list) 7.3 Bảng kê chi tiết (Specification). 7.4 Chứng từ vận tải (Transport documents) 7.5 Chứng từ bảo hiểm (Insurance Certificate/Policy). 7.6 Các loại giấy chứng nhận khác								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

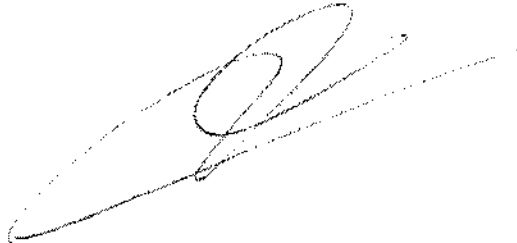
Giáo trình

1. Trần Hoàng Ngân, Nguyễn Minh Kiều (2007), “*Thanh toán quốc tế*”, Nhà xuất bản Thống kê.

Tài liệu tham khảo

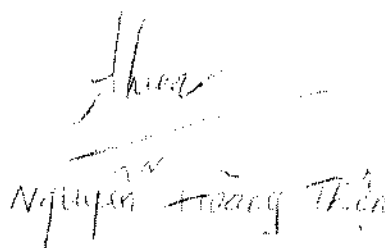
1. Nguyễn Thị Thu Thảo (2009), “*Nghiệp vụ thanh toán quốc tế*”, NXB Tài chính.
2. Lê Phan Thị Diệu Thảo, Lê Thị Anh Đào, Nguyễn Phước Kinh Kha và những người khác (2014), “*Giáo trình thực hành nghiệp vụ thanh toán quốc tế*”, NXB Phương Đông.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ VẤN ĐỀ VÀ XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông
Tên học phần Tiếng Anh:	Problem management and media crisis handling
Mã học phần:	06CQ0980
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Truyền thông Doanh nghiệp, Quản trị xu hướng truyền thông hiện đại, tính đa dạng và đổi mới trong truyền thông hiện đại, Chiến lược quản trị xu hướng truyền thông hiện đại, Thực hành và ứng dụng. Học phần này là một phần quan trọng trong hoạt động kinh doanh của các công ty sự kiện và truyền thông đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển các dịch vụ truyền thông

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu được vấn đề và khủng hoảng truyền thông	2.0	PLO7
CLO2	Vận dụng được Lý thuyết cơ bản về quản trị vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông	3.0	PLO7
CLO3	Quản lý được Các phương pháp và kỹ thuật trong quản trị vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông	4.0	PLO8
CLO4	Tích cực tham gia vào các hoạt động thảo luận, làm bài tập chung, và giải quyết các bài tập thảo luận được giao cho nhóm. Đi học đúng giờ.	3.0	PLO9 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Giới thiệu về vấn đề và khủng hoảng truyền thông		5	0	0	0	10	CLO1 CLO2 CLO3	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
1	1.1 Định nghĩa vấn đề và khủng hoảng truyền thông 1.2 Ý nghĩa của quản trị vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông 1.3 Sự phát triển của truyền thông và tầm quan trọng của quản trị vấn đề CÂU HỎI ÔN TẬP								A3
Chương 2: Cơ sở lý thuyết về quản trị vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông		5	0	0	0	10			A1
2	2.1 Mô hình quản trị vấn đề 2.2 Quá trình xử lý KHTT 2.3 Yếu tố ảnh hưởng đến quản trị VD và xử lý khủng hoảng truyền thông CÂU HỎI ÔN TẬP								
Chương 3: Tính đa dạng và đổi mới trong truyền thông hiện đại		7	0	0	0	20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	A2	
3-4	3.1 Phân tích xu hướng truyền thông và người tiêu dùng hiện đại. 3.2 Tính đa dạng trong các phương tiện truyền thông và nền tảng KTS 3.3 Đổi mới trong quản trị và sáng tạo nội dung.							A	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 4: Các phương pháp và kỹ thuật trong quản trị vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông	8	0	0	0	20			
5-6	4.1 Phân tích vấn đề và đánh giá rủi ro 4.2 Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với khủng hoảng 4.3 Giao tiếp trong quản trị vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông 4.4 Sử dụng công nghệ và mạng xã hội trong quản trị vấn đề và xử lý khủng hoảng						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	Chương 5: Nghiên cứu trường hợp và thực hành	5	0	0	0	10			
7	5.1 Phân tích các trường hợp nổi tiếng về quản trị vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông 5.2 Bài tập thực hành: Phát hiện và mô phỏng khủng hoảng truyền thông, và đề xuất kế hoạch ứng phó ÔN TẬP								
	Tổng	30	0	0	0	70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Sách/ Giáo trình:

[1] Bài giảng “Quản trị vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông” nội bộ

Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Văn Thành 2022, Giáo trình Quản Trị, Xử Lý Khủng Hoảng Truyền Thông, NXB Chính Trị Quốc Gia Sự Thật

[2] Đỗ Đình Tấn, 2019 Truyền Thông Và Kinh Doanh, Nhà xuất bản Trẻ

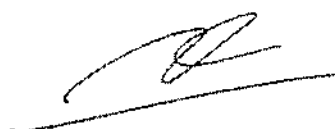
[3] Truyền thông nội bộ - từ chiến lược đến thực thi, Nhà Xuất bản Công Thương

TRƯỞNG KHOA

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Văn Dũng



Nguyễn Văn Dũng

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
MARKETING KỸ THUẬT SỐ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Marketing kỹ thuật số
Tên học phần Tiếng Anh:	Digital Marketing
Mã học phần:	06CQ1195
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Phan Ngọc Minh
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Phan Ngọc Minh TS. Vũ Hoàng Linh Ths. Phạm Bích Ngọc
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Marketing Công nghệ số" cung cấp cho sinh viên kiến thức về marketing trong bối cảnh công nghệ số, bao gồm bản chất, vai trò và đặc điểm của marketing số; quy trình xây dựng chiến lược và lập kế hoạch marketing số; các công cụ marketing mix và phương tiện marketing số; đo lường và cải thiện hoạt động marketing số. Sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng phân tích, lập kế hoạch và triển khai các chiến dịch marketing hiệu quả trên nền tảng số.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và giải thích được các khái niệm, vai trò và đặc điểm của marketing công nghệ số.	2.0	PLO6
CLO2	Phân tích môi trường và xu hướng marketing số để xác định cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp.	3.0	PLO6
CLO3	Xây dựng chiến lược và lập kế hoạch marketing số phù hợp với mục tiêu kinh doanh.	3.0	PLO7
CLO4	Sử dụng hiệu quả các công cụ và kênh truyền thông số trong triển khai chiến dịch marketing.	3.0	PLO7
CLO5	Đo lường và đánh giá hiệu quả của các hoạt động marketing số, đề xuất giải pháp cải thiện.	4.0	PLO7
CLO6	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về Marketing Công nghệ số	5				15	CLO1 CLO2 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
	1.1. Khái niệm và đặc điểm của Marketing công nghệ số 1.2. Sự khác biệt giữa Marketing truyền thống và Marketing số 1.3. Các xu hướng Marketing số hiện nay 1.4. Ảnh hưởng của công nghệ số đến hành vi tiêu dùng								
2	Chương 2: Hành vi khách hàng trong môi trường số	5				15			
	2.1. Hành trình KH trong kỷ nguyên số 2.2. Nhân khẩu học số và hành vi tìm kiếm thông tin 2.3. Ảnh hưởng của mạng xã hội và Influencer đến quyết định mua hàng								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2.4. Phân tích dữ liệu khách hàng và cá nhân hóa trải nghiệm								
3	Chương 3: Các kênh truyền thông số và chiến lược nội dung	10				15			
	33.1. Tổng quan về các kênh Marketing số (SEO, SEM, Social Media, Email, Mobile, Website) 3.2. Chiến lược nội dung số (Content Marketing, Video Marketing, Blogging, Podcasting) 3.3. Nguyên tắc xây dựng nội dung thu hút và tối ưu hóa chuyển đổi 3.4. Quản lý thương hiệu số và trải nghiệm người dùng						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	 Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
4	Chương 4: Quảng cáo số và chiến lược tối ưu hóa	10				15			
	4.1. Google Ads, Facebook Ads, TikTok Ads và các nền tảng quảng cáo phổ biến 4.2. Cách xây dựng chiến dịch quảng cáo hiệu quả 4.3. Công nghệ theo dõi, đo lường và tối ưu hóa quảng cáo (Google Analytics, Pixel, UTM tracking) 4.4. A/B Testing và tối ưu hóa hiệu suất quảng cáo						CLO1 CLO4 CLO6		A1 A2 A3
5	Chương 5: Tiếp thị qua mạng xã hội (Social Media Marketing)	5				15			
	5.1. Chiến lược Marketing trên Facebook, Instagram, TikTok, LinkedIn, YouTube 5.2. Quản lý cộng đồng và xây dựng thương hiệu trên mạng xã hội 5.3. Ứng dụng Chatbot, AI trong chăm sóc khách hàng và tự động hóa 5.4. Case study về các chiến dịch thành công trên mạng xã hội.						CLO1 CLO3 CLO5 CLO6		

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
6	Chương 6: Thương mại điện tử và chiến lược bán hàng số	5				15	CLO1 CLO4 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	6.1. Tổng quan về thương mại điện tử và các mô hình kinh doanh số 6.2. Tối ưu hóa trang web và trang đích (Landing Page) để tăng tỷ lệ chuyển đổi 6.3. Marketing Automation và Email Marketing 6.4. Chiến lược bán hàng đa kênh (Omnichannel Marketing)								
7	Chương 7: Ứng dụng AI, Big Data và công nghệ mới trong Marketing	5				15	CLO1 CLO4 CLO5 CLO6		
	7.1. Ứng dụng AI và Machine Learning trong cá nhân hóa Marketing 7.2. Big Data và phân tích dữ liệu khách hàng 7.3. Blockchain và sự minh bạch trong quảng cáo số 7.4. Xu hướng công nghệ tương lai trong Marketing								
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO6	10

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 & 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 & 7 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình chính

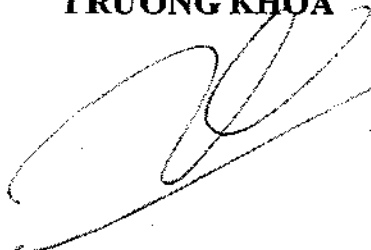
1. Bộ môn Thương mại điện tử (2025), *Giáo trình Marketing công nghệ số*, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

2. Philip Kotler.. (2023), *Giáo trình Digital Marketing Từ Chiến Lược Đến Thực Thi – Vinalink*. NXB Dân Trí.

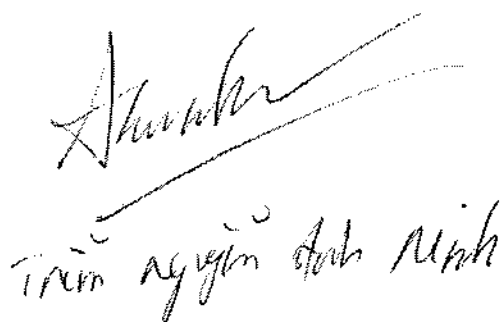
3. Philip Kotler (2023) *Giáo trình Tiếp thị 5.0* NXB Dân Trí.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Trần Nguyễn Anh Ninh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CƠ BẢN

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thương mại điện tử cơ bản
Tên học phần Tiếng Anh:	Basic E-commerce
Mã học phần:	06CQ1067
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Thương mại điện tử cơ bản cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng đặc thù của Thương mại điện tử ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động kinh doanh. Bởi vậy, sự phát triển của công nghệ thông tin sẽ thúc đẩy thương mại điện tử phát triển nhanh chóng hơn. Ngược lại, sự phát triển của thương mại điện tử cũng tạo đòn bẩy cho các lĩnh vực công nghệ thông tin phát triển như các nền tảng thương mại điện tử, thanh toán online.v.v...

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

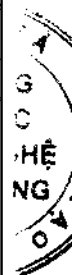
Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Bày tỏ quan điểm cá nhân thông qua vận dụng các lý thuyết liên quan Thương mại điện tử để giải thích được thị trường, chiến lược thị trường, chương trình và các chính sách trong tài chính doanh nghiệp, nhân sự.....	3.0	PLO2
CLO2	Biện luận được tác động Thương mại điện tử trong kinh doanh, quản trị dựa trên thông tin Thương mại điện tử ra quyết định của các bên liên quan.	4.0	PLO8
CLO3	Vận dụng được phương pháp và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề Thương mại điện tử, quản trị của tổ chức trong đời sống, kinh tế và xã hội.	4.0	PLO8
CLO4	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Thể hiện kỹ năng thu thập thông tin và phân tích khái quát các hoạt động Thương mại điện tử tại một doanh nghiệp cụ thể Tham dự lớp học đầy đủ.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1 Tổng quan về TMĐT		4				8	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
	1.1. Khái niệm TMĐT 1.2. Quá trình và xu hướng phát triển TMĐT 1.3. Đặc trưng của TMĐT 1.4. Các hình thức ứng dụng của TMĐT								
Chương 2: Cơ sở hạ tầng cho phát triển TMĐT		4				8			
	2.1. Hạ tầng cơ sở KT-CT-XH 2.2. Hạ tầng công nghệ. 2.3. Hạ tầng cơ sở nhân lực 2.4. Những đặc điểm cần có của tiền điện tử 2.5. Bảo mật và ATTT 2.6. Cơ sở hạ tầng thanh toán								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 3: Các hình thức giao dịch trong TMDT	4				8			
	3.1. Tổng quan về giao dịch điện tử 3.2. Thương mại điện tử giữa các doanh nghiệp (Business-to-Business E-CIommerce). 3.3. Thương mại điện tử giữa doanh nghiệp và chính phủ (business-to-Government).. 3.4. Thương mại điện tử giữa người tiêu dùng và chính phủ (CIOnsumer-to-Government). 3.5. Người môi giới điện tử (The Digital Middleman)								
	Chương 4: Xây dựng giải pháp thương mại điện tử cho doanh nghiệp	4				8			
	4.1 Xây dựng giải pháp thương mại điện tử cho doanh nghiệp 4.2. Xác định phương thức tiến hành thương mại điện tử 4.3. Các bước tiến hành triển khai thương mại điện tử						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	Chương 5: Nghiên cứu thị trường trên mạng	8				20			
	5.1. Cách thức cung cấp thông tin trên mạng 5.2. Những nguồn thông tin mà bạn có thể tìm kiếm về những đối thủ cạnh tranh 5.3. Lập kế hoạch kinh doanh cho thương mại điện tử Bài tập								
	Chương 6: Kỹ năng giao tiếp trực tuyến	8				20			
	6.1. Sử dụng thương điện tử trong giao dịch điện tử 6.2. Cách thức cải tiến giao tiếp và dịch vụ khách hàng thông qua thương điện tử và trang web 6.3 Cách thức tổ chức diễn đàn, hội thảo ảo có hiệu quả và chất lượng								



Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 7: Kỹ năng Marketing trực tuyến		8				20			
	7.1.Cách thức thu hút khách hàng đến trang Web. 7.2.Những nhân tố giúp cho việc bán các sản phẩm, dịch vụ có hiệu quả trên mạng. 7.3.Những dịch vụ có thể triển khai được trên mạng 7.4.Những sản phẩm mà khách hàng có thể tìm mua trên mạng 7.5.Những vấn đề cần quan tâm đến nhà cung cấp dịch vụ mạng (ISP) và nhà thiết kế mạng Bài tập							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; Học ở nhà: - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1
Chương 8: Các rủi ro trong hoạt động TMĐT và cách phòng chống		5				13	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4		
	8.1. Các rủi ro 8.2. Phân loại rủi ro trong TMĐT 8.2.1. Nhóm rủi ro về dữ liệu: 8.2.2. Nhóm rủi ro về công nghệ 8.2.3. Nhóm rủi ro về thủ tục, quy trình giao dịch của tổ chức 8.2.4. Nhóm rủi ro về pháp luật và tiêu chuẩn công nghiệp 8.2.5. Ảnh hưởng của rủi ro trong TMĐT 8.2.6. Rủi ro có thể gây ra thiệt hại về vật chất: 8.2.7. Rủi ro có thể làm hạn chế hiệu quả trong kinh doanh 8.2.8. Rủi ro ảnh hưởng đến cơ hội kinh doanh của của DN Ôn tập							- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A2 A3
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống		30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

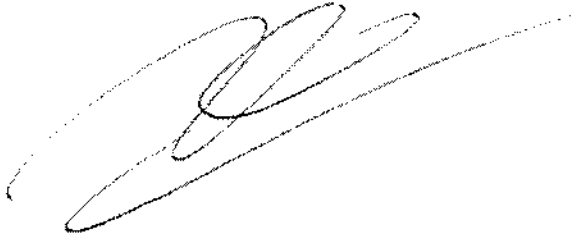
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 5</i> <i>Tỉ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 10%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

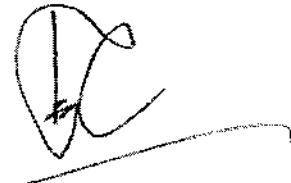
- [1] Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý – TS. Phạm thị Thanh Hồng – NXB Bách khoa Hà nội, 2010.
- [2] Giáo trình "Phân tích, thiết kế và cài đặt HTTT quản lý", Trần Thành Trai, NXB Trẻ, 1996.
- [3] Giáo trình "Tin học ứng dụng", PGS. TS. Hàn Viết Thuận, NXB Thống kê, 2005.
- [4] "Xây dựng HTTT Phục vụ lãnh đạo và quản lý các tổ chức", Luis Rigaud, (bản dịch tiếng việt Ngô Trung Việt), Chương trình tin học nhà nước, 1988.
- [5] Giáo trình "Quản trị kinh doanh tổng hợp", NXB Thống kê, 2001.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Lê Minh Trung

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TIỀN SỐ VÀ CÔNG NGHỆ BLOCKCHAIN

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	TIỀN SỐ VÀ CÔNG NGHỆ BLOCKCHAIN
Tên học phần Tiếng Anh:	Cryptocurrencies and Blockchain technology
Mã học phần:	06CQ0726
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, nguyên lý hoạt động, các ưu nhược điểm của Blockchain. Môn học cũng cung cấp bức tranh tổng quan về ứng dụng điển hình về Blockchain trong các lĩnh vực, ngành nghề, từ các ứng dụng trong chính phủ điện tử cho tới các ứng dụng chuyển đổi số của các tập đoàn kinh tế, tài chính, sản xuất, logistics, hải quan và an ninh.

Sinh viên có cơ hội được thực hành và thực hiện các thao tác cơ bản trên các mạng Blockchain công cộng phổ biến như Bitcoin, Ethereum, Binance Smart Chain và Cardano.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về Blockchain như: các khái niệm, đặc trưng, lợi ích và hạn chế của Blockchain; các thể hệ Blockchain, tình hình phát triển và pháp lý Blockchain ở Việt Nam và trên thế giới	3.0	PLO4
CLO2	Hiểu biết các công nghệ liên quan đến phát triển hệ thống Blockchain, thuật toán, hạ tầng công nghệ, các cơ chế đảm bảo đồng thuận và duy trì mạng lưới, minh bạch thông tin, API phát triển ứng dụng. Có kỹ năng phân tích và đánh giá cơ hội ứng dụng Blockchain vào trong doanh nghiệp, kỹ năng	4.0	PLO3
CLO3	Có kỹ năng tự xây dựng Hệ thống Blockchain đơn giản, tạo hợp đồng thông minh.	4.0	PLO6
CLO4	Có khả năng phân tích và đánh giá cơ hội ứng dụng Blockchain vào thực tiễn.	4.0	PLO9
CLO5	Có kỹ năng lựa chọn các giải pháp, công nghệ, phương tiện và cách thức thực hiện Blockchain vào giải quyết các vấn đề thực tế.	4.0	PLO9
CLO6	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Tham dự lớp học đầy đủ.	3.0	PLO8 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan và lịch sử công nghệ Blockchain		4				20			
	1.1. Khái niệm về Blockchain 1.2. Lịch sử công nghệ Blockchain 1.3. Lợi ích và hạn chế của Blockchain 1.4. Tình hình phát triển của Blockchain ở VN và thế giới Thảo luận nhóm								
Chương 2 Blockchain và tiền mã hóa		10				20			
	2.1 Lợi ích và hạn chế của tiền mã hóa 2.2 Giới thiệu bitcoin và các đồng tiền mã hóa 2.3 Thuật toán đào coin Thảo luận nhóm							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp:	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 3: Blockchain 2.0 Hợp đồng thông minh		12				25	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
	3.1. Tổng quan về HDTM 3.2. Lợi ích và hạn chế của HDTM 3.3. Ứng dụng của HDTM 3.4 Các dự án thực tế áp dụng đã áp dụng : Blockchain 2.0 3.5 API của Ethereum để tạo ứng dụng Blockchain 3.6 Tìm hiểu Tạo ứng dụng Blockchain đơn giản Thảo luận nhóm								
Chương 4 Blockchain 3.0 Ứng dụng công bằng và minh bạch		10				20			A3
	4.1. Giới thiệu Blockchain 3.0 4.2. Các mô hình phân tán kháng kiểm duyệt 4.3 Xác minh nhận dạng số 4.4 Dịch vụ chứng thực Blockchain 4.5 Chính phủ Blockchain Thảo luận nhóm								
Chương 5 Blockchain 3.0 Ứng dụng tăng năng xuất, điều phối		9				20			
	5.1. Siêu máy tính cộng đồng 5.2 Y tế cộng đồng toàn cầu 5.3 Blockchain trong Logistis 5.4 Hợp đồng học tập toàn cầu 5.5 Blockchain as a service								
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

- [1] Melanie Swan, LeVN dịch, Blockchain – Khởi Nguồn Cho Một Nền Kinh Tế Mới, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018.

Tài liệu tham khảo

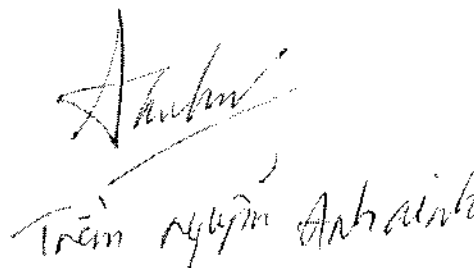
- [2] Don Tapscott, Alex Tapscott, Nguyệt Minh dịch, Cuộc cách mạng Blockchain, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018.
- [3] Vikram Dhillon, Blockchain Enabled Applications Understand the Blockchain Ecosystem and How to Make it Work for You, APress, 2017.
- [4] Narayan Prusty, Building Blockchain Projects, Develop real-time practical DApps using Ethereum and JavaScript, Packt Publishing, 2017

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THUẾ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thuế
Tên học phần Tiếng Anh:	Taxation
Mã học phần:	06CQ0546
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn Thuế là môn học dành cho sinh viên khối ngành kinh tế với những kiến thức lý thuyết cơ bản về tài chính công và thuế; hệ thống thuế Việt Nam: Khái niệm, đặc điểm, đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, đăng ký, kê khai, nộp, miễn, giảm, hoàn, truy thu và thủ tục nộp của các luật thuế Việt Nam hiện hành.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được khái niệm, đặc điểm, vai trò, phương pháp tính và đối tượng chịu thuế của: Thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân.	3.0	PLO2
CLO2	Vận dụng phương pháp tính các loại thuế để xác định số thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT, thuế bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân phải nộp, được hoàn trong một trường hợp cụ thể. Đánh giá được tình hình kê khai và nộp thuế tại một doanh nghiệp cụ thể.	3.0	PLO2
CLO3	Thực hiện thành thạo và chuyên nghiệp trong các kỹ năng giao tiếp, thảo luận, viết tiểu luận và thuyết trình.	4.0	PLO8
CLO4	Thái độ học tập: Tham gia học đầy đủ, tập trung và nhiệt tình trong quá trình học, thảo luận nhóm trên lớp. Có đạo đức tốt, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; Tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu.	4.0	PLO8

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về thuế		2	0	0	0	7			
1	1.1. Những vấn đề cơ bản về thuế 1.1.1. Khái niệm, lịch sử hình thành, bản chất và chức năng của thuế 1.1.2. Hệ thống thuế VN hiện hành. 1.1.3. Phân loại thuế 1.1.4. Các yếu tố cấu thành một sắc thuế 1.1.5. Các tiêu thức xây dựng hệ thống thuế 1.1.6. Tác động của chính sách thuế đến hoạt động kinh tế								
Chương 1: Tổng quan về thuế		2	0	0	0	7			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	1.2. Quá trình phát triển và định hướng cải cách thuế Việt Nam 1.2.1 Hệ thống thuế VN hiện hành. 1.2.2 Quá trình phát triển và định hướng cải cách thuế Việt Nam						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	 Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
Chương 2: Thuế xuất khẩu – Thuế nhập khẩu		2	0	0	0	7			
2	2.1. Khái niệm, vai trò của thuế xuất, nhập khẩu 2.2. Hàng hóa chịu thuế 2.3 Đối tượng nộp thuế 2.4. Căn cứ và phương pháp tính thuế. Bài tập: Tính thuế XK-NK								
Chương 2: Thuế xuất khẩu – Thuế nhập khẩu		2	0	0	0	7			
2	2.5. Hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế 2.6. Biện pháp tự vệ bằng thuế quan. Bài tập: Tính hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế của thuế XK, NK								
Chương 3: Thuế bảo vệ môi trường và Thuế tiêu thụ đặc biệt		4	0	0	0	7			
3	3.1 Thuế Bảo vệ môi trường 3.1.1 Tổng quan về thuế BVMT 3.1.1.1 Khái niệm – mục đích 3.1.1.2 Đặc điểm 3.1.1.3 Vai trò 3.1.2 Nội dung cơ bản của thuế bảo vệ môi trường 3.1.2.1 Hàng hóa chịu thuế và không chịu thuế 3.1.2.2 Người nộp Thuế 3.1.2.3 Căn cứ và phương pháp tính Thuế 3.1.2.4 Đăng ký, kê khai, nộp thuế, giảm thuế, hoàn thuế Bài tập: tính thuế bảo vệ môi trường								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 3: Thuế bảo vệ môi trường và Thuế tiêu thụ đặc biệt		4	0	0	0	7	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
4	3.2 Thuế tiêu thụ đặc biệt 3.2.1 Khái niệm và mục đích 3.2.2 Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế tiêu thụ đặc biệt. 3.2.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt 3.2.3.1 Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt 3.2.3.2 Phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt 3.2.4 Đăng ký, kê khai, nộp thuế, giảm thuế, hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt. Bài tập: tính thuế tiêu thụ đặc biệt								
Chương 4: Thuế giá trị gia tăng		4	0	0	0	7			
5	4.1. Khái niệm và mục đích 4.2. Hàng hóa chịu Thuế, người nộp Thuế 4.3. Căn cứ và phương pháp tính Thuế 4.4. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng. 4.5. Hóa đơn, chứng từ có liên quan Bài tập: tính thuế GTGT. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế GTGT								
Chương 5: Thuế thu nhập DN		4	0	0	0	7			
6	5.1. Khái niệm và mục đích 5.2. Đối tượng nộp thuế 5.3. Thu nhập chịu thuế, thu nhập không chịu thuế thu nhập DN 5.3.1. Căn cứ và phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp 5.3.2. Chi phí được trừ và chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN 5.3.3. Thu nhập chịu thuế khác 5.3.4. Chuyển lỗ 5.3.5. Trích lập quỹ NCKH 5.3.6. Thuế suất Bài tập: tính thuế thu nhập DN								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân	3	0	0	0	7			
7	6.1. Khái niệm và mục đích. 6.2. Đối tượng nộp thuế TNCN 6.3. Căn cứ và PP tính thuế TNCN 6.3.1. Căn cứ, và phương pháp tính thuế TNCN đối với cá nhân cư trú 6.3.2. Căn cứ và phương pháp tính thuế TNCN đối với cá nhân ko cư trú 6.4. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, thoái trả thuế TNCN 6.5. Trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong việc thu, nộp thuế TNCN Bài tập: tính thuế thu nhập cá nhân						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1 A2 A3
	Chương 7: Các sắc thuế khác, phí và lệ phí	3	0	0	0	7			
8	7.1. Thuế môn bài 7.2. Thuế tài nguyên 7.3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp 7.4. Thuế phi nông nghiệp 7.5. Các loại phí và lệ phí Ôn tập.							Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

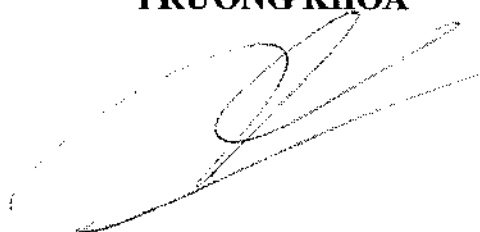
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

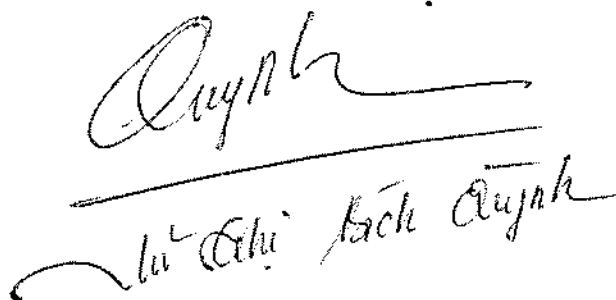
[1] Phan Hữu Nghị, Nguyễn Thị Bất (2020) Giáo trình thuế, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thương mại quốc tế
Tên học phần Tiếng Anh:	International Trade
Mã học phần:	06CQ1196
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Phan Ngọc Minh
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Phan Ngọc Minh TS. Vũ Hoàng Linh Ths. Phạm Bích Ngọc
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Thương mại quốc tế" trong chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về hoạt động thương mại toàn cầu, tập trung vào giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới, chính sách thương mại quốc tế, phương thức thanh toán điện tử và quản lý chuỗi cung ứng quốc tế. Nội dung bao gồm lý thuyết thương mại quốc tế, các hiệp định thương mại, chính sách xuất nhập khẩu, vận tải quốc tế và thương mại điện tử xuyên biên giới.

Học phần giúp sinh viên hiểu rõ bối cảnh thương mại số toàn cầu và cách áp dụng kiến thức vào thực tiễn kinh doanh trực tuyến.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và giải thích được các lý thuyết thương mại quốc tế và tác động của chúng đến thương mại điện tử.	2.0	PLO5
CLO2	Phân tích các chính sách thương mại điện tử xuyên biên giới và quy định thương mại quốc tế	3.0	PLO5
CLO3	Đánh giá tác động của các hiệp định thương mại quốc tế đối với doanh nghiệp thương mại điện tử.	4.0	PLO5
CLO4	Vận dụng kiến thức để thực hiện giao dịch thương mại điện tử quốc tế.	3.0	PLO6
CLO5	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về thương mại quốc tế và thương mại điện tử	6				15			
	1.1. Khái niệm và vai trò của thương mại quốc tế 1.2. Các lý thuyết thương mại quốc tế và ứng dụng trong TMĐT 1.3. Toàn cầu hóa và thương mại điện tử xuyên biên giới 1.4. Cán cân thương mại và tác động của tỷ giá hối đoái đến TMĐT						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
5	Chương 5: Xu hướng phát triển của thương mại điện tử quốc tế	6				20			
	5.1. Công nghệ số và tác động đến thương mại điện tử xuyên biên giới 5.2. Sự phát triển của các nền tảng TMĐT quốc tế 5.3. Thương mại điện tử bền vững và chính sách phát triển xanh 5.4. Cơ hội và thách thức của doanh nghiệp Việt Nam trong TMĐT quốc tế						CLO1 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
6	Chương 6: Quản trị chiến lược thương mại điện tử quốc tế	6				20			
	6.1. Quản trị rủi ro và chiến lược xâm nhập thị trường 6.2. Hoạch định chiến lược tiếp thị số trong thương mại điện tử quốc tế 6.3. Tối ưu hóa chuỗi cung ứng và quản trị vận hành TMĐT quốc tế 6.4. Đánh giá hiệu quả và mở rộng hoạt động thương mại điện tử toàn cầu						CLO1 CLO4 CLO5		
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 & 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

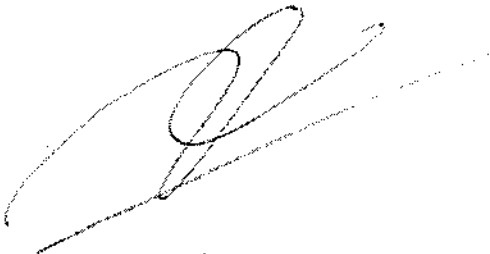
Giáo trình chính

- Bộ môn Thương mại điện tử (2025), *Giáo trình Thương mại quốc tế*, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

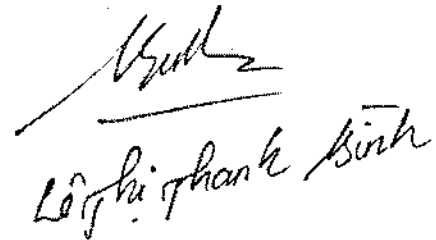
2. Hoàng Đức Thân (2018), *Giáo trình Thương mại quốc tế* NXB ĐH KTQD.
3. Krugman, P. & Obstfeld, M. (2023), "International Economics: Theory and Policy", Pearson.
4. Hill, C. W. L. (2023), "International Business: Competing in the Global Marketplace", McGraw-Hill.
5. WTO (2023), "World Trade Report 2023", World Trade Organization.
6. OECD (2023), "Digital Trade and Global Economy", OECD Publishing.
7. UNCTAD (2023), "E-Commerce and Development Report", United Nations.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Lê Thị Thanh Bình

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị tác nghiệp Thương mại điện tử
Tên học phần Tiếng Anh:	E- Commerce Operation Management
Mã học phần:	06CQ1197
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Lê Minh Trung
Giảng viên tham gia giảng dạy:	Ths. Ngô Đức Duy TS. Lê Thị Thanh Bình Ths. Nguyễn Ngọc Đức
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	Thương mại điện tử
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Quản trị tác nghiệp Thương mại điện tử" cung cấp kiến thức và kỹ năng về quản trị các hoạt động vận hành trong thương mại điện tử, bao gồm quản lý chuỗi cung ứng số, vận hành sàn TMĐT, quản lý đơn hàng, kho bãi, logistics và tối ưu hóa quy trình kinh doanh trực tuyến. Sinh viên sẽ học cách áp dụng công nghệ để tối ưu hóa hoạt động tác nghiệp, từ đó nâng cao hiệu suất và trải nghiệm khách hàng.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và giải thích được các khái niệm cơ bản về quản trị tác nghiệp trong thương mại điện tử và các quy trình quản lý liên quan	2.0	PLO5
CLO2	Phân tích và đánh giá các quy trình vận hành và quản trị dịch vụ trên nền tảng TMĐT	3.0	PLO5
CLO3	Ứng dụng công nghệ số trong quản lý kho, logistics và giao hàng trong TMĐT	3.0	PLO6
CLO4	Phát triển kỹ năng quản trị rủi ro và giải quyết vấn đề trong vận hành dịch vụ TMĐT	3.0	PLO6
CLO5	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về quản trị tác nghiệp trong thương mại điện tử	5				15			
	1.1. Khái niệm và vai trò của quản trị tác nghiệp trong TMĐT 1.2. Các mô hình tác nghiệp TMĐT phổ biến 1.3. Sự khác biệt giữa tác nghiệp TMĐT và thương mại truyền thống 1.4. Xu hướng phát triển trong quản trị tác nghiệp TMĐT						CLO1 CLO2 CLO3		A1 A3
2	Chương 2: Quản lý kho bãi và logistics trong thương mại điện tử	5		10		15			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2.1. Quản lý kho hàng trong TMĐT 2.2. Các mô hình logistics thương mại điện tử 2.3. Công nghệ số trong quản lý kho và chuỗi cung ứng 2.4. Tối ưu hóa quy trình giao hàng và quản lý trả hàng 2.5 Thực hành tại doanh nghiệp								
3	Chương 3: Quản lý đơn hàng và thanh toán trong thương mại điện tử	5		5		20		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	3.1. Hệ thống quản lý đơn hàng (OMS) 3.2. Các phương thức thanh toán trực tuyến và bảo mật thanh toán 3.3. Quản lý dữ liệu khách hàng và cá nhân hóa trải nghiệm mua sắm 3.4. Dịch vụ khách hàng và chính sách hoàn trả trong TMĐT 3.5 Thực hành tại doanh nghiệp						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
4	Chương 4: Công nghệ hỗ trợ và tự động hóa trong thương mại điện tử	5		10		10			
	4.1. Hệ thống ERP và CRM trong thương mại điện tử 4.2. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) 4.3. Chatbot và trợ lý ảo trong quản lý khách hàng 4.4. Blockchain và bảo mật trong thương mại điện tử 4.5 Thực hành tại doanh nghiệp								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
5	Chương 5: Quản lý rủi ro và tối ưu hóa vận hành trong thương mại điện tử	5				15			
	5.1. Nhận diện rủi ro trong tác nghiệp TMĐT 5.2. Quản lý gián đoạn chuỗi cung ứng 5.3. Đo lường và cải thiện hiệu suất vận hành 5.4. Pháp lý và quy định trong quản trị TMĐT							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1
6	Chương 6: Xu hướng phát triển thương mại điện tử	5		10		15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2 A3
	6.1. Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng trong thương mại điện tử 6.2. Blockchain và thương mại điện tử 6.3. Mua sắm trên mạng xã hội (Social Commerce) 6.4. Phát triển thương mại điện tử trên nền tảng di động 6.5 Thực hành tại doanh nghiệp								
Tổng		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 & 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình chính

1. Bộ môn Thương mại điện tử (2025), "Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử", Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

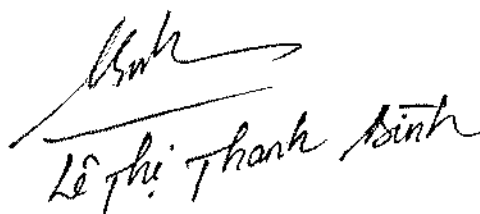
2. Nguyễn Thu Hà (2021), Giáo trình *Quản Trị Dịch Vụ Thương Mại Điện Tử*. NXB ĐHQG HN
3. Turban, E., Pollard, C., & Wood, G. (2023), "Electronic Commerce 2023: A Managerial and Social Networks Perspective", Springer.
4. Christopher, M. (2023), "Logistics & Supply Chain Management", Pearson.
5. UNCTAD (2023), "E-Commerce and Development Report", United Nations.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH E-COMMERCE

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Tiếng Anh chuyên ngành E-Commerce
Tên học phần Tiếng Anh:	English for E-Commerce
Mã học phần:	06CQ1198
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Lê Minh Trung
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Đặng Hữu Liêm Ths. Phạm Thành Trung Ths. Dương Thị Nụ
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	Tiếng Anh 1
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Tiếng Anh chuyên ngành Thương mại điện tử" trang bị cho sinh viên vốn từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp trong môi trường thương mại điện tử. Nội dung bao gồm thuật ngữ chuyên ngành, các dạng văn bản giao dịch thương mại, email thương mại, hợp đồng điện tử, tiếp thị số và chăm sóc khách hàng trực tuyến. Mục tiêu giúp sinh viên sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc liên quan đến thương mại điện tử.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và sử dụng chính xác thuật ngữ chuyên ngành TMDT bằng tiếng Anh - Understand and accurately use specialized E-Commerce terminology in English.	2.0	PLO9
CLO2	Đọc hiểu và phân tích tài liệu, hợp đồng, báo cáo liên quan đến TMDT bằng tiếng Anh - Read, understand, and analyze E-Commerce documents, contracts, and reports in English.	3.0	PLO9
CLO3	Viết email, hợp đồng và các tài liệu giao dịch thương mại điện tử bằng tiếng Anh - Write business emails, contracts, and transaction documents for E-Commerce in English..	4.0	PLO9
CLO4	Giao tiếp, đàm phán và chăm sóc khách hàng trong môi trường TMDT quốc tế bằng tiếng Anh - Communicate, negotiate, and handle customer service in an international E-Commerce environment in English	3.0	PLO9
CLO5	Phát triển kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh TMDT - Develop presentation and teamwork skills in English for an E-Commerce business setting.	3.0	PLO9
CLO6	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện - Demonstrate a proactive learning spirit and critical thinking	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về tiếng Anh trong thương mại điện tử - Overview of English in E-Commerce	6				15			
	1.1. Từ vựng và thuật ngữ cơ bản trong TMDT - Basic Vocabulary and Terminology in E-Commerce 1.1.1. Định nghĩa và các thuật ngữ phổ biến - Definitions and Common Terms						CLO1 CLO2 CLO6	Đạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống	A1 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	1.1.2. Các thuật ngữ về giao dịch thương mại điện tử - Terms Related to E-Commerce Transactions 1.1.3. Các thuật ngữ về thanh toán trực tuyến - Online Payment Terminology 1.2. Các loại hình TMDT và ngôn ngữ sử dụng - Types of E-Commerce and Their Language Usage 1.2.1. Mô hình B2B, B2C, C2C và P2P - B2B, B2C, C2C, and P2P Models 1.2.2. Đặc điểm ngôn ngữ của từng mô hình - Linguistic Characteristics of Each Model 1.3. Xu hướng ngôn ngữ trong môi trường số - Language Trends in the Digital Environment 1.3.1. Ngôn ngữ trong tiếp thị số - Language in Digital Marketing 1.3.2. Ngôn ngữ trong truyền thông xã hội - Language in Social Media 1.3.3. Ngôn ngữ AI và chatbot trong TMDT - AI and Chatbot Language in E-Commerce							vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà	
2	Chương 2: Đọc hiểu và phân tích tài liệu TMDT - Reading and Analyzing E-Commerce Documents	6				15			
	2.1. Đọc hiểu bài báo, nghiên cứu và tài liệu ngành - Reading Comprehension of Articles, Research, and Industry Documents 2.1.1. Kỹ thuật đọc nhanh - Speed Reading Techniques 2.1.2. Cách nắm bắt ý chính - Identifying Key Points 2.2. Phân tích hợp đồng thương mại điện tử - Analyzing E-Commerce Contracts 2.2.1. Cấu trúc hợp đồng - Contract Structure 2.2.2. Các điều khoản quan trọng - Key Contract Terms						CLO1 CLO2 CLO3 CLO6		
3	Chương 3: Kỹ năng viết trong thương mại điện tử - Writing Skills in E-Commerce	10				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống	
	3.1. Cấu trúc và phong cách viết email thương mại - Structure and Style of Business Emails								A1

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	3.1.1. Các dạng email phổ biến - Common Types of Emails 3.1.2. Cách viết email hiệu quả - Effective Email Writing 3.2. Viết báo cáo và đề xuất kinh doanh TMDT - Writing Business Reports and Proposals in E-Commerce 3.2.1. Bố cục một báo cáo chuẩn - Standard Report Format 3.2.2. Ngôn ngữ sử dụng - Appropriate Language Usage						CLO5 CLO6	vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A3
4	Chương 4: Kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong TMDT - Communication and Negotiation Skills in E-Commerce	10				20		Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà	
	4.1. Kỹ năng thuyết trình trong TMDT - Presentation Skills in E-Commerce 4.1.1. Cách trình bày một bài thuyết trình hiệu quả - Delivering an Effective Presentation 4.1.2. Sử dụng ngôn ngữ phi ngôn từ - Using Nonverbal Communication 4.2. Giao tiếp qua điện thoại và video call - Communication via Phone and Video Calls 4.2.1. Quy tắc giao tiếp qua điện thoại - Telephone Communication Etiquette 4.2.2. Ứng xử chuyên nghiệp - Professional Conduct						CLO1 CLO4 CLO6		
5	Chương 5: Xu hướng mới trong tiếng Anh thương mại điện tử - Emerging Trends in E-Commerce English	6				20			
	5.1. Ngôn ngữ trong trí tuệ nhân tạo và TMDT - AI Language in E-Commerce 5.1.1. Chatbot và trợ lý ảo - Chatbots and Virtual Assistants 5.1.2. Dịch máy và tự động hóa ngôn ngữ - Machine Translation and Language Automation 5.2. Nội dung số và tiếp thị đa phương tiện - Digital Content and Multimedia Marketing 5.2.1. Viết nội dung cho quảng cáo trên mạng xã hội - Writing Content for Social Media Ads 5.2.2. Tối ưu hóa ngôn ngữ cho video marketing - Language Optimization for Video Marketing						CLO1 CLO3 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc	A1 A2 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	5.3. Cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng - Personalization in Customer Experience 5.3.1. Email marketing tự động và cá nhân hóa - Automated and Personalized Email Marketing 5.3.2. Ngôn ngữ trong đánh giá và phản hồi khách hàng - Language in Reviews and Customer Feedback 5.4. Công nghệ blockchain và bảo mật trong TMĐT - Blockchain Technology and Security in E-Commerce 5.4.1. Thuật ngữ liên quan đến blockchain và TMĐT - Blockchain-Related Terminology in E-Commerce 5.4.2. Hợp đồng thông minh và giao dịch bảo mật - Smart Contracts and Secure Transactions							chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà	
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO6	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2; CLO3 CLO4; CLO5 CLO6	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1; CLO2 CLO3; CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ \ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
	CĐR				

Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

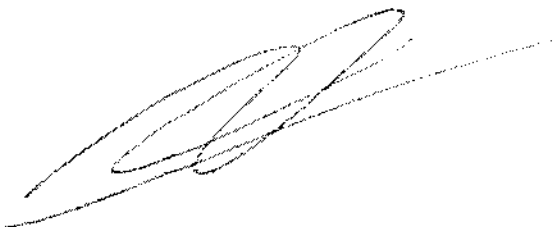
Giáo trình chính

1. Bộ môn Thương mại điện tử (2025), *Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành E-Commerce*, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

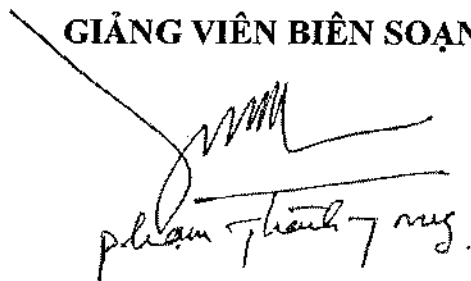
2. John Hughes (2010), *Giáo trình English for E-Commerce*. NXB Oxford University Press.
3. Kenneth C. Laudon, Carol Guercio Traver (2022), *E-Commerce 2023: Business, Technology, Society*, Pearson.
4. <https://mytour.vn/vi/blog/bai-viet/vocabulary-set-for-english-specialized-in-electronic-commerce-and-its-application-in-communication.html>.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Phát triển hệ thống thương mại điện tử
Tên học phần Tiếng Anh:	Developing Electronic Commerce System
Mã học phần:	06CQ0730
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	Thương mại điện tử
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các khái niệm, kiến thức nền tảng về thương mại điện tử, bao gồm: kinh tế thương mại điện tử, mô hình kinh doanh; kiến trúc công nghệ cho thương mại điện tử; hệ thống thanh toán; các vấn đề pháp luật và đạo đức; thông tin cá nhân và bảo mật; giải pháp thiết kế, cài đặt và vận hành website, hệ thống thương mại điện tử.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nhận diện vai trò, trách nhiệm của người làm kỹ thuật tin học: cẩn thận, làm việc từng bước theo đúng quy trình.	2.0	PLO2
CLO2	Xác định phát triển hệ thống thương mại điện tử; bao gồm phân tích, thiết kế tổng thể, thiết kế chi tiết, thiết kế kỹ thuật và vận hành hệ thống.	2.0	PLO2
CLO3	Vận dụng được các kiến thức để phát triển các hệ thống thương mại điện tử.	3.0	PLO4
CLO4	Đánh giá , Phân tích, đánh giá được thiết kế, phát triển hệ thống thương mại điện tử.	4.0	PLO5
CLO5	Phối hợp làm việc nhóm trong xử lý các tình huống.	3.0	PLO6

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1. Tổng quan về phát triển hệ thống thương mại điện tử	4				10			
	1.1 Một số khái niệm về hệ thống 1.1.1 Hệ thống 1.1.2 Các thành phần hệ thống 1.1.1 Các hệ thống thông tin quản lý, KD 1.2 Hệ thống thương mại điện tử 1.2.1 Khái niệm 1.2.2 Các thành phần hệ thống 1.3 Phát triển hệ thống thương mại điện tử 1.3.1 Khái niệm 1.3.2 Các nguyên tắc phát triển 1.4 Các mô hình phát triển hệ thống thương mại điện tử						CLO1 CLO2	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A3
2	Chương 2. Phát triển dự án TMBT	4		5		10			
	2.1 Quy trình phát triển dự án 2.1.1 Lập kế hoạch và đánh giá 2.1.2 Kiểm soát và ra quyết định 2.1.3 Phân bổ nguồn lực						CLO3 CLO4 CLO5		A1 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2.1.3 Quản trị rủi ro 2.2 Tìm hiểu quy trình kỹ thuật 2.2.1 Tập hợp thông tin phát triển 2.2.2 Xác định hướng giải quyết 2.2.3 Kiểm tra tính khả dụng 2.2.4 Nguyên mẫu 2.2.5 Cung cấp tài liệu 2.3 Tính khả thi 2.3.1 Nghiên cứu tính khả thi 2.3.2 Đánh giá tính khả thi 2.4 Thực hành								
3	Chương 3: Phân tích hệ thống TMDT	4		5		15	CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	
	3.1 Phân tích yêu cầu hệ thống 3.1.1 Xác định yêu cầu hệ thống 3.1.2 Phân tích các yêu cầu 3.1.3 Đặc tả các yêu cầu 3.2 Hệ thống hóa phân tích 3.2.1 Giới thiệu 3.2.2 Tổng quan về P.tích hướng đối tượng 3.2.2 Áp dụng phân tích hướng đối tượng 3.3 Thực hành								
4	Chương 4: Thiết kế tổng thể hệ thống thương mại điện tử	4		5		15	CLO1 CLO2 CLO3		A1 A2 A3
	4.1 Đại cương về thiết kế tổng thể 4.1.1 Khái niệm 4.1.2 Bản chất 4.1.3 Chuyển tiếp từ phân tích sang thiết kế 4.1.4 Phương pháp luận thiết kế 4.2 Thiết kế tổng thể 4.2.1 Một số tiếp cận 4.2.2 Điều chỉnh ranh giới hệ thống 4.2.3 Thiết kế các nhân tố chính 4.2.4 Mô tả các phân đoạn trình diễn 4.3 Thiết kế giao dịch kinh doanh 4.3.1 Bổ trợ máy tính cho các giao dịch truyền thống 4.3.2 Bổ sung TMDT vào các hệ thống kế thừa 4.3.3 Thiết kế giao dịch điển hình 4.3.4 Thiết kế quản lý dữ liệu 4.4 Thực hành								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
4	Chương 5: Thiết kế chi tiết hệ thống thương mại điện tử	4		5		15	CLO1 CLO2 CLO3	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2
	5.1 Tổng quan thiết kế chi tiết 5.1.1 Khái niệm 5.1.2 Các hướng dẫn thiết kế chi tiết 5.2 Thiết kế phân đoạn trình diễn 5.2.1 Thiết kế phương tiện truyền thông 5.2.2 Sử dụng các minh họa trong các phân đoạn trình diễn 5.2.3 Một số nguyên tắc thiết kế các phân đoạn trình diễn 5.2.4 Điều khiển và các liên kết 5.3 Thiết kế tương tác 5.3.1 Thiết kế tương tác chi tiết 5.3.2 Các mặc định 5.3.3 Các kịch bản 5.3.4 Thiết kế hội thoại 5.4 Sử dụng nguyên mẫu giao diện trong thiết kế 5.5 Thực hành								
4	Chương 6: Thiết kế kỹ thuật và xây dựng hệ thống thương mại điện tử	5		5		15	CLO1 CLO2 CLO3		A3
	6.1 Mô hình khách chủ 6.1.1 Những cân nhắc về nền tảng 6.1.2 Máy khách TMĐT 6.1.3 Máy chủ TMĐT 6.2. Một số vấn đề CB về thiết kế kỹ thuật 6.2.1 Thiết kế thực thi P.tiện truyền thông 6.2.2 Thiết kế xử lý máy tính 6.2.3 Thiết kế CSDL 6.2.4 Thiết kế truyền thông 6.3. Cơ bản về xây dựng hệ thống 6.3.1 Dịch chuyển, tích hợp và kết nối với các hệ thống đã có 6.3.2 Ngôn ngữ lập trình 6.3.3 Thiết kế phần mềm 6.3.4 Bộ công cụ 6.4 Thực hành								

[illegible]

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

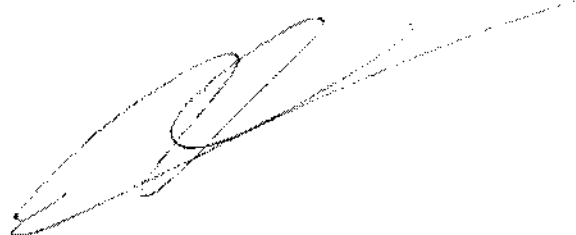
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 & 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 & 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

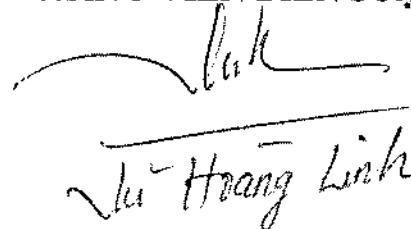
1. Stefan Van Overtveldt, Creating an Infrastructure for E-Business: Computing in an E-Business World. IBM E-Business Strategy Program.
2. Available at <http://www.ibm.com>
3. Accessed on March 13, 2001
4. The Yankee Group, Internet Computing Strategies: Creating the one-stop shop for e-business infrastructure, July 1999.
5. Trần Văn Hòe, (2015). Giáo trình thương mại điện tử căn bản. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. [48330]
6. Kenneth C.Laudon, Carol Guercio Traver, (2018).
7. E-Commerce, Pearson International Edition. [50138] [4].
8. Andreas Meier, Henrik Stormer, (2011).

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
AN TOÀN BẢO MẬT THÔNG TIN

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	An toàn bảo mật thông tin
Tên học phần Tiếng Anh:	Information security
Mã học phần:	06CQ0731
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	Cơ sở công nghệ thông tin
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin và hệ thống thông tin (HTTT), bao gồm các yêu cầu đảm bảo an toàn HTTT, mối đe dọa gây mất an toàn, các dạng tấn công thường gặp và các dạng phần mềm độc hại; Các kỹ thuật, công nghệ và công cụ đảm bảo an toàn cho thông tin và hệ thống, bao gồm bảo mật thông tin dựa trên mã hóa; điều khiển truy cập và xác thực người dùng; tường lửa và các hệ thống phát hiện và ngăn chặn tấn công, đột nhập; Vấn đề quản lý, chính sách và pháp luật an toàn thông tin.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nhận thức được tầm quan trọng của ATBMTT. Hiểu được các kiến thức về ATBMTT Vận dụng được các kiến thức về ATBMTT để nhận biết được các dấu hiệu mất an toàn, bảo mật thông tin của một hệ thống và các phương pháp phòng chống, xử lý. Thiết kế được các hệ thống đảm bảo ATTT.	3.0 4.0	PLO2 PLO8
CLO2	Phân tích, đánh giá được các giải pháp ATBMTT. Có kỹ năng giải quyết, vận dụng kiến thức về ATBMTT để thiết kế các hệ thống thông tin an toàn và bảo mật	4.0	PLO8
CLO3	Có kỹ năng phân tích, đánh giá các bản thiết kế về ATBMTT cho các hệ thống thông tin. Có thể sử dụng một số công cụ đảm bảo ATBMTT.	4.0	PLO8
CLO4	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Thể hiện kỹ năng thu thập thông tin và phân tích khái quát các hoạt động về An toàn bảo mật thông tin tại một doanh nghiệp cụ thể. Tham dự lớp học đầy đủ.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1. Tổng quan về an toàn thông tin (ATTT).	5				10			
	1.1. Khái quát về ATTT 1.2. Các yêu cầu đảm bảo ATTT và HTTT 1.3. Các thành phần của ATTT 1.4. Các mối đe dọa và nguy cơ trong các vùng hạ tầng CNTT 1.5. Mô hình tổng quát đảm bảo ATTT và HTTT						CLO1		A1 A3
2	Chương 2. Các lỗ hổng bảo mật và điểm yếu hệ thống.	5				15			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2.1. Tổng quan về lỗ hổng bảo mật và các điểm yếu hệ thống 2.2. Các dạng lỗ hổng trong hệ điều hành và phần mềm ứng dụng. 2.3. Quản lý, khắc phục các lỗ hổng bảo mật và tăng cường khả năng đề kháng cho hệ thống 2.4. Giới thiệu một số công cụ rà quét điểm yếu và lỗ hổng bảo mật						CLO1 CLO2		A1
3	Chương 3. Các dạng tấn công và các phần mềm độc hại	5				10			A3
	3.1. Khái quát về mối đe dọa và tấn công 3.2. Các công cụ hỗ trợ tấn công 3.3. Các dạng tấn công thường gặp 3.4. Các dạng phần mềm độc hại							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn, đặt câu hỏi thảo luận. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà	
4	Chương 4.– Đảm bảo an toàn thông tin dựa trên mã hóa	5				10	CLO1 CLO2 CLO3		A1
	4.1. Khái quát về mã hóa thông tin và ứng dụng 4.2. Các phương pháp mã hóa 4.3. Các giải thuật mã hóa 4.4. Các hàm băm								A2
5	Chương 5. Các kỹ thuật và công nghệ đảm bảo an toàn thông tin	5				10			A3
	5.1. Điều khiển truy nhập. 5.2. Tường lửa. 5.3. Các hệ thống phát hiện và ngăn chặn xâm nhập. 5.4. Các công cụ rà quét phần mềm độc hại.								
6	Chương 6. Quản lý, chính sách và pháp luật an toàn thông tin	5				15	CLO2 CLO3		
	6.1. Quản lý an toàn thông tin 6.2. Các chuẩn quản lý ATTT 6.3. Pháp luật và chính sách ATTT 6.4. Vấn đề đạo đức ATTT								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp	CLO4	10

	- Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp		
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

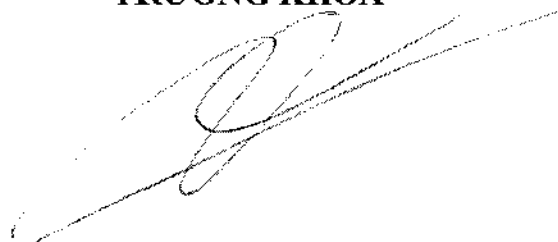
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung \ Cấp độ	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

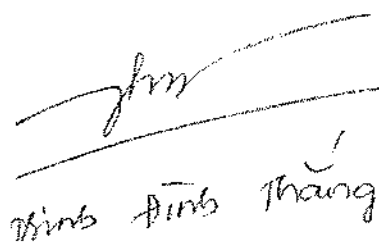
- [1]. Hoàng Xuân Dậu, Nguyễn Thị Thanh Thủy (2016), Bài giảng cơ sở an toàn thông tin, ĐH Bưu chính viễn thông.
- [2]. ĐH Kinh doanh và Công nghệ HN (2013), Giáo trình Bảo mật thông tin
- [3]. Trần Văn Minh (2008), An toàn và bảo mật thông tin. ĐH Nha Trang.
- [4]. D. Stinson (2006), Cryptography: Theory and Practice, CRT Press.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Kế toán tài chính
Tên học phần Tiếng Anh:	Financial Accounting
Mã học phần:	06CQ0736
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0956
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần này được thiết kế để giới thiệu bản chất, nhiệm vụ, nguyên tắc và phương pháp hạch toán kế toán tài chính đối với những đối tượng thuộc các quá trình hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp. Nội dung chính của học phần gồm: Kế toán vốn bằng tiền và các khoản ứng trước; kế toán các khoản phải thu, kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nhận thức được tầm quan trọng của dữ liệu kế toán, báo cáo kế toán trong doanh nghiệp để nâng cao trách nhiệm của bản thân đối với nghề.	3.0	PLO2 PLO6
CLO2	Vận dụng nguyên tắc và các phương pháp kế toán để thực hiện ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo khoản mục kế toán của từng chương.	3.0	PLO2 PLO6
CLO3	Lập được báo cáo cân đối kế toán.	3.0	PLO2 PLO6
CLO4	Xây dựng cách thức tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.	3.0	PLO2 PLO8
CLO5	Đánh giá hiệu quả của từng phương pháp tính giá thành.	3.0	PLO8
CLO6	Sinh viên tham gia đầy đủ giờ lên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định, hiểu và tuân thủ đúng chế độ kế toán, kê khai thông tin minh bạch, theo đúng pháp lý Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	3.0	PL10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp		5				5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
1	1.1. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán, cấu trúc pháp lý 1.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán, bộ máy kế toán								
Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và các khoản ứng trước		8				20			A2
2-3	2.1 KT vốn bằng tiền 2.2 KT các khoản phải thu, ứng trước Bài tập								
Chương 3: Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ		8				20			A3
4-5	3.1. Kế toán nguyên vật liệu 3.2. Kế toán công cụ dụng cụ Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4: Kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp		8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
6-7	4.1. Khái niệm và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ, xác định nguyên giá TSCĐ 4.2. Kế toán tăng giảm TSCĐ 4.3. KT khấu hao TSCĐ, sửa chữa TCSD Bài tập								
Chương 5: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương		8				20			
8-9	5.1. Kế toán tiền lương 5.2. Kế toán các khoản trích theo lương Bài tập								
Chương 6: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm		8				20			
10-11	6.1. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp SX. Khái niệm chi phí SX và giá thành, phân loại chi phí 6.2. Quy trình tổ chức kế toán chi phí SX và tính giá thành, kết cấu chi phí 6.3. Kế toán tập hợp chi phí SX 6.4. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ 6.5. Kế toán tổng hợp chi phí SX và tính giá thành sản phẩm 6.6. Kế toán tính giá thành sản phẩm Bài tập								
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO6	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO2 CLO4 CLO6	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 12.5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 25%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 25%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 12.5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 12.5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 12.5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 8 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 12.5%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 12.5%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 12.5%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 12.5%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

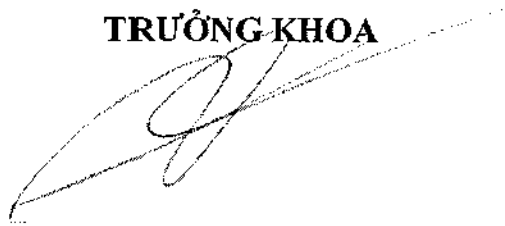
Sách, giáo trình:

1. Khoa kế toán kiểm toán, kế toán tài chính quyển 1, Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản kinh tế TPHCM, năm 2015.
2. Khoa kế toán kiểm toán, *Bài tập Kế toán tài chính*, Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản kinh tế TPHCM, năm 2017.

Tài liệu tham khảo:

3. Phan Đức Dũng, Kế toán tài chính, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản thống kê, năm 2016
4. Thông tư 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014
5. Các website: danketuan.com, ketoanthucte.com.vn, gdt.gov.vn,...

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CHIẾN LƯỢC KINH DOANH TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Chiến lược kinh doanh trong thương mại điện tử
Tên học phần Tiếng Anh:	Strategy for E – Commerce
Mã học phần:	06CQ1199
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	Ts. Lê Quang Đăng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	Ths. Lê Thị Thu Hiền Ts. Lê Quang Đăng
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	Thương mại điện tử
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Chiến lược kinh doanh trong Thương mại điện tử" cung cấp các nguyên tắc, phương pháp và mô hình chiến lược để xây dựng và phát triển doanh nghiệp trong môi trường TMĐT. Sinh viên sẽ được học cách phân tích thị trường, định vị thương hiệu, tối ưu hóa mô hình kinh doanh trực tuyến và sử dụng các công cụ số để cạnh tranh. Ngoài ra, học phần còn trang bị kiến thức về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và xu hướng phát triển TMĐT trong tương lai.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu các mô hình kinh doanh trong TMĐT và các chiến lược phát triển doanh nghiệp số.	2.0	PLO5
CLO2	Phân tích thị trường TMĐT, xu hướng tiêu dùng và yếu tố cạnh tranh.	2.0	PLO5
CLO3	Ứng dụng công cụ số trong xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh TMĐT	3.0	PLO6
CLO4	Đánh giá hiệu quả chiến lược và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh TMĐT	4.0	PLO6
CLO5	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về chiến lược kinh doanh trong thương mại điện tử		6		6		10			
	1.1. Khái niệm về chiến lược kinh doanh TMĐT 1.1.1. Định nghĩa và vai trò của chiến lược kinh doanh TMĐT 1.1.2. Sự khác biệt giữa chiến lược kinh doanh truyền thống và TMĐT 1.1.3. Các cấp độ chiến lược trong doanh nghiệp TMĐT 1.2. Các mô hình kinh doanh TMĐT phổ biến 1.2.1. Mô hình B2B (Business to Business) 1.2.2. Mô hình B2C (Business to Consumer)						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L.T	B.T	TH	TL				
	1.2.3. Mô hình C2C (Consumer to Consumer) 1.3. Những thách thức và cơ hội trong kinh doanh TMĐT 1.3.1. Cơ hội phát triển TMĐT tại VN 1.3.2. Rủi ro và thách thức đối với doanh nghiệp TMĐT 1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh TMĐT 1.4 Thực hành								
	Chương 2: Phân tích thị trường và đối thủ cạnh tranh	6		6		20			
	2.1. Phân tích thị trường TMĐT và xu hướng tiêu dùng 2.1.1. Phương pháp thu thập dữ liệu thị trường TMĐT 2.1.2. Xu hướng tiêu dùng trong TMĐT 2.1.3. Dự báo sự phát triển của thị trường TMĐT 2.2. Đánh giá đối thủ cạnh tranh trong môi trường số 2.2.1. Công cụ và phương pháp phân tích đối thủ cạnh tranh 2.2.2. Chiến lược cạnh tranh trong TMĐT 2.2.3. Lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp TMĐT Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	Chương 3: Xây dựng chiến lược kinh doanh thương mại điện tử	6		6		20			
	3.1. Xây dựng kế hoạch kd TMĐT 3.1.1. Xác định tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu 3.1.2. Chiến lược định SP/DV 3.1.3. Quản lý chuỗi cung ứng trong TMĐT 3.2. Quản trị rủi ro và chiến lược tăng trưởng bền vững 3.2.1. Các loại rủi ro trong kinh doanh TMĐT 3.2.2. Biện pháp giảm thiểu rủi ro 3.2.3. Xây dựng chiến lược tăng trưởng dài hạn Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4: Công cụ và công nghệ hỗ trợ chiến lược thương mại điện tử		6		6		20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	4.1. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) 4.1.1. Tích hợp AI vào quy trình bán hàng trực tuyến 4.1.2. Phân tích dữ liệu lớn và cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng 4.2. Sử dụng các nền tảng quảng cáo số để tiếp cận khách hàng 4.2.1. Quảng cáo Google Ads, Facebook Ads, TikTok Ads 4.2.2. SEO và chiến lược nội dung số Bài tập								
Chương 5: Đánh giá và tối ưu hóa chiến lược thương mại điện tử		6		6		20			
	5.1. Các chỉ số đo lường hiệu suất kinh doanh trực tuyến 5.1.1. Doanh thu, tỷ lệ chuyển đổi, LTV (Lifetime Value) 5.1.2. Hiệu suất chiến dịch tiếp thị 5.2. Cách điều chỉnh và cải tiến chiến lược TMĐT 5.2.1. Phân tích phản hồi từ khách hàng 5.2.2. Cải tiến trải nghiệm người dùng 5.3. Xu hướng phát triển TMĐT trong tương lai 5.3.1. Xu hướng công nghệ mới 5.3.2. Phát triển kinh doanh bền vững trong TMĐT ÔN TẬP								
TỔNG		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình chính

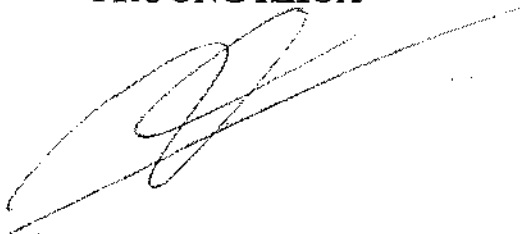
1. Bộ môn Thương mại điện tử (2025), Giáo trình Chiến lược kinh doanh trong thương mại điện tử, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

2. Kenneth C. Laudon, Carol Guercio Traver (2023), E-Commerce 2023: Business, Technology, Society. Pearson, Pearson E-Commerce 2023

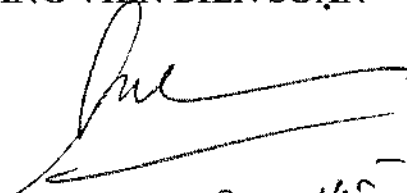
3. Steve Chou (2021) *E-Commerce Business Models and Strategies*, Independently Published.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Lê Quý Chu Hiền

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NGHIỆP VỤ XUẤT NHẬP KHẨU**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Nghiep vụ xuất nhập khẩu
Tên học phần Tiếng Anh:	Ex-Import Operation
Mã học phần:	06CQ0578
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	Nguyên lý kế toán
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học nghiệp vụ xuất nhập khẩu trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản của hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, lựa chọn các điều kiện thương mại quốc tế đồng thời cung cấp các kiến thức về tổ chức giao dịch, đàm phán và ký kết hợp đồng xuất nhập khẩu, các phương thức thanh toán quốc tế.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Thể hiện thái độ học tập tốt	3.0	PLO3
CLO2	Giải thích được những kiến thức tổng quan về hoạt động xuất nhập khẩu.	3.0	PLO3
CLO3	Vận dụng kiến thức để lựa chọn Incoterms, lập hóa đơn và hợp đồng xuất nhập khẩu.	4.0	PLO4
CLO4	Vận dụng kiến thức để đàm phán, thực hiện các chứng từ thanh toán, qui trình thủ tục hải quan cho hàng xuất nhập khẩu.	4.0	PLO5

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU	4				8			
1	1.1 Khái niệm hoạt động kinh doanh XNK 1.1.1 Khái niệm chung 1.1.2 Đặc điểm hoạt động 1.1.3 Mục tiêu hoạt động 1.2 Chính sách ngoại thương và các biện pháp thực hiện. 1.2.1 Loại hình chính sách 1.2.2 Các PP điều chỉnh chính sách 1.2.3 Các nguyên tắc điều chỉnh quan hệ buôn bán quốc tế						CLO4		A1 A3
	CHƯƠNG 2: CÁC HÌNH THỨC GIAO DỊCH QUỐC TẾ	4				8			
2	2.1 Xuất nhập khẩu trực tiếp 2.2 Xuất nhập khẩu gián tiếp 2.2.1 Đại lý 2.2.2 Môi giới 2.2.3 Thuận lợi và khó khăn của giao dịch qua trung gian 2.3 Mua bán đối lưu 2.3.1 Đối hàng 2.3.2 Mua đối lưu 2.3.3 Mua bồi hoàn 2.3.4 Chuyển nợ						CLO1 CLO2	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2.4 Gia công quốc tế 2.4.1 Khái niệm về gia công 2.4.2 Đặc điểm của phương thức 2.4.3 Các hình thức gia công quốc tế 2.4.4 Hợp đồng gia công 2.5 Kinh doanh tái xuất khẩu, chuyển khẩu 2.5.1 Kinh doanh chuyển khẩu 2.5.2 Kinh doanh tạm nhập tái xuất 2.6 Các hình thức giao dịch mua bán khác 2.6.1 Hình thức đấu thầu quốc tế 2.6.2 Hội chợ, triển lãm thương mại 2.6.3 Chuyển giao công nghệ 2.6.4 Giao dịch tại sở giao dịch hàng hóa							Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	
	CHƯƠNG 3: INCOTERMS - NHỮNG ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI	4				8			
3	3.1 Giới thiệu chung 3.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển Incoterms 3.1.2 Vai trò của Incoterms 3.1.3 Một số thay đổi chính yếu của Incoterms 2010 3.2 Cấu trúc của Incoterms 3.2.1 Cấu trúc của Incoterms 2000 3.2.2 Cấu trúc của Incoterms 2010 3.3 Nội dung các điều kiện của Incoterms 2010 3.3.1 Điều kiện EXW 3.3.2 Điều kiện FCA 3.3.3 Điều kiện CPT 3.3.4 Điều kiện CIP 3.3.5 Điều kiện DAT 3.3.6 Điều kiện DAP 3.3.7 Điều kiện DDP 3.3.8 Điều kiện FAS 3.3.9 Điều kiện FOB 3.3.10 Điều kiện CFR 3.3.11 Điều kiện CIF 3.4 Những lưu ý cần thiết khi vận dụng Incoterms Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	CHƯƠNG 4: HỢP ĐỒNG NGOẠI THƯƠNG	4				8			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
4	4.1 Những vấn đề chung về HĐ ngoại thương								
	4.1.1 Khái niệm								
	4.1.2 Đặc điểm								
	4.1.3 Yêu cầu đối với một HĐ ngoại thương								
	4.1.4 Bố cục của một văn bản HĐ ngoại thương								
	4.2 Nội dung của các điều khoản trong HĐNT								
	4.2.1 Điều khoản tên hàng hóa								
	4.2.2 Điều khoản quy cách phẩm chất hàng hóa								
	4.2.3 Điều khoản số lượng hoặc trọng lượng								
	4.2.4 Điều khoản đơn giá								
	4.2.5 Điều khoản giao và nhận hàng								
	4.2.6 Điều khoản thanh toán								
	4.2.7 Điều khoản bao bì và ký mã hiệu								
	4.2.7.1 Bao bì								
	4.2.7.2 Ký mã hiệu								
	4.2.8 Điều kiện bảo hiểm								
	4.2.9 Điều kiện bảo hành								
	4.2.10 Điều khoản phạt và bồi thường								
	4.2.11 Điều khoản bất khả kháng								
	4.2.12 Điều khoản khiếu nại								
	4.2.13 Điều khoản trọng tài								
	4.2.14 Điều khoản chung/khác								
	4.3 Những điểm cần lưu ý khi soạn thảo HĐNT								
	Bài tập								
	CHƯƠNG 5: CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ	4				8			
5	5.1 Các phương tiện thanh toán quốc tế								
	5.1.1 Hối phiếu								
	5.1.1.1 Khái niệm								
	5.1.1.2 Nội dung hối phiếu								
	5.1.2 Lệnh phiếu								
	5.1.2.1 Khái niệm								
	5.1.2.2 Nội dung lệnh phiếu								
	5.1.3 Séc								
	5.1.3.1 Khái niệm								
	5.1.3.2 Điều kiện để thành lập Séc								
	5.1.3.3 Nội dung của Séc								
	5.1.3.4 Thời gian hiệu lực và quy trình lưu thông của Séc								
	5.1.3.5 Phân loại Séc								
	5.1.4 Thẻ nhựa								
	5.2 Các phương thức thanh toán								
	5.2.1 Phương thức chuyển tiền								

[illegible]

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	6.6 Các chứng từ chứng nhận khác 6.6.1 Giấy chứng nhận số lượng/ trọng lượng 6.6.2 Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa 6.6.3 Giấy chứng nhận kiểm định thực vật 6.6.4 Giấy chứng nhận kiểm định động vật 6.6.5 Giấy chứng nhận vệ sinh 6.6.6 Giấy chứng nhận khử trùng Bài tập								
	CHƯƠNG 7: ĐÀM PHÁN, SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG XUẤT NHẬP KHẨU	5				10			
7	7.1 Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc đàm phán 7.1.1 Khái niệm 7.1.2 Đặc điểm 7.1.3 Nguyên tắc của đàm phán 7.2 Các kiểu đàm phán trong kinh doanh 7.2.1 Đàm phán mềm 7.2.2 Đàm phán cứng 7.2.3 Đàm phán theo nguyên tắc thương lượng 7.3 Các hình thức đàm phán hợp đồng 7.3.1 Qua giao dịch thư tín 7.3.1.1 Hình thức của một thư tín thương mại 7.3.1.2 Các loại thư tín dụng và trình tự 7.3.2 Qua giao dịch điện thoại 7.3.3 Gặp mặt trực tiếp 7.4 Quy trình đàm phán hợp đồng 7.4.1 Giai đoạn chuẩn bị 7.4.1.1 Nghiên cứu thông tin 7.4.1.2 Lập phương án đàm phán 7.4.1.3 Tổ chức đoàn đàm phán 7.4.2 Giai đoạn thăm dò 7.4.3 Giai đoạn thực hiện tiếp xúc đàm phán 7.4.3.1 Nội dung đàm phán hợp đồng XNK 7.4.3.2 Kỹ thuật giải quyết những tình huống bề tắc trong đàm phán 7.4.4 Giai đoạn sau khi đàm phán 7.4.5 Giai đoạn ký kết hợp đồng Ôn tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	TỔNG	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung \ Cấp độ	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 & 2 Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 & 4 Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 6 Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 7 Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng cộng: 5 câu (Tỷ lệ: 100%)	Số câu: 1 Tỷ lệ 20%	Số câu: 1 Tỷ lệ 20%	Số câu: 2 Tỷ lệ 40%	Số câu: 1 Tỷ lệ 20%	Số câu: 0

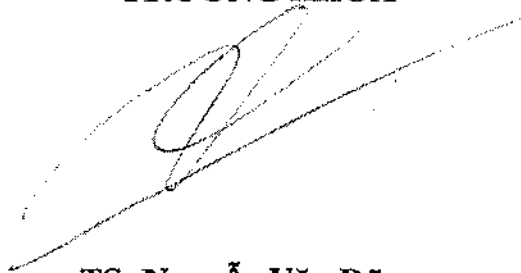
7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

1. Võ Thanh Thu “*Kỹ Thuật Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu*”, Lao động xã hội, 2006 (Tài liệu không tài bản)

Tài liệu tham khảo

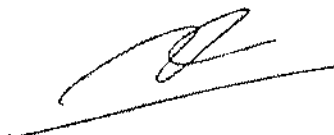
1. Hà Thị Ngọc Oanh, Giáo trình Kỹ thuật kinh doanh thương mại quốc tế, Lao động xã hội, 2014 (Tài liệu không tài bản)
2. Bùi Xuân Lưu, Nguyễn Hữu Khải “*Giáo trình Kinh tế ngoại thương*” NXB Lao Động Xã Hội 2014 (Tài liệu không tài bản)
3. Nguyễn Văn Luyện, Lê Thị Bích Thọ, Dương Anh Sơn “*Giáo trình Luật hợp đồng thương mại quốc tế*”, NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM 2007. Luật Doanh Nghiệp Việt Nam. (Tài liệu không tài bản)
4. Charles W.L. Hill, “*International Business*”, McGraw-Hill/Irwin, New York. (Tài liệu không tài bản)
5. Courtland L. Bovee, John V. Thill, Business communication today, Courtland L. Bovee, John V. Thill, Pearson, 2012 (Tài liệu không tài bản)

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
E - LOGISTICS

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	E-Logistics
Tên học phần Tiếng Anh:	E-logistics
Mã học phần:	06CQ1200
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Dũng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Nguyễn Văn Dũng ThS. Trần Ngọc Anh Khoa
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	Quản trị học
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

E-Logistics là một giải pháp hiện đại giúp các doanh nghiệp tối ưu hóa chuỗi cung ứng để tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường. Trong bối cảnh chuyển đổi từ thương mại truyền thống sang thương mại điện tử, e-logistics đã trở thành một ngành dịch vụ quan trọng. Học phần này cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản và ứng dụng của công nghệ thông tin trong quản lý logistics. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về các hệ thống và công cụ hỗ trợ logistics điện tử, bao gồm quản lý kho hàng điện tử, quản lý vận tải điện tử, và tích hợp chuỗi cung ứng. Những kiến thức này giúp sinh viên hiểu rõ cách thức công nghệ thông tin có thể tối ưu hóa các quy trình logistics

và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Đồng thời giúp sinh viên phát triển các kỹ năng chuyên nghiệp trong các nghiệp vụ e-logistics như xử lý đơn hàng, phân phối, quản trị quan hệ khách hàng, mua hàng, thương lượng và ký kết hợp đồng, quản trị kho hàng thông qua các phương tiện điện tử.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nhận biết những kiến thức cơ bản về e-logistics, hạ tầng cơ sở của e-logistics; những nội dung cơ bản về chiến lược e-logistics; vận hành và kiểm soát hoạt động e-logistics trong TMDT	3.0	PLO3
CLO2	Sử dụng được kiến thức và kinh nghiệm để tham gia, giải quyết và vận hành hoạt động e-logistics như xử lý đơn hàng, phân phối, quản trị quan hệ khách hàng; mua hàng, hợp đồng điện tử và thanh toán điện tử, quản trị quan hệ khách hàng, quản trị kho hàng thông qua các phương tiện điện tử	4.0	PLO4
CLO3	Phân tích và đánh giá thông tin và dữ liệu trong giải quyết các vấn đề e-logistics; kỹ năng tổ chức và thực hiện các hoạt động e-logistics	4.0	PLO6
CLO4	Xác định, phối hợp và thực hành các kỹ năng giao tiếp, đàm phán và ký kết hợp đồng thông qua các phương tiện điện tử; thuần thục kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các tình huống logistics thực tiễn thông qua các phương tiện điện tử	4.0	PLO8
CLO5	Có năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về e-logistics; tự thích nghi, tự định hướng trong thực thi nghiệp vụ; khả năng dẫn dắt về chuyên môn nghiệp vụ trong quản trị e-logistics. Tích cực tham gia học học tập.	3.0	PL10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về E-Logistics	3		3		10			
	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ E-LOGISTICS 1.1. Giới thiệu về e-logisticse 1.2. Mô hình e-logistics trong Thương mại Điện tử 1.4. E-logistics và chuỗi cung ứng điện tử						CLO1 CLO2 CLO5		A1 A3
2	Chương 1: Tổng quan về E-Logistics	3		3		10			
	1.5 Lịch sử phát triển 1.6 Xu hướng phát triển của E-Logistics. 1.7 Công nghệ cốt lõi trong E-Logistics Bài tập tình huống, tình huống các mô hình E-logistics trong ngành thương mại điện tử Việt Nam							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
3	Chương 2: Chiến lược	3		3		10			
	2.1. Xây dựng chiến lược e-logistics hiệu quả 2.2. Các yếu tố cần xem xét khi xây dựng chiến lược. 2.3. Phương pháp đo lường hiệu quả E-logistics. 2.4 Các chỉ số KPI quan trọng trong E-logistics. 2.5. Tổ chức và kiểm soát hoạt động e-logistics						CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		
4	Chương 3: Hạ tầng cơ sở	3		3		10			
	3.1 Hệ thống thông tin logistics 3.2 Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý logistics. 3.3 Các hệ thống quản lý thông tin (IMS) 3.4 hệ thống quản lý vận tải (TMS). 3.5 Hệ thống hạ tầng phân phối hàng hóa 3.6 Hệ thống giao thông thông minh 3.6 Vai trò của IoT và Big Data trong E-logistics.								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
5	Chương 4: Quản lý đơn hàng và dịch vụ khách hàng	3		3		10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	
	4.1 Quy trình quản lý đơn hàng từ nhận đơn đến giao hàng. 4.2 Cải thiện dịch vụ khách hàng thông qua E-logistics. 4.3 Các công cụ và hệ thống hỗ trợ quản lý đơn hàng. 4.4 Mua hàng trực tuyến: 4.4.1 Chiến lược và tác nghiệp mua hàng. 4.4.2 Thông tin hỗ trợ quyết định mua hàng. 4.4.3 Các giải pháp mua hàng trực tuyến. 4.4.4 Thị trường cung cấp dịch vụ mua hàng trực tuyến.								
6	Chương 5: Hợp đồng và chữ ký Điện tử	3		3		5	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5		
	5.1. Quá trình thương lượng trực tuyến 5.2. Dịch vụ hỗ trợ quá trình thương lượng 5.3. Chữ ký điện tử 5.4. hợp đồng điện tử 5.5. Quyền pháp lý của xã hội thông tin 5.6 XML								
7	Chương 6: Vận tải và Phân phối điện tử	3		3		5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		
	6.1 Các chiến lược vận tải hiệu quả. 6.2 Quản lý phân phối và tối ưu hóa mạng lưới phân phối bằng phần mềm. 6.3 Ứng dụng công nghệ trong vận tải và phân phối.								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
8	Chương 7: Hệ thống quản lý kho	3		3		5			
	7.1 Quản trị thông tin trong kho hàng và trung tâm phân phối 7.2 Đặc điểm và chức năng của hệ thống quản lý kho hàng 7.3 Tích hợp hệ thống quản lý kho hàng và hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, ERP 7.4 Hệ thống kiểm soát kho hàng và thiết bị tự động hóa 7.5 Ứng dụng công nghệ RFID trong quản trị kho hàng 7.6 Ứng dụng công nghệ Iot						CLO2 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.	
9	Chương 8: Quản trị khách hàng	3		3		5		Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1
	8.1 Từ định hướng sản phẩm sang định hướng khách hàng 8.2 Mô hình giá trị khách hàng 8.3 Quản trị quan hệ khách hàng bậc phân tích 8.4 Quản trị quan hệ khách hàng bậc tác nghiệp 8.5 Ứng dụng của hệ thống quản trị khách hàng, CRM 8.6 Kiểm soát quản trị quan hệ khách hàng						CLO3	Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A2
10	Chương 9: Phân tích dữ liệu, các chỉ số, phương pháp đo lường và tối ưu hóa trong E-logistics	3		3		5	CLO4 CLO5		A3
	9.1 Sử dụng phân tích dữ liệu để tối ưu hóa hoạt động logistics 9.2 Các công cụ và phương pháp phân tích dữ liệu 9.3 Ứng dụng AI và Machine Learning trong E-logistics 9.4 Phương pháp đo lường hiệu quả E-logistics 9.5 Các chỉ số KPI quan trọng trong E-logistics								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
11	Chương 10: Xu hướng và thách thức trong E-logistics	3		3		5			
	10.1 Các xu hướng mới trong ngành E-logistics 10.2 Thách thức hiện tại và tương lai 10.3 Các giải pháp và chiến lược đối phó với thách thức ÔN TẬP						CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		A1 A2 A3
Tổng		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 9 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 10 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 10%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 10%</i>	<i>Số câu: 4.5</i> <i>Tỉ lệ 45%</i>	<i>Số câu: 3.5</i> <i>Tỉ lệ 35%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

- [1]. Bộ môn Thương mại điện tử (2025), Giáo trình e-logistics, Khoa KTQTL trường Đại học CN Miền Đông, lưu hành nội bộ.
- [2]. Deryn Graham, Ioannis Manikas and Dimitris Folinas, E-logistics and e-supply chain management: applications for evolving business, 2013.
- [3]. Pettit, S., & Wang, Y. (Eds.). (2016). E-Logistics: Managing Your Digital Supply Chains for Competitive Advantage. Kogan Page Publishers.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Trần Thị Song Minh (2019). Hệ thống Thông tin Quản lý. Nhà Xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [2]. Đặng Đình Đào, Trần Văn Bảo (2018). Giáo trình Quản trị Logistics. Nhà Xuất bản Lao động – Xã hội.
- [3]. Nguyễn Văn Hồng và cộng sự (2013), Giáo trình Thương mại điện tử căn bản, Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội.
- [4]. Lục Thị Thu Hường (2009). Quản trị hậu cần trong thương mại điện tử. Nhà xuất bản Thống kê.
- [5]. Meier, A., & Stormer, H., (2009). eBusiness and eCommerce: Managing the digital value chain. Springer-Verlag Berlin Heidelberg.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Trần Ngọc Anh Khuôn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THANH TOÁN TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thanh toán trong thương mại điện tử
Tên học phần Tiếng Anh:	Payment for E – Commerce
Mã học phần:	06CQ1201
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Lê Minh Trung
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Lê Minh Trung Ths. Nguyễn Thị Hồng Tâm
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	Cơ sở công nghệ thông tin
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Thanh toán trong Thương mại điện tử" cung cấp kiến thức về các phương thức thanh toán điện tử, hệ thống thanh toán trực tuyến và quy trình xử lý giao dịch trong môi trường TMĐT. Sinh viên sẽ học cách vận hành các cổng thanh toán, bảo mật giao dịch, quản lý rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật về thanh toán điện tử. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên hiểu về các xu hướng mới trong thanh toán số như tiền điện tử, blockchain và ngân hàng số.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và phân loại các phương thức thanh toán điện tử	2.0	PLO6
CLO2	Vận hành và tích hợp hệ thống thanh toán trực tuyến	3.0	PLO6
CLO3	Đánh giá và tối ưu hóa quy trình xử lý giao dịch TMDT.	4.0	PLO6
CLO4	Nhận diện rủi ro và áp dụng các biện pháp bảo mật thanh toán.	3.0	PLO7
CLO5	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về thanh toán điện tử	5		5		10			
	1.1. Khái niệm và vai trò của thanh toán điện tử 1.1.1. Định nghĩa và đặc điểm của thanh toán điện tử 1.1.2. Vai trò của thanh toán điện tử trong TMDT 1.1.3. Xu hướng phát triển của thanh toán số 1.2. Các loại hình thanh toán điện tử 1.2.1. Thanh toán qua thẻ (Credit/Debit Card) 1.2.2. Thanh toán qua ví điện tử (E-Wallet) 1.2.3. Thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng 1.2.4. Thanh toán bằng tiền điện tử (Cryptocurrency)						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	Chương 2: Hệ thống và cổng thanh toán trực tuyến	5		5		10			
	2.1. Cấu trúc và nguyên lý hoạt động của hệ thống thanh toán trực tuyến 2.1.1. Các thành phần chính của hệ thống thanh toán 2.1.2. Cách thức vận hành của cổng thanh toán điện tử 2.2. Các nền tảng và nhà cung cấp dịch vụ thanh toán phổ biến 2.2.1. PayPal, Stripe, Alipay, MoMo, ZaloPay 2.2.2. Hệ thống thanh toán của ngân hàng số 2.3. Quy trình tích hợp cổng thanh toán vào website TMĐT 2.3.1. API thanh toán và quy trình tích hợp 2.3.2. Quản lý giao dịch và đối soát thanh toán						CLO1 CLO2 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1 A3
3	Chương 3: Quản lý rủi ro và bảo mật trong thanh toán điện tử	5		5		15		Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	
	3.1. Các rủi ro trong thanh toán TMĐT 3.1.1. Gian lận thanh toán và trộm cắp thông tin 3.1.2. Rủi ro hệ thống và gián đoạn giao dịch 3.2. Phương pháp bảo mật thanh toán trực tuyến 3.2.1. Xác thực hai yếu tố (2FA) và mã hóa dữ liệu 3.2.2. Công nghệ bảo mật SSL/TLS trong giao dịch 3.3. Các tiêu chuẩn bảo mật quốc tế 3.3.1. Tiêu chuẩn PCI DSS 3.3.2. Tiêu chuẩn bảo mật EMV						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Làm bài tập về nhà	A1 A2 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
4	Chương 4: Quy định pháp lý và chính sách thanh toán điện tử	5		5		20			
	4.1. Các quy định pháp luật về thanh toán điện tử tại Việt Nam 4.1.1. Luật giao dịch điện tử 4.1.2. Quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 4.2. Các quy định quốc tế về thanh toán trực tuyến 4.2.1. Hệ thống SWIFT và SEPA 4.2.2. Các quy định về phòng chống rửa tiền (AML)						CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1
5	Chương 5: Xu hướng phát triển thanh toán điện tử	5		5		20			
	5.1. Công nghệ blockchain và hợp đồng thông minh trong thanh toán 5.1.1. Ứng dụng blockchain trong giao dịch TMĐT 5.1.2. Tiềm năng của hợp đồng thông minh (Smart Contract) 5.2. Ngân hàng số và hệ sinh thái tài chính mở (Open Banking) 5.2.1. Sự phát triển của ngân hàng số 5.2.2. Open Banking và tác động đến TMĐT 5.3. Thanh toán di động và xu hướng “không tiền mặt” 5.3.1. Các nền tảng thanh toán di động phổ biến 5.3.2. Chính sách thúc đẩy xã hội không tiền mặt						CLO1 CLO3 CLO5	Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà	A2 A3

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 & 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

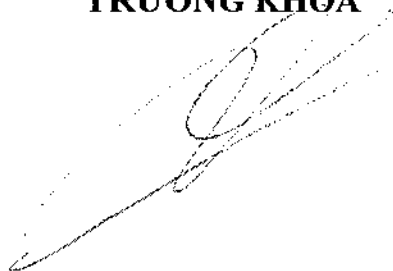
Giáo trình chính

1. Bộ môn Thương mại điện tử (2025), Giáo trình Thanh toán trong Thương mại điện tử. Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

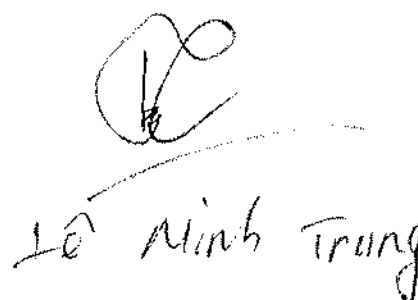
2. Nguyễn Văn Thanh (2011), Giáo trình Thanh toán trong Thương mại điện tử. NXB Thống kê.
3. Kenneth C. Laudon, Carol Guercio Traver. (2023), "E-Commerce 2023: Business, Technology, Society", Pearson.

TRƯỜNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
MẠNG XÃ HỘI**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Mạng xã hội
Tên học phần Tiếng Anh:	Social Networks
Mã học phần:	06CQ1202
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Dũng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Nguyễn Văn Dũng TS. Vũ Hoàng Linh Ths. Phạm Bích Ngọc
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về mạng xã hội, cách thức vận hành, quản lý, tối ưu nội dung và tiếp cận khách hàng qua các nền tảng như Facebook, Instagram, LinkedIn, TikTok, Twitter (X)... Ngoài ra, học viên sẽ hiểu về xu hướng mới, các công cụ hỗ trợ và phân tích dữ liệu trên mạng xã hội, từ đó áp dụng vào thực tiễn kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động marketing số.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	<i>Hiểu cơ bản về các nền tảng mạng xã hội và tác động của chúng đối với thương mại điện tử</i>	2.0	PLO3
CLO2	<i>Xây dựng và quản lý nội dung trên mạng xã hội một cách hiệu quả.</i>	3.0	PLO3
CLO3	<i>Triển khai các chiến lược marketing trên các nền tảng mạng xã hội.</i>	3.0	PLO4
CLO4	<i>Ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu để đánh giá kết quả truyền thông.</i>	4.0	PLO4
CLO5	<i>Tích cực tham gia học học tập.</i>	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Giới thiệu về Mạng Xã Hội	6				15			
	1.1.1 Khái niệm và lịch sử phát triển 1.1.1 Định nghĩa mạng xã hội 1.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển 1.1.3 Các giai đoạn phát triển quan trọng 1.2 Ảnh hưởng của mạng xã hội đến thương mại điện tử 1.2.1 Vai trò của mạng xã hội trong KD 1.2.2 Ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng 1.2.3 Các yếu tố quyết định hiệu quả kinh doanh qua mạng xã hội 1.3 Xu hướng và sự thay đổi trong cách tiếp cận khách hàng 1.3.1 Sự thay đổi trong hành vi người dùng 1.3.2 Ứng dụng AI và dữ liệu lớn trong MXH 1.3.3 Chiến lược tiếp cận KH hiệu quả						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	Chương 2: Các nền tảng Mạng Xã Hội phổ biến	6				15			
	2.1 Tổng quan về các nền tảng mạng xã hội 2.1.1 Facebook 2.1.2 Instagram 2.1.3 LinkedIn 2.1.4 TikTok 2.1.5 Twitter (X) 2.1.6 YouTube 2.1.7 Zalo 2.2 So sánh đặc điểm và ứng dụng kinh doanh 2.2.1 Điểm mạnh và hạn chế của từng nền tảng 2.2.2 Xu hướng quảng cáo trên mỗi nền tảng 2.3 Phân tích thuật toán và hiệu quả tiếp cận 2.3.1 Cách thuật toán ảnh hưởng đến doanh nghiệp 2.3.2 Chiến lược tối ưu hiển thị nội dung						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
3	Chương 3: Chiến lược Quản lý nội dung	6				15			
	3.1 Nguyên tắc quản lý nội dung 3.1.1 Nội dung hấp dẫn và có tính lan tỏa 3.1.2 Xây dựng thương hiệu qua nội dung 3.2 Công cụ hỗ trợ sáng tạo nội dung 3.2.1 Canva, Adobe Spark, CapCut 3.2.2 Các công cụ lập lịch bài đăng 3.3 Chiến lược nội dung theo từng nền tảng 3.3.1 Facebook và Instagram 3.3.2 TikTok và YouTube 3.3.3 LinkedIn và Twitter								
4	Chương 4: Quảng cáo và Tối ưu hiệu quả	6				15			A1
	4.1 Tổng quan về quảng cáo trên mạng xã hội 4.1.1 Loại hình quảng cáo phổ biến 4.1.2 Chi phí và ngân sách quảng cáo 4.2 Cách tối ưu hiệu quả quảng cáo						CLO1 CLO3 CLO5		A2 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	4.2.1 Xác định đúng đối tượng khách hàng 4.2.2 Quản lý và tối ưu chi phí 4.2.3 Phân tích dữ liệu quảng cáo								
5	Chương 5: Phân tích Dữ liệu và Đánh giá Hiệu quả	6				15		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	
	5.1 Các chỉ số KPI quan trọng 5.1.1 Reach, Engagement, Conversion 5.1.2 Cách đo lường hiệu suất chiến dịch 5.2 Công cụ phân tích dữ liệu 5.2.1 Google Analytics 5.2.2 Facebook Insights 5.2.3 TikTok Analytics 5.3 Lập báo cáo và tối ưu chiến dịch 5.3.1 Xây dựng báo cáo truyền thông 5.3.2 Điều chỉnh chiến lược dựa trên dữ liệu ÔN TẬP						CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

- [1]. Bộ môn Thương mại điện tử (2025), Giáo trình Mạng Xã Hội, Khoa KTQTL trường Đại học CN Miền Đông, lưu hành nội bộ.

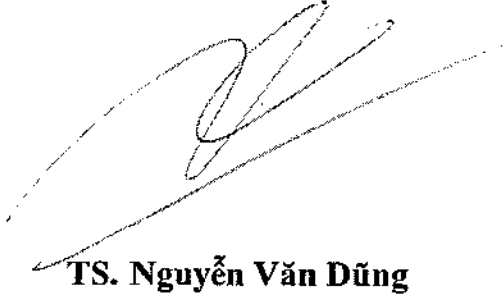
Tài liệu tham khảo

- [1]. Đỗ Phúc, Giáo trình Phân tích mạng xã hội và ứng dụng, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
- [2] Ryan Deiss & Russ Henneberry (2020), Digital Marketing for Dummies, Wiley.
- [3] Philip Kotler, Hermawan Kartajaya, Iwan Setiawan (2021), Marketing 4.0, Wiley.

[4] Neal Schaffer (2022), The Age of Influence: The Power of Influencers to Elevate Your Brand, HarperCollins.

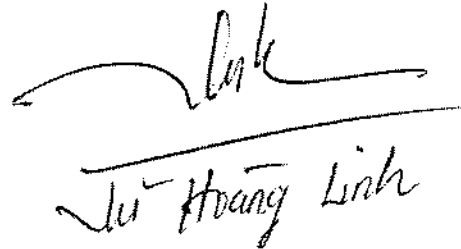
[5] Các tài liệu nghiên cứu về truyền thông số từ Google, Facebook, TikTok.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Hoàng Linh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ: LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Giao dịch thương mại điện tử: Lý thuyết và thực hành
Tên học phần Tiếng Anh:	E - Commerce Transaction: Theory and Practice
Mã học phần:	06CQ1203
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Dũng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Nguyễn Văn Dũng TS. Lê Minh Trung Ths. Nguyễn Thị Hồng Tâm
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	Cơ sở công nghệ thông tin
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Giao dịch Thương mại Điện tử: Lý thuyết và Thực hành" trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về giao dịch thương mại điện tử (TMĐT), bao gồm tổng quan về các mô hình TMĐT, quy trình giao dịch, hệ thống thanh toán trực tuyến, quản lý rủi ro và các quy định pháp lý liên quan. Học phần không chỉ tập trung vào lý thuyết mà còn nhấn mạnh vào thực hành, giúp sinh viên có cơ hội trải nghiệm các công cụ hỗ trợ giao dịch, vận hành hệ thống TMĐT và xử lý các tình huống thực tế trong hoạt động kinh doanh trực tuyến.

Trong quá trình học, sinh viên sẽ được hướng dẫn cách sử dụng các nền tảng TMĐT phổ biến,

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	Chương 2: Quy trình Giao dịch TMĐT	8				20			
	2.1 Các bước trong giao dịch TMĐT 2.1.1 Tìm kiếm và lựa chọn sản phẩm 2.1.2 Đặt hàng và xác nhận đơn hàng 2.1.3 Xử lý thanh toán 2.1.4 Giao hàng và hậu mãi 2.2 Bài tập thực hành - Thiết lập quy trình giao dịch TMĐT trên một nền tảng thực tế. - Tích hợp hệ thống thanh toán vào website TMĐT.						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
3	Chương 3: Bảo mật và Rủi ro trong TMĐT	8				20			
	3.1 Các rủi ro trong giao dịch TMĐT 3.1.1 Gian lận thẻ tín dụng 3.1.2 Lừa đảo mua bán trực tuyến 3.1.3 Tấn công mạng và đánh cắp dữ liệu 3.2 Bài tập thực hành - Triển khai các biện pháp bảo mật giao dịch trên website TMĐT. - Phân tích các vụ lừa đảo và tìm giải pháp phòng tránh.								A3
4	Chương 4: Các công cụ hỗ trợ Giao dịch TMĐT	8				20			
	4.1 Website TMĐT và hệ thống quản lý 4.1.1 Hệ thống quản lý nội dung (CMS) 4.1.2 Các nền tảng TMĐT phổ biến (Shopify, Magento, WooCommerce) 4.2 Bài tập thực hành - Xây dựng website TMĐT cơ bản. - Triển khai chatbot hỗ trợ khách hàng trên website.						CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
5	Chương 5: Pháp lý và Quy định trong Giao dịch TMĐT	7				15			
	5.1 Luật giao dịch điện tử 5.1.1 Các văn bản pháp luật về TMĐT 5.1.2 Hợp đồng điện tử và chữ ký số 5.2 Bài tập thực hành - Phân tích một tình huống tranh chấp trong TMĐT và đề xuất giải pháp. - Xây dựng chính sách bảo vệ người tiêu dùng cho một trang TMĐT.							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	
6	Chương 6: Xu hướng và Ứng dụng Công nghệ mới trong TMĐT	7				10			
	6.1 Xu hướng phát triển TMĐT 6.1.1 TMĐT xuyên biên giới 6.1.2 Ứng dụng AI trong TMĐT 6.1.3 Blockchain và hợp đồng thông minh 6.2 Công nghệ hỗ trợ giao dịch TMĐT 6.2.1 Thương mại điện tử trên nền tảng di động 6.2.2 Chatbot và trợ lý ảo trong giao dịch TMĐT 6.2.3 Tích hợp IoT trong TMĐT 6.3 Bài tập thực hành - Ứng dụng AI trong cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng. - Phân tích tiềm năng của blockchain trong hợp đồng thông minh. ÔN TẬP						CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

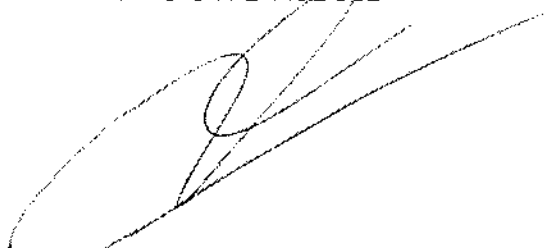
Giáo trình

- [1] Bộ môn Thương mại điện tử (2025), Giáo trình Thương mại điện tử, Khoa KTQTL trường Đại học CN Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

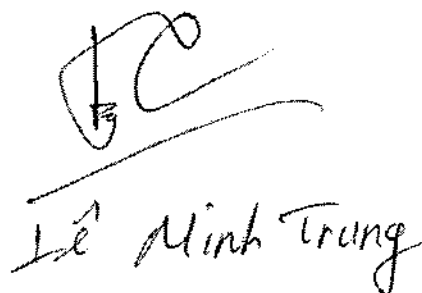
- [1] Nguyễn Văn Hùng (2022), *Giáo trình Thương mại điện tử*, NXB kinh tế TP.HCM.
- [2] Ao Thu Hoài (2020), *Giáo trình Thương mại điện tử*, Nhà Xuất Bản Thông Tin Và Truyền Thông.
- [3] Ravi Kalakota, Andrew B. Whinston(2021), **E-commerce: Formulation of Strategy**, Addison-Wesley.
- [4] Neal Schaffer (2022), *The Age of Influence: The Power of Influencers to Elevate Your Brand*, HarperCollins.
- [5] Các tài liệu nghiên cứu về truyền thông số từ Google, Facebook, TikTok.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Lê Minh Trung

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Phát triển ứng dụng Thương mại điện tử
Tên học phần Tiếng Anh:	E-Commerce Application Development
Mã học phần:	06CQ1204
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Dũng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Nguyễn Văn Dũng TS. Lê Minh Trung Ths. Nguyễn Thị Hồng Tâm
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	Thương mại điện tử
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Phát triển Ứng dụng Thương mại Điện tử" cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thiết kế, xây dựng và triển khai các ứng dụng thương mại điện tử. Nội dung học phần bao gồm các công nghệ, công cụ và nền tảng phổ biến trong phát triển ứng dụng TMĐT, cùng với các kỹ thuật tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, tích hợp thanh toán trực tuyến và bảo mật dữ liệu.

Sinh viên sẽ được thực hành xây dựng ứng dụng TMĐT thực tế, từ lập kế hoạch, thiết kế giao diện đến triển khai và vận hành hệ thống. Học phần cũng giúp sinh viên tiếp cận các

công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây và blockchain trong phát triển ứng dụng TMĐT.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và phân tích yêu cầu trong phát triển ứng dụng TMĐT	2.0	PLO6
CLO2	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng (UI/UX) cho ứng dụng TMĐT	3.0	PLO6
CLO3	Tích hợp hệ thống thanh toán trực tuyến và bảo mật dữ liệu.	3.0	PLO7
CLO4	Ứng dụng công nghệ mới trong phát triển TMĐT	4.0	PLO7
CLO5	Tích cực tham gia học học tập.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

[illegible]

[illegible]

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
4	Chương 4: Tích hợp Thanh toán và Bảo mật trong Ứng dụng TMDT	5		5		20	CLO1 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	4.1 Hệ thống thanh toán điện tử 4.1.1 Các cổng TT phổ biến: PayPal, Stripe, VNPAY. 4.1.2 Quy trình tích hợp TT trực tuyến. 4.1.3 Xác thực và bảo mật giao dịch TT 4.2 Bảo mật giao dịch và bảo vệ dữ liệu người dùng 4.2.1 Mã hóa dữ liệu trong TMDT. 4.2.2 Chính sách bảo mật dữ liệu. 4.2.3 Tiêu chuẩn bảo mật PCI DSS.								
5	Chương 5: Công nghệ Mới trong Ứng dụng TMDT	5		5		15			
	5.1 Ứng dụng AI và Chatbot trong TMDT 5.1.1 AI trong cá nhân hóa trải nghiệm mua sắm. 5.1.2 Chatbot hỗ trợ khách hàng tự động. 5.1.3 Tích hợp AI vào hệ thống TMDT. 5.2 Blockchain và hợp đồng thông minh 5.2.1 Nguyên tắc hoạt động của Blockchain. 5.2.2 ƯD hợp đồng thông minh trong TMDT. 5.2.3 Bảo mật giao dịch với Blockchain.								
6	Chương 6: Bài tập Thực hành và Dự án Ứng dụng TMDT	5		5		15			
	6.1 Xây dựng ứng dụng TMDT cơ bản 6.1.1 Phát triển website bán hàng đơn giản. 6.1.2 Quản lý danh mục SP và giỏ hàng. 6.2 Tích hợp API thanh toán và bảo mật dữ liệu 6.2.1 Kết nối API thanh toán VNPAY, PayPal. 6.2.2 Áp dụng chứng chỉ SSL/TLS. 6.3 Trình bày và đánh giá dự án cuối kỳ 6.3.1 Sinh viên trình bày SP hoàn thiện. 6.3.2 Đánh giá và phản biện từ giảng viên.								
Tổng		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

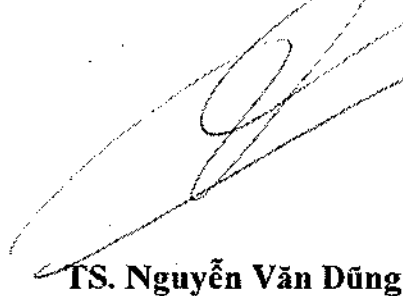
Giáo trình

- [1]. Bộ môn Thương mại điện tử (2025), *Giáo trình Phát triển ứng dụng Thương mại điện tử*, Khoa KTQTL trường Đại học CN Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

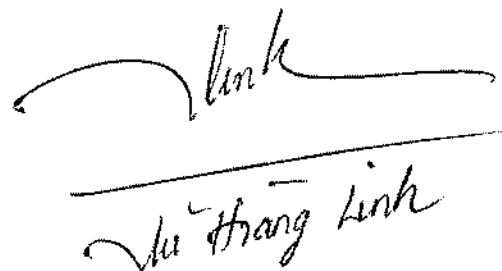
- [1]. Nguyễn Văn Hùng (2022), *Giáo trình Thương mại điện tử*, NXB kinh tế TP.HCM.
- [2] Ao Thu Hoài (2020), *Giáo trình Thương mại điện tử*, Nhà Xuất Bản Thông Tin Và Truyền Thông.
- [3] Kenneth C. Laudon, Carol Guercio Traver (2023), *E-commerce 2023: Business, Technology, Society*, Addison-Wesley.
- [4] Neal Schaffer (2022), *The Age of Influence: The Power of Influencers to Elevate Your Brand*, HarperCollins.
- [5] Các tài liệu nghiên cứu về truyền thông số từ Google, Facebook, TikTok.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Hoàng Linh

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thị trường chứng khoán
Tên học phần Tiếng Anh:	Stock Market
Mã học phần:	06CQ0587
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Thị trường chứng khoán trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán như vai trò của thị trường chứng khoán đối với nền kinh tế thị trường, các loại thị trường chứng khoán; hàng hoá, chủ thể của thị trường chứng khoán; các quy định cơ bản về phát hành chứng khoán trên thị trường sơ cấp cơ chế tổ chức hoạt động và giao dịch của thị trường chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán, nghiệp vụ phát hành chứng khoán, hoạt động của công ty chứng khoán.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống, cơ chế và phương thức hoạt động thị trường chứng khoán	4	PLO5
CLO2	Hiểu được tầm quan trọng của thị trường chứng khoán đối với nền kinh tế	4	PLO6
CLO3	Tiếp cận, tìm hiểu nguyên lý và có thể thực hành được các nghiệp vụ trên thị trường chứng khoán như: phát hành chứng khoán, giao dịch chứng khoán với tư cách của nhiều chủ thể khác nhau	4 4	PLO6 PLO7
CLO4	<i>Có khả năng phân tích đánh giá</i> và xử lý những vấn đề nảy sinh trong quá trình huy động vốn doanh nghiệp. <i>Có thể phân tích</i> tổng hợp các số liệu để đưa ra những đánh giá cho thị trường chứng khoán về việc đầu tư vào các thị trường cổ phiếu, trái phiếu. Hiểu và tuân thủ các quy định của luật chứng khoán. Lập ra những kế hoạch đầu tư tối ưu và giải quyết những vấn đề do thị trường gây ra	5	PLO6 PLO7
CLO5	Có khả năng làm việc với những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; hình thành và phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá, thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán.	4	PLO8
CLO6	Sinh viên có thái độ yêu thích môn học, tiếp nhận những kiến thức mới của môn học và áp dụng chúng vào thực tế. Người học có thái độ trung thực trong quá trình hành nghề và tuân thủ pháp luật và những quy định của luật chứng khoán đề ra. Hiểu biết về trách nhiệm xã hội, các vấn đề đạo đức và quyền công dân, từ đó tự chịu trách nhiệm và áp dụng trong quản trị kinh doanh và cuộc sống cá nhân.	3	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về thị trường chứng khoán		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	1.1. Thị trường tài chính 1.2. Thị trường chứng khoán 1.3 Cơ chế hoạt động của thị trường chứng khoán 1.4 Các hành vi tiêu cực trên thị trường chứng khoán Bài tập								
Chương 2: Công ty cổ phần và công ty chứng khoán		4				10			
	2.1. Khái niệm, đặc điểm 2.2. Cơ cấu tổ chức 2.3. Các loại hình công ty cổ phần 2.4. Các nguồn tài trợ 2.5. Chính sách cổ tức 2.6. Tổng quan về công ty chứng khoán 2.7. Thành lập công ty chứng khoán 2.8. Các nghiệp vụ của công ty chứng khoán 2.9. Quản lý an toàn tài chính và giám sát Bài tập								
Chương 3: Chứng khoán		8				20			
	3.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của chứng khoán 3.2. Phân loại 3.3. Các loại chứng khoán trên thị trường 3.4. Chứng khoán phái sinh Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4: Phát hành chứng khoán		8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	4.1. Giới thiệu về thị trường chứng khoán 4.2. Phân loại 4.3. Phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng 4.4. Phát hành trái phiếu chính phủ 4.5. Phát hành trái phiếu công ty 4.6. Phát hành cổ phiếu Bài tập								
Chương 5: Sở giao dịch chứng khoán		3				5			
	5.1. Khái niệm 5.2. Tổ chức của sở giao dịch chứng khoán 5.3. Tài chính của sở giao dịch chứng khoán 5.4. Thành viên của sở giao dịch chứng khoán 5.5. Nhiệm vụ chứng khoán 5.6. Hệ thống giao dịch chứng khoán 5.7. Các vấn đề giao dịch chứng khoán liên quan Bài tập								
Chương 6: Quỹ đầu tư và công ty quản lý Quỹ		3				5			
	6.1. Quỹ đầu tư - Khái niệm, vai trò - Phân loại quỹ đầu tư - Phương pháp thành lập, quản lý và hoạt động - Đánh giá kết quả hoạt động 6.2 Công ty quản lý quỹ Ôn tập								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 8%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 17%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 17%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 17%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 3 (Tỷ lệ: 25%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 17%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng cộng: 12 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 17%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 17%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỷ lệ 33%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 17%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 17%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Sách, giáo trình

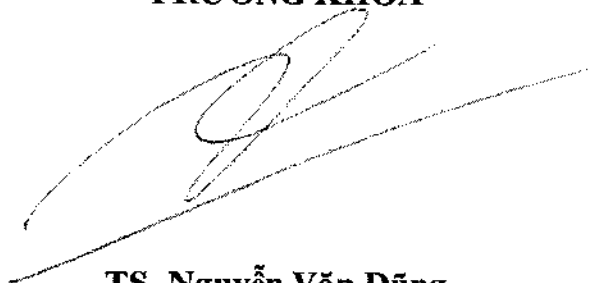
[1]. Bùi Kim Yến (2013), *Thị trường chứng khoán*, NXB Lao động - xã hội

Tài liệu tham khảo

[2]. Howard Marks, Người Dịch Nguyễn Minh Chung (2019), *Phân Tích Thị Trường Chứng Khoán*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân

[3]. Bùi Kim Yến, Trần Huy Hoàng, Thân Thị Thu Thủy (2016), *Giáo trình Thị trường tài chính*, NXB Kinh tế TP.HCM

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Lê Minh Trung

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ BÁN HÀNG**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị bán hàng
Tên học phần Tiếng Anh:	Sales management
Mã học phần:	06CQ0585
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Quản trị bán hàng được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác bán hàng, cách thức tổ chức và quản lý bán hàng tại doanh nghiệp. Nội dung chi tiết bao gồm: Tổng quan về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Kỹ thuật bán hàng và chăm sóc khách hàng; Thiết kế và tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp; Quản trị đội ngũ bán hàng và phân tích đánh giá kết quả bán hàng.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Ghi nhớ các thông tin, đặc điểm của các hình thức bán hàng. Biết được các giá trị cốt lõi của quản trị bán hàng.	1.0 2.0	PLO2 PLO4
CLO2	Nhận biết khái niệm, chức năng, vai trò, quy trình của hoạt động bán hàng trong doanh nghiệp.	1.0 2.0	PLO2 PLO4
CLO3	Đánh giá mối quan hệ giữa quản trị bán hàng với các lĩnh vực quản trị khác trong doanh nghiệp.	1.0 2.0	PLO2 PLO4
CLO4	Thiết lập các căn cứ xây dựng mục tiêu bán hàng. Xây dựng kế hoạch bán hàng của doanh nghiệp. Tổ chức mạng lưới bán hàng của doanh nghiệp.	2.0 3.0	PLO5 PLO6
CLO5	Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua xây dựng và phát triển lực lượng bán hàng của doanh nghiệp.	3.0 5.0	PLO7
CLO6	Thích ứng và hội nhập vào các hoạt động hỗ trợ bán hàng của doanh nghiệp. Tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành công việc của lực lượng bán hàng dựa trên sự đồng thuận và tự nguyện của tập thể.	3.0 5.0	PLO7
CLO7	Có tinh thần thái độ học tập nghiêm túc.	3.0 5.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1. Tổng quan về bán hàng và quản trị bán hàng trong doanh nghiệp		4				8		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp:	A1
1	1.1. Hoạt động bán hàng của DN						CLO1	- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;	A2
	1.1.1. Khái niệm bán hàng và vai trò của hoạt động bán hàng trong doanh nghiệp						CLO2	- Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A3
	1.1.2. Các hình thức bán hàng						CLO3		
	1.1.3. Quy trình bán hàng của DN						CLO4		
	1.2. Khái niệm và vai trò của quản trị BH						CLO5		
	1.2.1. Khái niệm quản trị bán hàng								
	1.2.2. Vai trò của quản trị bán hàng								
	1.2.3. Mối quan hệ giữa quản trị BH với các lĩnh vực quản trị khác trong DN								
	1.3. Các nội dung cơ bản của quản trị BH								
	1.3.1. Xây dựng kế hoạch bán hàng								
	1.3.2. Kiểm soát bán hàng								
	1.3.3. Các hoạt động hỗ trợ bán hàng								
	Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 2. Xây dựng kế hoạch bán hàng của doanh nghiệp	4				8			
2	2.1. Kế hoạch bán hàng của DN 2.1.1. Khái niệm và vai trò của kế hoạch BH 2.1.2. Nội dung của kế hoạch bán hàng 2.1.3. Các loại kế hoạch bán hàng 2.2. Dự báo bán hàng 2.2.1. Vai trò của dự báo bán hàng 2.2.2. Các chỉ tiêu phản ánh KQ dự báo BH 2.2.3. Các căn cứ và PP dự báo BH 2.2.4. Quy trình dự báo bán hàng trong DN 2.3. Xây dựng mục tiêu bán hàng 2.3.1. Khái niệm và các loại mục tiêu BH 2.3.2. Các căn cứ xây dựng mục tiêu BH 2.3.3. Quy trình xây dựng mục tiêu bán hàng trong doanh nghiệp 2.3.4. Các t/c SMART của mục tiêu BH 2.4. Xác định các HD và chương trình BH 2.4.1. Xác định các hoạt động bán hàng 2.4.2. Xây dựng các chương trình bán hàng 2.5. Xây dựng ngân sách bán hàng 2.5.1. Khái niệm và vai trò của ngân sách BH 2.5.2. Các PP xây dựng ngân sách BH 2.5.3. Nội dung của ngân sách bán hàng Thảo luận bài tập nhóm, giải quyết các tình huống nhóm					CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3	
	Chương 3: Tổ chức mạng lưới bán hàng của doanh nghiệp	6				18			
3+4	3.1. Khái niệm và vai trò của cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng 3.1.1. Khái niệm cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng 3.1.2. Vai trò của cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng 3.1.3. Các chức danh bán hàng chủ yếu trong cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng 3.2. Một số dạng cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng cơ bản 3.2.1. Cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng theo khu vực địa bàn 3.2.2. Cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng theo sản phẩm 3.2.3. Cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng theo khách hàng 3.2.4. Cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng hỗn hợp								

[illegible]

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
7	5.1 Kiểm soát hoạt động bán hàng 5.1.1. Xây dựng HT tiêu chuẩn kiểm soát 5.1.2. Đo lường kết quả hoạt động bán hàng 5.1.3. Đánh giá kết quả hoạt động bán hàng và triển khai các hoạt động điều chỉnh 5.2. Đánh giá mức độ hoàn thành công việc của lực lượng bán hàng 5.2.1. Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá 5.2.2. Tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành công việc của lực lượng bán hàng 5.2.3. Một số sai lầm cần tránh khi đánh giá lực lượng bán hàng Thảo luận bài tập nhóm, tình huống thực tế						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
Chương 6: Tổ chức các hoạt động hỗ trợ bán hàng của doanh nghiệp		4				8			
8	6.1. Tổ chức hoạt động khuyến mãi bán hàng 6.1.1. Khái quát về khuyến mãi bán hàng 6.1.2. Xây dựng CT khuyến mãi bán hàng 6.1.3. Tổ chức thực hiện CT khuyến mãi BH 6.1.4. Kiểm soát hoạt động khuyến mãi BH 6.2. Tổ chức các dịch vụ sau bán hàng 6.2.1. Hoạt động bảo hành sản phẩm 6.2.2. Hoạt động vận chuyển, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì sản phẩm 6.2.3. Hoạt động tư vấn sử dụng sản phẩm 6.2.4. Hoạt động chăm sóc khách hàng Ôn tập								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng cộng: 11 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 10%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 10%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Sách, giáo trình:

[1] Lưu Đan Thọ- Lương văn Quốc (2016), *Quản trị bán hàng*, NXB tài chính.

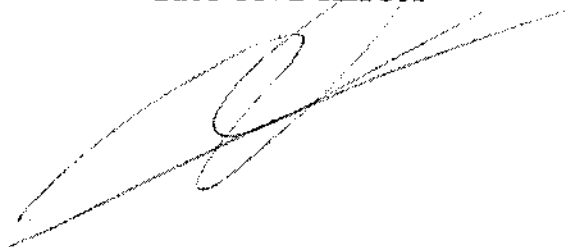
Tài liệu tham khảo:

[2] Bùi văn Danh và nhóm tác giả (2017), *Quản trị bán hàng*, NXB Phương Đông.

[3] Lưu Đan Thọ- Nguyễn Vũ Quân (2016), *Quản trị bán hàng hiện đại*, NXB Tài Chính.

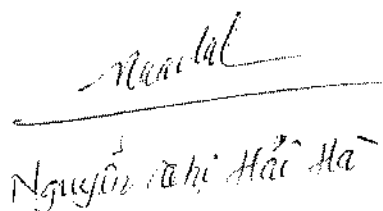
[4] Brian Tracy (2015), *Sales Management*, Amacom ISBN 9780814436301.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Chính phủ điện tử
Tên học phần Tiếng Anh:	E – government
Mã học phần:	06CQ1205
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Dũng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Nguyễn Văn Dũng TS. Đỗ Diệu Hương Ths. Trần Ngọc Anh Khoa
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Chính phủ điện tử" cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan và chuyên sâu về mô hình chính phủ điện tử, các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, dịch vụ công trực tuyến và chính sách chuyển đổi số trong khu vực công. Học phần cũng giúp sinh viên hiểu về các vấn đề liên quan đến bảo mật, quyền riêng tư và sự tương tác giữa chính phủ, doanh nghiệp và công dân trong môi trường số hóa.

Ngoài ra, sinh viên sẽ được tiếp cận các mô hình triển khai chính phủ điện tử trên thế giới và tại Việt Nam, cũng như thực hành sử dụng một số nền tảng chính phủ số phổ biến.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu rõ các khái niệm, mô hình và cấp độ phát triển chính phủ điện tử	2.0	PLO4
CLO2	Phân tích và đánh giá các nền tảng chính phủ điện tử tại Việt Nam và quốc tế.	3.0	PLO4
CLO3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính và cung cấp dịch vụ công.	3.0	PLO5
CLO4	Nhận diện các thách thức và giải pháp trong triển khai chính phủ điện tử.	3.0	PLO5
CLO5	Tích cực tham gia học học tập.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về Chính phủ Điện tử	6				20		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
	1.1 Khái niệm và vai trò của chính phủ điện tử. 1.2 Các cấp độ phát triển chính phủ điện tử. 1.3 Lợi ích và thách thức trong triển khai chính phủ điện tử. 1.4 Các mô hình chính phủ điện tử trên thế giới.						CLO1 CLO2 CLO5		
2	Chương 2: Công nghệ và Hạ tầng Chính phủ Điện tử	6				20			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2.1 Kiến trúc và nền tảng công nghệ cho chính phủ điện tử. 2.2 Cơ sở dữ liệu và quản lý thông tin công dân. 2.3 An toàn, bảo mật và quyền riêng tư trong chính phủ điện tử. 2.4 Hạ tầng viễn thông và kết nối chính phủ số.								
3	Chương 3: Dịch vụ Công Trục Tuyến và Giao tiếp với Công dân	6				20	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
	3.1 Các loại hình dịch vụ công trực tuyến. 3.2 Cổng thông tin điện tử và các nền tảng dịch vụ công. 3.3 Ứng dụng di động trong cung cấp dịch vụ công. 3.4 Kênh phản hồi và tương tác giữa chính phủ và công dân.								
4	Chương 4: Chính sách và Khung pháp lý Chính phủ Điện tử	6				15			
	4.1 Các văn bản pháp lý liên quan đến chính phủ điện tử. 4.2 Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư. 4.3 Chiến lược chuyển đổi số quốc gia và chính phủ số. 4.4 Đánh giá hiệu quả chính phủ điện tử.						CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung \ Cấp độ	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

[1] Bộ môn Thương mại điện tử (2025), Giáo trình chính phủ điện tử, Khoa KTQTL trường Đại học CN Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Thông tin và Truyền thông (2024), Tài liệu Chính phủ Điện tử và Chuyển đổi số.

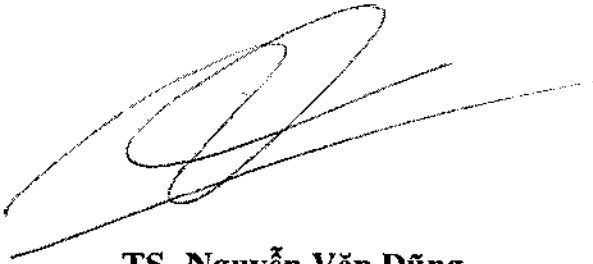
[2] OECD (2023), Digital Government Review, OECD Publishing.

[3] United Nations (2022), E-Government Survey.

[4] Darrell M. West (2024), Digital Government: Technology and Public Sector Performance.
Princeton University Press

[5] Các tài liệu, báo cáo và nghiên cứu về chính phủ điện tử tại Việt Nam và quốc tế

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN


Trần Ngọc Anh Khoa

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NGHIỆP VỤ HẢI QUAN**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Nghiep vụ Hải quan
Tên học phần Tiếng Anh:	Customs practice
Mã học phần:	06CQ1206
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Dũng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	Ths. Nguyễn Thị Hải Hà Ts. Đỗ Diệu Hương Ths. Trần Ngọc Anh Khoa
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Nghiep vụ Hải quan" cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình, thủ tục hải quan và các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. Nội dung học phần bao gồm các bước khai báo hải quan điện tử, các chính sách thuế quan, phương thức kiểm tra hải quan và các văn bản pháp luật liên quan đến thương mại quốc tế.

Sinh viên sẽ được thực hành sử dụng phần mềm khai báo hải quan điện tử VNACCS/VCIS, tìm hiểu về các hệ thống quản lý rủi ro và cách thức làm việc với các cơ

quan hải quan trong thực tế.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu được hệ thống pháp luật và chính sách về hải quan.	2.0	PLO5
CLO2	Thực hiện các thủ tục khai báo hải quan điện tử.	3.0	PLO5
CLO3	Xác định mã HS, tính thuế xuất nhập khẩu.	3.0	PLO6
CLO4	Ứng dụng hệ thống quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan.	3.0	PLO6
CLO5	Tích cực tham gia học học tập.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về Hải quan và Hệ thống Pháp luật Hải quan	6				20			
	1.1 Khái niệm và vai trò của hải quan trong thương mại quốc tế. 1.2 Các nguyên tắc cơ bản của hoạt động hải quan. 1.3 Các văn bản pháp luật liên quan đến hải quan. 1.4 Cơ quan hải quan và các chức năng, nhiệm vụ.						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	Chương 2: Quy trình và Thủ tục Hải quan	6				20	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
	2.1 Các bước khai báo hải quan điện tử VNACCS/VCIS. 2.2 Quy trình thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu. 2.3 Hình thức kiểm tra hải quan: kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế HH 2.4 Các loại hình xuất nhập khẩu và yêu cầu thủ tục.								
3	Chương 3: Phân loại Hàng hóa và Tính thuế Xuất nhập khẩu	6				20			
	3.1 Hệ thống mã HS và cách xác định mã HS. 3.2 Các loại thuế trong hoạt động xuất nhập khẩu. 3.3 Phương pháp tính thuế hải quan. 3.4 Các ưu đãi thuế quan và thủ tục miễn giảm thuế								
4	Chương 4: Quản lý Rủi ro và Kiểm tra Hải quan	6				15	CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3
	4.1 Các phương pháp quản lý rủi ro trong hải quan. 4.2 Hồ sơ và quy trình kiểm tra sau thông quan. 4.3 Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan. 4.4 Hệ thống quản lý doanh nghiệp ưu tiên (AEO).								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
5	Chương 5: Hiệp định Quốc tế và Chính sách Hải quan	6				15			
	5.1 Các hiệp định thương mại tự do (FTA) và tác động đến chính sách hải quan. 5.2 Quy định về xuất xứ hàng hóa và chứng nhận xuất xứ (C/O). 5.3 Hải quan xanh, hải quan điện tử và xu hướng hiện đại hóa. 5.4 So sánh chính sách hải quan của Việt Nam và các nước trong khu vực.						CLO1 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

[1]. Bộ môn Thương mại điện tử (2025), Giáo trình Nghiệp vụ Hải quan, Khoa KTQTL trường Đại học CN Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Thị Thương Huyền (2017), Giáo Trình Hải Quan Cơ Bản. NXB Tài Chính.
- [2] Tổng cục Hải quan Việt Nam (2024), Sổ tay nghiệp vụ Hải quan.
- [3] Bộ Công Thương (2023), Hướng dẫn thực hành xuất nhập khẩu.
- [4] WTO (2022), Tài liệu về các hiệp định thương mại và thuế quan.
- [5] Các văn bản pháp luật liên quan đến hải quan và thương mại quốc tế.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Trần Ngọc Khuê

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp
Tên học phần Tiếng Anh:	Final Thesis and Graduation project
Mã học phần:	06CQ1240
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Dũng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	Tập thể giảng viên
Số tín chỉ:	10
Lý thuyết:	0
Thực hành:	300 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp" là một trong những học phần quan trọng giúp sinh viên ngành Thương mại điện tử vận dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tiễn. Thông qua việc thực tập tại các doanh nghiệp thương mại điện tử, công ty công nghệ, sàn giao dịch trực tuyến, ngân hàng số, sinh viên có cơ hội quan sát, học hỏi và tham gia trực tiếp vào các hoạt động kinh doanh số, quản lý hệ thống thương mại điện tử, logistics và thanh toán trực tuyến.

Trong quá trình thực tập, sinh viên sẽ thu thập dữ liệu thực tế, phân tích quy trình kinh doanh, đánh giá hiệu quả hoạt động TMĐT tại đơn vị thực tập và nhận diện các cơ hội, thách thức trong ngành. Những dữ liệu này sẽ là cơ sở để sinh viên xây dựng báo cáo thực tập và phát triển khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên sẽ được hướng dẫn thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng

dụng các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng trong lĩnh vực TMĐT, đồng thời trau dồi kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu và đề xuất giải pháp tối ưu hóa mô hình kinh doanh trực tuyến.

Ngoài ra, học phần này còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm quan trọng như giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện và kỹ năng trình bày khoa học thông qua việc viết báo cáo, chuẩn bị khóa luận và bảo vệ đề tài trước hội đồng đánh giá. Đây là bước chuẩn bị quan trọng giúp sinh viên có nền tảng vững chắc trước khi bước vào môi trường làm việc thực tế hoặc theo đuổi con đường nghiên cứu chuyên sâu hơn về thương mại điện tử..

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu rõ mô hình vận hành thực tế của doanh nghiệp TMĐT	2.0	PLO7
CLO2	Ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, phân tích và giải quyết vấn đề trong kinh doanh số.	4.0	PLO7
CLO3	Rèn luyện các kỹ năng mềm như giao tiếp, tư duy phản biện	4.0	PLO8
CLO4	Vận dụng được khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập kỹ năng viết báo cáo khoa học và kỹ năng trình bày trước hội đồng.	4.0	PLO9
CLO5	Sẵn sàng bước vào môi trường làm việc thực tế hoặc theo đuổi nghiên cứu chuyên sâu hơn về TMĐT.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Giai đoạn 1: Thực tập tại doanh nghiệp			140		100			
	Sinh viên sẽ thực tập tại các doanh nghiệp thương mại điện tử, công ty công nghệ, sản phẩm giao dịch trực tuyến, ngân hàng số hoặc các tổ chức liên quan. Trong thời gian thực tập, sinh viên sẽ: Tìm hiểu mô hình hoạt động của doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức và cách thức vận hành hệ thống TMĐT. Quan sát và tham gia vào các hoạt động thực tiễn, như vận hành nền tảng TMĐT,						CLO4	Dạy: Giải thích và đưa ra những định hướng, vấn đề cụ thể thực tế SV có thể ứng dụng khi đi thực tập. Học ở DN: - SV đi thực tế đến các DN tìm hiểu công việc	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	quản lý đơn hàng, digital marketing, logistics, thanh toán trực tuyến, chăm sóc khách hàng, v.v. Thu thập dữ liệu thực tế liên quan đến quy trình kinh doanh, hành vi khách hàng, chiến lược tiếp thị và phân tích hoạt động kinh doanh TMĐT. Ghi chép nhật ký thực tập theo hướng dẫn của giảng viên và doanh nghiệp							hay chủ đề thực tập nào đó. - SV làm báo cáo tình hình theo yêu cầu của GVHD và DN. Học ở nhà: SV tìm hiểu thêm các thông tin về DN và lĩnh vực TMĐT	
2	Giai đoạn 2: Nghiên cứu và hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp	100		60		100			
	Sau khi hoàn thành thực tập, sinh viên sẽ sử dụng dữ liệu thu thập được để thực hiện nghiên cứu và viết khóa luận tốt nghiệp. Trong giai đoạn này, sinh viên sẽ: Lựa chọn đề tài nghiên cứu phù hợp , có liên quan đến lĩnh vực TMĐT, chẳng hạn như: tối ưu hóa SEO trong TMĐT, hành vi mua sắm trực tuyến, ứng dụng AI trong TMĐT, v.v. Xây dựng đề cương chi tiết dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học , bao gồm nghiên cứu định tính, định lượng, thu thập và phân tích dữ liệu thực tế. Viết báo cáo khoa học , đảm bảo ND khoa học, chính xác và có tính ứng dụng thực tiễn. Chuẩn bị bảo vệ khóa luận , bao gồm viết bài trình bày, xây dựng slide và rèn luyện kỹ năng trả lời phản biện. Báo cáo: Trình bày khóa luận trước hội đồng bảo vệ.						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: - GV tư vấn giúp SV Xác định đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành tài chính ngân hàng. - Hướng dẫn SV cách viết khóa luận TN. - Học ở DN: SV tiếp tục thu thập dữ liệu để hoàn thiện báo cáo. Học ở nhà: SV viết đề tài đã chọn để nộp về cho giáo viên.	
	Tổng	100		200		200			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà	CLO4	10

	- Làm bài tập tại lớp		
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

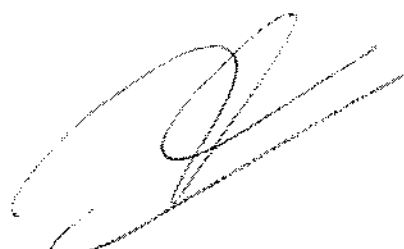
Giáo trình chính

1. Bộ môn Thương mại điện tử (2025), Quy định về khoá luận tốt nghiệp ngành TMDT của Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật Trường ĐH CN Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

1. Các tài liệu, giáo trình chuyên ngành Thương mại điện tử.
2. Các tài liệu của các tổ chức, doanh nghiệp.
3. Các văn bản quy định của nhà nước có liên quan đến lĩnh vực Thương mại điện tử.

TRƯỞNG KHOA


TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN


Nguyễn Văn Dũng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÂN TÍCH DỮ LIỆU LỚN TRONG TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính
Tên học phần Tiếng Anh:	Financial Big Data Analytics
Mã học phần:	06CQ0742
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	0
Thực hành:	60 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính giới thiệu dữ liệu lớn tài chính, lý thuyết và phương pháp phân tích nâng cao cũng như công nghệ và công cụ để phân tích chúng. Học phần cũng giới thiệu các nội dung phân tích dữ liệu lớn trong lĩnh vực cho vay ngang hàng, ví điện tử, quản lý tài sản trên nền tảng công nghệ. Các mô hình khai thác và phân tích dữ liệu lớn trong tài chính hiện nay, ứng dụng trong các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản và tương lai của bigdata trong Tài chính ngân hàng.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Mô tả được dữ liệu lớn trong tài chính, các phương thức khai thác, xử lý dữ liệu	3.0	PLO1
CLO2	Nắm được Tầm quan trọng của phân tích dữ liệu lớn trong tài chính	3.0	PLO2
CLO3	Vận dụng được kết quả trong phân tích dữ liệu lớn để đưa ra quyết định trong kinh doanh	5.0	PLO4
CLO4	Ứng dụng Các mô hình dữ liệu lớn trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản	4.0	PLO6
CLO5	Hình thành kỹ năng tự học và xử lý các vấn đề phát sinh	3.0	PLO9, PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về dữ liệu lớn trong tài chính							CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu, máy tính và projector để hướng dẫn - SV Đọc trước nội dung tài liệu ở nhà Đặt câu hỏi, nêu ví dụ thực tiễn, gợi ý tư duy phản biện. Đặt câu hỏi, nêu ví dụ thực tiễn, gợi ý tư duy phản biện.	A1 A2 A3
	Khái niệm về dữ liệu và khai thác dữ liệu tài chính								
	Khai thác dữ liệu tài chính theo cách truyền thống								
	Các công nghệ đột phá trong lĩnh vực phân tích và xử lý dữ liệu								
	Tổng quan về dữ liệu lớn trong công nghệ tài chính								
	Quá trình hình thành và phát triển của ngành khai thác dữ liệu lớn trong lĩnh vực tài chính								
Chương 2: Tầm quan trọng của phân tích dữ liệu lớn trong tài chính									

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Tạo ra các mô hình quản lý KH mới Đánh giá và quản trị rủi ro Khai thác được thông tin để hướng khách hàng mục tiêu Nâng cao được sự bảo mật thông tin Chatbots, Bots và tự động hóa quy trình robot Y/c mới về trải nghiệm người dùng Ứng dụng AI trong lĩnh vực TC Nâng cao tính cạnh tranh trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng Đưa ra quyết định phù hợp trong chiến lược kinh doanh						CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu, máy tính và projector để hướng dẫn - SV Đọc trước nội dung tài liệu ở nhà	A1
	Chương 3: Các mô hình khai thác và phân tích dữ liệu lớn trong tài chính							Đặt câu hỏi, nêu ví dụ thực tiễn, gợi ý tư duy phân biện.	A2
	Các mô hình dữ liệu lớn của các công ty Fintech lớn trên thế giới: Mỹ, Châu Âu, Châu Á. Bigdata trong ngân hàng số Bigdata trong lĩnh vực thanh toán Bigdata trong lĩnh vực bảo hiểm Bigdata trong cho vay ngang hàng Bigdata và công nghệ tài chính trong lĩnh vực bất động sản Tương lai của bigdata trong Tài chính ngân hàng Ôn tập, kiểm tra						CLO3 CLO4 CLO5	Đặt câu hỏi, nêu ví dụ thực tiễn, gợi ý tư duy phân biện.	A3
	Tổng								

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10

A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 6 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 12 (Tỉ lệ: 40%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 12 (Tỉ lệ: 40%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 30 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 10</i> <i>Tỉ lệ 33.3%</i>	<i>Số câu: 10</i> <i>Tỉ lệ 33.3%</i>	<i>Số câu: 6</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ 13.3%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

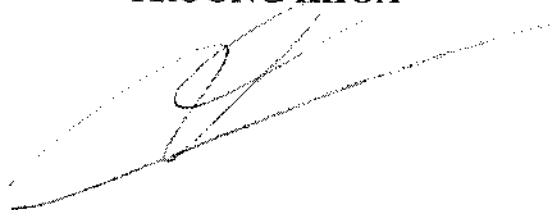
Sách, giáo trình chính

- EMC Education Services (2010). Data Science & Big Data Analytics: Discovering, Analyzing, Visualizing and Presenting Data, John Wiley & Sons, Inc., ISBN 978-1-118-87613-8.
- Bài giảng môn Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính (2023), Trường Đại học Công nghệ Miền Đông.

Tài liệu tham khảo

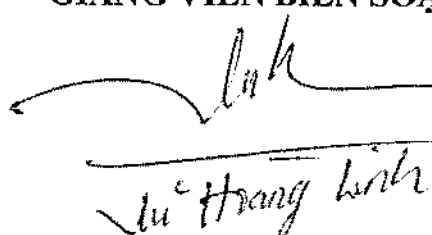
- Kuan-Ching Li, Hai Jiang, Laurence T. Yang, and Alfredo Cuzzocrea (2015). Big Data: Algorithms, Analytics, and Applications. Chapman & Hall Book, CRC Press, ISBN: 978-1-4822-4055-9, Chapter 17, pp 329 - 356.
- Kiran Chaudhary, Mansaf Alam (2022) - Big Data Analytics_ Applications in Business and Marketing-Auerbach Publications

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị dự án khởi nghiệp
Tên học phần Tiếng Anh:	Start-up project management
Mã học phần:	06CQ0743
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	0
Thực hành:	60 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học Quản trị dự án khởi nghiệp cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản để quản trị quá trình của một tổ chức khởi nghiệp, từ phát sinh ý tưởng đến nhận dạng được cơ hội kinh doanh, đến ứng dụng mô hình tổ chức khởi nghiệp phù hợp để có thể triển khai vận hành một tổ chức khởi nghiệp thực tế.

Đây là môn học đòi hỏi học viên có cái nhìn về tổng quan về doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khi vừa mới bắt đầu, chính vì vậy học viên cần được trang bị những kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh, marketing căn bản, hành vi khách hàng, pháp luật cơ bản và chuyên ngành.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu rõ quá trình khởi nghiệp Đánh giá và ứng dụng mô hình khởi nghiệp phù hợp và khả thi Nắm vững mối quan hệ giữa tổ chức khởi nghiệp với hệ sinh thái khởi nghiệp	3.0	PLO2
CLO2	Nhận dạng ý tưởng kinh doanh khả thi và Kiểm chứng mô hình kinh doanh phù hợp với ý tưởng Trải nghiệm quá trình hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh và điều hành tổ chức khởi nghiệp	4.0	PLO8
CLO3	Xây dựng cho mình phẩm chất đạo đức tốt nhằm mục đích nhận thức rõ mức độ hữu ích của ý tưởng, sản phẩm đến nhu cầu của khách hàng Có tinh thần trách nhiệm, cam kết thực hiện mục tiêu chung với chất lượng cao nhất có thể, có tinh thần kỷ luật và tự giác đối với công việc và phát triển bản thân. Tham gia lớp học đầy đủ.	3.0	PL10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về Quản trị dự án khởi nghiệp	4				5	CLO1	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	1.1. Khái niệm khởi nghiệp 1.2. Đặc tính của quá trình khởi nghiệp 1.3. Ý nghĩa vai trò của khởi nghiệp 1.4. Quản trị quá trình khởi nghiệp 1.5. Mô hình khởi nghiệp 1.6. Pháp lý trong khởi nghiệp								
2	Chương 2: Các giai đoạn khởi nghiệp	4				10			
	2.1 Nhận dạng “người khởi nghiệp” 2.2. Các giai đoạn của “startup” 2.3 Phác thảo kế hoạch khởi nghiệp						CO1 CO2		

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	Chương 3: Xây dựng kế hoạch dự án khởi nghiệp	7				15			
	3.1 Giới thiệu chung 3.2 Miêu tả hoạt động kinh doanh. 3.3 Nghiên cứu và phân tích thị trường. 3.4 Phát triển và sản xuất. 3.5 Bán hàng và marketing 3.6 Ban quản lý và Kế hoạch tài chính						CLO1 CLO2	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn, đặt câu hỏi thảo luận. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
4	Chương 4: Điều hành tổ chức dự án khởi nghiệp	8				10			
	4.1 Các đặc tính của quá trình điều hành tổ chức khởi nghiệp hiệu quả 4.2 Mô hình điều hành tổ chức KN						CLO1 CLO2 CLO3		A2
5	Chương 5: Phương pháp trình bày dự án khởi nghiệp hiệu quả	6				10			
	5.1 Các phương pháp trình bày 5.2 Cấu trúc phần trình bày 5.3 Kỹ năng và công cụ								A3
6+7	Chương 6: Thực hành dự án khởi nghiệp					9	CLO2 CLO3		
	6.1 Phát thảo nội dung dự án KN 6.2 Trình bày dự án khởi nghiệp								
	Tổng								

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30

A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	60
---	---	------------------------------	----

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 33.3%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 33.3%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 33.3%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 3 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 33.3%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 33.3%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 33.3%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

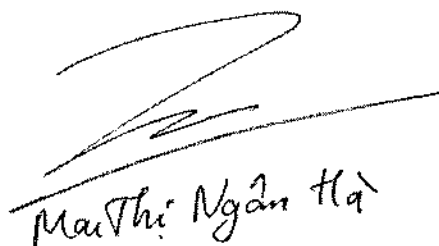
- [1]. PGS. TS Nguyễn Thị Liên Diệp (2017). *Quản trị Khởi nghiệp*. Hà Nội: NXB Hồng Đức.
- [2]. Osterwalder, Alexander (2017). *Business model generation- Tạo lập mô hình kinh doanh*. Hà Nội: NXB Lao Động.
- [3]. Trịnh Thùy Anh, (2018). *Quản trị dự án*. Đại học Quốc gia TP. HCM.
- [4]. Castrina Sean C (2015). 8 Quy tắc vàng khởi nghiệp - 8 Unbreakable rules for business start-up success. Thanh Hóa: Thanh Hóa
- [5]. Kuratko, Donald F (2017). *Entrepreneurship: theory, process, practice*. Boston, Massachusetts: Cengage Learning.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị doanh nghiệp thương mại
Tên học phần Tiếng Anh:	Commercial Enterprise Management
Mã học phần:	06CQ1207
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Dũng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Nguyễn Văn Dũng Ths. Nguyễn Thị Hải Hà Ths. Trần Ngọc Anh Khoa
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	0
Thực hành:	60 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Quản trị Doanh nghiệp Thương mại" cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nguyên tắc, phương pháp và kỹ năng quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại. Sinh viên sẽ tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, chiến lược kinh doanh, quản lý tài chính, quản lý chuỗi cung ứng và quản trị nhân sự trong doanh nghiệp thương mại.

Học phần giúp sinh viên tiếp cận với các mô hình kinh doanh thương mại truyền thống và hiện đại, bao gồm thương mại điện tử, bán lẻ đa kênh (Omnichannel) và chuỗi cung ứng toàn cầu. Ngoài ra, sinh viên sẽ được thực hành phân tích tình huống thực tế, lập kế hoạch kinh doanh và quản lý rủi ro trong doanh nghiệp thương mại.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu được các nguyên tắc và phương pháp quản trị doanh nghiệp thương mại.	2.0	PLO3
CLO2	Phân tích mô hình tổ chức và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại.	3.0	PLO3
CLO3	Quản lý hiệu quả các hoạt động tài chính, nhân sự, chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp thương mại.	3.0	PLO3
CLO4	Ứng dụng công nghệ số trong quản trị doanh nghiệp thương mại.	3.0	PLO3
CLO5	Tích cực tham gia học học tập.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về Quản trị Doanh nghiệp Thương mại	6				20	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
	1.1 Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp thương mại. 1.2 Vai trò và chức năng của quản trị trong doanh nghiệp thương mại. 1.3 Các mô hình KD thương mại phổ biến. 1.4 Tác động của toàn cầu hóa và công nghệ số đối với doanh nghiệp thương mại.								
2	Chương 2: Chiến lược và Kế hoạch Kinh doanh Thương mại	6				20			
	2.1 Quy trình xây dựng chiến lược kinh doanh thương mại. 2.2 Lập kế hoạch kinh doanh và định vị thị trường. 2.3 Quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp thương mại. 2.4 Phát triển kênh phân phối và chiến lược bán hàng.								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	Chương 3: Quản lý Tài chính và Nhân sự trong Doanh nghiệp Thương mại	6				20			
	3.1 Quản lý dòng tiền và ngân sách trong doanh nghiệp thương mại. 3.2 Các nguồn vốn và phương thức huy động vốn. 3.3 Quản lý nhân sự và phát triển NNL 3.4 Chính sách đãi ngộ và tạo động lực cho nhân viên.						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề.	A1 A3
4	Chương 4: Quản lý Chuỗi Cung ứng và Logistics trong Thương mại	6				15			
	4.1 Quản trị chuỗi cung ứng trong DNTM 4.2 Quản lý kho bãi và vận.ch hàng hóa. 4.3 Hệ thống quản lý quan hệ KH (CRM). 4.4 Ứng dụng công nghệ trong quản lý chuỗi cung ứng.						CLO1 CLO3 CLO5	Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
5	Chương 5: Rủi ro và Đổi mới trong Doanh nghiệp Thương mại	6				15			
	5.1 Các loại rủi ro trong KD TM 5.2 Quản lý rủi ro tài chính và pháp lý. 5.3 Đổi mới sáng tạo trong DN TM 5.4 Xu hướng phát triển doanh nghiệp thương mại trong thời đại số.								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2; CLO3 CLO4; CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1; CLO2 CLO3; CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

[1]. Bộ môn Thương mại điện tử (2025), Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại, Khoa KTQTL trường Đại học CN Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

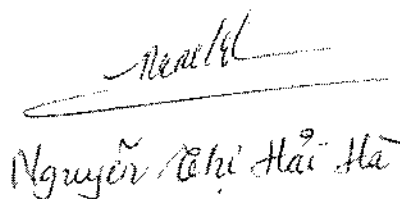
- 1]. Nguyễn Thừa Lộc, Trần Văn Bảo (2016), Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- [2]. Hoàng Đức Thân (2018), Giáo trình Kinh doanh Thương mại, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- [3] Các tài liệu, báo cáo và nghiên cứu về chính phủ điện tử tại Việt Nam và quốc tế liên quan đến doanh nghiệp thương mại.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Thị Hải Hà

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN LÝ DỮ LIỆU TÀI CHÍNH VÀ ỨNG DỤNG

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản lý dữ liệu tài chính & Ứng dụng
Tên học phần Tiếng Anh:	Financial Data Management and Application
Mã học phần:	06CQ0745
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	0
Thực hành:	60 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Quản lý dữ liệu tài chính và ứng dụng giới thiệu cho người học những kiến thức cơ bản về dữ liệu, quản trị cơ sở dữ liệu, mô hình dữ liệu và các thành phần của nó trong ngành tài chính. Học phần hướng dẫn người học lập mô hình, danh mục đầu tư và triển khai đầu tư. Đồng thời trang bị cho người học các kỹ năng về tổ chức, lập trình khai thác cơ sở dữ liệu.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CĐR CTĐT tương ứng
CLO1	Mô tả được cơ sở dữ liệu trong tài chính và kinh doanh	3.0	PLO1
CLO2	Nắm được nguyên lý, cài đặt và sử dụng hệ quản trị dữ liệu	3.0	PLO2
CLO3	Vận dụng được kỹ năng sử dụng ngôn ngữ SQL và lập trình cơ sở dữ liệu, quản lý, khai thác dữ liệu cho hệ thống kinh doanh, tài chính.	5.0	PLO4
CLO4	Ứng dụng ngôn ngữ R trong phân tích, xử lý dữ liệu	4.0	PLO6
CLO5	Hình thành kỹ năng tự học, làm việc nhóm và xử lý các vấn đề phát sinh	3.0	PLO9, PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Tổng quan về cơ sở dữ liệu trong tài chính								
	Các khái niệm cơ bản Cơ sở dữ liệu Tổng quan về SQL							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
	Chương 2: Ngôn ngữ định nghĩa và thao tác dữ liệu SQL						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		A2
	Tạo cấu trúc cơ sở dữ liệu Sửa đổi cấu trúc bảng Xóa cấu trúc cơ sở dữ liệu Thay đổi dữ liệu Truy vấn dữ liệu cơ bản Truy vấn lồng Truy vấn nhóm Truy vấn sử dụng phép liên kết ngoài								A3

C
TRƯỜNG
DẠI HỌC
NGHĨA
HỆN

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4	30

A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	60
---	---	------------------------------	----

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 6 (Tỉ lệ: 15%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 10 (Tỉ lệ: 25%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 10 (Tỉ lệ: 25%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 14 (Tỉ lệ: 35%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 2</i>
Tổng cộng: 40 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 11</i> <i>Tỉ lệ 27.5%</i>	<i>Số câu: 11</i> <i>Tỉ lệ 27.5%</i>	<i>Số câu: 9</i> <i>Tỉ lệ 22.5%</i>	<i>Số câu: 7</i> <i>Tỉ lệ 17.5%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 5%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

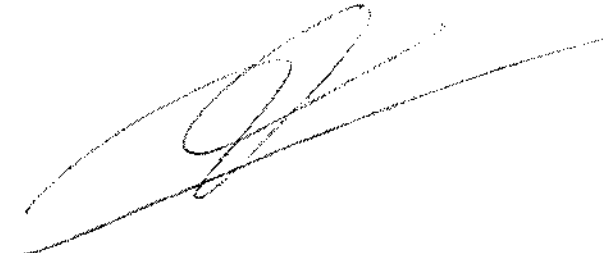
Sách, giáo trình chính

1. Carlos Coronel, Steven Morris, Keeley Crockett (2020). Database Principles: Fundamentals of Design, Implementation, and Management, Third edition, Cengage, ISBN 9781473768048.
2. Bài giảng môn Quản lý dữ liệu tài chính và ứng dụng(2023), Trường Đại học Công nghệ Miền Đông.

Tài liệu tham khảo

3. <https://microfinance.vn/wp-content/uploads/2019/06/a.pdf>

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Hội nhập kinh tế quốc tế
Tên học phần Tiếng Anh:	International Economic Integration
Mã học phần:	06CQ1208
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Dũng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Nguyễn Văn Dũng Ths. Nguyễn Thị Hải Hà Ths. Trần Ngọc Anh Khoa
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Hội nhập Kinh tế Quốc tế" cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu, các xu hướng và tác động của hội nhập đối với nền kinh tế Việt Nam và thế giới. Sinh viên sẽ tìm hiểu về các tổ chức kinh tế quốc tế như WTO, IMF, WB, ASEAN, APEC, EU cùng với các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương.

Học phần tập trung vào phân tích các cơ hội và thách thức mà doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt trong bối cảnh toàn cầu hóa, đồng thời giúp sinh viên hiểu rõ về các chính

sách kinh tế, thuế quan, rào cản kỹ thuật và thương mại quốc tế. Ngoài ra, sinh viên sẽ được thực hành nghiên cứu và phân tích các chiến lược hội nhập của các doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTBT tương ứng
CLO1	Hiểu rõ các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của hội nhập kinh tế quốc tế	2.0	PLO3
CLO2	Phân tích được vai trò của các tổ chức kinh tế quốc tế và các hiệp định thương mại tự do đối với nền kinh tế Việt Nam	3.0	PLO3
CLO3	Nhận diện các cơ hội, thách thức của hội nhập kinh tế đối với doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam	3.0	PLO3
CLO4	Ứng dụng các chính sách và công cụ kinh tế quốc tế vào thực tiễn hoạt động kinh doanh	3.0	PLO3
CLO5	Tích cực tham gia học học tập.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về Hội nhập Kinh tế Quốc tế	6				20			
	1.1 Khái niệm và bản chất của hội nhập kinh tế quốc tế. 1.2 Các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế (FTA, liên minh thuế quan, thị trường chung, liên minh kinh tế...) 1.3 Lợi ích và thách thức của hội nhập kinh tế đối với các quốc gia. 1.4 Vai trò của hội nhập kinh tế trong toàn cầu hóa.						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	Chương 2: Các tổ chức kinh tế QT	6				20			
	2.1 Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và các nguyên tắc cơ bản. 2.2 Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB). 2.3 Các tổ chức kinh tế khu vực: ASEAN, APEC, EU.								
3	Chương 3: Hiệp định Thương mại Quốc tế và Chính sách Kinh tế	6				20	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
4	Chương 4: Hội nhập Kinh tế và Doanh nghiệp Việt Nam	6				15			
	4.1 Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế. 4.2 Chiến lược thâm nhập thị trường quốc tế của doanh nghiệp Việt Nam. 4.3 Thương mại điện tử trong hội nhập kinh tế toàn cầu. 4.4 Chuyển đổi số và sự thích ứng của doanh nghiệp với nền kinh tế số.						CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
5	Chương 5: Xu hướng Hội nhập Kinh tế Quốc tế và Triển vọng	6				15			
	5.1 Xu hướng phát triển thương mại và đầu tư quốc tế. 5.2 Cách mạng công nghiệp 4.0 và tác động đến hội nhập kinh tế. 5.3 Hợp tác kinh tế số và thanh toán điện tử xuyên biên giới. 5.4 Triển vọng hội nhập kinh tế của Việt Nam trong tương lai.						CLO1 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A2 A3
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

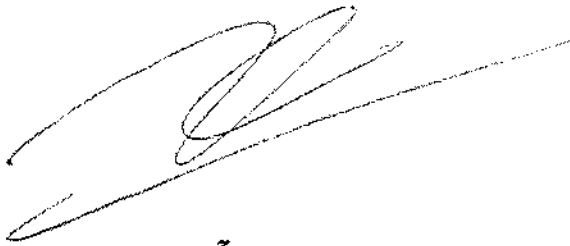
Giáo trình

- [1]. Bộ môn Thương mại điện tử (2025), Giáo trình Hội nhập kinh tế quốc tế, Khoa KTQTL trường Đại học CN Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

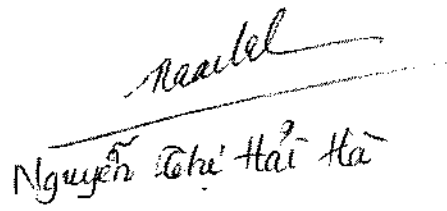
- [1]. Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Như Bình (Đồng chủ biên) (2019), Giáo trình Hội nhập Kinh tế quốc tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- [2] Amr Sadek Hosny (2013), Theories of Economic Integration: A Survey of the Economic and Political Literature, International Journal of Economy, Management and Social Sciences, 2(5) May 2013, Pages: 133-155.
- [3] Các tài liệu, báo cáo và nghiên cứu về chính phủ điện tử tại Việt Nam và quốc tế

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Thị Hải Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ - LUẬT



PHỤ LỤC 2

1. Biên bản thảo luận v/v góp ý của các bên liên quan về việc xây dựng CTĐT Ngành Thương mại điện tử trình độ đại học hệ chính quy năm 2025.
2. Biên bản họp hội đồng khoa học thông qua CTĐT Ngành Thương mại điện tử và Ngành Tài chính ngân hàng trình độ đại học hệ chính quy năm 2025.
3. Biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học Ngành Thương mại điện tử.



Đồng Nai, ngày 04 tháng 3 năm 2025

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

**V/v góp ý của các bên liên quan về việc xây dựng Chương trình đào tạo
Ngành Thương mại điện tử trình độ Đại học hệ chính quy năm 2025**

Hôm nay, lúc 9 giờ 00 ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông đã họp để thảo luận về việc xây dựng Chương trình đào tạo Ngành Thương mại điện tử trình độ Đại học hệ chính quy năm 2025, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN

1. Khoa Kinh Tế - Quản Trị - Luật

- TS. Nguyễn Văn Dũng – Trưởng khoa.
- ThS. Trần Ngọc Anh Khoa
- ThS. Mai Thị Ngân Hà
- ThS. Nguyễn Thị Hải Hà
- ThS. Nguyễn Hữu Chính
- Nguyễn Thiện Nguyên

2. Các bên liên quan:

- Ông Đinh Mạnh Hùng – Giám đốc vùng Shopee Vietnam.
- ThS. Trần Linh Huân – Trường Đại học Luật TP.HCM.
- ThS. Hồng Quý – Trường Đại học Công nghệ TP.HCM.
- ThS. Nguyễn Đức Phúc – Chuyên gia về Thương mại điện tử.

II. NỘI DUNG

1. Lãnh đạo Khoa báo cáo các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh:

- Căn cứ kế hoạch Số 11/KH-KTQTL ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật về việc xây dựng mới Chương trình đào tạo Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Ngành Tài chính ngân hàng; Ngành Thương mại điện tử năm 2025.

- Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hướng đến đáp ứng tốt nguồn nhân lực cho xã hội, sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật đã tiến hành tổ chức buổi góp ý về việc xây dựng Chương trình đào tạo Ngành Thương mại điện tử trình độ Đại học hệ chính quy năm 2025. Khoa mong muốn nhận được sự góp ý từ phía các bên có liên quan để từ đó, cập nhật và điều chỉnh kịp thời.

2. Thảo luận về các vấn đề liên quan:

□ Ông Đinh Mạnh Hùng – Giám đốc vùng Shopee Vietnam:

"Chương trình đào tạo cần cập nhật các nội dung về xu hướng thương mại điện tử hiện nay, bao gồm thương mại trên nền tảng di động, livestream bán hàng, AI trong thương mại điện tử và chiến lược tiếp thị số. Ngoài ra, sinh viên cần được thực hành trên các nền tảng thực tế như Shopee, Lazada, Tiktok Shop để có kinh nghiệm thực tế ngay từ khi học tập."

□ ThS. Trần Linh Huân – Trường Đại học Luật TP.HCM:

"Cần bổ sung các học phần liên quan đến pháp luật thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền sở hữu trí tuệ trong kinh doanh trực tuyến và các vấn đề pháp lý trong thanh toán điện tử. Điều này giúp sinh viên hiểu rõ khung pháp lý và hạn chế rủi ro pháp lý khi kinh doanh trên môi trường số."

□ ThS. Hồng Quý – Trường Đại học Công nghệ TP.HCM:

"Bên cạnh kiến thức chuyên môn, chương trình cần chú trọng phát triển kỹ năng công nghệ cho sinh viên, đặc biệt là kỹ năng quản trị website, SEO, tối ưu hóa quảng cáo trực tuyến và phân tích dữ liệu khách hàng. Điều này giúp sinh viên không chỉ giỏi kinh doanh mà còn có nền tảng công nghệ vững chắc để ứng dụng hiệu quả trong thực tế."

□ ThS. Nguyễn Đức Phúc – Chuyên gia về Thương mại điện tử:

"Nên tăng cường hợp tác với doanh nghiệp thương mại điện tử để xây dựng các dự án thực tế, giúp sinh viên có cơ hội trải nghiệm các chiến dịch bán hàng trực tuyến, vận"

hành kho hàng, logistics trong TMĐT và phân tích hành vi người tiêu dùng. Việc đào tạo theo hướng thực hành nhiều hơn sẽ giúp sinh viên sẵn sàng làm việc ngay sau khi tốt nghiệp."

3. Kết luận:

Thay mặt Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật, TS. Nguyễn Văn Dũng ghi nhận tất cả các góp ý từ phía các chuyên gia, các doanh nghiệp. Khoa sẽ tiến hành triển khai và bổ sung, cập nhật các góp ý để hoàn thiện và công bố CTĐT. Khoa cũng gửi lời cảm ơn đến Quý Thầy/Cô và đại diện các Doanh nghiệp tham dự.

Phiên họp kết thúc vào hồi 11h00, ngày 04 tháng 3 năm 2023.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị ngang nhau: Khoa lưu giữ 01 bản và Phòng Đào tạo đại học – Nghiên cứu khoa học lưu giữ 01 bản (kèm theo cuốn CTĐT).

Trưởng Khoa KT-QT-L

Thư ký



TS. NGUYỄN VĂN DŨNG



NGUYỄN THIỆN NGUYÊN

Đồng Nai, ngày 11 tháng 3 năm 2025

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

**Thông qua Chương trình đào tạo (CTĐT) Ngành Thương mại điện tử
và Ngành Tài chính ngân hàng trình độ Đại học hệ chính quy năm 2025**

*Căn cứ kế hoạch Số 11/KH-KTQTL ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Khoa Kinh tế -
Quản trị - Luật về việc xây dựng mới Chương trình đào tạo Ngành Quản trị dịch vụ du
lịch và lữ hành; Ngành Tài chính ngân hàng; Ngành Thương mại điện tử năm 2025.*

Hôm nay, lúc 10 giờ 00 ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại Trường Đại học Công nghệ
Miền Đông. Hội đồng Khoa học Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật đã họp để thông qua nội
dung về việc xây dựng mới CTĐT Ngành Thương mại điện tử và Ngành Tài chính ngân
hàng trình độ đại học hệ chính quy năm 2025, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN

Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa:

1. TS. Nguyễn Văn Dũng – Chủ tịch hội đồng, chủ trì cuộc họp.
2. TS. Phan Ngọc Minh – Ủy viên.
3. TS. Nguyễn Năng Quang - Ủy viên.
4. Ths. Trần Ngọc Anh Khoa – Ủy viên.
5. ThS. Nguyễn Hữu Chính – Ủy viên.
6. TS. Nguyễn Năng Quang - Ủy viên.
7. ThS. Mai Thị Ngân Hà – Ủy viên.
8. CN. Nguyễn Thiện Nguyên – Thư ký.

II. NỘI DUNG

1. Trưởng nhóm xây dựng CTĐT báo cáo:

- Kết quả việc tổ chức xây dựng CTĐT được thực hiện dưới hình thức rà soát, cập
nhật đề cương chi tiết từ các CTĐT có cùng số học phần giống nhau (đối với khối kiến
thức giáo dục đại cương) và xây dựng mới (đối với các môn cơ sở ngành và môn chuyên
ngành).

- Việc xây dựng, cập nhật, bổ sung CTĐT có sự tham khảo, đối chiếu với CTĐT của các Trường Đại học như: Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, Trường Đại học Kinh tế TP. HCM, Trường đại học Ngân hàng TP. HCM.

- Xây dựng mẫu đề cương bám sát theo chuẩn OBE có tích hợp chuẩn đầu ra môn học phù hợp với CTĐT.

- Bổ sung nhiều tài liệu tham khảo, làm phong phú học liệu cho sinh viên.

- Giảng viên tham gia thực hiện xây dựng CTĐT có trình độ Thạc sĩ trở lên, có kinh nghiệm giảng dạy và kinh nghiệm thực tế đối với môn học.

2. Ý kiến của các thành viên:

Nhất trí với các góp và đồng ý với việc xây dựng mới CTĐT theo chuẩn OBE.

3. Kết luận:

- Khoa Kinh tế - Quản Trị - Luật xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua việc xây dựng mới CTĐT cử nhân Ngành Thương mại điện tử và Ngành Tài chính ngân hàng trình độ đại học hệ chính quy.

- Kết quả: 07/07 (100%) thành viên của Hội đồng Khoa học tham dự cuộc họp đồng ý nghiệm thu CTĐT được xây dựng, cập nhật, bổ sung Ngành Thương mại điện tử và Ngành Tài chính ngân hàng trình độ đại học hệ chính quy theo chuẩn OBE.

- Khoa tiến hành cho gửi cho Hội đồng thẩm định CTĐT của 02 Ngành: Thương mại điện tử và Tài chính ngân hàng trình độ đại học hệ chính quy.

- Phiên họp kết thúc vào hồi 11h30 ngày 11 tháng 3 năm 2025.

- Biên bản được lập thành 03 bản, có giá trị ngang nhau: Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa lưu 01 bản; Khoa KT-QT-L lưu 01 bản; Phòng Đào tạo đại học – Nghiên cứu khoa học lưu 01 bản (kèm theo cuốn CTĐT).

Chủ tịch Hội đồng


TS. NGUYỄN VĂN DŨNG

Thư ký Hội đồng


NGUYỄN THIỆN NGUYỄN

TRƯỜNG ĐHCN MIỀN ĐÔNG
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT
LƯỢNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Thực hiện Quyết định số 48/QĐ-ĐHCNMD ngày 03/03/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Thương mại điện tử trình độ đại học.

Trên cơ sở quy định về hồ sơ, thủ tục mở ngành đào tạo mới và các nội dung liên quan đến thẩm định và ban hành chương trình đào tạo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

Hôm nay, vào lúc 10h ngày 16 tháng 03 năm 2025, tại trường Đại học Công nghệ Miền Đông, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Thương mại điện tử trình độ đại học, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định

STT	Họ và tên	Chuyên môn	Đơn vị công tác	Chức vụ trong Hội đồng
1	GS.TS Chúc Anh Tú	Kinh tế	Học viện tài chính	Chủ tịch
2	PGS.TS. Phạm Thị Huyền	Quản trị kinh doanh	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Phản biện 1
3	TS. Cao Minh Tiến	Tài chính ngân hàng	Học viện tài chính	Phản biện 2
4	ThS. Hồng Quý	Quản trị kinh doanh và Digital Marketing	CEO & Co-Founder ASK Group	Ủy viên
5	ThS. LS Mai Thị Ngân Hà	Luật kinh tế	Trường Đại học Công nghệ Miền Đông	Thư ký

II. Nội dung

1. Thư ký Hội đồng đọc quyết định thành lập Hội đồng và giới thiệu thành phần tham dự
2. GS.TS. Chúc Anh Tú thông qua kế hoạch làm việc của Hội đồng.
3. TS. Nguyễn Văn Dũng đại diện Ban Soạn thảo trình bày tóm tắt về MIT Uni., quá trình xây dựng Đề án và chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử trình độ đại học.
4. Các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá:

PGS.TS. Phạm Thị Huyền – Phản biện 1 trình bày phần nhận xét, đánh giá (Đính kèm Phiếu thẩm định).

TS. Cao Minh Tiên – Phản biện 2 trình bày phần nhận xét, đánh giá (Đính kèm Phiếu thẩm định và Phiếu nhận xét).

ThS. Hồng Quý - Ủy viên trình bày phần nhận xét, đánh giá (Đính kèm phiếu thẩm định).

GS.TS. Chúc Anh Tú – Chủ tịch Hội đồng trình bày phần nhận xét, đánh giá (Đính kèm Phiếu thẩm định).

TS. Nguyễn Văn Dũng – đại diện Ban Soạn thảo phát biểu tiếp thu ý kiến của các thành viên Hội đồng và giải trình một số nội dung liên quan. Đồng thời gửi bổ sung thêm một số hồ sơ trong Đề án mở ngành cho Hội đồng thẩm định.

III. Kết luận của Hội đồng

Qua cuộc họp, trên cơ sở rà soát quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và trên Đề án mở ngành Thương mại điện tử trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, Hội đồng thống nhất biểu quyết đồng ý 05/05 đạt tỉ lệ 100% các nội dung kết luận như sau:

1. Ban Soạn thảo căn cứ các nội dung tiếp thu từ ý kiến nhận xét của Hội đồng để chỉnh sửa, hoàn thiện CTĐT theo đúng quy định hiện hành về nội dung và các văn bản pháp quy liên quan

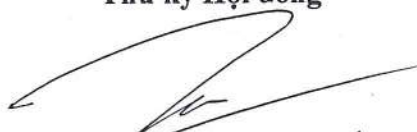
2. Ban Soạn thảo rà soát, bổ sung các hồ sơ của Đề án mở ngành, bao gồm các phụ lục về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giảng viên phụ trách xây dựng, thực hiện CTĐT.

3. Thư ký tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chỉnh sửa từ Ban Soạn thảo và gửi lại cho các thành viên Hội đồng. Đồng thời, Thư ký hoàn thiện và gửi Dự thảo Biên bản họp Hội đồng cho tất cả các thành viên Hội đồng để thống nhất.

4. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, chỉnh sửa, các thành viên Hội đồng xem xét, thống nhất ký Biên bản thông qua CTĐT, các điều kiện về đội ngũ giảng viên, giáo trình, thư viện và gửi lại Nhà trường để tiến hành các bước tiếp theo đúng với quy định của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

Phiên họp kết thúc vào hồi: 11h, ngày 16 tháng 03 năm 2025.

Thư ký Hội đồng


Mai Thị Ngân Hà

Chủ tịch Hội Đồng


Chúc Anh Tú

Chữ ký các thành viên Hội đồng


Cao Minh Tiến


Phạm Thị Huyền


Hồng Cay



